VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

Chúng tôi viết Bài này để Kính nhớ ngày Giỗ thứ 21 (25 tháng 3 hàng năm) của Minh sư Kim Định.

TRIẾT GIA (T.G.) KIM ĐỊNH VỚI VẤN ĐỀ GIÁO DỤC

MỞ ĐẦU

Trong các Cơ chế Xã hội thì Kinh tế là khâu quan trọng hàng đầu, vì Kinh tế giúp cho con Người có của Ăn uống và Phương tiện cần thiết để nuôi sống cơ thể hầu sinh tồn và phát triển, vì vậy mới có câu: " **Có Thực mới vực được Đạo** *".*

Muốn vực được Đạo làm Người thì trước tiên phải có của ăn đã, ***có*** **" Phú chi "** *mới tính được đến Vấn đề* **" Giáo chi "***: Nghĩa là phải có ăn đã mới bàn đến chuyện học hành Đạo lý làm Người tức là Giáo dục được.*

Vậy ***Kinh tế và Giáo dục*** *là hai khâu quan trọng nhất, Kinh tế để nuôi Vật chất, còn Giáo dục để di dưỡng Tinh thần nơi nguồn Tâm linh.*

Nhìn lại hoàn cảnh Dân tộc nước ta thì cả hai đều còn ở trong tình trạng xuống cấp trầm trọng, nguyên do căn bản là vì bị nạn " **Dị Cường lăng Nhược " mà mất Gốc**.

Khốn thay khi bị khủng hoảng, thay vì tìm lại Gốc Dân tộc trước, rồi mới đi học tinh hoa của người ngoài làm phong phú cho Văn hoá Dân tộc, thì lại bỏ Tinh hoa của Văn hóa mình, đi học lấy cái Dở của người ngoài, do ***nạn Thù đồ mà quên Đồng quy****, nên làm cho tình trạng Dân tộc bị phân hoá ngày càng thêm trầm trọng, nhất là nạn rước Quỷ Ma Tây Bắc phương về làm Quốc Tổ của CS.*

Triết Gia Kim Định đã để cả cuộc đời khai quật lại Tinh hoa của nền Văn hoá Tổ tiên, hầu xây dựng lại con Người và Tinh thần Dân tộc, nền Văn hoá đó là Việt Nho, là thứ Nho Vương đạo đã in sâu vào cốt tuỷ nếp sống của người Việt, vì mất Ý thức nên không còn nhận ra.

Chúng ta ***cần phục hoạt lại phần Tinh hoa của Nho đã thẩm nhập vào đời sống Việt tự ngàn xưa,*** *nay còn sống vật vờ một cách vô thức trong huyết quản Dân Việt, Nho này là Việt Nho thuộc Vương đạo khác với Hán Nho là thứ Bá đạo. Việt Nho trọng sự khoan hòa nhu thuận, có bản chất Hoà bình, biết lấy Dân làm Gốc"* **Dân duy bang bản, bản cố bang ninh***".Đó là nền Văn hóa Nông nghiệp.*

Còn Hán Nho thì trọng Bạo lực, có bản chất Chiến tranh, tôn quân làm Thiên tử. Suốt dòng lịch sữ các Vua Chúa Tàu cứ gây Chiến tranh Cướp bóc và Bành trướng. Việt Nam phải luôn đối đầu với kẻ thù truyền kiếp nên không ngóc đầu lên được.

Theo nghĩa chữ Nho thì ***Giáo*** *là truyền dạy những kiến thức tức là cung cấp thông tin (information) cho người Học, còn* ***Dục*** *là nuôi dưỡng nghĩa là phải giúp người Học và Hành lặp*

đi lặp lại theo thời gian dài giúp cho trưởng thành (tức là formation), nghĩa là phải luyện tập sao cho những kiến thức Học được thành ra của riêng mình, để mọi người có hành trang sống " Ở Đời " hoà hảo với nhau.
Vậy công trình Giáo Dục là kết hợp " **Học Hành làm Một** *" hay "* **Tri Hành hợp nhất** *" để giúp con Người phát triển toàn diện, chứ việc học không chỉ dùng kiến thức làm khẩu trang giảng thuyết những chuyện xa rời sự sống, mà là cung cấp nhu yếu Vật chất và Tinh thần cho con Người, mọi Người Nơi Đây và Bây Giờ.*

Khi lập Quốc, Cha ông chúng ta đã xây nên một nền tảng Tinh thần vững chắc cho con Người và Dân tộc để mọi người liên kết với nhau, hầu mọi người chung Lòng, chung Trí, góp Công cùng nhau Xây dựng và Bảo vệ nước để sống an vui hạnh phúc bên nhau.
Nền tảng đầu tiên là phải ***định vị cho được vị trí con Người trong Trời Đất*** *để không những sống Hoà với nhau mà còn sống đúng theo tiết nhịp của Vũ trụ, hay còn gọi là Thiên lý hay Dịch lý. Nho tóm tắt lại trong câu"* **Thuận Thiện giả tồn, nghịch Thiên giả vong** *" . Thiên đây là Dịch lý tức là nguồn Biến hoá bất biến gọi là nguồn"* **sinh sinh hoá hóa trong Vũ trụ** *", không những thế mà con Người còn phải có tinh thần Triết học và Nghệ thuật để sống sao cho "* ***Thiên*** **sinh Địa dưỡng**, **Nhân hoà**, *gọi là Tiết nhịp Hòa của Vũ trụ (Cosmic rhythm).*
Muốn vậy thì Quốc gia phải thiết lập cho được ***một nền Giáo dục có một Chủ đạo Hòa*** *làm môi sinh Tinh thần để sống chung với nhau. Những vấn đề về Dân tộc cùng Truyền thống và Đạo lý Nhân sinh cũng cần phải đề cập tới một cách rốt ráo, vì đây là nền tảng Tinh thần của Dân tộc.*

Theo TG Kim Định thì nền Quốc gia Giáo dục phải gồm hai phần: ***Hiến chương và Lập pháp****.*

Hiến chương *được gọi là Đường hướng* ***của nền Giáo*** *dục từ nền Văn hóa Thái hòa Dân tộc, có Gốc từ nguồn Tâm linh.*

Còn phần ***Lập pháp*** *là công việc của Bộ Giáo dục Quốc gia phải dựa theo tinh thần Chủ đạo của Hiến chương mà soạn ra một Bộ sách Dân tộc,và thảo ra Chương trình Giáo dục các cấp cho thích hợp để cho việc giáo dục* ***làm tròn sứ mạng " Thụ nhân*** *"của mình.*

Sở dĩ đến nay phải bàn đến những vấn đề như thế là vì Tổ tiên xưa đã thiết lập nên phần nền tảng đó, chưa xây dựng xong đã bị sa vào vòng nô lệ, bị áp bức và bóc lột lâu ngày mà bỏ quên, làm cho con Người ngày nay bị giáng cấp và và Xã hội điêu linh, nay cần phải tìm tòi, tinh lọc và phát triển thêm cho hợp với thời đại văn minh hiện nay.

Triết gia Kim Định đã cố gắng đào sâu về ***Vấn đề Hiến chương*** *trong một số tác phẩm, nhưng là những vấn đề được viết tản mác nơi một số cuốn, chúng tôi chỉ mạo muội sắp xếp lại tương đối có Hệ thống, thêm vào các Chương mục và Chi tiết để giúp cho lớp trẻ dễ lãnh nhận hơn, đây là một Hướng đi độc đáo rất cũ và cũng rất mới. Hy vọng sẽ được nhiều vị quan tâm.*

Còn ***phần Lập pháp*** *là công việc của Bộ giáo dục, cần phải có một Ban Tu thư có Tâm huyết và Khả năng để soạn thảo cho được Bộ sách Dân tộc theo Tinh thần của Hiến Chương và soạn thảo Chương trình Giáo dục thích hợp cho các cấp, một số ít người không thể làm nổi.*

Ta có thể ví nền Giáo dục như một tấm Lụa màu, trong đó phần tấm Lụa thuộc về Lập pháp và Màu Nhuộn thuộc về Hiến chương, chúng ta phải làm sao cho cái Màu được tẩm nhuận sâu và

đều khắp vào trong các sợi chỉ để cho Tấm Lụa toát ra vẻ đẹp của nền Văn hoá cao siêu của Dân tộc, hay cách khác là cái Hồn của Đạo lý Dân tộc phải được tẩm nhuận vào trong mọi lãnh vực thuộc phần Lập pháp của Giáo dục. Hiến Chương thuộc phần Hồn, còn Lập pháp của Giáo dục thuộc phần Xác.
Hy vọng những ai lưu tâm đề tiền đồ của Dân tộc, lưu tâm đến Thế hệ trẻ, sẽ bắt tay góp sức chung vào công trình " Thụ nhân to lớn này " .

Chúng tôi dựa theo Tinh thần của T. G. Kim Định, trích những đoạn đó đây của công trình liên quan đến Vấn đề Giáo dục cũng như sắp xếp lại theo một trình tự để viết nên những giòng sau hầu gợi ý cũng như đóng góp phần nhỏ nhoi của mình vào nền Giáo dục Dân tộc, hy vọng những Vị có kiến thức sâu rộng đầy Tâm huyết cùng nhau khởi công và hoàn thành cho được công trình to lớn và quan trọng bậc nhất này.

(Những giòng chữ đứng là phần trích đó đây của T.G. Kim Định và các nguồn khác,còn chữ Xiên là của chúng tôi, các Tiết mục chi tiết cũng do chúng tôi thêm vào)

A.- ĐỊNH NGHĨA GIÁO DỤC

Giáo: Dạy bảo, mệnh lệnh. Tôn giáo.

Dục: Đẻ con, (*phải nuôi dưỡng một thời gian dài để cho trưởng thành*).

Giáo dục:Dạy dỗ người ta khiến cho thoát ly cái trạng thái tự nhiên của Tạo vật sinh ra.

(Từ Điển Đào Duy Anh)

Giáo dục để thoát khỏi ***trạng thái bất toàn bẩm sinh*** *để* ***sống hoà hợp và sung mãn với nhau.***

Việc Giáo dục cũng phải trải qua một thời gian dài, khi đã được dạy dỗ một số kiến thức rồi, còn cần phải có môi trường nuôi dưỡng lâu dài giúp cho việc Học Tập được nhuần nhuyễn, Tri / Hành được lưỡng nhất thì mới trưởng thành, mới đạt mục tiêu.

Dưới đây là quan niệm Giáo dục của Tây phương

Definition of Education

1 The process of receiving or giving systematic instruction, especially at a school or university.
'a course of education' (Giáo trình Dạy và Học có Hệ thống)

More example sentences

Synonyms

1. **1.1** The theory and practice of teaching. *(Tri Hành hợp nhất)*

'colleges of education'

More example sentences

2. **1.2** *count noun* A body of knowledge acquired while being educated.
   'his education is encyclopedic and eclectic' (Giáo dục bách khoa và đa chiều)

   Synonyms

3. **1.3** Information about or training in a particular subject.
   'health education' (Giáo dục riêng về Y tế)

   2 an education An enlightening experience.*(Cảm nghiệm và thể nghiệm)*
   'Petrus is a good workman—it is an education to watch him'

B.- MỤC TIÊU CỦA GIÁO DỤC

Theo Tiên Nho thì Mục tiêu của Giáo dục là:

Tiên học Lễ: **THÀNH NHÂN**./ **Hậu học Văn**: **THÀNH THÂN**

***Học Lễ để thành Nhân**, để **biết Cách làm Người,** nghĩa là thành Người có **Tư cách,** hầu biết cách **hành xử công bằng để sống Hòa** với mọi người trong Gia đình và ngoài Xã hội.*

Học Văn đề Thành Thân** hầu có **Khả năng**, để **biết cách Làm Ăn,** làm tốt mọi công việc **bất kể lớn nhỏ.

Đó là hai Yếu tố quan trong của mỗi người trong Xã hội mà nền Giáo dục phải đào tạo cho được.

C.- HAI LỐI GIÁO DỤC

Đồng nhất và Khai phóng

I .- Giáo dục đồng nhất

" Ở đây chỉ xin làm sáng tỏ vấn đề bằng so sánh đường lối giáo dục (tức sự sửa soạn xa) :

Một theo **Tâm Lý đồng nhất** của **Hạ trí,**

Một theo **lối Thái hoà** của **Tâm Linh**.

Lối Giáo dục đồng nhất có 3 nét đặc trưng sau:

1.- Trước hết là **nhồi sọ** : Nhồi sọ cho thực đầy, nhét cho thực chặt, không còn để một quảng thì giờ trống nào để tâm hồn rảnh rang, hầu có thể tự suy nghĩ lấy cách tư riêng . Hết giờ học thì đến giờ làm việc, hết lao tác thì đến học tập.

2.- Thứ đến là lối **độc hữu**: Do quan niệm Chân lý có một, vì thế một là cấm đoán triệt để tất cả tư tưởng khác với Chân lý được chấp nhận, như ta thấy rất rõ trong chế độ Cộng sản. Hai là không dành cho chút thì giờ rảnh nào, đặng nhìn ra ngoài.

3.- Thứ ba là hệ quả của **sự không để giờ cho suy nghĩ thì tất nhiên phải suy nghĩ hộ : không ai có quyền suy nghĩ nữa, đã có Đảng và Bác suy tư** . Tất cả chỉ có việc theo lý trí của người trên. Như vậy là lý trí ròng làm sao Lý trí gặp được Tâm linh.

Biết bao người Việt Cộng đã nghĩ đến tình đồng bào, tình huynh đệ, cha con, muốn ngừng tay đâm chém phá hoại, nhưng Bác và Đảng đã bắt phải từ khước những ý nghĩ đó, cho đấy chỉ là những tàn tích của phong kiến, của tư bản, cần đoạn tuyệt, để được hướng trọn vẹn tai mắt, trí, ý vào chân lý của Đảng mà thôi. Vì thế nhiều đảng viên phải giả điếc trước tiếng nói của Tâm tình, của Lương tâm để tuân theo chỉ thị cấp trên, bắt phải hoạt động như cơn sốt rét để khỏi nghe tiếng lòng . . .

2.- Giáo dục khai phóng

Bây giờ chúng ta trở về với Chân lý khai phóng của Việt Nho, nó có những đặc tính sau đây :

1.-**Trước hết** là **sự thanh thoát trong đường lối Giáo dục** , được tượng trưng trong việc "Đi tắm sông Nghi, hóng mát trên dài Vu Vũ, ca hát mà trở về " . Thật là nhẹ nhàng cởi mở, giàu tính chất Tâm linh thanh thoát (xem Tâm Tư , chương IV) .

Còn về **sách vở tuyệt nhiên không bao giờ lấy nó làm tiêu chuẩn tối hậu** kiểu Mặc Địch để chúng chắn đường con người trở lại với Tâm mình. Nếu có dùng sách thì cũng không có những sách chặt chẽ kiểu ý hệ, mà là những sách có lối văn lỏng lẻo, cởi mở như Thi , Thư , Lễ , Nhạc , không có chút chi trói buộc Tâm hồn. Đã vậy cũng không có nhịp điệu chung nào Anh này ra một ý chưa múc cạn, thì cứ múc đi; vài ba tuần dăm ba tháng mới trở lại gặp thầy cũng được.

2.-**Điểm thứ hai,** đối với những tư trào khác, thì nên **tránh công kích** : " **Công hồ dị đoan, tư hại dã dĩ đoan** " . Vậy có nghĩa là Dung thông.

Tất nhiên chỉ Dung thông những tư trào nào vẫn để cho mình được phép mãi mãi dung thông. Vì nếu bừa bãi chấp nhận những thuyết đầy chất độc hữu, thì ngày nào thắng thế, nó phải bắt mình cũng phải độc hữu . Y như Việt cộng hiện nay, biết bao người chỉ đón rước cộng sản như để mở rộng đường suy tư, có ngờ đâu đến lúc nó thắng thế, thì dù muốn dù chăng mình cũng phải trở thành một chiều như nó . Vì thế nhân danh tinh thần Tương Dung mà chấp nhận bất cứ tư trào nào là một thứ " ba phải " rất tai hại.

3.-Cái nét cuối cùng của Việt Nho là **đề cao việc trở lại với Tâm tư mình**. Có theo ông thầy thì chẳng qua mình thấy ông nói hợp Tâm Trí mình chứ không phải vì là của ông. Vì thế có đi cùng một đường với ông, cũng chính là đường của mình. Đại để đó là mấy nét biểu thị nền Giáo dục của Nho giáo Nguyên thuỷ, tức cũng là Việt Nho."

D.- HAI NỀN TẢNG CỦA GIÁO DỤC

Huấn linh và Bác vấn. Để được xứng danh là một nền Giáo dục phải có hai phần Huấn linh và Bác vấn :

I.- Huấn linh (Chỉ sự Đào luyện: formation) < THÀNH NHÂN > " Muốn đào luyện phải có **Cơ sở tinh thần để y cứ và để tài bồi vun tưới trở lại rồi trở đi mãi mãi,** có thế mới là **Huấn**, mới là **Luyện**. **Chữ luyện nói lên sự đi lại nhiều lần mãi mãi cho tới độ đạt thuần thục và tinh ba, nên cũng gọi** là **Thần là Linh, gọi tắt là Huấn linh**.

II.- **Bác vấn:** Chỉ sự **Quảng vấn (** : information < THÀNH THÂN > Là hiểu biết Rộng

Song song với **Huấn linh như Hồn, thì cần phải có Bác vấn như Xác**, tức là Cách học Quảng vấn (information).

Bác học là chiều Rộng,

Huấn linh là chiều Sâu.

Chiều Rộng càng lớn thì giúp cho chiều Sâu vào sâu hơn nữa. Hiện nay các nền giáo dục hầu hết đều rộng quá rộng, đến độ để cho Bác vấn lấn át Huấn linh, **khiến cho giáo dục thiếu mối Quán nhất Nội tại.**

Thực ra sự biết rộng (bác vấn) là một điều hay dành cho một số nhỏ có khả năng bách khoa mà không hợp cho phần đông chỉ cần một tầm học vấn thông thường, cùng lắm là hai ngành chuyên môn mà thôi. Nhờ có óc thiết thực, mà Mỹ Anh Nga đã dám làm cuộc Cách mạng giáo dục. **Chương trình trung học mà nặng về Bác vấn mà bỏ qua Huấn linh là nền giáo dục bì phu, bỏ Gốc ôm Ngọn**, như thế thì **làm sao gây nên những cán bộ Văn hoá, tạo được niềm tin tưởng để gắn bó người trong nước thành một mặt trận Tinh thần."**

(Dịch Kinh Linh Thể. Kim Định)

E.- ĐỊNH HƯỚNG GIÁO DỤC

Khi đã có Mục tiêu rồi thì cần phải biết Hướng phải nhắm tới để đạt Mục tiêu.

I.-Cần phải định hướng

" **Tất cả chúng ta đều là một thế hệ đã trốc Gốc.** Hơn thế nữa trốc Gốc nói đây không chỉ là trốc Gốc đối với Nước non, nhưng thật ra còn xa hơn nhiều đó là **trốc hết Mọi Gốc**: **Gốc Xã hội, Gốc Tiên tổ, Gốc Dòng tộc, Gốc Thiên Địa.** Không riêng gì một ai mà **tất cả mọi người khai sáng ra nền văn minh hiện đại đều là trốc Gốc.**
"Bởi vì một trong những nét đặc trưng của con Người Văn minh khi nói cách tổng quát thì chính là **sự tan rã giữa Lòng nó:**

Bệnh cân não thần kinh chỉ là một trường hợp đặc biệt của Người văn minh đang Bất hòa với chính mình ngay trong việc nó phải giàn hòa với Thiên nhiên với Văn hóa ở chính nơi Lòng nó". (Jung, Psychologie de l'Insconcient p.47)

Mấy lời trên có thể coi như nhân chứng, như một tiếng thét vang dậy để **nhắc nhở con Người phải tìm ra <u>Hướng Đi, Hướng Học, Hướng Sống</u>**. Bởi vì: "không có một ngọn gió nào giúp ta được, nếu ta không có một Bến nào để đến. (Montaigne)"

"<u>Nhân tâm như Thuyền</u>, <u>Đạo tâm như Lái</u>. Ngồi Thuyền mà không Lái, thì chẳng biết đi ngả nào. Nhưng cầm vững lái thì lại là ở Mình" (nhược chấp định đà tắc khứ vãng tại ngã, Chu Hy).

<u>Tìm ra cho việc Học một Hướng đi đó là Vấn đề tối yếu.</u>

Thiếu Hướng đi đó có học già đời cũng vẫn là Học quẩn, cũng vẫn vong Thân, cũng vẫn quay cuồng trước các luồng gió lốc và nếu không mắc Tâm não bệnh (névrosé) thì ít nhất cũng bị tản mát Nhân Tâm rồi suốt một đời, hay cả đến bao thế hệ cũng không kiến tạo nên được cái chi có giá trị, có Tinh thần bền bỉ.
Vì thiếu Hướng nên không thể Lâu, thiếu Lâu làm sao đi Xa, không đi Xa thì làm chi có Sáng soi Nồng cháy.
Xét đến **Cá nhân** cũng thế: không thiết học, vì cái học có chi đâu mà thiết nên thời gian lãng phí hết vào những chuyện nhảm, tin tức.
Vì vậy **tìm ra một Hướng đi cũng là tìm ra được Nguồn mạch vui sống hăng say an tĩnh và bình thản. Có An tĩnh mới có Lự, tức là Lo liệu chu đáo về những Công việc mình làm, mới hòng Đắc tức là thành công.**
Đại học nói: "**Tri chỉ nhi hậu hữu định. Định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an. An nhi hậu năng lự. Lự nhi hậu năng đắc**" 知止而后有定。定而后能静。静而后能安。安而后能慮 。慮而后能得。(Đại học 1): *Có biết dừng lại thì mới ổn định, có ổn định thì an tĩnh, có an tĩnh để lo liệu chu đáo mọi công việc thì mới thành công.*

Nói thật ra có lẽ không ai chối sự thiết yếu **cần phải Định Hướng cũng như cần phải có Hòa hợp Thống nhất.**

Tuy nhiên muốn là một chuyện mà làm được, biết làm cách nào là chuyện khác. Trong giảng khóa này chúng ta sẽ cố đóng góp vào việc đó bằng **<u>đưa ra một ít phân biệt</u>**, vì **có phân biệt mới dọi được tia sáng vào cái cảnh "Hỗn mang chi sơ, vị phân Thiên Địa" đang bao trùm nền Học vấn cũng như Văn hóa hiện nay.**

Cần phải có nhiều nhận xét phân biệt rành rẽ về những vấn đề đang đặt ra cho thời đại, mới trông đẩy sát tới bờ hoạt động cách hữu hiệu.
Nếu chỉ dừng lại ở những câu chung khái quát, thì không sao đạt được giải pháp hữu hiệu. Người ta đã nói cả từ trăm năm rồi về **sự <u>cần phải Tổng hợp Đông Tây,</u>** điều đó càng ngày thấy càng bách thiết mà sao vẫn chưa làm được, ấy vì **còn chưa đi vào tận Nền móng**. Có một điều lạ là ai cũng **mong mỏi Tổng hợp, nhưng hễ nói đến thì như có một sự e ngại, đề phòng hoặc đả kích. Đâu là lý do của thái độ kỳ lạ đó? Khi xem kỹ lại thì do sự <u>thiếu nhận thức sâu xa về ý niệm Thống nhất,</u>** thứ đến là **<u>Tiêu chuẩn Học Hành rất lờ mờ</u>**. Vì thế chúng ta sẽ **phân tích kỹ hai ý niệm then chốt về <u>Thống nhất</u> mà ta cần phải phân biệt với <u>Đồng nhất</u>.**

II.-Thống nhất với Đồng nhất

Đồng nhất là thái độ do Nguyên lý Nhị nguyên: **lấy Một bỏ Một,** chấp nhận tất cả hoặc không chấp nhận gì, ou tout ou rien, không có giải pháp thứ ba- "tertium non datur" ta quen gọi là "diệt tam", "tiers exclu" vì người theo óc Nhị nguyên thường có thái độ độc chuyên, độc hữu (exclusif) bắt mọi người nghe theo y như nhau kiểu "Thượng đồng" của Mặc Địch, của Phát xít. **Phát xít Đức** nói " **mục đích nền giáo dục quốc xã là làm cho 80 triệu người Đức trở thành 80 triệu tác động phản đáp theo lối nhìn đời và xử sự của Adolf Hitler**".

Đó là một lối Đồng nhất hóa con Người.

Con người sống với nhau cần phải có đồng nhất nếu không thì đời sống công cộng tan vỡ liền. Đường phải tránh một chiều tay trái hay tay phải: ai cũng phải tuân theo. Đến 9 giờ tối ai cũng phải vặn radio nhỏ lại, nếu không sẽ làm mất giấc ngủ người bên và tỏ ra thiếu giáo dục. Việc công dân ai cũng phải chu toàn v.v... **những ích lợi này thiết thực quá không ai chối cải được nổi và đó chỉ là kỷ luật.**

Nhưng khi biến nó thành độc hữu để choán chỗ tinh thần: như suy tư, tín ngưỡng tự do thì đó là vượt biên giới cần thiết của kỷ luật để biến nó ra đồng nhất rất tai hại cho con Người. Con người là giống Lưỡng thê: một chiều sống trong xã hội còn chiều sâu Tinh thần, Tình cảm cần được Tự do.

Vì thế mà người ta không thể chịu nổi đường lối Đồng nhất (massification), và ngày nay mỗi khi nói đến Thống nhất thì phản động tự nhiên là e ngại đề phòng.

Chính vì thiếu nhận thức về Thống nhất hoặc vì Thống nhất phần nhiều chỉ có tiếng còn trong thực chất là Đồng nhất, nên hễ nói đến Thống nhất thì tất nhiên là chống đối là phản động. Nhưng trong Triết lý hễ đã phản động thì đến 99% là đi sang cực đoan ngược hẳn lại tức đa phương (pluralisme) với tâm trạng " mèo bỏng sợ tro lạnh " và do đó dễ đề cao một sự tự do tuyệt đối bất chấp đời sống thực tại trên bình diện xã hội. Muốn đưa tự do của tinh thần áp dụng cả vào đời sống cụ thể.

Thế là rơi sang cực đoan khác tuy chống đối lại cực đoan đồng nhất, nhưng cả hai vì là chống đối nhau, nên cùng ở trên một bình diện Nhị nguyên là chọn một bỏ một.

Lấy **thí dụ về hòa Nhạc** mà nói thì đồng nhất bắt mọi người phải cử một bài theo nhịp của một nhạc trưởng. Từ sự hợp lý đó sẽ đi đến chỗ **bắt mọi người phải dùng một nhạc khí như nhau**, thế là quá đáng, liền khởi lên một phản ứng trái hẳn lại **đòi cho mỗi người được tự do sử dụng thứ nhạc khí ám hợp cho tài năng, sở thích của mình**.

Đây là một sự hết sức hợp lý, nhưng từ chỗ hợp lý đó **lần sang đến yêu sách đòi mỗi người cử một bài riêng, theo một tiết điệu tự do**. Và thế là **trở thành mớ âm thanh hỗn loạn**. Đấy là một hình ảnh cho dễ hiểu, trong thực tế chẳng ai đòi như vậy. Tuy nhiên trong Triết lý lại xảy ra như thế.

Nói chung thì khối Cộng sản đi theo lối Đồng nhất, khối Tự do theo lối Đa phương.

III.-Nền Thống nhất chân thực

Còn hòa âm của Thống nhất chưa tìm ra được, hay có rất nhiều nhưng toàn là Thống nhất có cái tên, còn trong thực chất thì là Đồng nhất, thí dụ " Thống nhất" của Hegel hay của Karl Marx.

Một nền Thống nhất chân thực phải hội được những điểm sau đây:

Thừa nhận cho mọi khuynh hướng được tồn hữu, bao lâu hướng đó không có tính cách độc hữu. Vì nếu khuynh hướng độc hữu thắng thế, thì sẽ thi hành Đồng nhất đối với mọi khuynh hướng khác.

Quy định cho mỗi khuynh hướng một ngôi vị (sách Xuân Thu gọi là định phận) nghĩa là một sự quan trọng tương đối, nghĩa là đối với toàn thể cuộc sống.

Tất cả phải tuân theo một nhịp điệu tức là những ước lệ cần thiết vừa đủ cho đời sống công cộng có thể tồn tại. **Chỗ này thì Cộng sản đi quá. Thế giới Tự do thường bất cập**

IV.- Học và Hành

Điều đó được minh chứng rõ rệt hơn nữa trong khoa học cơ khí. Bất cứ ai đã xem qua lịch sử khoa học cũng nhận thấy rằng: **mỗi một bước tiến bộ, mỗi một phát minh sáng chế đều là hậu quả của rất nhiều tri thức tinh thuần không mang lại lợi ích gì hết**. Người tìm ra là tìm ra rồi phát minh đó bị xếp vào tủ, nằm trơ trọi có khi cả hàng trăm năm không dùng vào được việc gì. **Nhưng nếu thiếu những cái tri thức thuần tri thức thì khoa học đã không tiến được bước nào, nếu đòi sự biết nào cũng phải đưa tới một phát minh ơn ích thì Khoa học đã chết từ lâu rồi**.
Đó là những lý do rất xác đáng nên nó đã làm hạ giá chữ Học Hành xuống đến độ bị coi như là cái gì cản trở đường tiến hóa của những dân còn bám lấy cái Hành trong cái Học. Đây là một quan niệm tuy không minh nhiên hóa, hay chính vì không bộc lộ rõ ra nên đã gây một ảnh hưởng rõ rệt vào đường học vấn của chúng ta. Bởi thế cần phải được mổ xẻ kỹ lưỡng.

Trước hết chúng ta chấp nhận rằng cần có cái biết thuần tri thức, nhưng ta nên phân biệt ba loại Hành: là Cưỡng hành, Lợi hành và An hành.

> **Cưỡng hành** là làm vì **bị cưỡng ép thuộc pháp hình**: không làm thì bị hình phạt.
> **Lợi hành** làm vì **lợi thuộc đợt thành công**, **ăn làm.**
> **An hành là làm vì Nghĩa** *(Công bằng)* **vì thấy đáng làm thì làm.**

Và khi ta nói Học Hành là ta nhằm vào cái Hành ở đợt ba này**, ít ra khi nói về Triết lý Nhân sinh,** và lúc đó không những cái Hành đó cũng cao như sự bỡ ngỡ vô vị lợi (étonnement désintéressé) của **triết lý Platon**, mà còn có phần cao hơn là khác. Bởi vì sự bỡ ngỡ thăm hỏi của Platon xét về phương diện vô vị lợi thì đã **vượt qua khỏi đợt Lợi hành rồi**, nhưng chưa đi tới độ tiền diện kinh nghiệm tức hiện tiền trực thị với vật, một thứ kinh nghiệm tinh dòng đến nỗi không còn lạ lẫm tra hỏi nữa, nhưng đã tới đợt An nhiên không ngỡ ngàng vì đã liễu hiểu, đã đi guốc vào lòng sự vật, mà Nho giáo kêu là "**cách vật**" rồi. Thế nghĩa là đã vượt qua đợt ngỡ ngàng tra hỏi. Người ta chỉ tra hỏi khi chưa đủ quen thuộc, chưa thấu suốt, và do đó còn kém hơn "An hành". **Bởi An hành bao hàm sự thấu triệt không còn chi đủ làm bỡ ngỡ nên chỉ còn Hành một cách an nhiên không bận tâm tra hỏi nữa.**

Thứ đến cần phân biệt hai bình diện một là **hiện tượng của Khoa học thực nghiệm** hai là **bình diện Triết lý**. Đó là hai bình diện khác hẳn nhau:

Ở **bình diện Hiện tượng thì bất cứ tri thức nào cũng có giá trị tự nội**, vì nó là cái biết cụ thể kiểm soát được và dầu chưa thấy có lợi ích gì, nhưng ít nhất nó cũng là một tri thức.
Ngược lại **trong Triết lý nếu không có Hành đi theo thì không lấy chi làm cứ điểm đặng phân giải hơn thua**.
Cho nên người ta chỉ coi là **tri thức thật, tri thức có nền tảng, có giá trị những tư tưởng giàu khả năng nâng cao Tâm hồn, cởi mở Lý trí, khơi dậy mọi năng lực trong con người và vì thế ta gọi là Chân lý nóng.**
Ngược với **Chân lý Nguội, thường xoay quanh sự vật và thường chỉ là sự thích thú của nhà chuyên môn, hoặc làm thỏa mãn óc tò mò nhưng không đủ gây sôi động trong Tâm hồn.** Những chân lý nguội vì thế khi ra ngoài phạm vi chuyên môn của nó thì mất giá trị vì không có tiêu chuẩn kiểm chứng, nên thường chỉ là những ý nghĩ bâng quơ thiếu nền móng như những vấn đề giả tạo.

Theo ý nghĩ trên tiền nhân ta quen nói Học Hành, nghĩa là chỉ có cái Học thiết cận vào Thân Tâm, cái Học giúp cho con người biết tu Thân, biết Sống, biết Tổ chức đời sống xã hội, biết lối Cai trị tốt hơn hết; sao cho con Người ngày thêm trung thực với Bản tính của mình thì đó mới là Triết lý có giá trị và mới đáng học.

Tóm lại **cái Học chỉ có giá trị khi là Chân thực.** Muốn đo lường mức độ Chân thực thì trong **phạm vi Hiện tượng** có thể kiểm soát bằng những hiệu quả hay là sự minh hiển khách quan, hoặc máy móc tinh tế, **còn trong Triết lý** thì phải có Hành đi theo để bảo đảm cho tính cách trung thực của nó.

Hơn thế nữa phải là "An hành" mới là Triết lý,
Còn như **Cưỡng hành** đã có **Công an cảnh sát,**
Lợi hành đã có **tiền tài danh vọng,**

nghĩa là hai thứ hành này đã quá nhiều rồi, và **nhân loại đang muốn đi xa hơn hai đợt đó trong vận hội mới?**
Quả thế, **giai đoạn Cưỡng hành kể như thuộc thời mông muội**: làm vì sợ trời đánh, thánh vật kể như đã qua và đang chuyển sang giai đoạn Lợi hành đi kèm theo thời quyền pháp lợi lộc. Làm theo lệnh của quyền bính của pháp luật thì có lợi, được hưởng quyền này nọ ân trạch kia khác như Mặc Địch hứa hẹn đe loi, và **cái gì không có lợi nhãn tiền thì không cho làm như nhạc, thơ, lễ, văn học.** Đó cũng là tâm trạng mà con người đại chúng quen sống cho tới hiện nay. Họ căn cứ trên những nền luân lý cấm đoán với cho phép: (permis et défendu) ai phạm thì phải hình phạt này vạ nọ, ai theo thì được ơn ích kia khác.
Tuy nhiên nhân loại đang trở mình để cho mỗi ngày thêm đông đảo người hơn biết tiến đến giai đoạn An hành.
Jung viết trong quyển L'homme à la découverte de son âme (p.37): "La grande révolution du siècle " tout au de là prend place ici-bas", cuộc đảo lộn lớn lao của thế kỷ này là các giá trị đặt ở "xa xôi" được đưa vào gầm trời này, và ta có thể nói thêm sẽ đặt vào Lòng con người và gọi là "An hành".

An hành là cách hành động độc lập vô vị lợi, khác với Cưỡng hành ngoại khởi.
Với **Cưỡng hành chủ thể bị sai sử do một chủ thể bên ngoài** cho tới độ làm lấn át hết quyền định đoạt của người làm.
Còn **ở Lợi hành thì tác giả hướng ra Ngoại vật chứ không hướng Nội,** nên không phải là tác động nằm vùng. Cả hai trường hợp đều bao hàm sự mất quyền (cưỡng-hành) hoặc sự nghèo nàn

bất túc, nghĩa là không đủ tự Lực tự Cường và vì thế dễ sinh ra sự nghiêng ngả hoặc về phía Năng hoặc về phía Sở.
Nếu **nghiêng sang bên Năng** cũng gọi là **Chủ thể** thì đẻ ra những thuyết có tính cách duy **Chủ thể** (subjectivisme) như thí dụ **duy Tâm.**
Nếu nghiêng **sang phía Sở** cũng gọi là "**Đối tượng**" thì đốc ra duy Đối tượng (objectivisme) thí dụ **duy Vật.**

Đó là những bệnh trạng của Nhị nguyên, bao giờ cũng chọn một bỏ một, không đi tới Tổng hợp, mà chỉ biết có giản lược, tức cũng là Đồng nhất vật.

Muốn Tổng hợp cần vươn tới bậc An hành, cũng gọi là "Cung hành" như câu nói "**cung hành quân tử**" 躬行君子L.N.VII .32 tức là người tự Trọng mình, Tự mình, Tự tìm ra nơi mình đủ túc lý để làm việc, không cần quy chiếu đến cái chi khác.

Khổng Tử nói: "**Về văn chương học thuật thì hoặc giả ta cũng bằng người, nhưng đạt tới độ** "**cung hành quân tử" thì ta chưa có được**".

Bởi vì Cung hành là đợt rất cao, rất trong trinh không gì sai khiến được Chủ thể, cũng như Chủ thể không hướng ra ngoài. "**Quân tử tố kỳ vị nhi Hành, bất nguyện hồ kỳ Ngoại**" T.D.14. Người quân tử chiếu theo địa vị mình mà làm chứ không cầu ở ngoài.
Ở ngoài là Thiên hay Địa, nhưng ở lại với Mình, đi vào thâm cung sẽ gặp địa vị con người gọi là "**tố kỳ vị"** hiểu theo nghĩa siêu hình là nơi gặp gỡ Đất Trời, cho nên **cung hành cũng gọi được là** "**hành động lưu Ngũ"** khi hiểu chữ Ngũ theo Ngũ hành nghĩa là nơi Đất Trời giao hội: Trời ba Đất hai, "tham Thiên lưỡng Địa". Hai cộng với ba là năm, nên mới nói lưu Ngũ là **lưu lại nơi** "**Thiên Địa chi giao" tức là Nhân vậy**. Nói kiểu khác đó là hoạt động của Văn hóa uyên nguyên khi hiểu chữ Văn (文) là thập tự nhai (十: 乂) đặt dưới bộ đầu (亠) .
Khi nói đến Văn Vương thì không nên nghĩ đến cá nhân Văn Vương nhà Chu cho bằng là một mẫu người lý tưởng đã đạt tới chỗ Đất Trời giao hội, đạt tới đợt An hành. Trung Dung viết: "Văn Vương chi sở dĩ vi văn dã, thuận diệc bất dĩ " T.D.26, 文王之所以文也。纯亦不已.
Điều làm cho Văn Vương đạt nổi chữ Văn là thuần khiết và do đó không ngơi nghỉ.
Nói " thuần hay tinh ròng" là hiểu đã đạt độ "Cung hành" không còn bị ngoại vật sai sử như vì Lợi, vì Sợ hãi nhưng là An hành như một "Nhơn Hoàng" an nhiên tự tại ung dung. Chính vì thế không chú trọng đến đối tượng sang hèn to nhỏ, và Văn hóa Viễn Đông không chia ra việc hèn hạ và việc cao trọng như **trong xã hội cổ La Hy: việc hèn để cho nô lệ, việc sang trọng để cho người thong dong. Viễn Đông không chủ trương thế bao giờ.**
Do đó cũng không đặt **vấn đề có hay không có vạn vật, vũ trụ có thật hay chỉ là mộng suông**, có cái này hay không có sự kia là những vấn đề đã gây chia rẽ trầm trọng cho đến tận ngày nay và triết học Âu Châu đều cố gắng thoát ra.

Triết lý Nho giáo đã tránh được điểm này: **không trùng trình ở chỗ tranh luận có hay không có, nhưng đã đi thẳng vào Hành động, và vì thế là một nền Triết rất giàu chất Tổng hợp**. Nhất thứ khi Hành động đó lại là An hành thuần khiết cho nên "bất dĩ" không ngơi nghỉ, không ngơi nghỉ vì không lệ thuộc vào ngoại vật. Vì khi lệ thuộc ngoại vật thì sẽ rất chóng sẹp
.

Thế kỷ 19 nhân loại tràn ngập hy vọng lạc quan trong bầu không khí tưng bừng tiếp đón những xe hơi, tàu điện, tàu bay. Cho rằng những phát minh này sẽ đem lại hạnh phúc toàn vẹn cho loài người. Nhưng từ sau hai thế chiến, người ta lâm vào cảnh bơ vơ lạc lõng, coi đời như cái chi phi lý, vô nghĩa. Và Văn chương tràn ngập những thao thức buồn chán, băn khoăn. Tại sao lạc quan chóng biến ra bi quan.

Thưa chỉ vì lối <u>lạc quan kia dựa trên những ngoại vật, cũng y như những loại ý hệ vì còn dựa trên đối tượng, nên phạm vi ảnh hưởng rất eo hẹp</u> (chạm tới 1% ý thức) và cũng không sống lâu hơn được nửa thế kỷ.

Đó chẳng qua vì chưa đạt tới An hành. Nếu thật là An hành thì sẽ không ngơi nghỉ nên lâu, lâu nên sáng, sáng nên đi xa. Đi xa nên rộng dầy. Rộng dầy nên cao sáng. Cao sáng thấu Trời. Rộng đầy khắp Đất. T.D.26.

Đó là cực tả cái hiệu nghiệm của tác động lưu Ngũ của An hành tức là tác động có sức Tổng hợp vô biên. Rộng như Đất cao như Trời cũng bao quát hết. Đấy phải là tiêu chuẩn lý tưởng của chúng ta.
Chúng ta khỏi cần thay đổi tiêu chuẩn Học Hành mà chỉ cần đào sâu, và sẽ thấy trong hai chữ đó một giải pháp kiên cố. Giải pháp này còn được bàn dài rộng nơi khác.
Cho nên chữ Hành không phải chỉ có nghĩa là làm, bảo làm là làm như trong luân lý thông thường, hoặc khoa công dân, hay phép xã giao. Nhưng <u>nó bao hàm một nền móng Siêu hình, một Đạo thuật hành vi là nền tảng của Triết lý Nho giáo, cũng là Triết lý của Tác, của Tài, của "Ngũ hành"</u> khi hiểu Ngũ là cái gì siêu hình vượt ra ngoài những ích dụng nhỏ bé để lan tỏa khắp Trời cùng Đất.
Biết được giá trị của tiêu chuẩn ẩn trong hai chữ Học Hành như thế rồi, bây giờ chúng ta dùng nó làm thước để đi đo mấy nền Văn hóa có liên hệ đến ta, để lựa chọn những yếu tố có khả năng làm giàu cho cái di sản tinh thần cố hữu đó đặng trùng tu nền thống nhất văn học. "

F.- VẤN ĐỀ TRIẾT LÝ

Theo Đông phương ta có định nghĩa về Triết như sau: " **Triết: Triệt dã***: Triết phải đi cho đến chỗ toàn triệt của Vấn đề, nghĩa là phải* **Triệt Hạ và Triệt Thượng***, và quan trọng hơn là làm sao cho cặp đối cực* **Triệt Hạ và Triệt Thượng giao hoà***, mà Tục ngữ bảo là :* **" Mẹ Tròn , Con Vuông ".**

Đặc biệt là **Triết lại bàn về Triết lý Nhân sinh của nền Văn hoá***, chứ không giống như triết Tây phương, là chiêm niệm các ý tưởng rất trừu tượng, xa vời với con Người và Dân tộc. Để cho dễ hiểu ta lấy ví dụ nền Văn hoá của chúng ta giống như cái Cây, có đủ Gốc Rễ, Thân cành và Hoa Trái:*

Triệt Hạ *là phải nghiên cứu cho Tận Gốc Rễ của Cây cùng với những nhu yếu của cây như Nhựa Sống từ lòng Đất.*

Triệt Thượng *là phải thông hiểu được sự vận chuyển của Nhựa Sống đi lên Lá, từ đó nhờ sự Quang hoá để biến nhựa Sống thành Nhựa luyện, rồi Nhựa Luyện được chuyển xuống qua Cành Thân đế Gốc Rễ để nuôi toàn cây và sinh Hoa kết Trái.*

Còn **Triệt Thượng và Triệt Hạ cần được giao hòa hay Lưỡng nhất** *là tìm cho ra sự luân lưu của hai dòng Nhựa Lên / Xuống được điều hòa giúp cho cây được tồn tại và phát triển toàn diện.*

Dòng **Nhựa Lên / Xuống của cây** *cũng tương tự như* **cặp đối cực Tâm linh / Thế sự (Khoa học) của nền Văn hoá - mạch Sống của Dân tộc** - *có được luận lưu trong mạch sống thì mới giúp cho Dân tộc có Nội lực mà Dựng nước và Giữ nước.*

Về Giáo dục cũng vậy, Triết cũng phải bàn cho thông suốt cặp đối cực Thượng và Hạ:

<u>Thượng là Hiến chương Giáo dục</u>,

<u>Hạ là phần Lập pháp của Giáo dục</u>.

Bước đầu là Triệt Thượng phải đi cho đến tận ***Gốc của phần Hiến chương****, phần Chủ Đạo tức là Hướng đi chung của Giáo dục,*

*Bước hai là phải <u>triệt Hạ để đi đến phần **Ngọn tức là phần Lập pháp** hay là phần soạn thảo Bộ sách Dân tộc và Chương trình Giáo dục cho cả ba cấp Tiểu, Trung và Đại học</u>,cho phù hợp với tình trạng của con Người và Xã hội.*

Bước thứ ba là phải làm cho cặp đối cực Triệt Thượng / Triệt Hạ giao thoa tức là làm sao cho **Thượng Hạ hài hoà** *để giúp cho việc đào tạo Con Người được thành công, giúp Dân tộc quy về một Mối, hầu cùng nhau thiết lập các Cơ chế Xã hội hữu hiệu mà mưu phúc lợi chung cho toàn dân.*

Việc ***xây dựng con Người là kế trăm năm, phải đào tạo sao cho con Người được thành Thành Nhân cũng như thành Thân hay thành Công.***

Về ***Dân tộc thì phải có Chủ đạo Hòa của Dân tộc*** *để mọi người kết thành một khối, tất cả đều chung Lòng, chung Trí, góp Công vào việc Xây dựng và bảo vệ Đất Nước.*

Về ***các Cơ chế xã hội*** *phải* ***Tổ chức và điều hành sao cho các cặp đối cực trong mỗi cơ chế vừa tiến bộ vừa được điều hoà để mưu phúc lợi chung, nhất là thực thi công bằng tương đối xã hội.***

*Để có cái nhìn tổng quát hơn về Triết lý, xin trích mấy giòng trong Lời Tựa cuốn " **Tâm Tư hay Khoa Siêu Lý của Viễn Đông** " của TG. Kim Định.*

" Đã một dạo chúng ta quen nghe nói rằng Viễn Đông không có khoa Danh Lý. Đó là câu nói chỉ thật có lớp Ngoài, mà sai lớp Trong.
Nhìn bao trùm đường vận hành của tư tưởng Nhân loại, chúng ta có thể phân ra ba lối suy luận:
*Lối thứ nhất là có **<u>Danh Lý</u> của triết học Tây Âu**, xây trên những lý lẽ rút ra từ sự kiện hay những ý niệm của sự vật.

*Lối thứ hai là **Triết lý Ấn Độ** gọi là Vô Lý hay **<u>Phản Lý</u>:** tuyệt đối quay lưng lại với lý lẽ suy luận.

***Viễn Đông** không Hữu Lý hay Phản Lý, nhưng là **<u>Hàm Lý,</u>** nghĩa là Lý luận chỉ đóng vai trò tương đối và nắm khuất lấp trong Tình cảm, làm nên có một lối lý luận riêng biệt, vận chuyển qua ba đợt : Ý, Tình, Chí:

Tận cùng của Lý lẽ là **Lý luận Biện chứng**
Tận cùng của Tình là **Cảm nghiệm, là Nghệ thuật**.
Tận cùng của Chí là **Thể nghiệm, là ngộ Đạo**, tức nhận thức ra chiều kích Vũ trụ nơi Mình. Ta gọi đó là An Tư hay Tâm Tư. "

. . .

Theo Nho giáo thì : " Tình trạng bi đát trong triết học là do sự **quên mất chữ " Phản "** ***nghĩa là " Suy đi " mà quên " Nghĩ lại "*** Vì thế mới trở thành Lưu Liên:

" **Tùng lưu Hạ nhi vong Phản vị chi Lưu**
Tùng Lưu Thượng nhi vong Phản vị chi Liên "
(Mạnh Ib,4)
Theo đường **đi Xuống quên Trở lại** gọi là Lưu
Theo đường **đi Lên quên Trở lại** gọi là Liên .

Cả hai đều là vong Bản, quên Gốc của mình, trở thành " Du đảng " , không nơi cư ngụ. Một điều khinh hoàng được Heidegger phát giác là **con Người chưa có Suy tư, hay có Suy tư một cách kỳ cục**. (L'homme a penseé maid d'une manière étrange. V.A. 155).
Con người đã làm quá nhiều mà suy tư quá ít, mãi từ bao thế kỷ đã như vậy. Heidegger. W.D. 22.
" Vũ trụ trở nên hoang tàn, vì chẳng có một suy nghĩ trong Tâm can " Kinh Thánh.
Tử viết: " **Vị chi tư dã** : Chưa có Suy tư, bởi **Suy tư chân thực phải là Quy tư**, tức tưởng niệm Lời Vô ngôn đấy tính cách viên dung quán nhất. Cái Tư đó còn thiếu.

L'homme a trop sagi et trop peu pensé depuid des siècles. W.D.22
La frequentation de la Philosophie peut nous donner l'illusion tenace que nous pensons puisque après tout sans relace nous philosophons.

. Ai cũng tưởng rằng hễ học Triết lý là suy tư đấy, là mối huyễn hoặc kinh niên. Và do lẽ hiện nay một khuynh hướng hạ bệ khoa Danh lý đang được nhóm khởi, nghĩa là ở mấy tay anh chị tiền phong. Còn trong các trường ốc hàn lâm thi cử vẫn chễm chệ ngồi ghế danh dự. Nhưng đó chỉ là việc tất nhiên " Tiên chiếm giả đắc ". Còn truyện danh lý có mang lại ơn ích cho triết lý chăng hay còn gây nên trở ngại là truyện cần phải xét. Heidegger viết :
" **Khi Lời Vô ngôn phải uốn mình trở thành một khí cụ, thì đó là lúc Danh lý ra đời, khiến cho Triết học gia chạy theo sự vật, mà quên mình, theo sự thực hiển nhiên của tai mắt, mà quên mất Nhân tính**" .
Heidegger kể lại rằng: " **Từ Aristiote, Danh lý đã không thể lùi lại một bước, và đến nay nó cũng không thể tiến thêm bước nào, và như thế xem chiều nó đã bế mạc và xong hẳn " . Và ông thêm " Thực ra không phải xem ra như thế, mà chính là " như thế rồi** ".

Và mặc dù những cố gắng của Kant, của Hégel nhưng xét về yếu tính và uyên nguyên thì đã không tiến thêm được được dù một bước. Nên bước duy nhất còn lại là hạ bệ nó xuống, hạ từ nền móng. L'unique pas encore possible consiste à la détrôner et cela à partir de son fondement même (F. 211).

Ông viết tiếp: " **Cứ sự lịch sử tư tưởng Tây Âu không khởi đầu Suy tư điều Đáng suy tư, nhưng lại để nó trong quên lảng. Như thế là tư tưởng Tây Âu đã khởi đầu bằng một sự biếng trễ, nếu không phải chính là một sự sa đọa** . En fait l'histoire de la pensée occidentale ne commence pas par ceci qu'elle pense ce que donne le plus à penser, mais par ceci qu'elle le laisse dans l'oubli. La pensée occidentale commence donc par une negligence, sinon même par une défaillance. W.D. 154. ".

(Tâm tư . I. Khởi bất nhĩ tư. Kim Định)

G.- TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

(*Triết lý Giáo dục. Kim Định)*

" **Vấn đề Giáo dục và Văn hóa khỏi nói ai cũng nhận là quan trọng.** Vì vậy ngoài bộ Quốc gia Giáo dục còn có nhiều hội nghị giáo dục cũng nhóm họp để tìm giải đáp cho những vấn đề liên hệ.

<u>Triết lý Nhân sinh</u> làm sao có thể hờ hững trước những vấn đề quan thiết đến sự sống còn của con Người và vận mạng Quốc gia như thế được.

Bởi vậy chúng tôi không ngần ngại đưa vào làm đề tài học hỏi suy luận cho các lớp Triết. Vấn đề trọng đại này phải chia ra hai phần là Lập pháp và Hiến chương.

I**.- Lập pháp** là phần thuộc về Bộ chúng tôi không bàn tới.

II.- **Hiến chương** là **nền tảng căn cơ của Giáo dục và Văn hóa**..

Trong phạm vi Giáo dục và Văn hóa có đến trăm ngàn đường lối nhưng tất cả phải dẫn đến **một Trung tâm**. Tìm ra và xác định được cái **điểm Trọng tâm ấy, đó là việc của Triết lý**. Và đó là việc làm dài hơi cần phải dành cho một loạt tiểu luận. Ở đây mới là mấy bài khai mạc.

1.- **Sứ mạng Đại học tức cũng là thử xác định sứ mạng của Văn hóa và Giáo dục.**

2.- **Nhận định Tình hình thế giới.** Về điểm này thấy rằng **tất cả đang trải qua một cơn khủng hoảng Tinh thần rất trầm trọng.**

3.- **Khuynh hướng Truyền thống** là hội được nhiều tay cự phách nhất, nên bàn qua cho biết.

4.- **Tam giáo**: tiếp tục Truyền Thống nhưng thu gọn vào phía Đông Phương với nhan đề Tam giáo.

5.- **Từ Triết lý tới Đạo học**.

6.- **Một số quan niệm sai lầm về Văn hóa Đông Phương.**

Có một điều xin lưu ý các bạn trẻ, đừng thấy bài dài mà đọc rảo qua. Tuy là dài nhưng thực ra đã gạn lọc từ một xấp tài liệu đầy đủ cho một cảo luận. Vậy mà chỉ đúc kết lại có

vài ba chục trang giấy nên đây chỉ là những bài làm cốt tuỷ cho sự giảng huấn hoặc suy tư. Vậy nếu đọc rảo qua như tiểu thuyết mà không có đọc lại hoặc hồi niệm thì có cả oan cho tác giả và uổng cho người đọc.

H.- THỀM ĐẠI HỌC

1. Ý thức việc Làm

"**Tout seuil est une sacrée chose**" (Porphyre) : **Thềm nào cũng là một sự linh thiêng trọng đại, phương chi là thềm Đại học, nó càng linh thiêng vì trùng hợp với lứa tuổi thành Nhân của những người bước qua, nó đòi ở họ những đóng góp quan trọng hơn vào việc kiến thiết tương lai cho mình cũng như cho xứ sở.**

Đó là nhiệm vụ đang đón chờ các bạn hôm nay đầu tiên bước qua thềm Đại học.

Để ghi bước vượt qua thềm trọng đại đó từ nay các bạn được bỏ tên học sinh để khoác lên mình một danh hiệu mới: Sinh viên. Chữ sinh viên nghe hách hơn chữ học sinh nhiều lắm, nó gợi ngay ra sự kính nể mà người đời thường dành cho những chức trách đi kèm với chữ viên: quan viên, viên chức, viên ông, viên bà… Do sự kính nể đó mà các vòng kiểm soát được nới rộng ra, tự do gia tăng gấp hai ba lần. Kể ra đó là phần thưởng đích đáng cho các cô cậu đỗ Tú tài hai.

2.- Tự do và Trách nhiệm

Tuy nhiên cái công lệ ở đời là hễ **thêm Tự do thì phải thêm Trách nhiệm** mà một trong những bó buộc của Trách nhiệm là **phải Ý thức.**

Ý thức rộng hơn Tri thức nhiều. **Dưới trung học mới là Tri thức, lên Đại học phải thêm Ý thức** nghĩa là tuy cũng học bài như dưới Trung học thật nhưng không còn thụ động nhận lấy mà phải Ý thức, **phải cố tìm hiểu đầu đuôi câu chuyện, cả đến cử chỉ hành vi đều mang thêm một ý nghĩa, đến cả bước chân của sinh viên coi như cũng vương vấn suy tư**.

Sinh viên ưa phê bình, thích đặt hết mọi vấn đề, đó là dấu hiệu tiến bộ cần được khuyến khích. Vậy chúng ta sẽ đặt lại vấn đề về lối làm việc sau đó đến mục phiêu của Đại học sao cho xứng danh Đại hoc (theo danh lý thì xét mục phiêu trước hợp lý hơn, nhưng theo lối giáo khoa bàn về lề lối làm việc là điều cần còn mục phiêu vì không ở cả trong quyển chúng ta nên đặt sau.)

3.- Sự khác biệt của Trung và Đại học

Ai cũng biết rằng **Trung học là cấp bậc thâu nhận những kiến thức phổ thông** có tính cách bách khoa, ngược lại **Đại học đi và chuyên môn một ngành để có thể đào sâu**. Từ sự khác biệt căn bản đó mà đường lối làm việc cũng phải khác nhau.

Ở **Trung học** việc chính là thâu thái các kiến thức của nhân loại đã sở đắc, người ta không có quyền chờ đợi ở cấp Trung học những khám phá mới. Sự tìm tòi cố gắng tuy có rất nhiều nhưng là hướng vào việc tìm biết (s'informer) nhằm **Bác học và Quảng văn**.

Còn **Cao đẳng** cũng mới là bước sửa soạn vào Đại học, nên là **gạch nối giữa Trung học và Đại học,** khác ở chỗ Cao đẳng tuy cũng thâu nhận kiến thức nhưng đẩy đến mức độ hoàn bị có thể hiện thực được, chẳng hạn như kỹ sư, sư phạm.

Bước lên **Đại học** thì vai trò đổi mới, ngoài việc chuyển đạt kiến thức mà nhà trường vẫn tiếp tục và đẩy đến mức độ cao nhất, thì **Đại học phải đảm nhiệm thêm một trọng trách khác: đó là khám phá, phát minh, sáng tạo thêm cái mới.**

Sứ mệnh Đại học là bằng cách này hay cách khác làm gia tăng Di sản Tinh thần của một Dân nước, của cả Nhân loại.

Nếu mục phiêu Trung học là truyền bá, bảo tồn, duy trì và Cao đẳng là thực hiện, thì Đại học phải tìm kiếm thêm những tri thức mới, phát kiến ra những năng lực còn tiềm ẩn trong con Người hay Sự vật, phải cố gắng nới rộng mãi vòng chân trời của tri thức, làm phong phú thêm di sản của con Người và nhất là làm cho chúng trở nên sống động nhịp theo thời đại.

Đó là một sự phân công thường bị quên đi, nên cần rút ra một hai hệ luận.

Trước nhất vì **Trung học là Bảo tồn, là Truyền bá thì sự trung thành với chương trình là điều bó buộc**.

Ngược lại **ở Đại học giáo sư lại được dành cho rất nhiều Tự do để quy định Nội dung chương trình của những bài ông giảng huấn; có khi giáo sư phải đi ngược hẳn lại khi nhận ra đấy là điều kiện thiết yếu cho những Bước tiến vượt bậc như phản lực cơ với phi cơ cánh quạt**.

Nếu bắt giáo sư phải mãi mãi trung thành với cánh quạt thì làm sao có được phản lực cơ? Đành rằng như vậy là mở cửa cho **phiêu lưu,** cho lầm lạc, nhưng miễn là **có phương pháp** thì những phiêu lưu ấy mới gây cho Đại học bầu khí sinh động tự cường giàu óc mạo hiểm.

Nên nhớ là giáo sự Đại học không phải chỉ có Chuyển giao tri thức đắc thủ là hết việc: nhưng còn phải đi tìm những Phương trời mới mẻ.

Đã gọi là tân kỳ thứ thiệt, thì giả thiết là chưa ai thấy mặt mũi, bộ dạng nó ra sao, vậy thì so với cái chi mà bảo là "lầm lạc". Cái gọi là lầm lạc có thể chỉ là những giả thuyết làm việc, nên những lầm lạc đó giàu tính chất màu mỡ (fertile) biểu thị một tình trạng hăng say trong Đại học, cái đó mới đáng quý và có giá trị vượt xa lòng trung thành với chướng trình ngồi ôm mớ lý thuyết của người xưa.
Còn tránh những phiêu lưu vô lối là chuyện thuộc nhân sự. Đó là việc chọn người có khả năng thì đấy là trách nhiệm thuộc nhà hữu trách chứ không trong phạm vi triết lý.

Nếu ở **Trung học** người ta quen đánh giá ông thầy qua Tài giáo khoa chứ không qua Nội dung chương trình vì đã do bộ định đoạt và do thủ bản trình bày sẵn: ông có thay đổi cũng là trong vòng sắp xếp nào đó cho sáng sủa theo ý nghĩ của ông.

Ngược lại với **giáo sư Đại học** không nên áp dụng tiêu chuẩn đó nữa, tuy tài Giáo khoa cũng vẫn quan trọng nhưng so với Nội dung chương trình giảng dạy của ông thì chỉ đáng 1, 2 phần, đang khi Nội dung chiếm đến 8, 9 phần.

Giáo sư ở Trung học có hay cũng là hay cho học sinh của ông, hay trong phương pháp, ngược lại **giáo sư Đại học nếu hay thật thì phải xét về nội dung**: **do đó ảnh hưởng của ông có thể vượt trường ốc để lan rộng xa ra ngoài, có khi qua nhiều thế hệ, như trường hợp Khổng Tử được tôn là vạn thế sư biểu chẳng hạn.**
Đôi khi ta nghe sinh viên khen giáo sư nọ kia vì nói gì sinh viên cũng hiểu được. Đành rồi vậy là hay, nhưng nếu cái hay chỉ có bấy nhiêu thì còn chi nữa là lý tưởng Đại học.
Hiểu được mới quan trọng một phần, còn chính cái hiểu được có Hướng đi đâu và liên hệ thế nào với Nhân tâm Thế đạo, Vũ trụ nhân sinh, tTền đồ đất nước…… mới quan trọng gấp 8, 9 lần. Lý tưởng Đại học nằm trong đó, chứ không trong chỗ hiểu được hay không hiểu được.
Ngoài chợ Cầu Muối ồn ào như ong vỡ tổ mà trăm vạn lời nói ra cho người cần nghe đều được hiểu hết. Nếu chỉ đánh giá theo hiểu được thì chợ Cầu Muối dám cao hơn Đại học lắm đó. Vậy thì hiểu được quan trọng 1, 2 lần mà nội dung cái hiểu được mới quan trọng 8, 9 lần. Học sinh không buộc biết, nhưng sinh viên phải ý thức điều đó.

4.- Tính chất của Đại học

Nói lên mấy nhận xét này để **sinh viên tập nhận thức ra tính chất của Đại học**, nghĩa là không còn **coi mình như một người thụ động chỉ việc theo lớp ghi cho đúng, nhưng phải coi mình như người học giả đi tìm tòi, đi khảo cứu dưới sự hướng dẫn của giáo sư**.
Phải đặt lại vấn đề, phải biết nghi ngờ cả ông thầy, tuy hầu hết chưa thể hơn ông thầy hoặc tìm ra được cái gì mới mẻ, nhưng đó chưa phải là điều quan trọng, điều quan trọng là phải biết nghi ngờ, vì đấy là bước đầu để trở nên người phát minh ("Le douteur est le vrai savant". Cl. Bernard).
Vậy giáo sư cũng như sinh viên phải bỏ lại ngoài ngưỡng cửa Đại học lòng sùng tín chấp nhận vô điều kiện để thay vào đó một bộ óc thắc mắc, một sự khó tính yêu sách và chỉ chấp nhận khi có bằng chứng xác đáng, minh bạch.
Vì thế điều phải tránh trước tiên là lối học tủ, ghi âm cho trúng để thi cho được. Không ai cấm việc muốn thi được, nhưng **nên tìm điều đó qua lối học tự Sáng tạo, tự Tìm tòi, Cố gắng để trở nên một người có khả năng đóng góp vào Di sản Tinh thần của Tổ quốc.**
Vì vậy một kết luận cụ thể là nên cố gắng đi nghe giáo sư mới dễ hiểu rõ tinh thần. Cours in ra đã mất đi bao nhiêu phần sống động tế vi, là những cái chỉ biểu lộ phần nào qua giọng nói dáng điệu, nhất là môn Triết.

Vì triết học có hai điều khó, trước nhất là nó đề cập nhiều vấn đề vượt quá tầm tuổi của sinh viên, nó đòi một mức độ đứng tuổi nào đó, kèm thêm một kinh nghiệm về Nhân sinh ấm lạnh kha khá cao.

Vì hoàn cảnh không cho phép làm khác, nên sinh viên phải bù lại bằng chăm chỉ đi nghe ông thầy.
Một **khó khăn phụ trội** gây ra cho triết là do khúc quanh của lịch sử: các giá trị cũ đang sụp đổ tơi bời. Tư tưởng nhân loại đang biến đổi mau lẹ, nên **có những người tốt nghiệp với mảnh bằng còn chưa ráo mực chữ ký của Viện trưởng mà tư tưởng đã có chỗ cũ rồi**.
Vậy chính nhờ lúc nghe giảng mới hiểu ra dần lập trường các tác giả được trưng dẫn, và mới xác định nổi vị trí từng vấn đề.
Đặt vị trí một vấn đề hợp theo hoàn cảnh của mỗi luồng tư tưởng là cái khó nhất nhưng nếu không vượt qua điểm này được thì hy vọng gì đóng góp vào việc gia tăng Di sản Tinh thần.

Đành rằng Triết không phải như bác học nên **đọc sách Triết ít khi thấy ghi xuất xứ, là vì đã bay bổng vào suy tư. Tuy nhiên trước khi bay bổng cần có một nền tảng khoa học, một phương pháp làm việc giống với nhà bác học, nói cụ thể là cần phải tìm lấy một Hệ thống fiche nào mình ưng hơn cả để ghi xuất xứ sách vở tư tưởng và ý nghĩ.**

Triết học thường vượt qua Phương pháp. Nhưng muốn vượt qua phải biết trước đã, nếu không sẽ lộn xộn. (Nên đọc qua một vài quyển như Travail intellectuel de Sertillange, hoặc Education de la Volonté của Payot nói tỉ mỉ về phương pháp làm việc.
Quyển " **Cửa Khổng**" cũng theo phần lớn lối khoa học có ý giúp sinh viên tập quen phương pháp làm việc có xác thiết, có mạch lạc).

Mấy điều trên đây cần nhắc nhở cho sinh viên ngay từ lúc bước qua thềm Đại học để tránh rơi vào một tai họa mà các bậc thức giả đang than phiền và họ gọi là "**journalisme"**, tức **thứ kiến thức bì phu phiến diện kiểu chuồn chuồn điểm nước, kéo dài mãi mãi trình độ phổ thông Trung học.**

Nhiều giáo chức Đại học bên Tây Phương lẫn lộn cả Bình đẳng có tính cách Xã hội, Chính trị với Bình đẳng Tri thức.
Mà thực ra **trong phạm vi tri thức làm gì có bình đẳng**. Nay nếu muốn bình đẳng hóa cả Đại học tức là đắp ụ trên đường tiến bộ mất rồi "But democracy is a social and political not an intellectual possibility", **lẫn việc Phổ biến với Nội dung của Phổ biến.**

Phổ biến là việc của Trung học, tìm ra Nội dung để phổ biến đó mới là việc của Đại học.

Trở lên là ít điểm thuộc về lề lối làm việc ở Đại học. Bây giờ chúng ta bàn đến điểm thứ hai là mục phiêu của Đại học.

5.- Mục phiêu của Đại học

Đại học là gì? Thưa là cái Học To, tiếng Tây kêu là <u>Université</u> có nghĩa là hướng về (<u>vers</u>) Một mối (<u>unité</u>).
Kiểu nói là hai mà ý nghĩa là một: khi nhiều cái quy tụ lại Một, cái Một ấy tất phải To, phải Đại. Vậy **Đại là gì, To là gì**?
Thưa đại đây không có ý nói đến đại số lượng hay to thân to xác, to đống to mớ. **Đại ở đây có ý chỉ về Phẩm giá, sự Tự lập: nghĩa là khỏi cần phải quy chiều vào cái khác nhưng tìm được lý do Tồn tại ngay trong Bản thân, từ trong Nội tại, hơn thế nữa còn có thể cấp lý do Tồn tại cho nhiều cái khác**. Vậy cái gì là Đại theo nghĩa đầy đủ như thế?

<u>Mục phiêu của Đại học</u> chính là tìm ra Mối Đại nền Gốc đó để cho các Kiến thức khác quy tụ chung quanh.

<u>Nhiệm vụ của Đại học</u> là thiết lập ra <u>mối Nhất thống Nội tại</u> bằng cách xác định đâu là Gốc là Đại và nhấn mạnh trên đó để làm Trung điểm cho các cái Học chu vi có nơi quy chiếu.

Sứ mạng của Đại học là tìm ra và phát triển đến sung mãn cái điểm xét ra là Đại, để nó chiếu tỏa vào các ngành tri thức và thông cho tất cả Nguồn sinh lực và Tia sáng dẫn đạo. Nói cụ thể là Đại học sẽ chu toàn sứ mạng ngày nào mà những người xuất thân ở Đại học phần lớn trở nên Trung tâm điểm ban phát ra những lời Hướng dẫn cuộc Đời, gây Tươi vui trong cõi Nhân luân, làm rung động những sợi dây Lòng để hướng lên cõi Siêu linh, để đem lại cho đời một Ý nghĩa, để đem lại cho Lân nhân lòng Mộ mến những mối Tình cao cả của Nhân hậu, Dũng cảm, Vị tha, Nồng nhiệt…

Nói theo kiểu tiên Nho thì Đại học là để đào luyện ra Đại nhân, đào luyện nên những kẻ Sĩ nghĩa là những người Ý thức được sâu xa cái Trách nhiệm nặng trên con đường Đạo thâm viễn.
Sứ mạng của kẻ Sĩ về mặt Hành động là Tế thế An bang, về mặt tri thức là triệt Thượng tới trí tri Tâm linh và triệt Hạ tới bậc Cách vật tới chỗ nhất nghệ tinh.

Ngược lại phải kể là Đại học sa đọa bao lâu chưa tìm ra cái mối Đại đó khiến cho các tri thức chồng chất lại ngổn ngang vì thiếu nơi Quy tụ, bao lâu những người xuất thân ở Đại học ra nếu không bị thác loạn tinh thần thì cũng chỉ thấy đời là phi lý, cuộc sống đáng nôn mửa.

Cái học đó có gọi là Đại học, người xuất thân có gọi là nhà Trí thức đi nữa cũng không làm cho Tâm hồn họ thanh thản, vòng tay họ có mở ra hết cỡ cũng chi ôm nổi Dăm ba cô với một vài Đàn trẻ. Nói đến chuyện Tế thế An bang là hão và chớ đợi ở họ những luồng tư tưởng sáng soi nồng nhiệt thường phát ra từ những Tâm hồn đại độ bao la, và như thế là Đại học sa đọa.

6.- Sự sa đọa của Đại học

Sa đọa vì không tìm ra điểm Đại, ngược lại thành công là tìm ra được để mà vun tưới cái điểm To, cái Đại bổn, cái Căn cơ. Mới hay tìm ra điểm Gốc quan trọng xiết bao.

" Vật hữu Bổn /Mạt, sự hữu Chung / Thuỷ. Tri sở Tiên / Hậu, tắc cận Đạo hỹ" (Đại học).

Câu sách cổ đó vẫn còn giữ nguyên giá trị, nhưng ít khi được chú trọng vì thường thường ai cũng *nghĩ rằng đã là Đại học thì cái chi chả là Đại*, nên không xét tới **xem trong từng trăm môn dạy trên Đại học thì môn nào đáng làm Bổn, làm Gốc, làm Đại.**
Bởi thế chúng ta phải gắng công tìm hiểu. Để dễ tiến hành chúng ta nên phân ra hai loại Đại học: một là Đại học cấp bậc, hai là Đại học tự thân.

7.- Đại học Cấp bậc và Tự thân

Trước nhất ta cần biết thế nào là Đại học thuộc cấp bậc, và thế nào là Đại học tự thân (en soi)
. **Đại học cấp bậc** là cấp trên đối với cấp dưới, không có thành vấn đề: toán Đại học cao hơn toán trung học. Xét về cấp bậc thì môn nào cũng có đại có tiểu, nên ý nghĩ hễ đã lên đại học thì cái gì cũng đại cả là trúng ở phương diện này. Nhưng đó mới là chuyện thuộc cấp bậc độ số (degré) có tính cách tương đối: To là đối với Nhỏ, **chưa phải là To tự Nội** (en soi) **nghĩa là trong Bản thể (nature) đã mang theo tính chất quan trọng, đã có sẵn lý do của sự Trọng đại, khỏi cần dựa vào tha vật.**

Phân biệt như thế rồi ta hỏi **trong các môn dạy trên Đại học, Môn nào xứng đáng làm Gốc, làm Bổn. Trả lời được câu này không những xác định được bản chất Đại học, mà luôn thể Định Hướng được cả nền Triết lý Giáo dục nữa. Vậy thì trung điểm đó là gì?**

Xuyên qua lịch sử ta thấy có **ba loại trung điểm** mà cứ sự nó đã thay thế nhau giữ chức trung ương và ta có thể định tính vắn tắt là **Lý giới, Nhiên giới và Nhơn giới.**

Ba trung điểm đó thường đi đôi với **Pháp trị, Cơ trị và Nhơn trị.** Có thể thêm **Siêu giới đi với Thần quyền** (théocratie) nhưng đó là chuyện thuộc phạm vi Tôn giáo bên ngoài chương trình Triết lý.

Chỉ cần ghi rằng **Âu châu thời Trung cổ đi lối <u>Siêu giới</u>.**

Từ **thời Phục Hưng Đạo Đời ly dị** thì **đến lượt <u>Lý giới tức Pháp trị</u>:** quyền hành nằm trong tay các luật gia. Đây cũng là thời thuận lợi phần nào cho Triết học.

Nhưng bước **sang thế kỷ 20 thì quyền hành về tay <u>Nhiên giới với chế độ Cơ trị</u>** (technocratie): kỹ sư nắm tay lái và gọi là thời Nguyên tử, tức là dùng khí năng thuộc nhiên giới để định tính một giai đoạn lịch sử. Bầu khí giai đoạn này đang lan tỏa và tràn vào nước ta. Công hiệu ra sao? Chỉ cần xem một ca cụ thể để rồi suy rộng ra.

Anh A yêu cô B quá xá, thế nhưng anh A không thể nào cưới được cô B nữa vì khi bà C hỏi anh học gì, anh tình thực thưa ngay là Văn khoa. Một lúc sau hỏi tiếp môn gì? Dạ rằng Triết. Cái môi của bà C tuy kín đáo nhưng đủ sức tống cổ anh C ra khỏi cổng. Than nỗi chi nữa? Ai bảo nhào vô Triết học, sao không học Dược hay Y ? Thời thế đổi rồi cu cậu ơi! Xưa thì cáng Anh đi trước võng Nàng theo sau. Nay thì xe hơi chàng chay trước, xe đạp nàng theo sau! Thời thế, thế thì phải thế. **Đời cơ trị rồi mà! Văn khoa, Triết học còn có nghĩa chi đâu**? \

Nhất là <u>Triết học lẽ ra đi với Nhân trị,</u> nhưng bên trời Âu chưa bao giờ Triết nắm được quyền hành đó, phương chi đến thời Cơ trị lại càng xuống giá. Thế là **Cơ trị nắm chính quyền** và đó là thời đại của ta khi cứ sự mà nói. Và nếu xuôi chuyện thì cứ lý khỏi đặt lại vấn đề nhưng chuyện không xuôi nên mới lại có vấn đề tìm ra điểm Đại cho Đại học, nghĩa là chúng ta phải **tìm xem "Cơ trị" đã phải là Đại chưa**? Nó đã là cái gì tuyệt đối có lý do Tồn hữu Nội tại của nó hay nó chỉ có ý nghĩa vì một cái khác thí dụ con Người?

Và nếu nó không phải là Đại tự thân, thì nhất định là không <u>tạo nổi mối Nhất quán nội tại</u> (cohérence interne) giữa các Phân khoa mà đó mới là Hồn Đại học, Hồn Văn hóa, Hồn cho Tinh thần đất nước. Và nếu đó không phải là Linh hồn thì tất nhiên nó sẽ dẫn tới tình trạng Tan nát ngổn ngang.

Do đó vấn đề hiện đại là nên <u>Cơ giới hóa con Người</u> hay là <u>Nhân bản hóa Cơ giới</u> và hiện các nhà giáo dục đàn anh đang bù đầu trước một vấn đề liên hệ mật thiết với câu hỏi trên tức là trong hai giải pháp một là <u>Chuyên môn,</u> hai là <u>Toàn diện</u> phải chọn đàng nào?

Theo **<u>giải pháp Chuyên môn</u>** thì nhiệm vụ khẩn cấp của Đại học cũng như của nhà giáo dục là phải găng sức tìm ra càng sớm càng hay cái năng khiếu nổi nhất trong mỗi học trò để mà trau dồi vun tưới cho tài năng đó phát triển tới mức tối đa. **Giải pháp này có cái lợi là sản xuất**

được nhiều nhà Chuyên viên cho mọi ngành hoạt động nên được chấp nhận nhiều bên các nước có óc thực tế như Anh, Mỹ và nhất là Nga.
Nhớ lại năm nào bộ trưởng kỹ thuật Pháp kêu cứu (S.O.S) vì nạn khan hiếm kỹ sư, bởi mức sản xuất kỹ sư kém Nga bốn lần. Lý do?
Vì **Pháp chọn lối Toàn diện. Lối này chủ trương nhằm Nhân bản hóa Kỹ thuật**, từ đó trọng tâm Đại học cũng như giáo dục hướng vào chỗ cốt làm phát triển đồng đều mọi khả năng trong con Người; đưa tất cả mọi tiềm lực đến một sự nảy nở bằng nhau để tạo nên tâm trạng quân bình. **Vì coi con Người trọng hơn Kỹ thuật và đó là lý do bênh vực hữu hiệu cho giải pháp Toàn diện này**. **Lý thuyết thì rất hay nhưng vì thiếu giải pháp hữu lý nên kết quả rất tệ.**

8.- Vấn đề Chuyên môn và Toàn diện

Đây là đại lược: **chương trình Giáo dục toàn diện** sẽ đẩy thực xa trình độ kiến thức phổ thông. Với **giải pháp Chuyên môn** thì kiến thức phổ thông thường dừng lại ở đệ tứ xuýt xoát, đàng này đưa tới tú tài II. Giải pháp này có tính tham lam, chương trình chất thật nặng, càng biết nhiều, Văn hóa càng cao và bằng càng có giá trị. Những nước mới thoát nô lệ bị mặc cảm giữ giá cho mảnh bằng theo kịp bắc metro thì còn nặng thêm nữa.

Óc "toàn diện" còn cố leo lên đến Đại học ở năm thứ nhất gọi là Dự bị dùng để trọn vẹn hóa trình độ Văn học: vài Ngoại ngữ, vài ba môn Sử Địa, Văn chương, thêm tí Cổ ngữ. Đến khi vào Chứng chỉ, chừng năm sáu môn với chừng ấy giáo sư. Sinh viên cũng theo đà tham lam mỗi năm ít nhất theo hai chứng chỉ, vị chi là 12 môn với 12 giáo sư. Kết quả: Đại học là nơi thâu thập tri thức, **sinh viên trở thành những đánh-đống-viên**: đống của ai lớn người ấy có Văn hóa cao. **Kết quả là sản ra những con người rách nát** (écartelé, nói theo chuyên môn là schizophrénie thác loạn tinh thần vì thiếu hướng) **với một mớ tri thức nửa chừng không làm nên trò trống gì có thể gọi là triệt Thượng triệt Hạ.**
"Toàn diện" trở thành "ngoại diện" (d'une encyclopédie lamentablement superficielle) duy trì mãi trình độ "nhật báo" ở Đại học, và trở thành kém cả những người theo giải pháp chuyên môn.
Giải pháp này ít ra cũng giúp nắm vững cái cần câu cơm. Có Thực rồi vực dần dần Đạo cũng phải lòi ra. Và như thế là giải pháp Chuyên môn hiện lên như một cám dỗ đầy hứa hẹn.

Tuy nhiên chúng ta không thể theo giải pháp Chuyên môn được, ít ra như hiện nay đang được thi hành vì càng ngày người ta càng ý thức sâu sắc về những ác quả của giải pháp đó, và đây là một hai lý do: trước nhất Chuyên môn từ trong bản chất là chuyên biệt nên càng rút hẹp giới hạn bao nhiêu càng hữu hiệu bấy nhiêu: học chung về thuốc không thể hữu hiệu bằng chuyên về mắt, về răng, về tim v.v… Đấy là luật tất định, nếu muốn hữu hiệu thì phải tuân theo, không thể làm khác được.
Nhưng đó chỉ là **luật của Nhiên giới đem áp dụng vào Nhơn giới thì hậu quả** là **Cơ giới hóa con người, biến nó thành những người máy** (robot), **những khí cụ.**
Con người khuôn theo nó trở thành những quái vật một mắt ti hí, hết nhìn được những vấn đề bao la Toàn diện.
Vì đã bị chi phối bởi luật chiếu giãi (loi de projection) theo đó, khi một người để hết tâm trí vào một giá trị nào, thì sẽ chỉ còn thấy có giá trị đó và sẽ nhìn mọi vật qua lăng kính duy nhất ấy.

Freud nhìn tất cả qua Tính dục.
Rousseau thấy tất cả qua Tình cảm, qua Thiên nhiên.

Platon thấy chỉ có ý niệm mới là Giá trị.
Hegel thì tôn vinh Biện chứng làm Chủ tể v.v…

Người xưa đã gửi nhận xét đó vào những câu chuyện như:

Bá Nhạc học xem tướng ngựa, trông cái gì cũng là ngựa cả.

Bào Đinh nước Tống học mổ trâu ba năm không thấy con trâu sống nào, trông con nào cũng là trâu chết cả.

Bác sĩ Knoch xem ai cũng là bệnh nhân và đã biến một thị xã thành những con bệnh tưởng tượng.

Kết quả là các khoa học chuyên biệt thay vì là một Phương tiện, đã được tôn lên bậc Cùng đích nội tại (fin en soi).
Thế là có bao nhiêu Khoa học là có bấy nhiêu Mục phiêu tuyệt đối càng ngày càng xa nhau làm đứt hết mọi Mối Liên hệ nằm ngầm.

Đại học cũng như Văn hóa hoạt động tứ tung ngũ hoành, biểu lộ một sự nghèo nàn trong đường hướng, không còn chút sinh động gì trong Tâm hồn, biến con Người thành những Bộ phận, những Dịch vụ (fonction) trong Bộ máy vô Hồn, lù lù quay như bất cứ bộ máy nào.

"Personne ne peut nier que la conscience moderne est déseperément disloquée entre ces "fin-en-soi" et ainsi les hommes ne cultivent plus que des qualités spécialisées: ils deviennent eux-mêmes des instruments" (Jung Moderne 123).

Tâm thức con người căng trên những môn Chuyên biệt được phong làm Cùng đích và hạ mình xuống làm Dụng cụ, chữ Nho gọi là khí (quân tử bất khí).
Con người không muốn làm Chủ thể nữa rồi nên nhường lại ghế đó cho Nhiên giới để đi hạ mình xuống làm Phương tiện, làm Khí cụ và trở nên một thứ man rợ, thượng lưu.

Thượng lưu cũng có mà man rợ lại càng đậm màu (xem chẳng hạn quyển La barbarie des élites của Rostenne edit, Desclé) và **như thế là giải pháp Chuyên môn cũng tai hại một cách sâu độc, nó cho một điểm quy tụ nhưng là điểm quy tụ chúi đầu xuống cái lỗ nhỏ hẹp, có bao nhiêu ngành là có bấy nhiêu mối quy tụ, bấy nhiêu đáy giếng. Và như thế thiếu xương sống trở thành vật vờ trôi dạt, vì thế nó vẫn không thắng nổi giải pháp Toàn diện dẫu giải pháp này chỉ là Ngoại diện.**

Do đó mà các nhà Giáo dục cứ còn bù đầu như con lừa Buridan tránh hùm phải hạm: cả hai giải pháp cũng có lý, nhưng chỉ ở một phương diện, nếu nắm lấy cái lý đó mà day thì trở thành thiên lệch và kết quả là cả hai giải pháp cùng làm cho sinh viên chơ vơ trong trường Học, để rồi chơ vơ trong trường Đời nghĩa là sẽ bị thả vào những ngó ngách của cuộc đời chưa được sửa soạn, chưa được nghe nói tới bao giờ.
Đó là trạng thái bi đát trong khắp các Đại học trên thế giới hiện đại và ngoại trừ một hai tia sáng le lói đó đây nghĩa là ngoại trừ những giải pháp chỉ hay có một chiều kiểu Toàn diện ngoại diện nói trên thì chưa đâu tìm ra lối thoát, nghĩa là tìm ra cái điểm gọi được là ĐẠI là LỚN khả dĩ đáng làm Trung tâm quy tụ cho mọi ngành và các nhà hữu tâm vẫn cứ đành dùng giải pháp vá víu tô trát trước những làn sóng phá hoại của cơn khủng hoảng.

Sở dĩ tôi gạch dưới 3 chữ **trên thế giới** là để nhấn mạnh tính chất phổ quát vả tỉ xích Quốc tế của Vấn đề chứ tuyệt nhiên không có ý chỉ trích Đại học nước ta.
Nói về Đại học nước nhà cứ kể chung ra cũng là bình thường nghĩa là trừ một số khuyết điểm không thể nào tránh nổi ở bước đầu và sẽ lần lượt cải thiện theo đà tiến của nền độc lập quê nước thì đại để ta theo giải pháp Toàn diện. Cái đó có những bất lợi như đã nói trên, nhưng nên nhớ bất lợi cũng như nhiều nước trên thế giới, trong đó tất nhiên Pháp là một đại biểu nổi nang (1). Vậy Đại học ta có kém thì cũng là kém một cách quốc tế chứ không phải do sự bất lực của Bộ quốc gia giáo dục nước nhà.

Trong thâm tâm các nhà dìu dắt nền Đại học cũng như Giáo dục nước ta đang sôi lên nguyện vọng thiết tha tìm một giải pháp nào vừa thâu hóa được cái lợi của hai giải pháp đồng thời tránh được cái bất lợi của cả hai bên.

Tuy nhiên đó là chuyện dài hơi, không phải một lúc mà làm hiện hình ngay lên được, muốn đi mau là hỏng việc. Trong ý hướng đi tìm đó chúng tôi thử phác họa với sinh viên một giả thuyết làm việc mà tôi xin gọi là giải pháp Mẹ tròn Con vuông.

(*1) Những khuyết điểm đó được giáo sư Gusdorf mổ xẻ trong quyển Université en question. Payot)*

9.- Giải pháp Mẹ tròn Con vuông

Theo biểu tượng Kinh Dịch **ta sẽ gọi là Vuông tất cả các môn Chuyên biệt,** vì chuyên biệt nên có giới hạn nhỏ hẹp, Kinh Dịch chỉ thị bằng hình Vuông có góc cạnh, giới mốc đóng khung. Còn **Vòng Tròn ta dùng để chỉ Đạo lý Tâm linh, nói nôm na là Đạo làm Người cái lý tưởng then chốt của đời sống con Người toàn diện**.
Đạo này hiện nay chưa có và đó sẽ là việc chúng ta phải tìm lấy bằng cách mượn dữ kiện của Cổ Kim. Đông, Tây.
Người xưa đã có nhưng nay ta không thể xài ít ra y nguyên được nữa.
Tuy vậy **ta có thể gỡ lấy chiều kích Tâm linh của Đạo xưa để làm Trung điểm cho một Tổng hợp thâu hóa mới**. **Vì tất cả sự cổ kính nhưng cũng rất mới mẻ nằm trong hai chữ Tâm linh, nó có thể giúp ta phương thế để tìm lối thoát.**

Sở dĩ **giải pháp " Toàn diện " rất hay trong chủ trương nhưng thất bại trong thực hiện chẳng qua vì thiếu chiều kích này.**
Do đó thay vì **Tổng hợp** (synthèse) thì chỉ làm được có **Tổng cộng** (syncrétisme) nghĩa là không có yếu tố khác tính mà chỉ là cộng vào, chất đống lại các yếu tố cùng trình độ, cùng lượng chất. Nhưng cộng bao nhiêu cái có góc lại cũng không làm nên được một cái vòng tròn. Học 10 môn chuyên biệt, không làm nảy thêm được bản chất của sự Toàn diện vì thiếu **chất Tổng hợp là cái chỉ tìm được nơi dòng sống Tâm linh đang chảy trong thâm Tâm nơi sâu thẳm**. **Chỉ ở đó mới tìm ra chiều kích siêu việt để bao trùm lấy các ngành ngọn.**
Chỉ có yếu tố Tâm linh mới đáng làm Căn bản, làm cái Đại để các môn khác quy tụ.
Ta sẽ biểu thị nó bằng Vòng Tròn và theo tinh thần Đông phương ta thấy Vòng Tròn bao bọc lấy Vuông. Và nôm na ta gọi là " Mẹ tròn Con vuông": theo nghĩa Mẹ đại Con tiểu. Tâm linh cao hơn các khoa vật học. Hoặc muốn nói rõ lên sự quân bình thì là "hợp Ngoại Nội chi Đạo dã". Ngoại Vuông hợp với Nội Tròn.

Nếu Tài là Vuông, còn Đức là Tròn thì Tài Đức phải cố gắng kiêm toàn nhưng bởi Vuông hay lấn át nên ta nhấn mạnh trên Tròn và nói: "Đức chi Bổn dã. Tài chi Mạt dã", Đức là Gốc, Tài là Ngọn.

Tiền nhân ta xưa đã ghi ý nghĩa đó vào **đồng tiền hình Tròn lỗ Vuông**. Lỗ vuông đâu có tiện xỏ bằng lỗ tròn, nhưng nếu không tiện lắm cho việc xỏ thì lại tiện để **biểu thị được ý hướng đặt Tình Người lên trên Tài Vật**. Tinh thần phải mạnh phải lớn đủ để bao trùm lấy con Tài.
Đạo nhân sinh phải thấu nhập được các chuyên khoa để cho tinh thần linh nhuận cõi nhiên cơ. Đành rằng thời đại này chúng ta phải **mở rộng Vuông tức phạm vi Chuyên môn** rất **nhiều, nhưng đừng để cho bốn góc vươn ra ngoài**, vì nó sẽ ngăn trở không cho bánh xe lăn được trên đường Tiến hóa toàn diện.

Đồng tiền Tổ Tiên :

Quang Trung đại bảo Quang Trung thông bảo

(Mẹ Tròn Con Vuông)

Khải Định bảo giám (mất Vuông)

Đồng tiền Khải Định

Đồng bạc (Đông dương) mất Vuông

Giấy bạc Twenty Dollars: Vingt Piastres (H. 1)

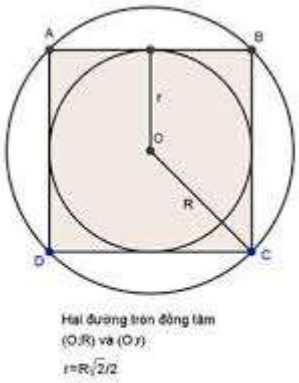

Hình 49

H2.- Hình Vuông ngoại tiếp: **Mẹ Tròn con Vuông** hoà hợp

Hoặc là (H. 1), tức là Chuyên môn choán gần hết chỗ của tinh thần, thì đồng tiền của Việt Nam mai ngày sẽ phải là (H. 2) ?
Như vậy là đúng câu: " **Tiên lập hồ kỳ Đại giả, kỳ Tiểu giả bất năng đoạt giả**" (Mạnh V. b.15). Trước hết thiết lập cái bản cốt, cái Tâm đạo cho cái Tiểu khỏi lấn át cái Đại, nghĩa là **đừng bao giờ để cho Chuyên khoa trùm lên Đạo người.**

Đạo Người thuộc thành Nhân, Chuyên khoa thuộc thành Công.

Thành Nhân chỉ có một và cần cho hết Mọi người, xét cả về mặt là Người tư nhân.
Thành công có nhiều ngành và chỉ cần chung cho Xã hội, mà không cần hết thảy cho tư Nhân. Là tư Nhân chỉ cần học một nghề đã đủ, đã chọn nghề này thì thôi nghề kia, nhưng Đạo làm người ai ai cũng phải biết phải Học, Đạo ấy không còn riêng của phân khoa nào cả.

Các phân khoa sẽ nhận thêm rất nhiều sinh viên, số người học Văn khoa sẽ rút xuống từ năm ngàn còn một hai để gia tăng số Chuyên viên. Nhưng về mặt Chuyên viên thì chỉ nên học một ngành. Nên nhờ khoa hướng nghiệp chọn cho khá hợp khuynh hướng rồi hãy đẩy đến cùng cực, để có thể khám phá thêm, hầu đóng góp vào đà tiến triển của khoa học. Muốn như thế không thể theo nhiều ngành một trật: đào hai giếng sâu 5 thước, nước đã ít lại đục, nên đào một giếng 10 thước, nước vừa nhiều vừa trong**. Cái Tài con người ta thành ở Chuyên hỏng ở Tạp**.
Vậy hãy dồn hết năng lực vào một khoa mới mong đạt độ tinh thông.
Đạt tới cái thú vui khám phá và đóng góp mà cái học lưng chừng không sao không sao có được. Thành công đã nắm vững, mưu sinh bảo đảm, riêng về phía xây đắp quê xứ số chuyên viên tăng lên mau lẹ sẽ kịp cung cấp cho một cuộc kỹ nghệ hóa gấp rút. Thế là ta nắm được cái lợi của giải pháp Chuyên môn.

Mặt khác chúng ta cố tránh ác quả của giải pháp đó bằng học thêm Đạo làm Người. Ta có thể theo lời khuyến cáo của Liên Hiệp Quốc dành ra mỗi tuần ít giờ (từ 10 đến 20%) để học Đạo Người, mà vẫn không thiệt đến Chuyên khoa. Trái lại là khác vì Đạo làm Người nếu được học cách đích đáng, sẽ làm gia tăng nghị lực Tinh thần đến độ phi thường, như trường hợp Oppeinheimer nếu không tìm ra Đạo học thì đã bỏ dở cuộc nghiên cứu nguyên tử năng. Đàng khác nếu sửa đổi theo đó thì chương trình sẽ nhẹ xuống ít gì một phần ba so với hiện đại, hơn thế nữa chuyên môn sẽ khởi đầu cách nghiêm nghị ngay từ đệ Ngũ hoặc đệ Tứ thì **dành ra ít giờ đặng học Đạo sống thật không ngãng trở sự theo đuổi việc học Chuyên khoa mà còn đưa lại cho đời sinh viên một ý nghĩa sâu xa hướng theo Lý tưởng cao trọng của Nhân sinh.**

Anh muốn học Luật? Được lắm nhưng thiếu Đạo làm Người thì thay vì tìm hòa giải anh sẽ gây thêm và kéo dài các vụ tố tụng để cho đục nước béo cò.

Anh tính làm Bác sĩ, Dược sĩ? Càng tốt, nhưng nếu thiếu Đạo làm Ngươi mai ngày chỉ gõ vào lưng người ta anh đã lấy mấy trăm bạc dầu đó là người nghèo cực và dù một ngày anh gõ hai ba trăm lần.

Anh thích học Ngoại giao? Tốt lắm nhưng thiếu Đạo làm Người thì khi đi làm Đại sứ thay vì tìm Thị trường cho nước, anh chỉ lo sao trong cái Vali ngoại giao còn có chỗ để dollar và hột xoàn…

Anh thích học sư phạm? Được rồi nhưng thiếu Đạo làm Người anh sẽ đào luyện trẻ em theo cái mô phạm cái dạng thức nào đây?

Nếu theo dạng thức Người thì phải tri Nhơn. Mà tri Nhơn thì học ở đâu ngoài Đạo làm Người?

Các ngành chuyên biệt khác cũng thế có lấy Đạo làm Người làm mối Hội thông mới có mối Liên hệ sinh động và cố kết lấy nhau và từ đó Văn hóa mới thêm linh hoạt và xã hội con Người mới mong thấm nhuần Nhân hậu và Khoan dung.

Và có thế sinh viên mới đáng là sinh viên vì có Đạo Nhân sinh thấm nhuần cái học chuyên biệt để bao quanh bằng một vòng đai Tinh thần Nhân ái. Thế mới đúng nghĩa sinh viên nghĩa là sống cái Tròn nếu không thì chỉ là sinh Vuông vì dồn hết sinh lực vào những cái chuyên biệt cục hạn có góc Vuông thuộc mưu sinh mà chưa là Nhân sinh lý tưởng.

Cho được là Nhân sinh phải thêm cái Vòng tròn Tinh thần. Muốn thêm cái Vòng Tròn thì phải học thêm, học mãi, không học làm sao biết được Đạo làm Người.
Để làm một Cơ khí, kiến trúc một cái Nhà hay biết những món Chuyên khoa hướng đến cuộc sống thông thường còn phải chuyên chú cả đời. Huống chi cái Lý uyên nguyên của cuộc sống Nhân sinh toàn diện luôn luôn biến diễn trên con đường mỗi ngày mỗi mở vào sâu thẳm thì không học làm sao mà biết. Đã không biết thì đời sống trở thành phi lý và Triết học chỉ còn có một việc khẩn thiết là vấn đề nên Tự tử hay không?

Sao lại đặt vấn đề thế: **lẽ ra phải hỏi tôi có đáng sống chăng vì nếu sống thừa thãi (de trop) trong cái vô tri nhầy nhụa thì chết là phải rồi cần chi phải đặt vấn đề nữa**?
Rõ thua cả thế nhân họ không đặt vấn đề mà chỉ có việc tự vận và sát nhân. Tỉ số sát nhân, tự vẫn và loạn óc gia tăng theo hàm số tiến bộ của mực sống và tiện nghi, như những nước có mức sống cao nhất (Mỹ, Thuỵ Điển…) chứng tỏ điều đó trước sự kinh hoàng của các nhà xã hội học.

"Seulement voilà ces hommes suédois ne sont pas heureux. Champions du confort et de la productivité, ils sont aussi champions du suicide et du divorce, de l'aliénation mentale, de l'alcoolisme et de la délinquence juvénile… Le Suédois ont découvert une nouvelle misère impossible à guérir par les moyens mêmes qui l'ont engendrées. **On ne peut pas fonder une civilisation par la méconnaissance de la réalité humaine** (Introd. Sc.h.p.473).

Trạng huống bi khổ gây nên do nghèo nàn có thể chữa bằng nâng cao mức sống, nhưng khi nỗi bi khổ lại thoát thai từ mức sống cao thì không thể chữa bằng nâng cao mức sống. Vì có trường hợp những nhà cự phú không tìm ra lẽ sống lên máy bay tự lái đâm vào núi để chấm hết một sự sâu xé trong tâm hồn.

Không thể xây đắp một nền Văn minh chân thật trên sự thiếu hiểu biết về con Người.
Do đó muốn tiến bộ trung thực phải biết Đạo Người.

Đành rằng không phải cứ học Đạo là mọi người trở nên tốt. Nhưng không lẽ vì thế mà Đại học buông xuôi trách nhiệm dạy Đạo làm Người.

Đành rằng hiện thời trong các Đại học không phải không có dạy Đạo đó nhưng rất thiếu sót và tản mát, nên tuy **trong số những nhà trí thức xuất thân trong những Đại học hiện đại vẫn có những Tâm hồn cao thượng của con Người chân nhân, bất kỳ ở đâu và bao giờ cũng có những con Người như thế, nhưng họ phải tự lực học thêm quá nhiều. Họ là những bản lãnh cao cường đủ sức chống lại các ảnh hưởng ly tán của trường ốc, nên khi tốt nghiệp học cũng còn giữ được khả năng tốt Người, nghĩa là còn bảo toàn được ít nhiều đức tính**

làm Người để rồi tự tài bồi vun tưới cho đến độ làm Người toàn diện chân thực. Tuy nhiên số đó hiếm hoi.
Nay nếu nhà trường đi theo **lối Thống nhất** "**hợp Ngoại Nội chi đạo**" thì số đó sẽ gia tăng có thể lên tới năm sáu mươi phần trăm. Nhưng dù gia tăng bằng nào đi nữa (cái đó còn tuy nhiều hoàn cảnh) Đại học cũng đã chu toàn sứ mệnh cao cả của mình, đó mới là điểm quan trọng.

Trở lên là sự phác họa sơ sài ít nét một **giải pháp hợp Tinh thần Dân tộc**, nó khác với những giải pháp hiện hành. Những **giải pháp này khi thì Mẹ Vuông Con Tròn**; có khi Mẹ đã Vuông lại còn đánh trụt thai nên đứa Con Tròn chỉ còn là bèo bọt của Hạ tầng cơ sở…

Tất cả đó là Tinh thần Ngoại lai đang tàn phá chút Di sản Nhân bản Tâm linh của Dân tộc còn sót lại.

Đừng ai tưởng rằng Tinh thần đó hủ bại, mà ngược lại nó đang được các nhà trí thức thượng đẳng cổ võ và hiện nay đã có những ánh vừng đông huy hoàng ở hai **khoa Vi thể** (Micro-physics và **Thâm-tâm-y** (psychosomatique) là hai khoa dẫn đầu trong việc tiến vào sâu thẳm và cũng là hai khoa giàu chất **Tổng hợp Đông Tây, Đạo đức và Khoa học**.
Hơn thế nữa đã có những mẫu Người Tổng hợp đó. Họ là một Jung, một Einstein, một Oppeinheimer. Tôi chỉ trưng lời một người trong họ tức nhà Toán học trứ danh Schrodinger, đại để ông viết:
Càng ngày chúng ta càng nhận thức rằng Chuyên môn không phải là một đức tính mà chỉ là một sự khốn khổ không thể tránh được, và một sự nghiên cứu chuyên biệt chỉ có giá trị của nó khi đã được hòa hợp vào cái biết Toàn thể.

Ông có trưng một bài "Những Đại học của Đức quốc", năm 1957 với một đề nghị cải tiến như sau: "Tout professeur d'université devrait se montrer capable de voir des limites de sa matière… qu'au delà de ces limites interviennent des forces qui ne sont plus entièrement rationnelles, mais jaillissent de la vie et de la société humaine elle-même, de montrer à propos de chaque sujet qui conduit au delà de ses propres limites étroites vers le chemin les horizons plus larges auxquelles il appartiennent… (Science et humanisme p.19-20).

"**Lẽ ra mọi giáo sư Đại học đều phải nhìn thấy giới hạn của Khoa mình dạy để nhìn ra được những sức mạnh ngoại lý đang tràn lên tự đời Sống, từ Xã hội, để từ những Giới mốc của Khoa mình có thể chỉ trỏ cho sinh viên hướng đến những Chân trời rộng lớn hơn**.

Tác giả thêm: "Gardez le contact avec la vie, non pas tant avec la vie pratique qu'avec le fond idéal de la vie qui est toujours plus important"

"**Cần phải tiếp cận với đời Sống, không phải đời Sống ăn làm nhưng là với cái nền tảng lý tưởng của dòng Sống sinh linh là cái bao giờ cũng tối quan trọng".**
Cái ông gọi là "Căn cơ Lý tưởng của đời Sống" thì chúng ta gọi là " Tâm linh " hoặc " Đạo làm Người ", là cái vòng tròn Nhân ái Khoan dung bao phủ lấy các Tài năng kỹ thuật tột bực.

Những người đó **Jung**, **Einstein** xứng đáng làm thầy chúng ta vì **nơi họ tài ba kỹ thuật Tây Phương được lồng vào Tâm hồn kẻ sĩ Đông phương: Nhân hậu, Bao dung, Quảng đại.**

Hiện nay ảnh hưởng họ đang lan tỏa và đã gây tiếng vang nơi cơ quan "Văn hóa Liên Hiệp Quốc" (xem Education et humanisme. UNESCO 1951).
Trong một phiên họp của cơ quan này **có lời khuyến cáo nồng nhiệt nên cho sinh viên các khoa khác nhất là khoa học nghe thêm ít giờ Triết lý.**
Đó là dấu hiệu báo trước lối thoát kiểu mẹ Tròn con Vuông. Tuy nhiên đó mới là lời khuyên. Vì một số điều kiện chưa hội đủ nên chưa mấy được thực thi. Do đó hiện tại bầu khí Cơ trị vẫn tiếp tục bao trùm con Người.
Triết lý vẫn bị khinh khi là " kính nhi viễn chi". Tại sao? Đó là điều chúng ta cần bàn tới.

10.- Triết lý với Đại học

Chúng ta nghĩ gì về chuyện Triết học bị khinh? Thưa đấy là một thảm trạng. Thảm trạng vì Triết học bị khinh thì ít, nhưng trầm trọng hơn là **chính Triết học cũng có chỗ đáng khinh**.
Lý do là vì Triết học đã không chu toàn nổi Sứ mệnh cao cả của mình tức cũng là Sứ mệnh của Đại học, nghĩa là tìm ra và phát triển cái Đại học, tức cũng là Đạo học hay là Triết lý Nhân sinh. Đàng này Triết học đã hầu hết trở thành một Tiểu tri kiểu chuyên khoa, nghĩa là cũng khép mình vào những phương thức của khoa học: từ địa vị bà Chúa trụt xuống làm Tiểu tri làm con Sen cho khoa học và xin khoa học ban cho một phép lành, một cái gật ưng chuẩn.
Triết học sa đọa từ đấy và hầu hết Triết học gia chỉ còn là những nhà bác học và biến Triết học thành những khoa chuyên môn với đặc tính của chuyên biệt tức là tự ly khai với các khoa học khác, hay nếu có đề cập đến thì lại đứng trên cùng bình diện hiện tượng như các khoa thì từ lúc ấy đã trở thành vô tích sự, chẳng hạn khi Triết muốn đề cập khoa học kiểu khoa học thì sẽ biến Triết thành bản tổng kết các thứ khoa học.
Kết quả là khoa học không ra khoa học, Triết học chẳng ra Triết học và từ đó ly dị với đời sống Tâm linh, đi bàn những vấn đề xuất thế gian bằng những danh từ kỳ dị chẳng mấy ai hiểu được. Còn những vấn đề đang làm bù đầu óc loài người thì lại chẳng nhận được tia sáng nào từ Triết học cả.
Đó là lý do khiến người đời coi thường Triết học, kể như một đồ xa xỉ thừa thãi.
Đấy là một trong những lý do khiến Cơ giới cứ phải tạm giữ tay lái con thuyền đời sống mặc dầu không thấy phương hướng đâu cả, vì khoa học có phải thiết lập ra để theo đuổi chuyện đó đâu?

Nó thuộc về Tổng hợp còn khoa học thuộc về Phân tích kia mà.
Ngày nay các bậc trí thức chân chính nhất trong nhân loại đều tin rằng: cái thiếu cho con Người hiện đại không còn phải là Khoa học nữa nhưng là một Triết lý Nhân sinh, một Đạo làm Người. Lối thoát cho Nhân loại phải tìm về phía này. Vậy điều quan trọng cần thiết hiện nay là làm thế nào cho Triết lý trở thành Đạo làm Người. Điều đó chưa có, nên ở trên tôi chỉ nói Đạo làm Người mà không nói tới Triết.

Vì triết có hai loại, **một thuộc Hàn lâm** trường ốc thì có đã từ lâu rồi; còn **triết lý Nhân sinh** thuộc loại hai thì mới khởi lên từ Schopenhauer và Nietzche, truyền qua Jaspers và Heidegger… nhưng đó mới là những cố gắng rời rạc còn lẫn nhiều yếu tố hàn lâm, chưa đủ trở thành một nền Triết lý nhân sinh có đầy đủ uy tín. Cũng vì thế mà các điều bàn luận trên đây chỉ là tìm hướng cho công việc nghiên cứu của chúng ta chứ chưa dám coi là một đề nghị với quốc dân hay chính quyền chi cả.

Trước khi nghĩ đến chuyện đó **chúng ta còn phải gắng sức làm việc nhiều lắm, cố làm sao cho Triết học chu toàn được Sứ mệnh của mình là tìm ra cái mối Quán thông, tìm ra cái Bổn cái Đại, tìm ra cái Toàn diện, cái Bao dung thể. Vì khi tìm ra được nó sẽ trở nên bà Chúa đôn đốc các khoa học khác.**

Nếu sánh nền Đại học của một nước như Thái dương hệ mà mỗi Hành tinh là một Phân khoa hướng dẫn cho một ngành hoạt động thì Triết lý phải là định Tinh ở trung tâm: nó phải nóng hơn, sáng hơn để tung toé ra chung quanh nguồn nghị lực để nuôi dưỡng và sưởi ấm tất cả mọi Hành tinh, ràng buộc trong hệ thống để Thái dương hệ khỏi tan loãng trong Thiên Cầu vô tận.

Để kết luận chúng ta có thể nói như sau. **Theo tinh thần cố hữu của Dân tộc Việt Nam thì sự Vật bé hơn con Người. Con Người Tiểu ngã nhỏ hơn con Người Đại ngã Tâm linh**.
Vậy **nếu sứ mệnh Đại học là đi tìm một Trung điểm làm mối Hội thông bao quát được mọi khoa để điều lý và linh động hóa tất cả thì cần lấy Nhân bản Tâm linh làm căn bản cho mọi ngành tri thức. Ngành nào không quy chiếu vào con Người không thể gọi là Đại học tự Thân, người nào không sống Đạo làm Người không phải là Đại nhân, dẫu là một Thiên tài đi nữa, nhưng họ chỉ là một chuyên viên với một mớ tri thức về sự vật**.

Biết Vật bé hơn biết Người. Đại học chính tông phải lấy Tri Nhơn làm hướng học tập, lấy Nhơn trị làm phương châm tác hành. Cần đào luyện sao cho chuyên viên vẫn còn là Người, không để cho Nhân cách của chuyên viên bị trầm diệt dưới những đống tri thức cứng lạnh để cho "sự méo mó nghề nghiệp" rút hẹp nhãn giới lại quá đáng đến nỗi lấy tiểu làm đại.

Sứ mệnh Đại học Việt Nam mai ngày là phải làm thế nào để Vận mạng quốc gia không bị đặt vào tay những Kỹ sư, Bác sĩ, Luật sư, Công chức, gGáo chức v.v… vì đó là những thứ mắt đã trở thành cận thị và lòng đã se cứng trước Tình nhân loại chỉ còn biết thâu quén cho đầy túi tham, hữu hiệu nhất để dẫn Quê Nước tới hố bại vong.
Vì đó Đại học phải làm thế nào để Vận nước được trao vào tay những Người-kỹ-sư, Người-luật-sư, Người-công-chức, Người-giáo-chức… Nghĩa là những người có lòng Nhân hậu có Tình người bao trùm lấy những tri thức chuyên môn. Tuy là Bác học gia, Khoa học gia mà lòng vẫn còn biết rung cảm trước những đau khổ của tha nhân, chí vẫn biết thành khẩn lo lắng cho tiền đồ Quê xứ và trong đáy lòng vẫn âm vang tiếng vọng Siêu Linh. Nếu muốn như thế thì cái Đại sẽ không còn phải là tu Văn, tu Lý, tu Cơ hay tu bất cứ cái chi chi khác nhưng là tu Thân. đào sâu thêm mãi cái hố phân ly đang há hốc miệng giữa Bình dân và Trí thức, giữa Bần cùng và Giàu sang, tức là con đường Tu Thân.

Đừng hiểu tu Thân theo nghĩa nhăn nhó co ro của những thứ kiểm tục hương nguyện nhưng phải hiểu theo nghĩa uyên nguyên cao cả của nó thì **Tu Thân chính là dùng Văn hóa chân thực làm cho phát triển đến cùng cực tất cả mọi Cơ năng thuộc Thân cũng như Tâm. Nói khác tu Thân là con đường hữu hiệu nhất để đưa đến Thiên Địa chi Tâm, chính là nền tri thức Quán thông Thiên Địa của những chơn Nhơn, tức là cái biết cao sâu nhất, vĩ đại nhất: là Đại học trên các Đại học**.

Nếu hiểu tu Thân theo nghĩa trung thực đó thì chúng ta dám mượn nguyên lý của sách Đại học để chấm hết rằng: " **Tự các thứ công tử dễ kiếm tiền: Y khoa, Dược khoa, Cơ khí, Điện năng… dĩ chí ư các thứ kiếm khó hơn một chút như Luật khoa, Hành chánh, Quân sự, Thương mại, Báo chí huống chi là Văn khoa… nhất thị giải dĩ tu Thân vi bổn** (1).

"**Kỳ bổn loạn nhi mạt trị giả phủ hỹ. Kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã**": **gốc loạn mà ngọn trị không thể có. Cái đáng phải thâm hậu lại phớt nhẹ, để nhấn mạnh trên cái chỉ cần lướt nhẹ, làm như thế mà mong được việc thì chưa hề có bao giờ vậy."**

I.- TỪ TRIẾT LÝ TỚI ĐẠO HỌC

I.- Triết lý là gì?

Nếu đem câu đó ra chất vấn các Triết học gia thì hầu hết họ sẽ lúng túng không đưa ra được một định nghĩa dứt khoát. Họ lúng túng vì họ đã đi được một bước tiến bộ chân chính nên đã trút bỏ được thái độ chắc mẩm lúc xưa. Khi ấy nếu ta hỏi Triết là gì thì các Triết học gia sẽ đọc trơn tru cho ta nghe câu đã coi là sở đắc từ lâu rằng "**Triết học là một khoa học hiển minh và chắc mẩm về những sự vật, biết cho tới tận những lý lẽ, những căn nguyên sâu xa nhất**". "Scientia rerum certa et evidens per altissimas causas et rationes".
Đó là câu định nghĩa nền móng đã chi phối Triết học Lý niệm từ hai ngàn năm. Và nay các Triết học gia muốn đưa ra câu định nghĩa khác thế vào thì vẫn chưa thoát khỏi vòng kiềm tỏa của nó như sẽ nói sau.
Lấy tâm trạng người thời nay mà nhận xét thì có hai điều đáng nói. **Trước nhất ít khi người ta gặp một câu nói vắn tắt mà lại chứa chấp nhiều điều lầm lạc như thế. Thứ hai là dọc dài qua bao thế hệ không một ai nhận thức điều đó, phải đợi đến thế kỷ này mới phát giác ra và cũng là việc mới mẻ do một số người mà thôi**.

Rồi đây xuyên qua các khóa giảng chúng ta sẽ có dịp bàn đến từng điểm. Ở đây trong bài khai mạc chỉ cần và đủ nêu ra một chữ trong câu định nghĩa trên, đó là **các Vật: Rerum, des Choses**, **Triết học là khoa học về các sự Vật**. Xin nói ngay là **Triết đã lấy sự vật làm trung tâm suy tư** và vì Triết học là khoa nền móng mà đã khởi đầu từ sự Vật thì tất cả sau này hết mọi vấn đề đều phải khuôn theo phạm trù của sự Vật kể cả khi bàn đến vấn đề rất tinh tế như Thiên, Tính mệnh, Linh hồn, sự sống v.v… thảy đều mang sắc thái sự Vật.

Nói đúng hơn đuổi theo bóng sự Vật, nghĩa là còn ở bên dưới Khoa học thực nghiệm. Đàng này đuổi theo bóng theo hình ảnh của sự Vật.
Có ích ở chỗ nào chưa ai chỉ ra rõ được nhưng hiển nhiên là đã giản lược con Người thành một Quặng kim khí phải tuân theo mọi phạm trù và luật tắc chung của sự Vật, thiếu mất hẳn tính chất âm u linh động tư riêng của con Người.

Con Người trở nên như Quặng kim khí nên hoàn toàn thoát xác. "L'existence humaine a été minéralisée, fossiliée. La réalité, humaine a été dissoute. L'individu désincarné se trouve réduit à la condition de cas particulier d'application d'une loi générale… Ce n'est pas par un simple rencontre de hasard que la loi morale évoque pour Kant le ciel étoilé don't les astres obéissent de toute éternité aux lois rigoureuses des l'astronomie. (Morale, Gusdorf 170).
Không phải vì vô tình mà Kant đã ví Luân lý với bầu trời có trăng sao đã từ đời đời vâng theo những luật lệ khắt khe của Thiên văn tức sự Vật kiểu khoa học.

Tình trạng đó ăn khớp với câu Kinh Lễ:

"**Nhân hóa Vật**: **diệt Thiên lý nhi cùng Nhân dục**":

Người hóa Vật, cái đức Sáng bẩm thụ của Trời Đất mờ tắt mà Lòng dục vọng của con người thì đi đến chỗ cùng cực, ngay những chốn linh thiêng đạo đức ta cũng thấy sặc mùi lợi danh vật chất. Quả thật người ta đã không quá lời khi bình luận **Triết học Lý niệm là bộ môn phi Nhân hóa con Người**. "École de déhumanisation" (Métaphysique, Gusdorf 167).

Câu định nghĩa cổ điển trên kia tuy phát xuất từ **Aristote** người đã bàn về vật thể và các sự quy định về vật thể (substance et ses déterminations) gọi là phạm trù nhưng căn nguyên sâu xa hơn thì do **Platon** người đầu tiên **đã phân biệt Thế giới khả giác khỏi Thế giới Lý niệm cách quá đáng vì đã coi khinh thế giới Khả giác, cũng gọi là Trần thế, để đề cao Lý giới bắt Trần giới phải căn cứ vào Lý giới để tìm lý do tồn tại và tiêu chuẩn giá trị.**

Điều đó không phải không có lý do vì con người phải có một lý tưởng cao xa hơn xác thân vật chất, nhưng cái lầm của Platon (hoặc của những người giải nghĩa sau) nằm trong chỗ phân đôi rồi chọn bên kia bỏ bên này như chúng ta sẽ học về sau.

Điều đáng nói ở đây là những hậu quả của sự phân tách đó dẫn tới chỗ Đạo, Đời ly gián. Con người xác thịt phải tuân theo những dạng thức đặt bên ngoài thế giới, mà không được đếm kể gì đến những Nhu yếu về Xác thân, Tình cảm, Tâm tư.

Do đó những người mẫu của Triết học đưa ra thường bị coi là những mộng du, những thứ người thoát xác mất nhân vị (philosophie dépersonnalisée). Người dưới phố không thể nào nhận ra được mình qua những mẫu người của Triết học gia nên họ cũng thôi luôn không thiết tha đến Triết học nữa**.**

Từ đó Triết học trở thành môn học do chính quyền cung cấp, trở thành một ngành chuyên biệt đặt ngoài lề đời sống, không còn quan thiết đến Nhân tâm Thế đạo, không còn mối Liên hệ nào với đời sống như đáng lẽ nó phải là thế. Chính vì vậy mà Tôn giáo phải gánh vác thay cho Triết lý nhiệm vụ hướng đạo đời sống. Cho tới lúc thế lực của Tôn giáo giảm sút thì đời sống trở nên con thuyền không lái, bồng bềnh trước các cuồng phong loạn thổi.

Những người thức thời cảm thấy cần một hướng đi, một ngọn đèn pha soi cho con thuyền đời sống và từ đấy dần dần người ta nhận ra chỗ tai hại gây nên bởi chữ sự Vật do Aristote đưa vào Triết để chống đối lại sự phân tách thế giới Giác quan ra khỏi thế giới Lý niệm do Platon đề xướng.

Nietzsche cho sự phân chia này là một lời rủa sả độc địa đè nặng trên hai mươi lăm thế kỷ Triết học cổ điển vì nó khiến con người bị "vong Thân", bị "sa đọa" chìm mất tăm vào giữa thế giới sự Vật về hai phương diện Luân lý cũng như Tri thức.

Về mặt Luân thường Đạo lý thì con người phải vâng phục các luật lệ của cõi Lý niệm đặt xa con người không có gì tự Nội khởi phát xuất từ tính Đồng nhiên con người cả. Do đó Đạo đối với con Người trở nên cái gì xa lạ lạnh ngắt. Học là học, không ăn nhằm chi tới Hành cả.

Về phương diện Tri thức thì chính sự Vật quy định chủ tri như con dấu in hình xuống sáp mềm. Chủ tri là miếng sáp mềm nhận lấy ấn tượng y nguyên từ sự Vật in vào chứ tuyệt nhiên không góp chút chi tỏ ra là Chủ động. Một vài việc được gán cho như Lý trí tác động (intellect agent) cũng loay hoay trong vòng Tiếp với nNn nên có thể nói là không có Chủ tri vì hoàn toàn thụ động tiếp nhận cho nên xét về cả hai phương diện ta thấy chủ tri **hết còn là Chủ tri mà là Thụ tri**, nghĩa là không được đếm kể chi tới. Không ai ngờ đến sự có một Chủ tri nữa.

Mãi tới **Descartes mới hé thấy sự hiện hữu của Chủ tri** trong câu nói thời danh "**Tôi suy tư vậy là có Tôi**". Với câu đó Descartes được một số sử gia dành cho danh dự mở màn giai đoạn

mới gọi là giai đoạn khám phá ra Chủ tri (La découverte du sujet), y như nhà thiên văn mới phát kiến ra một ngôi sao lạ cho tới đó chưa ai hay biết. Trong bầu trời Triết lý tức là bầu trời có những quyết định căn cơ hướng dẫn vũ trụ nhân sinh trong thời cổ điển, chỉ có khách thể với chân lý đối vật (La vérité- objet: veritas est conformitas intellectus ad rem) nghĩa là **Chân lý được đẽo gọt hoàn toàn theo sự Vật chứ không kể chi tới nhu yếu thâm sâu của con Người**. Nay nhà thiên văn Descartes mới khám phá ra ngôi sao mới, gọi là cái Tôi và từ đấy cái Tôi sẽ dần dần không còn đáng ghét nữa.

Descartes xóa bảng (tabulala rasa) không kể gì đến thế giá Người xưa, xóa hết mọi tập truyền bấy lâu đã đè đầu cỡi cổ cái "Tôi" để cho Tôi lấy lại được địa vị để cũng như ai kia đươc đứng trong vòng Trời Đất thì tôi cũng có đây; ego sum: có mặt Tôi đây.

Bao nhiêu quyết định về Tôi phải chờ là phiếu của Tôi, ít ra phải chờ Tôi giơ tay lên, chứ không phải giúi đầu Tôi xuống mà đóng búa vào. Đó là sự phát kiến của Descartes.

Thực ra Tôi đi quá mau. **Những câu đó Descartes chưa hẳn nói lên được xác thiết như thế, phải chờ đến Kant. Descartes mới như người đang ngủ say chợt tỉnh dậy nhận ra là có Mình, thế thôi, chưa kịp đòi quyền lợi gì cho mình cả, thì đột nhiên lại lăn ra ngủ nữa, nên đã để cho "tôi suy tư" đốc ra "sự vật suy tư**" (res cogitans: chez Descartes ego dégénère en chose pensante), đến nỗi linh hồn cũng bị đạc điền như một sự vật có trương độ vậy, nên Ego đó mới chỉ là ngoại ngã, một cái ngã bì phu dưới quyền chi phối của tượng vật (phantasma) Descartes tuy được công kênh lên bậc "đại Triết gia" nhưng nay vào số những Huyền thoại đang bị ủi đi (xem trong quyển Nhân Bản). Thế giá của Descartes như là nhà khoa học có lẽ sẽ còn phần nào, nhưng thế giá Descartes như một Triết gia đang bị chối cãi cách nghiêm nghị. Nhiều sách triết không chịu nhắc đến tên ông nữa (chẳng hạn Vies et doctrines des philosophies, W.Durant), hay có nhắc đến là để bóp cho tan (xem Bachelard…) và phần lớn Triết sử gia đào mốc phân ranh Triết mới cũ đem chôn sang một tên tuổi khác, đó là Kant.

Kant mới thật là người cách mạng. Kant có lý khi ví mình như Copernic bắt trái Đất phải xoay quanh mặt Trời, bắt sự Vật phải xoay quanh Chủ tri. Chủ tri bây giờ mới thật làm Chủ nắm quyền định đoạt và trở nên Trung tâm quy định dạng thức của sự Vật. Sự Vật trở nên Thụ tri phải nép mình qua khuôn thước, qua phạm trù của Chủ tri. Chủ tri không cần xét tới sự vật, vì đã sẵn có những khuôn thước rồi, nên Chủ tri cũng gọi là Lý trí tiên thiên, tiên nghiệm. Cần gì phải nghiệm, mình làm chủ mà, muốn thành méo tròn, đỏ đen, tụi vật thể đều phải tuân theo hết thảy. **Kant đã cho mình là thức khỏi giấc mơ giáo điều của sự Vật** (sommeil dogmatique). **Tuy vậy sau này Kant sẽ ngủ lại dưới chăn gối của duy sùng mộ piétisme**… bỏ cuộc khám phá dở dang để mãi tới thế kỷ 20 mới được **Heidegger** nối tiếp (xem Kant et le problème de la Métaphysique) **con đường của ông đã hé thấy nhưng không bước vào được**. Trong khi chờ đợi thì con đường Lý niệm cũng gọi là duy Tâm (idéalisme, là tên cũ đặt cho giai đoạn thứ hai này) được Hegel nối tiếp. Với **Hegel tinh thần con người không còn quy định sự vật mà là tạo dựng sự vật. Tạo dựng! Như thế con người là Tạo hóa rồi còn chi? Đúng thế với Hegel, con người được nâng lên hàng Tạo hóa, nhưng là một Tạo hóa vong Thân còn đang say ngủ, tuy nhiên vẫn là Tạo hóa trong cái diễn biến đang hình thành**. **Khi cuộc diễn biến đã đạt đích thì con người sẽ nhận ra mình với tinh thần tuyệt đối là một.**

Cuộc khám phá Chủ tri đến đây là tuyệt đỉnh rồi, không còn đẩy xa hơn được nữa! Thế nhưng với con Người thì sao? Thưa "rằng cao thì thật là cao" nhưng cao quá có còn đủ dưỡng khí cho sự hô hấp của con Người hiện tại chăng? Con Người không phải chỉ có lý trí nhưng còn cả một Xác thân với một khối Tình luôn luôn chực tràn bờ với bao uẩn khúc tư riêng… **Con người đó có chịu theo Hegel chăng, hay nó sẽ theo Triết lý con heo của Trang Tử**. Chủ tế đề nghị giết Heo tế trời, Heo chịu thì được làm Heo của Thiên. Heo của Thiên thì tất nhiên cao hơn Heo.

Nhưng Heo nhất định từ khước chức làm Heo của Thiên để ở lại chuồng làm Heo của Heo.
Cao thì nhất định không bằng nhưng sống mạnh, sống đầy đủ đời sống con Heo.
Vậy là đủ cho Heo rồi. **Cho nên thái độ của Heo dứt khoát với chủ tế Hegel. Không thể ông ta dắt đến bàn thờ của nhà nước (Hegel chủ trương étatisme). Nhất định Adieu. Chấm tròn. Xuống dòng. Sang trang để viết một trang sách mới với những đại diện cho thái độ "bảo sinh" tức là Hiện sinh với thời trang là Duy sinh.**

II.- Từ Duy sinh đến Hiện sinh

Hiện sinh chủ trương chống đối Lý trí, chống lại óc duy Lý của thời cổ điển lấy tiêu chuẩn mãi ở thế giới đâu đâu mà "Hiện sinh" gọi chung là Triết lý ngoài Vũ trụ, ngoài Thời gian (philosophie acosmique, extra-temporelle) **Triết học tháp ngà, Triết học thưởng ngoạn: mắt nhìn cùng bốn phương, miệng nói như thác chảy, mà tay thì khoanh dính đét vào mình**. **Hiện sinh đề ra một Triết học mới gần gũi ngay ở Đây và Bây giờ (hic et nunc) trong không gian và thời gian, một triết lý ghé vai, xắn áo, lăn lưng vào đời: đưa vào một cách thế hiện diện hữu hiệu giữa hoàn cảnh (en situation) đầy bất trắc ngẫu nhiên, phi lý, bi đát, nhầy nhụa… Hỡi người hãy sống cái sống hiện tại đang triển diễn ra trước mắt đây này**.

Nhìn bâng quơ ngoài xa xăm mà làm chi. Những lời "bảo sinh" đó quả là hữu lý nên được một số tín đồ cuồng nhiệt ùa theo, tạo thành một lối sống bừa bãi bệ rạc gọi là thời trang Hiện sinh, sẽ làm hạ giá Hiện sinh rất nhiều và trên kia khi nói đến Heo là tôi nghĩ đến những hiện sinh rẻ tiền, những thứ "duy sinh" theo nghĩa chợ Cầu Muối. Tuy nhiên đó chỉ là những mương những tép, chúng ta nên lờ đi và tiến sâu hơn để tìm ra cái tinh tuý của Triết học Hiện sinh, để lên sổ những sở đắc mới mẻ của họ. Đây là một giai đoạn Triết lý khá phong phú dệt bằng những khám phá tưng bừng, nghĩa là nhiều nhận thức về những giá trị cho tới đó bị quên nhãng hay không được ý thức sâu xa. Chúng ta cần ôn sơ qua các giá trị đó để biết được phần đóng góp của Hiện sinh và nhất là **để hiểu được hiện tình Triết học đang đi đến đâu.**

Trước hết phải kể đến cuộc khám phá xác thân. Xác thân bị quên bẵng dọc dài từng ngàn năm của Triết học Lý niệm, và đó cũng gọi là thời Duy linh, con người được phong làm Thiên thần (angélisme). Noblesse oblige. Bao nhiêu chuyện thuộc thân xác hay bị coi là đồi bại hay ít ra không dám bàn đến để tìm cách thỏa mãn những nhu yếu căn bản của con Người sống trong xương trong thịt: cần phải ăn uống, phải tình tự yêu thương v.v… lại còn coi khinh thường hoặc đặt dưới bao điều cấm kỵ trái ngược. Nhưng con người làm sao giữ được. Chính vì vậy mà Triết học đã sản ra một lũ ăn vụng khổng lồ. Ngày nay khi khám phá ra thấy đó cũng là những việc đáng tôn trọng lắm.

Với Kant có hai điều đáng kính: một là Lương tâm luân lý, hai là Tầng trời lấp lánh trăng sao.

Với Nietzsche chỉ còn lại một điều đáng kính là đi cầu trơn tru không vướng mắc!

Một khám phá nữa cũng kinh khủng không kém, xuất hiện ở phía nam huyệt đơn điền: khu "trù mật" (danh từ của sinh viên y khoa) được Freud chọn làm tổng hành dinh cho mọi tác động của con người (pansexuel) trong Phân tâm học của ông.

Ông cho rằng vì con người đã dùng huý kị dồn ép các nhu yếu sinh lý nên nảy sinh vô vàn bệnh thần kinh v.v… Chủ trương của ông tuy quá đáng nhưng cũng khiến con người phải nhìn nhận mình thiếu của vấn đề Sinh lý.

Và đây là **một khám phá nữa rất quan trọng là khám phá Tha nhân.** La découverte du toi, d'autrui, d'altérité. **Với Triết Vật bản không có Tha nhân. Chủ tri còn chưa có, có sao được Tha nhân**. Thành thử Tha nhân bị coi như những "Cela" ở ngôi thứ ba, cùng một đợt với tĩnh

Vật, không liên hệ chi tới mình. Đến nay khám phá ra Tha nhân như một ngôi vị, một hữu thể mà mình có thể thiết lập đối thoại, thông cảm, một hữu thể ở ngôi thứ hai (je-tu, Buber) mà tôi phải kính nể, phải coi trọng ý kiến… Vì hầu chắc hẳn cũng là Người chứ không phải là tĩnh Vật như triết cổ điển ngầm hiểu thế. Sự khám phá này ảnh hưởng vào thái độ ở đời của tôi. Thay vì độc thoại hay thái độ chỉ biết có mình (Narcise) tôi phải cảm thông, phải chấp nhận Tha nhân**.**

Do đó cần phải bỏ thái độ độc hữu, độc tôn, độc quyền. Xin hãy chấm dứt thời đại "Duy", bất kỳ duy nào cũng là một bệnh hoạn, dẫu là Duy lý hay Duy linh, Duy vật hay Duy thần. Thánh, Thần, Vật, Linh, hễ đã nhốt vào phạm trù "Duy" thì nên phải bỏ, giữ lại chỉ có hại cho con Người trong thực tại. Sự vật có muôn khía cạnh, mỗi người chúng ta không thể một lúc đứng ở Đông Tây, Nam Bắc. Tất nhiên chỉ nhìn được có một khía cạnh, một trắc diện (profil, dịch tiếng của Husserl: abschattung) không được vì thế mà phủ nhận các trắc diện kia nghĩa là không được phủ nhận cái nhìn của người đứng ở địa điểm khác. Vậy cần phải chấp nhận Tha nhân, nghĩa là Lân nhân với những cái nhìn khác.

Nhìn khác nghĩa là Cảm giác khác, Nhác, Muốn khác, Quan niệm khác về Nhân sinh về Vũ trụ. Do đó mà Triết lý quan điểm kéo theo những Vũ trụ quan (Weltanschauung) khác nhau tức là những Triết lý biện minh cho Vũ trụ đa dạng, mà Triết học cổ điển đã không kể chi tới.

Trở lên là thử phác họa lại mấy khám phá lớn của Triết học nó làm thành bầu khí của Triết học Hiện sinh, tức là thời kỳ hiện đại.

Sự cố gắng lớn nhất của thời đại này là cố công đem yếu tố biến hóa sống động, uyển chuyển vào trong Triết lý, vào vận mạng con Người (Jaspers), đem ra những khía cạnh tư riêng độc đáo, những nỗi u uẩn của kiếp Người (Kierkegaard, Nietzsche…) nên Hiện sinh đáng được chúng ta chú ý mặc dù có nhiều khuyết điểm.

Tuy thế cần phải nói ngay điều này là rất nhiều lời đả kích Hiện sinh không đủ giá trị, bởi nhằm bảo vệ Triết thuyết cổ điển, tức là từ khước sự tiến tới, cố bám víu lập trường cũ xưa tức là Vật bản (choisiste), thế nghĩa là chậm tiến hơn Hiện sinh.

Hiện sinh trội hơn Cổ điển ở chỗ bảo sinh, và chính ở chỗ đó mà Hiện sinh đáng được chúng ta lưu tâm. Lưu tâm để tiếp tay đẩy đà tiến lên mãi. Cái hay do bảo sinh phải được chúng ta bênh đỡ chống với thái độ ứ đọng cứng nhắc của Cổ điển. Đồng thời chúng ta có thể bổ khuyết chỗ có thể tiến thêm.

Trên kia đã nói đến thái độ sống Heo. Chúng ta đã cho Heo đứng ở lập trường bảo sinh là tỏ ra khôn hơn thái độ ý hệ coi trọng những ý niệm trừu tượng hơn cả con Người có xương có thịt, hơn cả sự sống. Bây giờ chúng ta hỏi Heo đã phải là tận thiện chưa?

Trên Heo còn có gì nữa? Tất nhiên là bật ra câu thưa còn có Người nữa. Và nếu Heo sinh cao hơn Vật sinh nhưng còn thấp hơn Nhân sinh, nên Nhân sinh mới là đích điểm chúng ta phải nhằm. Ở Heo sinh có sống có động nên hơn Vật bản im lìm, nhưng Heo sinh thiếu một Ý thức hướng dẫn, minh biện. Thái độ cởi mở của duy Sinh hầu như không mấy khác "quán trọ ngỏ cửa bên ngã ba đường mà Gide nói tới ai vào cũng được" (mon âme était l'auberge ouverte au carrefour. Ce qui voulait entrer, entrait). Thì từ lúc ấy, chưa phải là Nhân sinh mà mới là Duy sinh. Mạnh Tử tả tình trạng đó như sau:

"Thượng vô đạo, quỹ dã
Hạ vô pháp, thủ dã
Quốc chi sở tồn giả, hạnh dã"

<u>Người trí thức không có một Đạo lý soi đường. Đại chúng không có một Pháp độ để nắm giữ. Nước như thế mà chưa diệt vong là ăn may vậy.</u>

Đó chính là tình trạng của nước ta nay đã bật khỏi gốc Tổ tiên, Tổ quốc đã mất có còn tồn tại chăng cũng chỉ còn là mảnh đất vô Hồn làm nơi nương tựa cho cuộc khủng hoảng trầm trệ, cho các tư trào ngoại lai tràn vào, cho mọi thứ cuồng phong quần thảo. "Mất Vũ trụ rồi" (un-welt, Heidegger). Vũ trụ đã rạn nứt rồi (le monde est cassé, G.Marcel). Những danh từ đó làm chúng ta liên tưởng đến mấy Thiên liệt, Địa phế trong Lão Tử (ĐK 39):

Thiên vô dĩ thanh, tương khủng liệt.
Địa vô dĩ ninh, tương khủng phế.
Thần vô dĩ linh, tương khủng hiệt.

Trời không trong sẽ vỡ
Đất không yên sẽ lở
Thần không linh sẽ tán.

Then chốt nằm trong câu cuối cùng. "**Thần không linh sẽ tán**" Một trong mấy đặc điểm của thế giới hiện đại theo Heidegger là sự trốn chạy của các Thần minh (la fuite des dieux). Nói cụ thể ra là những thực chất linh thiêng hiệu nghiệm đã suy đồi đến mức độ tối đa.

Nói riêng về Triết học thì chỉ còn là một thứ khoa học về các Tư tưởng, một Khoa học lãnh lẽo thiếu Tinh thần. Nói theo Nietzsche thì Triết học thiếu mục đích, thiếu ý chí, thiếu lòng tin tưởng nồng nàn nên là một thứ triết thiếu xương sống (une philosophie sans but, sans volonté, sans foi ardente, une philosophie sans épine dorsale) cho nên bầu vũ trụ phải tan hoang, con người trở nên long đong và **khi người Việt Nam chúng ta chạy theo trào lưu đó trở thành côi cút**. Đó là chỗ quan hệ mà các nền Triết học lý niệm chưa nhận thức đủ.

Và Hiện sinh đang gắng sức gây niềm ý thức bằng những đường lối khác nhau. Kierkegaard cũng gọi là hiệp sĩ đức Tin đang cố gây lại Ý thức người bằng Tín ngưỡng trung thực.

Nietzsche thì bằng cách đề cao Ý chí hùng cường và mẫu Người siêu nhân.

K.Jaspers với Siêu việt thể,

Heidegger với Tính thể và thời gian…

Đó là những cố gắng đáng khen của trào lưu mới.

Tuy vậy ta có thể nói tất cả còn mang nặng yếu tố thưởng ngoạn suy tư (contemplatif et spéculatif) thiên về mô tả suy luận nhiều nhưng vẫn nghèo nàn về phương thế thực tiễn. Dầu sao thì nó cũng còn đang trên đường hình thành chúng ta nên đón nhận tất cả với niềm thông cảm và lựa chọn.

Riêng về **K.Marx**, **ông đã phê bình Triết học từ trước tới nay chỉ ngắm nhìn Vũ trụ, mà lẽ ra phải biến đổi Vũ trụ. Miệng nói mình làm: ông đã đưa Pháp hành (praxis) ra để bổ sung. Đó là một bước tiến, nhưng mới tiến một vế, thay vì ngắm nhìn thì biến ra biến đổi. Nhưng về đối vật còn để y nguyên tức là Vũ trụ, "biến đổi Vũ trụ" như vậy là trở lui về giai đoạn Vật bản mất rồi**.

Và con Người thay vì được giải phóng như ông mong muốn có bị vong thân sâu đậm hơn nữa chăng? Những Trại tập trung bát ngát làm cho chúng ta rất ái ngại.

Có cách gì cảm hóa con người hợp với Tình người hơn chăng?

Làm thế nào để hòa giải giữa Ngoại khởi và đồng loại hóa với Triết lý sinh sinh Nội khởi để không vì một bát cơm mà phải hy sinh đến Tự do nhân cách của ngàn vạn con Người?

Ai giúp chúng ta tìm ra "Thần đủ linh" để quy tụ cảm hóa lòng Người hầu mở ra một trang mới cho Triết học trở thành đạo sống?

Ai sẽ đứng ra để hướng dẫn chúng ta đi thâu hóa được hết mọi khám phá vừa kể ra trên kia, duy trì được hết những điểm tích cực như Bảo sinh, Tha nhân, Quan điểm, Hiện thực?

Ngoài Đạo học ra tôi không thấy đâu là con đường khác.

III.- Đạo học là gì

Người ta hay lầm Đạo học với khoa Luân lý hình thức vì thường chúng cũng mang tên Đạo đức học. Kỳ thực khi xem từ đầu chí cuối không gặp được yếu tố chi đáng gọi là Đạo cả.

Cũng có người lầm Đạo học với Tôn giáo bởi vì hai đàng có điểm giống nhau ở chỗ cả hai bên có bầu trời siêu việt, một bên là Siêu nhiên, một bên là Tâm linh.

Nhưng cũng còn rất nhiều sự dị biệt từ căn để. Chẳng hạn, trước hết Tôn giáo là một tín ngưỡng, một lòng sùng mộ, đang khi Đạo học là một tri thức cùng loại Khoa học, hơn nữa còn là bà Chúa khoa học ở chỗ không những tìm biết nhưng tìm biết cách thấu triệt bằng Trực giác.

Khoa học mới là một tri thức, một savoir, đang khi Đạo học phải là một sagesse, một Minh triết, nghĩa là cái biết đến căn cơ cũng gọi là Đạo học.

Triết lý chưa phải là Triết khi hiểu Triết cùng với nghĩa Minh Triết.

Trong trường hợp đó Triết phải viết hoa, nói lên cái biết cùng cực. Còn Triết lý tuy cũng là cái biết triệt để nhưng mới là cái để của Lý học là một tài năng rốt ráo của các cơ năng khả giác, hữu hình, có đi xa hết cỡ cũng mới vượt giác quan có cơ thể, chưa hẳn là Hình nhi Thượng, nên Triết học chưa phải là Triết, cũng như Ý thức chưa phải là Thức: Ý thức mới là một phần nhỏ của cái Thức toàn diện bao hàm Tiềm thức, Vô thức, Siêu thức, Thần thức v.v… **Triết học chỉ ở trong vòng ý thức, trong vòng lý trí của con người hiện tượng.**

Triết mới bao gồm cả Lý trí lẫn Tiềm thức Siêu thức nơi cõi Tâm linh của con người toàn diện Đại ngã. Hiểu như thế thì Triết với Đạo là một.

Vậy **Đạo học là gì**? Có thể căn cứ vào tự dạng chữ Đạo (辶+首= 道) kép bởi bộ xước **(辶)** là đi và Thủ **(首)** là đầu, là cội gốc mà thưa rằng **Đạo học là đường đi về với bản Gốc của mình. Đạo chính là con đường "phục quy kỳ Căn", trở lại với căn cơ nguồn ngọn của con Người muôn thuở**.

Đạo học chỉ có bấy nhiêu đó, nhưng chỉ bấy nhiêu đó cũng quá đủ đặt ra cho ta những vấn đề vừa thâm thiết đến mệnh số và cứu cánh con Người, cho nên cũng là những vấn đề hào hứng mà không một ma tuý nào trên đời có thể bì kịp, là vì **nó trung thực và đáp ứng cho những khát vọng cốt tuỷ nhất của lòng Người.**

Những vấn đề nó đặt ra sâu xa man mác đến nỗi lý trí con người mặc dầu có thể tạo dựng nên những khoa học tân kỳ đủ loại, cũng đành bó tay trong địa hạt bao la của cõi Đạo và ngoại trừ một số dữ kiện sửa soạn, lý trí không sao tìm được đáp số cho những câu hỏi chẳng hạn**: nguyên uỷ mà Đạo tìm về là cái chi**? "**Phục quy kì căn" thì căn đó là gì**?

Nó liên hệ với ta ra sao? Với Vũ trụ Nhân sinh thế nào? Trên đường quy căn đó có phục kích, có đắp ụ chăng? **Ai đắp? Những ai phục kích? Làm sao mà kinh qua**?
Đó là đại loại vài câu hỏi mẫu, nó sẽ kéo theo biết bao câu hỏi khác mà già cả một đời tận tuỵ tinh anh cũng không sao giải đáp hết. Vậy thì Đạo học không phải là tuân theo một số luật tắc này nọ, vâng giữ một số nghi tiết kia khác… Những cái đó nếu có cũng chỉ là phụ thuộc.

Đạo học là một đường lối siêu tuyệt phát khởi từ Tri thức, Ý thức, xuyên qua Tiềm thức, Vô thức để lên miền Siêu thức nên thấu nhập vào tận Thâm Tâm con người cũng như tỏa ra thấm nhuần hết mọi Hành vi cử chỉ con người. Nói theo tâm não khoa học đời ta thì Đạo học mở ra những chân trời kỳ lạ có thể gọi là chiều kích thứ năm thứ sáu tuỳ ý (5e, 6e dimension).

Nhưng điều cốt cán là ám chỉ cái nguồn nghị lực huyền diệu chất chứa bên trong, khiến cho ta khi đọc và có thể hiểu được Đạo học thì sẽ thấy có cái chi lôi cuốn rất huyền vi. Có những người chỉ cần nghe một câu của Đạo học đã đủ sáng soi, hướng dẫn và tiêm hăng say cho cả một đời sống cách rất sung mãn, và đó là chỗ **Đạo học vượt xa Triết học, nó đưa lại cho Triết học một chiều kích Siêu linh mà nguyên Triết học không sao có được**. **Nó đem lại một Nguyên lý uyên tuyền phổ biến đang khi Triết học mới đạt những Nguyên lý thuộc Lý trí, thường được phát kiến ra bằng lý luận suy tư nên có tính cách tương đối, cùng loại với Khoa học như Toán Lý Hóa** v.v…
Vì thế khi định nghĩa Triết học, Aristote cho là cái biết đến tận những lý lẽ. Ông đã dùng số nhiều "rationes, causas": những lý do, những căn nguyên. Chữ những là cái cùm cầm chân không cho Triết học tới đến cái Lý Nhất quán, Vô nhị.
Chỉ có Đạo học mới vượt qua hàng rào những Lý, những lẽ để đi sang miền "Lân hư" tiếp cận với "**Không" tức không biên cương giới mốc, không lý lẽ, ở bên ngoài những ngẫu kiện tương đối** (contingences relatives).
Do đó mà Đạo học không dùng số nhiều nhưng là số ít. Một đầu, Vô nhị, Nhất quán nhưng với sức bao dung vô tận như đại dương, còn Triết học chỉ là ao, hồ.
Vậy **Đạo học sẽ phải là chỗ hướng vọng của chúng ta, của những con người thế kỷ 20 đã hiểu được ngoài Hiện tượng còn có một cõi Siêu linh cần khám phá**.

Trải qua hai mươi lăm thế kỷ, Triết học lý niệm đã có đủ thì giờ lục soát cõi hiện tượng và đã chu toàn sứ mạng của giai đoạn lý trí rồi, nghĩa là đã biểu lộ đến hết cỡ mọi khả năng của nó, và Kant đã tuyên bố là nó bất lực trước thế giới siêu linh đành bó tay vì không có buồm lạt chèo cột chi cả. Giờ đây nó đang bị đả phá, bị tháo gỡ để dọn đường cho Đạo học ra đời. Đó là chiều hướng đáng hứng khởi của Triết học hiện đại, tuy mới như rạng đông qua làn sương mai chập chờn biến hóa "hốt hề hoảng hề" nhưng "kỳ trung đã hữu tượng" tức là đã có tượng linh động đủ cho chúng ta quy hướng sinh lực vào đó mà phát triển và hoằng dương.
Với <u>Triết học</u> có làm hết cỡ chúng ta cũng mới là Triết học gia, một thứ bác học có nhiều sáng kiến và mạch lạc.
Chỉ với <u>Đạo học</u> tức là một thứ Triết Trung thực chúng ta mới đi vào con đường trở thành Triết gia, Hiền triết.

IV.- Hướng học tập

<u>Tìm cho nhân loại một Nền móng Tinh thần Thống nhất</u>.

Đấy là một mục phiêu cao thượng quý hóa xiết bao, rất đáng làm hứng khởi mọi tâm hồn quảng đại bao la, rất thích hợp với ý hướng triết lý Nho giáo nhằm "an bang tế thế" (trị quốc bình thiên hạ). Tuy nhiên học về Tam giáo cũng có ba bảy đường, y như trong thực tế Tam giáo không phải chỉ có tạo nên được bầu khí Tương dung tốt đẹp như vừa kể trên, mà trái lại **cũng đã gây ra những vụ xích mích, bách hại, đả kích nhau**.

Bức họa vẽ Phật pháp trên tòa sen. Lão tay cầm sách Đạo Đức Kinh tay luyện linh đơn trong lò bát quái, đang khi đó Khổng lòm còm dưới đất như trẻ con, là một bằng chứng.
Bên Lão Trang thì tràn đầy những bài đả kích Nhân Nghĩa của Khổng Nho. Bên Nho cũng không chịu kém như ta có thể thấy chẳng hạn trong bài thơ "**Phật thị thuyết pháp, Lão thị đàm kinh, Khổng Tử kiến chi, tiểu nhi truỵ địa" :** họ Phật giảng pháp, họ Lão bàn kinh, Khổng Tử xem thấy, cười lăn ra đất". Đó là những nét đen làm hoen ố bức tranh Tương dung mới nhắc tới ở trên.
Nguyên nhân tại đâu? Xét ra thì tại những học giả, những con Đạo đã gây nên những bóng đen đáng tiếc kia, đã không hiểu đúng hay ít ra không giữ đúng được cái ý nghĩa uyên nguyên của chữ Đạo, chữ Giáo như chúng ta tìm thấy ở đầu chương.
Nho thì đâm ra tầm chương khoa cử. Thích thì đi về Tôn giáo, còn Lão chuyên về Huyền đạo. Nhân đó đâm ra khích bác nhau.

<u>Rõ ràng là đồng minh</u> <u>trong Triết lý mà cạnh tranh trong Tôn giáo</u>.

Vì vậy cần thiết phải nhắc lại để quy định cái hướng học hỏi của chúng ta. Trên ta thấy có bốn nấc của nghĩa chữ Đạo chữ Giáo, thì trong việc học hỏi ta cũng có thể chia ra bốn nấc tương đương.

1) Đợt cuối cùng phải kể đến là đám **<u>Danh học, Hình học</u>** mà người tiêu biểu là Huệ Thi với câu phê phán của Tuân Tử: " **Huệ tử tế u từ nhi bất tri thực**". Huệ tử vướng mắc ở lời nói nên không nhìn ra thực tại. Phải xếp vào hạng này các thứ học từ chương, huấn hỗ, những người chuyên về văn nghệ duy mỹ dễ bị cái tội **tế ư từ** này, Tây Phương kêu là **Duy từ ngữ** (terministers). Đấy là cái học của "loài ve, kêu suốt mùa hè, đến lúc gió lạnh thổi, nguồn cơn thật bối rối", bởi vì xem vào sở học thì toàn hư từ rỗng tuếch. Với họ cần nhắc lại khẩu hiệu " **từ đạt nhi dĩ hĩ** " (res et non verba: cốt sự mới quan trọng chứ không phải là hư từ).

2) Đợt trên một chút có thể xếp hạng học **<u>Duy tư, Duy niệm</u>** (conceptualistes) mà Khổng cho là " **tư nhi bất học tắc đãi** ". Suy tư suông mà không thực học (ý nghĩa chữ học của Khổng) thì nguy lắm. Đấy là cái học mọt sách, chỉ chú ý học mà không chịu xem cái học đó có hướng đến cái gì ơn ích chăng, thật không ăn nhằm chi với Đạo Nhân sinh của thánh hiền, mỗi lời nói ra là để cứu dân khỏi cảnh lầm than cơ khổ.

3) Đợt cao hơn chút nữa là **<u>bám lấy một Tôn giáo tư riêng</u>, rồi lấy danh từ lý sự mà tranh hơn tranh kém, đạo này cao đạo kia thấp**. Khổng Tử trách Tử Cống phí thì giờ so sánh ông này thấp ông kia cao (Tử Cống phương nhơn… XIV. 31). Những con Đạo này càng đông thì bầu khí bất Tương dung càng trở nên ngột ngạt nặng nề, chỉ cần xem chính bản thân của họ: cuồng tín, hẹp hòi mà hết muốn xét tới cái Đạo của họ giữ. Vì với hạng đó thì đạo nào cũng chẳng làm họ trở nên đại độ bao dung được (**phi đạo hoằng nhơn**).
Lục Cửu Uyên than:

"Đạo Lớn bị người làm nó ra Nhỏ

Đạo Công tự người làm nó ra Tư
Đạo Rộng tự người làm nó ra Hẹp"

Đạo Đại nhơn tự Tiểu chi
Đạo Công nhơn tự Tư chi
Đạo Quảng nhơn tự Hiệp chi

Mấy thứ đạo câu chấp nhỏ nhen đó mà người tri thức để cho ngoai ra ở đâu thì có ngày chiến tranh Tôn giáo bùng nổ ở đấy.

Chúng ta nên trung thành với Truyền Thống mà coi óc bất Tương dung như dấu chứng những người đó không đủ khả năng cảm nghiệm được tinh thần của Đạo. (L'intolérance est considéré comme une inaptitude à l'expérience religieuse. Herbert, 92).

Lão Tử nói "Tri Thường Dung". Người biết được đạo Thường Hằng thì có bụng Bao dung. Bởi cái Đạo đó đã đạt tới cái độ Viên Mãn mênh mông, không còn bị lệ thuộc vào những cái nhỏ nhen câu chấp.

Chúng ta phải cố gắng đừng để vướng mắc vào một trong những lối học ở trên dù là từ hay tư hay giáo, vì tất cả sẽ làm cho hết còn thấy thực chất của Đạo "**tế ư Từ, tế ư Tư, tế ư Giáo nhi bất tri Thực**". Học kiểu Văn nghệ sĩ, Văn học (từ) Tôn giáo (Phật giáo, Lão giáo) đều không phải Triết lý nên dễ mắc ứ đọng.

Muốn tránh những bế tắc đó, muốn có thể "hoằng đạo" : làm cho cái đạo ta theo trở nên rộng lớn, thái công, bao la thì cần chúng ta phải đem hết chú ý nhằm vào đối tượng của Minh Triết là Tính và Mệnh.

Gắng sức nhấn **mạnh vào Tính lý Đại đồng và tính chất bổ sung trong phương tiện**.

Xin trích câu nói của **Tôn Hoàng Đế** (1163-89) rằng:

" **Dùng Phật giáo mà trị Tâm; dùng Đạo giáo mà trị Thân, dùng Nho giáo mà trị Thế**."

Điều này tuy đã bàn ở trên, nhưng vì khuynh hướng đi trật đường hãy còn rất mạnh, nên xin nhắc lại đối tượng đó, đối tượng của Đạo của cái Đức thiết yếu để đắc Đạo bằng một đoạn văn khác của sách Trung Dung.

Đức đó là Thành là Trung, Đạo đó là Tâm là Tính.

Vì thế mới nói "**Doãn chấp kỳ trung: 允 執 其 中** ". Phải tín Thuận, phải Trung với cái Tâm của mình trước nhất. Chu Hy giải thích **chữ Trung là " tận kỷ chi vị trung : 盡 己 之 爲 中** ". Trung là sống cho tận cùng cái Kỷ, hiểu là Đại ngã Tâm linh nơi mình. Creel dịch rất sát là " **to be true to the principles of our natures**", sống trung thực với những nguyên tố cấu tạo nên Bản tính chúng ta.

Chữ Trung ở đây lót bằng chữ Tâm nó đứng trên chữ Tình mà dưới chữ Tính. Với Tính ta phải dùng một động từ khác là Thành. "**Duy thiên hạ chí Thành**, **vi năng tận kỳ Tính**: **唯 天 下 之 至 誠 爲 能 盡 其 性** " (T.D. 22), chỉ có bậc chí thành mới hiện thực hết được cái Tính. Chữ Tận đây dịch là biết chưa đủ, phải có một động từ nào nói lên sự biết toàn vẹn đến nỗi Chủ tri và Thụ tri trở nên một. **Chữ Tận " 盡 "** giống như chữ suất trong câu " **suất tính chi vị Đạo: 率 性 之 爲 道** ". Muốn nhấn mạnh cái trình độ Trung đến cực điểm, để không còn chỗ nào so le trống hở, đến nỗi cả hai biến thành một đó, chúng ta nên viết hai chữ " **Trung Thành** : **中 誠 "** bằng chữ hoa, để phân biệt với những chữ thành chữ trung khác. Các chữ đó dầu khi có đối

tượng chân chính đi nữa cũng mới chỉ là "phó sản" của chữ Thành chữ Trung trên, bởi vì chính nó mới chỉ là sự trung tín với lời nói nọ, với việc làm kia, thành thực đối với Đạo này, người nọ tuy bấy nhiêu có thể là chân chính, nhưng đấy cũng mới là những đối tượng tư riêng, chỉ có giá trị khi hướng theo đối tượng của hai chữ Thành, Trung viết lớn, vì ở đây nó nhằm vào tính phổ biến, nên người đã " **Chí Thành: 至 誠 "** thì cũng trở nên một với phổ biến không còn bị lệ thuộc vào cái chi tư riêng nữa nhưng trở nên bao la man mác đến nỗi sách Trung Dung cực tả bằng câu " **Chí Thành như Thần** :**至 誠 如 神 "** (T.D. 22).

Bậc Chí Thành thì giống như Thần nghĩa là mênh mông u áo có đấy mà cũng có đây: khắp hết y như Trời nên gọi là Thiên Đạo "**Thành giả Thiên chi Đạo dã : 誠 者 天 之 道 也** " (T.D 20). **Bậc Chí Thành là Thiên Đạo** khác hẳn với những cái thành tư riêng đã nói trên vì ở đó chưa có sự hòa đồng. Giữa Đạo với Người thành còn một khoảng cách, chưa đạt độ Tận kỳ Tính; muốn nối lại phải thêm chữ Chi để chỉ thuộc về " **Thành chi giả, Nhơn chi Đạo dã** : **誠 之 者 人 之 道 也** " (T.D. 20), người đã có lòng thành (chưa hẳn là Thành) thì mới là Nhơn đạo. Chữ chi ở đây trỏ vào một cái thân ngoại vật " hay nói theo danh từ triết Tây là đối tượng : objet, chỉ một vật gì đã vất ra đấy "**jectum**" ở đàng trước mặt ob (objet), nghĩa là giữa mình và vật có một quãng cách, sách Nho gọi đó là " **Khúc: 曲 ",** nghĩa là đã bị xa lìa cong vạy nên gạt xuống bậc nhì và dùng một động từ có tính cách rất " hiện sinh : **現 生**" là "Hữu : **有** " mà chỉ thị y như G.Marcel trong **Être et Avoir** (avoir là có cái gì còn Être là trở nên cái gì).

Vì thế Avoir kém hẳn Être. Avoir est décrit comme déchéance de l'Être, comme une non coincidence avec l'Être. Tramf. 4, p.124), thì đây Trung Dung cũng cho Hữu vào bậc thứ nhì sau Thành " **kỳ thứ trí Khúc, Khúc năng Hữu Thành: 其 次 致 曲, 曲 能 有 誠** ", sau hạng Thành thì đến hạng Khúc, hạng Khúc có thể chiếm lấy (avoir) được Thành (T.D. 23). Chiếm lấy là tỏ ra mình chưa là (Être) cái ấy, mới phải tìm cho có. Học giả Couvreur đã dịch câu trên rất sát bằng tiếng La Tinh: **quod non est rectum potest accipere integram bonitatem "une nature défectueuse peut devenir parfaite**". Câu tiếng Pháp không sát bằng câu La Tinh vì chữ accipere có nghĩa chiếm lấy, nên mạnh mẽ hơn chữ devenir, tuy vậy còn giữ đủ ý và cũng giúp cho ta hiểu câu " **tu Đạo chi vị Giáo: 須 道 爲 之 教** " ở đầu chương. Tác giả sách Trung Dung lại quảng diễn thêm "**tự Thành minh vị chi Tính. Tự minh thành vị chi giáo : 自 誠 明 爲 之 性,自 明 誠 爲 之 教** " (T.D 21). Tự nhiên mà Thành thì gọi là Đạo, hợp với câu " Suất Tính chi vị Đạo**: 率 性 之 爲 道** ", nhưng lúc Tính đã bị che khuất đi phải soi sáng phải minh giải mới hiểu ra để mà thi Hành thì gọi là Giáo (**tự minh Thành vị chi Giáo**), cùng nghĩa với câu " **tu Đạo chi vị Giáo**" ở trên. Một ý mà nói nhiều kiểu giúp ta thưởng thức được làn tư tưởng tuy nhất quán nhưng rất phong phú và sâu thẳm, cả hai câu đều nói lên **Thành giả: 誠 者 :Être, Thành chi giả: 誠 之 者: Avoir**. Avoir không bằng Être. Thành chi giả không bằng Thành giả. Vậy cần phải xóa bỏ chữ chi đi, dĩ nhiên không phải trong câu văn, nhưng trong bản thân của mình. Điều đó sẽ có nghĩa là phải xóa bỏ mọi quãng xen kẽ, nghĩa là tẩy trừ những cái tư riêng môi giới, những cái đó có rất nhiều, đội lốt muôn vàn tên nhưng quy ra hai mối là Tham dục hay Tư lợi Tư dục.

Cần phải bỏ những cái Tư đó mới tới chỗ Đồng nhiên của nhân loại, mới mong kiến Tính (見 性) và suất Tính (率 性). "**Chữ kiến Tính cũng là Suất Tính "** . " **Trong ống nhòm đổ tiếng Hư vô**" (Nguyễn Công Trứ)

Chữ kiến Tính của nhà Phật, chữ Xuất Tính của nhà Nho. Tuy tên gọi có khác nhau, nhưng xét đến chỗ rốt ráo cùng cực (trong ống nhòm) tức là xem vào chỗ tập trung then chốt thì cũng cùng một tên đều phải đi qua một con đường Hư vô. Hư vô ở đây có nghĩa là làm cho mất đi, biến đi những cái gì tư riêng hạn hẹp.

Phật sẽ đưa ra thuyết Thái hư với những phương châm **diệt dục** để diệt tận gốc rễ những tư dục **làm cho hiện diện "Như Lai** " tinh ròng như chưa bị tì ố, đó là cái tính Bản nhiên linh diệu. Còn **Khổng** lăn lộn vào đời mà cũng hiện thực được bốn bước vô (IX. 4) "Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã", nghĩa là cố trút những cái tư riêng có thể cản ngăn hay bẻ quặt sự Thành Trung của mình vào nẻo ngang trái, để đưa đi Trung Thành với những cái đâu đâu mà không phải Trung với Tâm và Thành với Đại Ngã tức là Tính. mà **Tính (性)với Mệnh (命) với Thần (神) là một…** tất cả đều trỏ vào một thực thể u thâm nhưng lại cực kỳ quang minh linh diệu và ở ngay trong thâm tâm của ta.Tất cả chương trình cùng mọi phương tiện học hỏi đều phải thiết tha nhằm vào việc làm sáng tỏa ra cái đức Minh đó. Đấy mới thật là cửa của Đạo học mà Kinh Dịch nói là: " **Thành Tính tồn tồn, Đạo nghĩa chi môn: 誠 性 存 存 道 義 之 門 "**

J.- TRUYỀN THỐNG

I.- Truyền Thống bên Đông Phương

Và bây giờ **chúng ta trở về với dòng Truyền Thống bên Đông Phương**. Nơi đây chúng ta sẽ gặp những khó khăn khác hẳn chứ không phải do sự thiếu sách vở. Ngược lại là khác. Giáo sư Glasenapp đã tính ra **bộ Tam tạng của Tiểu Thặng** có đến 27 triệu chữ (quyển **Bible của Kitô** giáo 3 triệu chữ), **Đại Thặng** trong bản in bên Nhật 1927 có tới 40 triệu chữ làm thành 55 quyển lớn. **Mật Tông bên Tây Tạng** có tới 50 ngàn quyển và ông thêm "véritable océan inmensurable" Mystère Bouddhiques p.52. Ấy là chưa nói tới **Ấn giáo, Lão giáo, Nho giáo**. Tất cả làm nên cái rừng già mà nhiều học giả gọi là "**Đông Phương sâu thẳm huyền bí**" chứa chấp biết bao danh hoa dị thảo.

Nhưng chính sự phong phú đó rất dễ làm lạc lõng các nhà nghiên cứu và hầu hết bị cái nạn để Cây che mất Rừng, để cái Dị biệt tiểu tiết che mất Chính sự.

Riêng về Nho giáo có một điều cần ghi chú tức Thời ở Đây, là Truyền Thống không nằm tản mát đó đây thiếu liên hệ, nhưng được kết vào thành một Cơ cấu uyển chuyển được biểu lộ không những bằng Lời nói (Từ) nhưng bằng cả Tượng, Số, Chế nữa (xem giải rộng ở quyển Chữ Thời). Do đấy một chân lý muốn được kể là của Truyền Thống phải đủ khả năng trải qua bốn chặng thử thách đó mà không sứt mẻ mới được công nhận.
Như thế có thể nói nó còn minh xác gấp bốn lần hơn Triết học cổ điển và bởi vậy rất khó mà cưỡng bức bắt bản văn phải nói theo ý mình, để gán cho người xưa những tư tưởng riêng tư rồi tuyên bố là Truyền Thống như nhiều người e ngại.

Sau này độc giả sẽ nhận ra Cơ cấu đó khi đọc quyển Chữ Thời. Tuy nhiên Cơ cấu đó rất linh hoạt và ẩn sâu nên dễ khuất mắt. Nhưng chịu tìm tòi thì sẽ lần ra manh mối.

Như thế **nỗi khó khăn của chúng ta không ở chỗ thiếu sách vở lưu truyền hay ở chỗ giải nghĩa tán tự**. **Nếu có chẳng qua là đối với chúng ta không đủ trang bị để đọc mà thôi.**

Tuy nhiên, điều đó không chước chuẩn chúng ta phải suy tư sáng tạo. Vì đấy mới chính là điều kiện tiên quyết của dòng Truyền Thống chính tông.
Phải " Tổ thuật Nghiêu Thuấn " chứ không được lặp lại y nguyên.
Phải từ lời nói người xưa đã hiểu một cách trung thực, nói lên được những điều ẩn tàng bên trong, phát kiến ra những khả năng giàu chất sáng tạo, thế mới là Tổ thuật, thế mới là Truyền Thống.
Cái khó của chúng ta nằm ở chỗ đọc đi như một Triết gia chứ không ở chỗ đọc lại như một Học giả, điểm này thì dễ vì sách vở chúng ta không bị thất lạc quá nhiều như đối với Văn hóa cổ Hy Lạp.
Tuy nhiên, không phải là chúng ta không có khó khăn trong việc gây lại Truyền Thống.

Khó khăn lớn nhất nằm trong chỗ mất tin tưởng vào những giá trị của Truyền Thống.

Vì từ lúc Khoa học thực nghiệm tiến mạnh thì mọi giá trị Truyền Thống bị coi rẻ.
Trào lưu đó phát xuất trước hết từ Âu Châu rồi lan tỏa ra các xứ thuộc địa.
Tuy nay có khuynh hướng đi ngược lại nhưng nói chung ra, khuynh hướng này vẫn còn mới lạ nên ở những nước vừa thoát vòng nô lệ như nước ta, thì Văn hóa vẫn còn bị nhiều ấn tích của thời lệ thuộc chính trị. Nên lúc đó nói đến Truyền Thống thì lại không đưa vào đó một Tâm não thanh thản để tìm hiểu, mà luôn canh cánh bên lòng một mớ giá trị của Tây Phương với những phạm trù cá biệt của họ, là những cái dễ che khuất mắt không thấy được Truyền Thống chân thực.
Thành ra bất cứ nói về cái chi chi, về biện chứng Kinh Dịch chẳng hạn, cũng phải cố gắng xem có hợp với của Hegel mới dám chắc bụng; về Danh lý có hợp với Descartes, về Biến dịch có hợp với Bergson mới d ám cho là thật.
Có ngờ đâu rằng nếu những thứ đó có giá trị chân thực thì theo tuột họ cho khoẻ, cần chi phải bận tâm tìm lại Truyền Thống cho thêm mệt.
Vì thế khi tìm lại nguồn Truyền Thống phải cố gắng đem vào một Tấm lòng thanh vắng không cần để ý đến Đông Tây, Nam Bắc chi cả, chỉ cốt làm sao nghe được cái Thiên lý từ tâm hồn của mình mà thôi…

Nếu có cần một hai nguyên lý của người xưa để lại thì cũng phải xét trên tỷ xích Nhân loại, như chúng ta sẽ bàn ở dưới về nội dung Truyền Thống.
Ở đây tưởng cần nhấn mạnh rằng Truyền Thống không phải là chuyện sĩ diện chi cả, không phải là chuyện khoe mẽ, nếu các ông có Descartes, Hegel, Bergson thì chúng tôi cũng có Khổng, có Mạnh, có Kinh Dịch kém chi. Hoàn toàn không phải như thế, nhưng là **chuyện quan thiết đến Vận mệnh của toàn thể Nhân loại.**

II.- Truyền Thống với sự tồn vong của Nhân loại

Dòng Truyền Thống Tâm linh là một điều thiết yếu cho sự tồn vong của Nhân loại chứ không phải chuyện có thể coi thường.
Bao nhiêu luồng tư tưởng đã làm ơn ích cho đời là nhờ tiếp thông với nguồn Suối đó. Ơn ích nhiều ít tuỳ mức độ tiếp thông nhiều ít. Càng nhiều càng ơn ích nhiều, càng ít ơn ích càng kém đi. Tôi không nói là mất hẳn, vì Truyền Thống không thể tiêu diệt, nếu không

được vun tưới công khai nó cũng ngấm ngầm tác động qua Lương tri và Thói tục, qua Tôn giáo…
Những cái học bật rễ hẳn với Truyền Thống, tuy có làm rùm beng chứ không thể xây đắp cái gì bền bỉ, mặc dù thiện chí sáng tạo có thừa chẳng qua cũng đổi thay được ít nhiều ở Danh từ, ở đợt Văn nghệ là đợt thuộc dạng thức cần phải đổi mới luôn.

Tuy thế hễ " <u>Rễ không sâu thì Lá không xanh</u> " bất kỳ ở đâu đều theo luật đó.

Hãy lấy thí dụ Triết lý mà nói thì kể từ thời Trục về sau chưa thấy có cái gì mới mẻ trái với Truyền Thống lại có thể gây nên một luồng gió mới thổi sức sống cho đa số của một nhóm người.
Trái lại như **Nietzsche nói "tất cả những tay đổi mới cự phách đều bệnh hoạn và loạn thần kinh không trừ một đứa nào**". "Les grands novateurs sont tous sans exception malidifs et épileptiques" (V.P.345).
Khổng Tử viết: " **Tư nhi bất học tắc đãi** ". Suy tư mà không học với Truyền Thống cũng gọi là cái học thánh hiền thì là nguy cơ.
Chúng ta không nên tin vào những bản tuyên ngôn long trọng với một thiện chí tinh ròng. Thiện chí tuy là điều kiện cần nhưng chưa đủ, chưa phải là bảo đảm sẽ đưa lại hạnh phúc, nên thiện chí mới là một phần, còn ba phần nữa là <u>Giải pháp và Tư tưởng dẫn Đạo với Đường lối áp dụng</u>.
Cần phải xem những cái đó có hợp với yếu tố Tâm linh hay chăng, mới là Truyền Thống
Karl Marx cũng mang nặng một tình thương bao la với đám thợ thuyền Âu Châu thế kỷ 19 mà thánh **Gandhi** cho là chưa đâu loài người sống khốn khổ bằng.
Ông muốn đưa lại cho họ giải phóng. **Lòng thiện chí đó không ai chối cãi được, nhưng thuyết của ông vì chứa chất giết Người, nên đã gây nhiều trại Tập trung hơn hết các thuyết khác, ấy cũng vì thiếu chất Tâm linh.**
Cho nên xem lịch sử Nhân loại hơn hai ngàn năm nay chúng ta thấy loài Người chưa thể lìa xa những giá trị Truyền Thống.
Giáo sư **Merleau Ponty viết một câu rất chí lý: "nhất là chúng ta không được bật rễ vì nếu phạm lỗi đó thì sự trống rỗng sẽ lôi cổ chúng ta trở lại sự thật chính tông bằng một tác động đau đớn**". Mais surtout nous ne devons pas nous déraciner, si nous commettons cette faute, c'est le nihilisme qui nous ramènera par une opération douloureuse à là vérité authentique" (Les Philosophes célèbres).

Kinh nghiệm lịch sử cổ kim đó giúp ta hiểu tại sao các bậc tiên hiền như "**vạn thế sư biểu**" hay là "**đại bổn sự Phật**" đáng được tiền nhân ta tặng cho những danh hiệu ấy là bởi vì các ngài đã trung thành với Truyền Thống.
Khổng Tử với câu "**tín nhi hiếu cổ, thuật nhi bất tác".**
Lão với câu "chấp cổ chi đạo dĩ ngự kim chi hữu: cầm giữ đạo xưa để thống trị những cái hiện hữu ngày nay.
Còn **Phật Tổ** cũng có tên là Như Lai: **Tathagata**. **Ông Humphreys** chú thích chữ đó do Tatha-agata: "**đến như thế**", hay là Tatha- gata: "**đi như thế**", nghĩa là một vị đã Đến và đã Đi khỏi như các Phật thủa trước, tức là cùng dạy một chân lý, một con đường để tới đích (AB Manual p.179).
Học giả **Coomaraswami** chú thích: "**giới răn thứ mười của Phật dạy lánh các sự tin rối** như tin rằng Phật Tổ đã dạy một đạo lý mới" (Hindouisme et Boudhisme p.132).

Platon: "những người xưa trổi vượt hơn ta, đời sống các ngài gần Chúa hơn, các ngài đã lưu truyền lại Chân lý cho ta như một mặc khải (Philèbe 16).

Xem như thế chúng ta có thể rút ra nguyên tắc sau đây:

Truyền Thống là một kho tàng chứa đựng những Chân lý thiết yếu cho sự sống còn và sự tiến triển của con người. Lìa xa nó con người thoái hóa và bị khủng hoảng; móc nối lại được với nó là đi vào đường dẫn đến nguồn Sinh lực, dẫn tới suối Tinh thần.

Sứ mạng người trí thức ở mỗi thời đại là phải đem một Trí tuệ thông minh vào sự học hỏi Truyền Thống để từ đó triển khai ra những khả năng phong phú và được thích nghi với thời đại của mình.

Muốn hiện thực điều đó trước tiên chúng ta cần tìm hiểu nội dung khái quát của Truyền Thống.

III.- Nội dung Truyền Thống

Để quy định phần nào Nội dung Truyền Thống chúng ta sẽ đưa ra hai tác giả theo chiều hướng từ Xa đi vào Gần.

Trước hết là **Toynbee** đại diện cho cái nhìn bao trùm 27 nền Văn minh mà loài người đã biết được trong đó có 5 còn tồn tại. Tất cả mọi tìm tòi nghiên cứu của ông kết tinh trong quyển "**An Historian's approache to Religion**". Ở trang 263, Toynbee có tóm những điều chung cho các Tôn giáo trên hoàn cầu vào ba điểm của Truyền Thống như sau:

a) Mọi Tôn giáo đều nhận có một Thực thể Huyền bí cao hơn thế giới của các giác quan ta.

b) Thực thể đó siêu vượt con Người hiện tại, và người ta cần phải cảm thông với.

c) Con người chỉ làm được chuyện đó khi trút bỏ được khuynh hướng tự nhiên cho mình là Trung tâm (self-centreness native).

Người thứ hai là **Aldous Huxley**. Cái nhìn của ông có tính cách đúc kết hơn xét cả về không gian cũng như thời gian. Ông chú ý đến Đông Phương hơn. Do đó cái nhìn trở nên xác thiết hơn đối với chúng ta. Ông đưa ra 4 điểm sau để làm nền móng cho **Triết lý Truyền Thống.**

a) Thế giới Hiện tượng của Vật chất và Ý thức cá nhân (tức là thế giới của sự vật, của loài người và cả thần tiên) là sự xuất lộ của một Bản Thể thần linh. Chính nhờ Thần linh đó mà muôn vật được hiện hữu thực sự, ngoại giả không vật nào có thể có sự hữu được.

b) Con người không những có khả năng hiểu biết về Bản Thể thần linh đó bằng suy luận mà còn thể nghiệm được sự hiện hữu của Bản Thể ấy bằng Trực giác, là lối biết cao hơn lối biết bằng Suy luận. Vì cách biết trực nghiệm này thống nhất Năng tri với Sở tri thành một (sujet objet coincident).

c) Con người có một bản chất hai chiều: một chiều là cái <u>Tiểu ngã hiện tượng,</u> chiều kia là <u>Đại ngã bất biến</u> nó là con người Nội tại, Tâm linh, là tia sáng thần linh trong tâm hồn. Nếu muốn, người ta có thể đồng hóa với Tâm linh vì như vậy là đồng hóa với bản thể Thần linh cùng một Thể tính với Tâm linh (chí thành như Thần).

d) Đời sống con Người trên mặt đất này chỉ có một Mục đích, một Cứu cánh tức là sự <u>Huyền đồng với Đại ngã bất biến</u> và như vậy là sửa soạn đi tới cái biết kết hợp với Bản thể Thần linh (B. Gita de Prabhavananda tựa, trang 7).

Ông A. Huxley cũng còn là tác giả quyển La Philosophie éternelle rất có giá trị mà tôi coi là một bản tóm tắt cách thông minh tinh thần Truyền Thống (édition Plon 1952).

IV.- Tổ thuật Nghiêu Thuấn

Sau khi đã biết nội dung Truyền Thống với những nét cốt yếu là Nhân bản và Tâm linh thì chúng ta đã có được một tiêu chuẩn để tìm về Nguồn. Trong việc trở lại này ta có thể nhận những Hướng đạo viên khác nhau. Riêng ở Viễn Đông ta có Khổng, Lão, Thích. Ở đây xin chú ý đến Khổng, cũng là một người đã đi tìm Truyền Thống và đã để lại lối đi bằng câu **Tổ thuật Nghiêu Thuấn**.

<u>Truyền thuyết nói rằng: bà Hoa Lư đạp phải lốt chân Người to lớn ở Lôi Trạch mà đẻ ra Phục Hy là Người đã được khải thị cho Hà Đồ, nên cũng là "tác giả" Kinh Dịch truyền lại cho Thần Nông và Thần Nông truyền lại cho con cháu trong đó có Nghiêu Thuấn. Ông Nghiêu được đời sau xưng tụng là Thánh nhân và trở thành một vòng trong chuỗi Truyền Thống với câu nói bất hủ khi truyền ngôi cho ông Thuấn rằng</u>:

"**Tư, nhĩ Thuấn: Thiên chi lịch số tại nhĩ cung.**
Doãn chấp kỳ trung.
Tứ hải khốn cùng
Thiên lộc vĩnh chung
Thuấn diệc dĩ mệnh Vũ. (L.N. XX. 1)

Trong Đại Vũ Mô kinh thư 16 có lời sau:
Này Thuấn cái số của Trời ở ngay tại lòng Ngươi. Muốn đạt là người phải chân thành nắm vững cái Nội ngã của ngươi thì sẽ đạt. Nếu không mà để cho dân chúng cơ khổ thì cái lộc Trời sẽ dứt. Về sau ông Thuấn cũng dùng những lời đó mà truyền lại cho vua Đại Vũ nhà Hạ mà ta có thể gọi là phương pháp để đạt Thiên chi lịch số như sau:

Nhơn tâm duy nguy,
Đạo tâm duy vi
Duy tinh duy nhất

Doãn chấp quyết trung. Nhơn tâm có thể nguy, vì Đạo tâm rất tế vi. Vậy chỉ có cách là giữ Tâm hồn được tinh ròng chuyên nhất vững nắm cái Nội ngã Tâm linh của mình.
Thêm vào hai câu trên là chương "**Hồng phạm**" mà **căn bản là Ngũ Hoàng cực trong Kinh Thư nó là cái khung, hay là Cơ cấu cho tất cả nền Triết lý Việt Nho nên đã được quảng diễn ra trong quyển Chữ Thời.**

Trở lên là ba bản văn có thể coi như hàm chứa đại cương tất cả nội dung Truyền Thống Nho giáo, đã được Khổng Tử duy trì và truyền về sau.

Nay chúng ta muốn nắm được then chốt thì việc đầu tiên là dẫm vào lốt chân người to lớn, tức là đặt đúng được Đạo vào căn cơ của ông Bàn Cổ (xem Nhân Bản), tức vào quỹ đạo của nền Nhân bản tâm linh có thể mới hiểu được Đạo Nghiêu Thuấn tức là Tâm Đạo siêu linh.

Nếu không " **tiễn tích** " đạp vào vết chân người to lớn thì chỉ tới mức Thiện nhơn (l'honêtre homme) mà Khổng cho là "**bất tiễn tích, diệc bất nhập ư Thất** " (L.N. XI. 19), tức là chưa theo được lốt chân người to lớn Tâm linh, nên cũng không "nhập ư Thất" tức là đạt "**Nhân Tính**". Lúc đó có học cũng là chạy quanh ngoài cửa với sân. Chưa theo đúng được Tâm Đạo, nên không vào được trong nhà Thái Thất.

Lão giáo chủ trương "vô triệt tích" tức là xóa bỏ " vết chân ". Nho giáo cũng có một bậc "triệt tích" nhưng dành cho bậc Thánh nhân và thần Nhân. Nhưng trước khi làm Thánh nhân phải làm kẻ Sĩ, rồi Quân tử, mới có đà đi lên Thánh nhân. Trước khi Triệt tích thì phải Tiễn tích, để rồi mới có Tích để mà triệt.

Do đó mà Nho giáo đã tìm lên được đến gốc nguồn "**Tổ thuật**" và ngày nay được kiện chứng bằng vị trí Sao Trăng (theo luật précession des équinoxes như sẽ bàn trong cảo luận Chữ Thời) một trật cũng đi vào Nội tâm khám phá Vũ trụ Tâm linh.

Thành ra **một Đạo lý có Thống kỷ Trong Ngoài cùng với những nguyên lý thật Quân bình như Tam tài, Nhất thể, Chí Trung Hòa, nhất Âm, nhất Dương v.v… như sẽ được quảng diễn trong các cảo luận về sau.**

Lúc đó chúng ta sẽ nhận ra "**Tiễn tích**" hoặc nói kiểu huyền thoại "**đạp lên lốt chân Người to lớn**" không có nghĩa chi khác hơn là đi đúng chiều "**Tiềm thức cộng thông nguyên thuỷ**" (inconscient collectif primordial) mà khoa Tâm lý các miền sâu đang tưng bừng khám phá ra, nó chính là kho báu những Linh tượng của Nhân loại được chôn giấu thật sâu bên cạnh suối thiêng gọi là Cam Tuyền.

Như **vậy Truyền Thống cũng chính là con đường khám phá mạch Cam Tuyền cho nên huấn điều căn cơ của Truyền Thống là bảo mình phải tự kiên trung với Nội Ngã của mình. Tinh hoa của Truyền Thống có thế thôi.**

Và đó là điểm cần được duy trì. Các bậc hiền triết đại thánh vẫn chủ trương có bấy nhiêu. Và chúng ta vui mừng ghi nhận từ ít lâu nay đã có những triết gia nhận thức lại được chân lý trên. **Những người lo âu về tình trạng Vong thân của con Người, cũng chính là những người làm việc để trùng tu Truyền Thống mặc dù dưới danh từ khác.**

Vậy thì ta có thể kết luận những Triết gia tên tuổi nhất lại chủ trương Truyền Thống. **Nietzsche** có công đầu tìm ra chỗ đứt quãng Truyền Thống và ông tri hô như Hỏa diệm sơn tung toé. **Jaspers** đưa vào Triết lý những cái nhìn trên thời cuộc bao gồm Sử vận của Nhân loại rất giá trị. **Heidegger** rủ rỉ tán chữ nghĩa đem ra những tư tưởng sâu sắc. Còn nhiều nhóm khác không thể kể ra đây.

Nhận xét cuối cùng có tính cách rất hứng khởi và đầy thú vị: **Truyền Thống chính là con đường có bảo đảm nhất để khỏi nói là duy nhất trong việc cập nhật hóa môn Triết lý trung thực và mọi nền Tư duy muốn có chất nuôi dưỡng Tinh thần.**

K.- ĐẠO HỌC LÀ GÌ

Người ta hay lầm Đạo học với khoa Luân lý hình thức vì thường chúng cũng mang tên Đạo đức học. Kỳ thực khi xem từ đầu chí cuối không gặp được yếu tố chi đáng gọi là Đạo

cả. Cũng có người lầm Đạo học với Tôn giáo bởi vì hai đàng có điểm giống nhau ở chỗ cả hai bên có bầu trời siêu việt, một bên là Siêu nhiên, một bên là Tâm linh. Nhưng cũng còn rất nhiều sự dị biệt từ căn để. Chẳng hạn, trước hết Tôn giáo là một tín ngưỡng, một lòng sùng mộ, đang khi Đạo học là một tri thức cùng loại Khoa học, hơn nữa còn là bà Chúa khoa học ở chỗ không những tìm biết nhưng tìm biết cách thấu triệt bằng Trực giác.
Khoa học mới là một Tri thức, một Savoir, đang khi Đạo học phải là một Sagesse, một Minh triết, nghĩa là cái biết đến căn cơ cũng gọi là Đạo học. Triết lý chưa phải là Triết khi hiểu Triết cùng với nghĩa Minh Triết.

Trong trường hợp đó Triết phải viết hoa, nói lên cái biết cùng cực. Còn Triết lý tuy cũng là cái biết triệt để nhưng mới là cái để của Lý học là một tài năng rốt ráo của các cơ năng khả giác, hữu hình, có đi xa hết cỡ cũng mới vượt giác quan có cơ thể, chưa hẳn là Hình nhi Thượng, nên Triết học chưa phải là Triết, cũng như Ý thức chưa phải là Thức: **Ý thức mới là một phần nhỏ của cái Thức toàn diện bao hàm Tiềm thức, Vô thức, Siêu thức, Thần thức** v.v…
Triết học chỉ ở trong vòng ý thức, trong vòng lý trí của con người hiện tượng.

Triết mới bao gồm cả Lý trí lẫn Tiềm thức Siêu thức nơi cõi Tâm linh của con Người toàn diện Đại ngã. Hiểu như thế thì Triết với Đạo là một.

Vậy **Đạo học là gì**? Có thể căn cứ vào tự dạng chữ Đạo kép bởi bộ xước là đi và Thủ là đầu, là cội gốc mà thưa rằng:

Đạo học là đường đi về với bản Gốc của mình. Đạo chính là con đường "phục quy kỳ Căn", trở lại với căn cơ nguồn ngọn của con Người muôn thuở.

Đạo học chỉ có bấy nhiêu đó, nhưng chỉ bấy nhiêu đó cũng quá đủ đặt ra cho ta những vấn đề vừa thâm thiết đến mệnh số và cứu cánh con người, cho nên cũng là những vấn đề hào hứng mà không một ma tuý nào trên đời có thể bì kịp, là vì nó trung thực và đáp ứng cho những khát vọng cốt tuỷ nhất của lòng người. Những vấn đề nó đặt ra sâu xa man mác đến nỗi lý trí con người mặc dầu có thể tạo dựng nên những khoa học tân kỳ đủ loại, cũng đành bó tay trong địa hạt bao la của cõi Đạo và ngoại trừ một số dữ kiện sửa soạn, lý trí không sao tìm được đáp số cho những câu hỏi chẳng hạn: **Nguyên uỷ mà Đạo tìm về là cái chi**?

"**Phục quy kì căn" thì căn đó là gì**?
Nó liên hệ với ta ra sao?
Với Vũ trụ Nhân sinh thế nào?
Trên đường quy căn **đó có phục kích, có đắp ụ chăng? Ai đắp?**
Những ai phục kích? **Làm sao mà kinh qua?**

Đó là đại loại vài câu hỏi mẫu, nó sẽ kéo theo biết bao câu hỏi khác mà già cả một đời tận tuỵ tinh anh cũng không sao giải đáp hết. Vậy thì Đạo học không phải là tuân theo một số luật tắc này nọ, vâng giữ một số nghi tiết kia khác… Những cái đó nếu có cũng chỉ là phụ thuộc.

Đạo học là một đường lối siêu tuyệt phát khởi từ Tri thức, Ý thức, xuyên qua Tiềm thức, Vô thức để lên miền Siêu thức nên thấu nhập vào tận Thâm Tâm con Người cũng như tỏa ra thấm nhuần hết mọi Hành vi Cử chỉ con Người. Nói theo Tâm não khoa học đời ta thì Đạo học mở ra những chân Trời kỳ lạ có thể gọi là chiều kích thứ năm thứ sáu tuỳ ý (5e, 6e dimension).

Nhưng điều cốt cán là ám chỉ cái nguồn nghị lực huyền diệu chất chứa bên trong, khiến cho ta khi đọc và có thể hiểu được Đạo học thì sẽ thấy có cái chi lôi cuốn rất huyền vi.

Có những người chỉ cần nghe một câu của Đạo học đã đủ sáng soi, hướng dẫn và tiêm hăng say cho cả một đời sống cách rất sung mãn, và đó là chỗ **Đạo học vượt xa Triết học, nó đưa lại cho Triết học một chiều kích Siêu linh mà nguyên Triết học không sao có được**.
Nó đem lại một Nguyên lý uyên tuyền phổ biến đang khi Triết học mới đạt những Nguyên lý thuộc Lý trí, thường được phát kiến ra bằng lý luận suy tư nên có tính cách tương đối, cùng loại với Khoa học như Toán Lý Hóa v.v…
Vì thế khi định nghĩa Triết học, Aristote cho là cái biết đến tận những lý lẽ. Ông đã dùng số nhiều "rationes, causas": những lý do, những căn nguyên. Chữ những là cái cùm cầm chân không cho Triết học tới đến cái Lý Nhất quán, Vô nhị.
Chỉ có Đạo học mới vượt qua hàng rào những Lý, những Lẽ để đi sang miền "Lân hư" tiếp cận với "**Không" tức không biên cương giới mốc, không lý lẽ, ở bên ngoài những ngẫu kiện tương đối** (contingences relatives).
Do đó mà Đạo học không dùng số nhiều nhưng là số ít. Một đầu, Vô nhị, Nhất quán nhưng với sức bao dung vô tận như đại dương, còn Triết học chỉ là ao, hồ.

Vậy **Đạo học sẽ phải là chỗ hướng vọng của chúng ta, của những con Người thế kỷ 20 đã hiểu được ngoài Hiện tượng còn có một cõi Siêu linh cần khám phá**.

Trải qua hai mươi lăm thế kỷ, Triết học lý niệm đã có đủ thì giờ lục soát cõi Hiện tượng và đã chu toàn sứ mạng của giai đoạn Lý trí rồi, nghĩa là đã biểu lộ đến hết cỡ mọi khả năng của nó, và Kant đã tuyên bố là nó bất lực trước thế giới siêu linh đành bó tay vì không có buồm lạt chèo cột chi cả. Giờ đây nó đang bị đả phá, bị tháo gỡ để dọn đường cho Đạo học ra đời. Đó là chiều hướng đáng hứng khởi của Triết học hiện đại, tuy mới như rạng đông qua làn sương mai chập chờn biến hóa "hốt hề hoảng hề" nhưng "kỳ trung đã hữu tượng" tức là đã có tượng linh động đủ cho chúng ta quy hướng sinh lực vào đó mà phát triển và hoằng dương.
Với Triết học có làm hết cỡ chúng ta cũng mới là Triết học gia, một thứ bác học có nhiều sáng kiến và mạch lạc.
Chỉ với Đạo học tức là một thứ Triết Trung thực chúng ta mới đi vào con đường trở thành Triết gia, Hiền triết.

L.- TAM GIÁO

Tam giáo là Ba Tôn giáo lớn của Việt Nam, đó là **: Lão giáo, Phật giáo. Nho giáo (Khổng giáo)**

I.- Nghĩa hai chữ Đạo và Giáo

Hai chữ **Đạo và Giáo** thường được dùng lẫn lộn và cùng với thời gian chở theo nhiều yếu tố phức tạp. Trong phạm vi Văn nghệ hoặc tiếng nói thông thường thì dùng tạm như thế có lẽ không sao, nhưng bước vào lãnh vực Triết lý thì sự minh biện trở nên cần thiết. Sách Trung Dung mở đầu bằng một câu phương ngôn nền tảng như sau:

"Thiên mệnh chi vị tính

Suất tính chi vị Đạo
Tu đạo chi vị Giáo"

"**Tính chính là Thiên mệnh. Tuân theo Tính gọi là Đạo. Sửa cho ngay cái Đạo gọi là Giáo hoặc là tu luyện vun tưới cái Đạo gọi là Giáo."**
Đọc câu sách trên ta thấy ngay đối tượng của **chữ Đạo ở đây không phải là Quỷ Thần hay Thượng Đế**, **nhưng chính là Tính con người**. **Hiện thực cái Tính Bản nhiên đó chính là cứu cánh của đời Người.**
Do đó Tính còn được dùng làm tiêu chuẩn để phân định mọi giá trị cao thấp. Đấy là một sự phân biệt cốt cán cần nêu ra ngay tự đầu. Và để tránh một sự thiếu sót nghiêm trọng cũng cần thêm ngay rằng: cái đối tượng của Đạo ở đây không hề có khép kín, hay là vô thần như một số tác giả đã nhận lầm, mà trái lại đó là **một đối tượng mở lên và hướng Thượng, thông với Tuyệt đối thể bằng lời tuyên bố công nhiên: "Thiên mệnh chi vị Tính**". "**Tính con người không là chi khác hơn là mệnh lệnh của Trời**!"
Muốn **hiểu được Tính con người cần hiểu Thiên Mệnh**.
Có thể nói đây là một dịch bản (version) của nguyên lý tổng quát: "**Vạn vật bản hồ Thiên**" (kinh lễ), **cái Gốc của Vạn vật xuất phát từ Trời. Cái Gốc ấy khi áp dụng vào con Người thì gọi là Tính: "Thiên mệnh chi vị Tính**".
Muốn nắm được ý nghĩa uyên nguyên của chữ Thiên mệnh ở đây, thì cần phải tránh hiểu theo nghĩa Ngoại, có thể dịch là **Mandat du ciel, mệnh lệnh của Trời, tức là theo <u>nghĩa Ngoại.</u>**
Theo **<u>nghĩa Nội</u>** thì không được hiểu thiên mệnh như một mệnh lệnh nào ở ngoài truyền đạt tới con người, chụp lên đầu cổ nó như câu **Mạnh Tử đã chú thích:**
"Tính mệnh thiên tiên phi do ngoại thược ngã dã," : "Tính mệnh là Thiên tiên là phú bẩm, bẩm sinh tự Nội (inné) không phải là do Ngoại đúc ra và đổ chụp vào ta đâu".
Vậy phải hiểu theo nghĩa Nội Thiên tiên, tức là tia sáng đã phú bẩm nơi thẩm cung Tâm hồn con người mà ta cũng gọi là Minh Đức tinh tuyền linh diệu sáng láng bao la, hơn thế nữa là chính cái Tính bản nhiên con Người, nhưng đồng thời cũng là Thiên lý, một thứ Thiên lý Nội khởi: " Thiên lý tại Nhân Tâm".
Ta quen nói vắn là Tâm linh. Tâm chỉ Tâm Tính, còn Linh chỉ phần linh diệu sáng láng ăn thông với Thiên cách huyền diệu nên Lão Tử gọi là " Huyền đồng".
Sự giải tỏa sáng láng đó nhiều hay ít sẽ tuỳ theo với tu luyện và mức độ tinh ròng. Khi sáng đến mức độ như xem thấy Tính, thì lúc ấy gọi là Đạo " **Suất tính chi vị Đạo**". **Nghĩa là giữa Mình và Tính không còn có gì xen ngang**.
Cả hai ở liền nhau trực tiếp, là một, không có mảy may gì tư lợi, tư dục vẩn đục xen vào để hạn chế cái Tính Bản nhiên hoặc làm cho nó đi sai Tiết diệu uyên nguyên của Thiên Mệnh nên nó trở thành phổ biến linh diệu vô cùng, và chính khi nghĩ đến cái Đạo ở mức độ này mà Khổng Tử nói "**Sáng được nghe Đạo chiều chết được rồi"** (L.N. IV, 8). Chữ văn vừa có nghĩa là nghe vừa có nghĩa là tin thuận vâng theo. Le mot écouter prend ici le double sens d'éntendre et d'obéir.
Vì **chữ Đạo nói ở đây phải viết hoa, cực tinh ròng, siêu vượt mọi trần cấu, không có gì ví được**.
Đó là mức độ cao nhất cần ghi nhớ để vừa cố tiến tới vừa để phân biệt với các mức độ thấp hơn, mà người ta cũng kêu ầu là Đạo, nhưng đó là những thứ Đạo đã ly dị với nghĩa Uyên nguyên chỉ còn lại cái nhãn hiệu bên ngoài. Những thứ Đạo đó có nghe nói đến từng năm nhưng lúc phải chết, ai không biết tiếc sống thì kể là khờ. Vậy cần phải phân biệt tiếp theo.

Liền sau Đạo thì đến một thứ thấp hơn, sách không dám gọi tên là Đạo nữa mà chỉ gọi là Giáo: **"Tu Đạo chi vị Giáo".Tức là một cái Đạo đã không còn được tinh ròng, trung thực nữa, đã có nhiều sự pha tạp hạn chế lại rồi, nên cần phải "tu", tức là sửa chữa lại, làm sao cho nó hợp với Đạo nguyên tuyền ở đợt trên cùng.**
Vì thế nó chỉ ở đợt nhì vì đã đèo theo một ít yếu tố ngoại tại.
Bên dưới còn một đợt nữa, **tức là sửa lại theo cái Đạo, cái Luân lý của một xã hội nhất định nào đó mà người ta gọi là khoa "Đạo đức".**

Không còn là cố gắng theo Đạo cùng nghĩa với Tính phổ biến nữa, mà chỉ còn là theo **cái Đạo tư riêng, một thứ Tôn giáo nhân vi** (artificielle) không ăn nhằm chi với Tính nữa mà chỉ đầy nhóc những thiên kiến làm cho người theo càng sùng bái bao nhiêu càng trở nên cuồng tín hẹp hòi bấy nhiêu, vì chỉ còn biết xem và đánh giá mọi việc qua cái lăng kính thiên lệch đó mà thôi.

Tuy thế cũng còn hơn một thứ Giáo nữa ở đợt thứ tư quen gọi là Giáo dục. Gọi thế cho sôm trò chứ kỳ thực là Lạm dục, vì"

Chữ Giáo bao hàm hai yếu tố: một là tu sửa, hai là cho hợp với Đạo.

Ở đợt ba chữ đạo còn bao hàm ý hướng tu sửa tuy để hợp với Đạo tư riêng nhưng ít ra còn yếu tố tu sửa; nhưng ở đây thì cả đến ý tưởng tu sửa cũng bay luôn. Và Giáo dục lúc đó đốc ra một thứ tri thức suông tình hầu hết xoay quanh sự vật (choisisme) ít có quan thiết chi tới Nhân sinh, tới những mối giao tiếp giữa Người với Người, và nhà giáo dục lúc đó chỉ còn là nhà chuyên môn có nhiệm vụ chuyển đạt cho thính giả một mớ tri thức bất kỳ nào đấy.
Vì thế mà phải cho nó xuống hạng bét, vì nó giết chết Văn hóa chân thực như Einstein đã phàn nàn "**l'encyclopédie superficielle est la mort de la culture**".

Trở lên là đại để bốn đợt của hai chữ Đạo và Giáo, hai đợt trên viết hoa là Đạo, Giáo; hai đợt dưới viết thường là đạo, giáo.

Để tóm lại, ta có thể nói bậc trên cùng là **Đạo lấy Tính Bản nhiên tinh ròng làm đối tượng**. Đó là ý nghĩa uyên nguyên của chữ Đạo, Đạo học. **Nó ngang hàng với chữ Minh Triết, là một sự biết thấu triệt thông suốt, không bị u tối hạn hẹp lại, nên luôn luôn kéo theo sự hiện thực. Tri với Hành hợp nhau gọi là Thành.**

Bậc thứ hai là **Giáo** đã có nhiều môi giới xen ngang, nó ở cùng bình diện với Triết lý, một sự hiểu biết hữu hạn nên phải lần mò bằng khảo cứu, lý luận, biện chứng, và cũng có làm được ít nhiều.

Bậc thứ ba cũng gọi là **đạo nhưng thực ra nó thấp hơn cả Giáo**, vì đã dùng rất ít lý trí mà chỉ còn là nghe theo như đàn cừu, đó là bậc Luân lý hình thức, bậc "Tôn giáo" hẹp hòi, bậc đạo đức gồm những luật tắc, những quy thức ước định của một xã hội ở một thời đại nào đó: hết sức tư riêng, tương đối.

Và cuối cùng là bậc "**giáo**" đồng nghĩa với Tri thức bất kỳ nào. Và thường gọi là giáo dục. Mặc dù không dục không nuôi dưỡng tinh thần mà còn bóp chết bằng chất đống tri thức. Đó là đại để bốn bậc. Sự phân biệt này cần phải lưu tâm ghi nhớ để giúp ta quy định đường lối học hỏi, tức là

tìm ra nền Triết lý Giáo dục. Vì thế ta cần đào sâu thêm ít bước nữa bằng đưa ra một số phân biệt đầu tiên là:

II.- Đạo giáo với Tôn giáo

Với sự phân biệt nền móng trên ta có thể thấy sự khác biệt giữa Đạo Giáo Đông Phương với Tôn giáo. Vì Đạo ở đây lấy tồn Tâm dưỡng Tính làm đối tượng (chữ Religion gốc bởi religo là buộc, tức là liên kết với Thượng Đế). Như vậy đã khá rõ. Tuy nhiên để tránh mọi lầm lộn có thể xảy ra, nên chú trọng bốn đặc điểm của Tôn giáo như sau:

Trước nhất <u>Tôn giáo đòi phải Tin</u>, nên bao giờ cũng có những tín điều (dogmes) dựa trên một sách được gọi là Thánh, vì chứa đựng những điều được tin do Thượng Đế mặc khải: Coran, Veda…

Thứ hai <u>những việc phải Làm</u>, tuy những việc đó hầu hết là nội dung chung cho cả nền Luân lý nhân loại, nhưng được đóng khuôn theo những Luật tắc, những tin tưởng nhất định của mỗi Tôn giáo. Mày phải yêu giai cấp Ksatria vì nó sinh ra bởi bụng của Brahma thí dụ.

Thứ ba <u>là những Nghi tiết Lễ nhạc có tính cách Tế tự và Huyền bí</u> và cũng theo những quy tắc đã được thiết lập do quyền bính thí dụ theo thời hạn nào, ngày sóc, ngày vọng phải tế phải cúng v.v…

Thứ bốn là có <u>hàng Tư tế</u>

<u>Căn cứ vào bốn điểm trên để cứu xét thì Tam giáo không phải là Tôn giáo, vì:</u>

1) **Không có tín điều hay là mặc khải**. Tam giáo nhận có Trời nhưng là Trời không nói "Thiên hà ngôn tai " : Trời có nói đâu. Vì thế đề cao Trí (Trí đặt trước nhất, sau Nhân và Dũng v.v…). Phải tự mình dùng trí thông minh mà tìm ra chân lý nằm ngay trong Nội tâm của mình : **Đạo tại nhĩ, nhi cầu chư viễn**? (Mạnh Tử). Đạo ở trong mày, sao mày đi tìm ở đâu? Nói thế vì người ta hay tìm ở xa bởi đạo mập mờ thấp thoáng "**Đạo chi vi vật hoảng hề hốt hề**" (ĐĐK. 21). "**Vô thanh vô xú**" : không tiếng không hơi (Trung Dung, 35), nên không có tín điều quy định.

Và Tam giáo không có kinh thánh mà chỉ có Kinh điển, nghĩa là không có những lời trên buộc phải tin mà chỉ có những lời của các bậc Hiền triết truyền lại gởi thẳng đến Lý trí, hơn là cho Tình cảm. Với mục đích chuyển lại hậu thế một ít kinh nghiệm hướng dẫn ở bước đầu. Còn chính Chân lý thì Cua không cho Cáy được, nhưng Cáy phải đào lấy.

2) Về điểm thứ hai tuy **có những việc rất giống nhau với cả mọi Tôn giáo trong nhân loại** (đừng sát nhân, chớ ăn trộm v.v…) **nhưng xét đến lý do thì Tôn giáo thường dựa trên những lý lẽ riêng biệt**, như phải Yêu người vì họ cũng là một phần của Allah, trái lại Nho giáo nói phải yêu Người vì họ là Người.

3) **Nghi lễ Tế tự** với những phép màu là đặc điểm riêng các Tôn giáo với ý nghĩa bắt buộc đã được quy định do quyền bính. Tam giáo bản cốt không có nhiệm tích nào, tuy về sau Lão Thích cũng có nhưng chỉ với ý nghĩa tượng trưng không có tính cách bó buộc. Ai theo tuỳ ý.

4) **Hàng Tư tế tuyệt nhiên vắng bóng trong Nho giáo**, rõ rệt nhất là trong Khổng Giáo không hề có dấu vết của Tăng lữ. Còn Đạo sĩ, Sư ni trong Phật giáo chỉ là những người đi tu hành cho bản thân mình, chứ không có quyền hành chi trên ai, hay nếu có thì cũng chỉ là do uy tín cá nhân chứ không phải do quyền bính đã trở thành thể chế và vì thế hết sức phụ thuộc.

Lược qua bốn điểm trên, ta thấy người xưa **dùng chữ Đạo, chữ Giáo mà dịch chữ religion là mở đầu cho nhiều lầm lẫn**, người học Triết cần lưu tâm xem xét nội dung của mỗi chữ theo đồng văn. Sau đây là vài câu điển hình do sự lẫn lộn đó và cần được minh biện.
Vấn đề đầu tiên chưa gặp thấy và có lẽ chưa được đặt ra công nhiên nhưng cũng nên bàn sơ qua để tránh những sự ngộ nhận, đó là:

III.- Tôn giáo trên Triết lý hay Triết lý trên Tôn giáo

Với **Tây Phương** nói chung (ít ra tới thế kỷ 17,18) thì Tôn giáo ở trên Triết học. **Triết học chỉ là con sen cho Thần học** (Philosophia ancilla Theologiae) và xuất hiện lâu sau Thần học với tính cách tuỳ thuộc có hay chăng không quan trọng, như trường hợp Kitô giáo thì đến thế kỷ thứ 5 triết Platon được **S.Augustin** đưa vào Đạo, còn Triết học Aristote mãi đến thế kỷ 13 mới được **S.Thomas** thích ứng với Kitô giáo.
Và cho tới ngày nay người ta vẫn còn đặt vấn đề có hay chăng một nền Triết lý theo Kitô giáo? **E.Gilson** chủ trương có. **Bréhier** bảo không (xem Existe t-il une philosophie chrétienne? Nédoncelle). Vấn đề tế nhị ở chỗ đã tin thì phải có uy thế (autorité) nhưng uy thế đối với Triết lý thì không là nền móng mà chỉ là trang trí, củng cố thôi. **S.Thomas** cho là rất yếu… Vì thế mà có vấn đề.

Trái lại **với Đông Phương thì không thành vấn đề, vì không có Tôn giáo nên khỏi đặt trước hay sau.** Nhưng muốn xét kỹ thì những thứ người ta gọi là "**Tôn giáo" như Lão giáo, Phật giáo v.v… chỉ là sự biến thể của Minh Triết**. "Tôn giáo" ở đây hầu hết chỉ là một phương tiện để cụ thể hóa Minh Triết trừu tượng, một lối hạ Triết lý cho vừa tầm hiểu biết của đại chúng. Nói Nhân Nghĩa là nói trừu tượng, nhưng diễn đạt Nhân Nghĩa bằng Lễ, bằng Nhạc, bằng những Cử chỉ cụ thể trong các mối Tương giao của loài người thì lúc đó thường dân thất học cũng hiểu được phần nào.
Vì thế bên Đông Phương, Tôn giáo hoặc lòng sùng bái luôn luôn vâng phục Minh Triết, chứ không bao giờ bắt Minh triết làm con sen hoặc chống đối. Chính vì vậy mà gọi là Văn hiến chi bang!
Vậy những Lễ Nhạc, những Nghi tiết, những Hình ảnh như Tây Phương cực lạc thế giới, cũng như Táo quân lập bô với Hoàng Thiên Thượng Đế v.v… Đối với trí thức chỉ là ẩn dụ thường thường là do các môn đệ về sau đặt ra để minh họa Giáo lý cao siêu của thầy, nhưng rồi thường dân tin theo chữ đen: tịnh độ không còn là tâm trong sạch nữa, mà là một nơi nào đó trong không gian v.v… Từ đấy những ẩn dụ đó trở thành "tôn giáo". **Còn chính Bản cốt Tam giáo chỉ là một nền Minh triết.**

IV.- Đạo nào cũng tốt

Đây là câu thứ hai thường xuất tự cửa miệng người Đông Phương. Câu này cũng phải hiểu theo nghĩa thứ nhất của chữ **Đạo ngang hàng với Tính phổ biến tức là Minh triết**, như phần nào quen hiểu bên Đông Phương. Ngược lại, **nếu hiểu chữ Đạo theo nghĩa Tôn giáo thì câu trên thường bị công kích**. Vì đứng riêng trong phạm vi Tôn giáo thì **mỗi Tôn giáo đều cho Đạo mình là duy nhất đáp ứng được những tiêu chuẩn của một Chân Đạo, dĩ nhiên không tôn**

giáo nào chịu nhìn nhận rằng những tiêu chuẩn kia đã được rút ra từ Đạo của mình nên làm sao hợp cho Tôn giáo khác.
Bởi thế con Đạo không thể chấp nhận một Tôn giáo khác, và câu nói "**đạo nào cũng tốt**" **là một câu nói tỏ tường sai. Làm sao lại cho là tốt được cả hai khi một bên nói có bên kia nói không?**
Cho nên chỉ có một Tôn giáo trúng. Nghĩa là chỉ có một Tôn giáo nhất định có thể hợp với tiêu chuẩn nhất định. Điều đó thật là rõ ràng.
Vậy **câu nói "Đạo nào cũng tốt" nên hạn chế vào các đạo giáo Đông Phương mà thôi, không nên áp dụng vào Tôn giáo Tây Phương vì phạm trù khác hẳn. Và ngay với Đông Phương câu trên cũng còn hàm hồ, và bình dân. Nên cũng cần phải xác định thêm cả chỗ quy định rằng đó chỉ là Tam giáo mà thôi.**
Sở dĩ nói ba đạo đó tốt vì cả ba đều là Minh triết xây trên con Người lấy Minh tâm làm đường đi, lấy Thành tính làm chỗ đến. Tính mệnh đó là nền móng, là "Đồng quy", đó là tuyệt đối. Ngoài ra là "Thù đồ" (những nẻo về khác nhau) vì cả ba đều nhận Vũ trụ quan động với những nguyên lý do Âm Dương. Đã động đích đã biến dịch thì tất cả là tương đối, đã Âm Dương thì tất cả là bù trừ hơn là chống đối.
<u>Là Đại đồng mà Tiểu dị. Đồng ở gốc siêu</u> <u>hình. Dị ở phương pháp giải quyết.</u>
Khổng Lão cho đời nay là cay đắng hay ngọt bùi, Phật có cho đời là bào ảnh là bát khổ đi nữa thì cả ba đều đồng ý mà cho đời là Biến dịch. Đã biến dịch thì có cái chi là bền vững trường cửu đâu, vậy tội gì nhọc công mà bênh vực lập trường này hay lập trường nọ: ngọt bùi, đắng mặn hay sao sao rồi cũng biến thiên đi hết.

Khác với phạm trù cố định của Triết học Tây Phương xây trên Vũ trụ quan Tĩnh (xem bài Triết Đông động Triết Tây tĩnh trong Những dị biệt giữa hai nền triết lý Đông Tây) theo **nguyên tắc "mâu thuẫn" và "triệt tam" A là A. Và A không thể là B. Trái với Triết Đông vì là biến dịch nên A có thể là B**. **Trong khi chờ đợi thì trong A đã có căn B rồi: "Âm trung hữu Dương, Dương trung hữu Âm".**
Nhưng nẻo nào thì cũng là biến dịch, cũng trong vòng vận chuyển, cho nên tất cả là tương đối chỉ trừ có một Tính diệu huyền. Do đó mọi biểu tượng, mọi áp dụng chỉ là phương tiện tuỳ với thái độ trước đời sống, tuỳ với căn cơ và sở thích mà khác nhau. Con đường hợp cho người này vị tất đã hợp cho người kia, nên để tuỳ sở thích.
Khổng Tử răn môn đệ: "**công hồ dị đoan tư hại dã dĩ** " L.N. II 16); công kích những mối khởi đầu khác là điều có hại (có người dịch công là chuyên học không đúng, xem nghĩa chữ công ở L.N. XII 20). Vì các mối đó mâu thuẫn nhau đâu mà công, tất cả chỉ là bù trừ là bổ túc. Bởi vậy ta có thể coi Tam giáo là ba mối đầu lớn nhất:

Lão Tử bàn về con Người sống trong Thiên nhiên cố hòa mình với Vũ trụ bao la nên có một nền siêu hình về Nhân sinh đồ sộ man mác. Tuy vậy cái Triết lý đó **còn ở trong cõi sống**.

Thích Ca sẽ nối tiếp nền Siêu hình đó và **kéo dài sang bên kia cõi sống để** dẫn đến Tuyệt đối thể gọi là Như Lai bằng những phương tiện rất tỉ mỉ dựa trên Tâm lý con người. Đứng ở những đỉnh cao chót vót đó mà nhìn đời thì dễ đem lòng coi nhẹ cuộc sống, coi đời như những đám mây huyền ảo.

Đang khi toan xuất thế vọng cảnh thì may mắn bên cạnh **có Khổng Tử thực tế đặt nặng chú trọng đến con Người sống trong xã hội bị ràng buộc trong những mỗi Nhân luân phức tạp, phồn đa bó buộc phải có một nền Triết lý dấn bước, sắn tay.**

Đứng bên một Lão hay xao lãng xã hội, quá đề cao cá nhân có thể dẫn đến nguy cơ vô chính quyền (anarchie, xem Zenker 177) và một Phật quá chú trọng đến giải thoát có thể trở nên bi quan khắc khổ với hiện tại, thì Khổng đem lại óc yêu đời, dấn thân vào việc cải tiến Nhân sinh, đem ra một nền giáo dục "Dấn thân" tích cực. Đó là ba chỗ khởi đầu của Tam giáo mà ta có thể coi như ba cổ thụ mọc ở ba nơi khác nhau.

Cây Khổng mọc lên ở "cõi Người ta" ăn rễ sâu vào lòng đất " an Thổ đôn hồ Nhân cố năng ái".
Cây Lão mọc trên núi cao chót vót, tiêu dao với tiên cảnh bồng lai.

Cây Phật mọc trong rừng rậm cố thoát ra cõi âm u để vươn mình lên với cõi vô lượng quang, vô lượng thọ.

Tuy mọc ở ba nơi khác nhau, với những mối khởi đoan dị biệt, nhưng khi vươn lên đến chóp đỉnh thì gặp nhau hòa hợp làm thành một cái Tàn bao la rủ bóng mát che cho các dân tộc Viễn Đông, cho mọi khuynh hướng mọi sở thích.
Muốn Cụ thể thực tiễn cũng có, mà muốn Siêu hình huyền niệm cũng có. Nhờ chỗ bù trừ bổ túc đó mà Tam giáo trở nên một nền văn hóa Nhân bản toàn diện và sâu thẳm gây nên cảnh thư thái êm đềm. Người Viễn Đông tràn ngập lòng tri mộ mới nói ra câu " **Đạo nào cũng tốt** " .

Vì vậy đứng trong phạm vi Triết lý Đông Phương thì câu ấy là một câu đáng duy trì và mở rộng. Vì Đạo ở đây chỉ có nghĩa là Đường đã đặt ra để vươn tới chỗ Tính mệnh đồng nhiên. Bởi chưng khả năng căn cơ khác nhau không ai có quyền độc đoán về những chuyện Tâm linh man mác. Ai dám làm thế là bắt chước người vẽ quỷ có đuôi rồi buộc người khác phải tin và kết tội những người không tin (Vua nước Vệ hỏi một họa sĩ: Vẽ gì khó? Chó hay quỷ? Thưa vẽ chó khó vì ai cũng thấy, vẽ liều không được, còn quỷ chẳng ai thấy đâu nên tha hồ hoa bút).
Thái độ Độc đoán vì thế thiếu căn bản và thường gây ra bầu khí Bất tương dung. Trái lại nếu thấu triệt chân lý của câu "Đạo nào cũng tốt" thì sẽ duy trì được đức Tương Dung. Đức này là một trái quý của khóm cổ thụ kia, nên ta cần dừng lại một lúc để ngắm nhìn.

V.- Đức Tương Dung

Là một nét đặc sắc của Tam giáo và ta có thể gọi Viễn Đông là quê hương của đức Tương Dung cũng như vườn ươm các cố gắng tổng hợp Tôn giáo. Đang khi nhiều nơi xảy ra chiến tranh Tôn giáo, chẳng hạn trường hợp Ấn Độ: dân cùng một nước nhưng vì theo hai Tôn giáo khác nhau mà gây ra cảnh nồi da Pakistan- Ấn Độ nấu thịt dân tộc Thiên Trúc. Cùng một dòng máu mà vì vấn đề Tôn giáo vác búa, gậy, dao xuống phố để gieo rắc máu và nước mắt đặng giảng yêu thương chăng?

Có lẽ **xưa kia nước Nga** là một địa điểm thuận tiện nhất để quan sát nét đặc sắc của Đông Phương. Vì **mạn Đông của Nga chịu ảnh hưởng của Phật và một ít Nho, Lão**. Các Nga hoàng nhận thức được điểm đó nên thường khuyến khích các Giáo phái ở mạn Tây tản cư qua

rặng núi Caucase và Oural để **tránh sự bách hại của nhóm Chính thống thường gây ra bên miền Tây** (Herbert 136, Introd. À l'Asie).
Một khi bước chân vào miền Đông, họ sẽ thở hút bầu khí Tương dung cởi mở, "bên Cha cũng kính, bên Mẹ cũng vái".
Cùng trong một gia đình có khi Bà theo Lão, Mẹ theo Phật, Cha theo Khổng và vẫn niềm nở đón nhận những ngày cúng vái siêu độ.
Hơn thế nữa **một Người theo hai ba Tôn giáo là chuyện thường**.
Bên Nhật năm 1950 người ta tính ra trong số 80 triệu dân thì 63 triệu người theo Thần giáo, trong số này có 40 triệu người cũng theo Khổng giáo. Điều đó có thể thật cho Đại Hàn, Việt Nam, Trung Hoa. Nhân đó số người theo ba đạo khi cộng lại có thể gấp đôi dân số là chuyện có thực không phải là điều tính lầm như một số quan sát viên ngộ nhận.
Trong đời sống chúng ta có thể gặp biết bao những trường hợp như thế. Chẳng hạn Dương Hùng lúc hấp hối người ta gặp thấy tay trái cầm sách Đạo Đức Kinh và Luận Ngữ, tay phải cầm Diệu Pháp Liên Hoa Kinh.
Người ta tìm thấy một tượng vua Phục Hy vào lối năm 497-569 đầu đội mũ Lão, chân đi ủng Khổng, vai khoác cà sa Phật.
Giáo sư Herbert nhận xét rất đúng bên Viễn Đông một ông quan có thể theo Khổng lúc làm việc ở công đường, theo Lão lúc nhàn tản ngao du sơn thuỷ, rồi theo Phật trong lục tọa thiền.
Ta có thể nói chung rằng trong những thời kỳ Văn hóa lên cao, thì hiện tượng Tam giáo hòa hợp cũng trở nên khăng khít và một học giả theo cả ba đạo là chuyện rất thường, như bên Trung Hoa đời Tống hay bên Việt Nam đời Lý, Trần.
Một chùa thờ cả ba đạo kiểu Tam Tông miếu là chuyện không có gì lạ cả. Đó chỉ là óc Tương dung còn được duy trì và hình như ngày nay đang phát triển trở lại.
Ông Wing-Tsit-Chan có kể ra đến mười phái mới lập bên Viễn Đông có khuynh hướng đó. Năm phái thì tôn thờ Tam giáo Đông Phương, ba phái có thêm cả Judeu, Islam, Kitô. Một vài nhóm còn thêm những danh nhân như A.Comte, và ông có đan cử ra một ví dụ bên Nhật có miếu thờ bát thánh: tức là bên cạnh tam thánh còn có Jesus, Socrate, Mahomet, Kobo-Daishi và Nhật Liên (Religion Trends in Modern China p.157,178).

Và thường có những chuyện Tây Âu cho là không thể hiểu chẳng hạn: bên Lào nhiều thừa sai Kitô giáo muốn truyền bá đạo có thể đến chùa xin Sư ni ở đó lên hiệu trống hay chuông gọi dân tới nghe thuyết về Kitô giáo. Hoặc bên Nhật Bản, lễ an táng các sư của Thần đạo thường được các Sư ni bên Phật cử hành.
Nhờ óc Tương dung đó mà khu vực ảnh hưởng của Tam giáo mở ra rất rộng lớn. Từ Tibet đến Tích lan, từ sông Gange đến Nhật Bản cũng như số người hấp thụ rất đông, vượt xa các nhóm Tôn giáo khác và hiện nay Nho Thích được kể là hai đạo lớn trong số 5 tôn giáo của nhân loại (xem Les cinq grandes religions du monde của Glassenapp. Payot).
Cho nên trong dĩ vãng Tam giáo Đông Phương là một sự kiện Văn hóa mênh mông đồ sộ, có một thành tích Thống nhất nhân loại rất đáng kính nể và cứ sự có lẽ đó là một thực hiện đầu tiên của lý tưởng chung sống êm đềm. Ai nấy vẫn giữ được sắc thái riêng của mình và gần đây cả ba vẫn còn gây ảnh hưởng vào nền văn hóa mới.

Khổng giáo đã ghi dấu và **chế độ thi cử tuyển lựa nhân tài**, cũng như trong việc thiết lập nền Triết học duy lý Tây phương thế kỷ 18 (xem Cửa Khổng hai chương cuối).

Lão: quyển **Đạo Đức kinh** đã gây một tiếng vang sâu đậm trên tri thức nhân loại. Zenker đã có thể viết "Lão Tử a fait sur l'esprit européen dès le premier moment une impression profonde et durable à cause de son caratère intemporel et de son rigorisme éthique. Nous voyons en lui un guide vers la renaissance morale qui doit précéder tout renouvement social: il est la vox clamantis in deserto (tiếng kêu trong rừng). Lão Tử n'a pas vécu seulement pour la Chine et pour son époque, il est un des maitres les plus pur et les plus profonds de l'humanité" (Histoire de la Philosophie Chinoise p.108)

Phật: nếu xét như **một nền nhân bản** có thể thu hút được nhiều cảm tình, có **nhiều liên hệ với khoa Tâm lý các miền sâu** (xem bài A.Barreau trong Présence du Bouddisme).

Dĩ vãng cũng như cận đại đã có thành tích như vậy, nên ta có quyền đặt tin tưởng vào tương lai Tam giáo xét như là một nền Triết lý Nhân sinh, cũng như là một nền Nhân bản vừa tinh tuyền vừa toàn diện, tức là những điều kiện đáp ứng được nguyện vọng của Nhân loại hai thế kỷ sau cùng đang biểu lộ ở văn hóa Liên hiệp quốc, trong viễn tượng đặt nền Văn hóa trên Nhân bản để tìm cho nhân loại một nền tảng thống nhất. Vì thế ta hiểu tại sao trong cả ba lần Hội nghị quốc tế Triết lý, Tam giáo Đông Phương đã chiếm được địa vị danh dự (xem quyển Essays in East West Philosophie par Charles A. Moore).

VI.- Hướng học tập

Tìm cho nhân loại một nền móng Tinh thần Thống nhất.

Đấy là một mục phiêu cao thượng quý hóa xiết bao, rất đáng làm hứng khởi mọi Tâm hồn quảng đại bao la, rất thích hợp với ý hướng Triết lý Nho giáo nhằm "an bang tế thế" (trị quốc bình thiên hạ). Tuy nhiên học về Tam giáo cũng có ba bảy đường, y như trong thực tế Tam giáo không phải chỉ có tạo nên được bầu khí tương dung tốt đẹp như vừa kể trên, mà trái lại **cũng đã gây ra những vụ xích mích, bách hại, đả kích nhau**.

Bức họa vẽ Phật pháp trên tòa sen.

Lão tay cầm sách Đạo Đức Kinh tay luyện linh đơn trong lò bát quái,
Đang khi đó Khổng lòm còm dưới đất như trẻ con, là một bằng chứng.
Bên Lão Trang thì **tràn đầy những bài đả kích Nhân Nghĩa của Khổng Nho**.
Bên Nho cũng không chịu kém như ta có thể thấy chẳng hạn trong bài thơ :

"**Phật thị thuyết pháp, Lão thị đàm kinh, Khổng Tử kiến chi, tiếu nhi truỵ địa" :**

họ Phật giảng pháp, họ Lão bàn kinh, Khổng Tử xem thấy, cười lăn ra đất".

Đó là những nét đen làm hoen ố bức tranh Tương dung mới nhắc tới ở trên.

Nguyên nhân tại đâu? Xét ra thì tại những Học giả, những con Đạo đã gây nên những bóng đen đáng tiếc kia, đã không hiểu đúng hay ít ra không giữ đúng được cái ý nghĩa uyên nguyên của chữ Đạo, chữ Giáo như chúng ta tìm thấy ở đầu chương.

Nho thì đâm ra tầm chương khoa cử. Thích thì đi về Tôn giáo, còn Lão chuyên về Huyền đạo. Nhân đó đâm ra khích bác nhau.

Rõ ràng là đồng minh trong Triết lý mà cạnh tranh trong Tôn giáo.

Vì vậy cần thiết phải nhắc lại để quy định cái hướng học hỏi của chúng ta. Trên ta thấy có bốn nấc của nghĩa chữ Đạo chữ Giáo, thì trong việc học hỏi ta cũng có thể chia ra bốn nấc tương đương.

1) Đợt cuối cùng phải kể đến là đám **Danh học, Hình học** mà người tiêu biểu là Huệ Thi với câu phê phán của Tuân Tử: " **Huệ tử tế ư từ nhi bất tri thực**". Huệ tử vướng mắc ở lời nói nên không nhìn ra thực tại. Phải xếp vào hạng này các thứ học từ chương, huấn hỗ, những người chuyên về văn nghệ duy mỹ dễ bị cái tội **tế ư từ** này, Tây Phương kêu là **Duy từ ngữ** (terministers). Đấy là cái học của "loài ve, kêu suốt mùa hè, đến lúc gió lạnh thổi, nguồn cơn thật bối rối", bởi vì xem vào sở học thì toàn hư từ rỗng tuếch. Với họ cần nhắc lại khẩu hiệu " **từ đạt nhi dĩ hĩ** " (res et non verba: cốt sự mới quan trọng chứ không phải là hư từ).

2) Đợt trên một chút có thể xếp hạng học **Duy tư, Duy niệm** (conceptualistes) mà Khổng cho là " **tư nhi bất học tắc đãi** ". Suy tư suông mà không thực học (ý nghĩa chữ học của Khổng) thì nguy lắm. Đấy là cái học mọt sách, chỉ chú ý học mà không chịu xem cái học đó có hướng đến cái gì ơn ích chăng, thật không ăn nhằm chi với Đạo Nhân sinh của thánh hiền, mỗi lời nói ra là để cứu dân khỏi cảnh lầm than cơ khổ.

3) Đợt cao hơn chút nữa là **bám lấy một Tôn giáo tư riêng, rồi lấy danh từ lý sự mà tranh hơn tranh kém, đạo này cao đạo kia thấp**. Khổng Tử trách Tử Cống phí thì giờ so sánh ông này thấp ông kia cao (Tử Cống phương nhơn… XIV. 31). Những con Đạo này càng đông thì bầu khí bất Tương dung càng trở nên ngột ngạt nặng nề, chỉ cần xem chính bản thân của họ: cuồng tín, hẹp hòi mà hết muốn xét tới cái Đạo của họ giữ. Vì với hạng đó thì đạo nào cũng chẳng làm họ trở nên đại độ bao dung được (**phi đạo hoằng nhơn**).
Lục Cửu Uyên than:

"Đạo Lớn bị người làm nó ra Nhỏ
Đạo Công tự người làm nó ra Tư
Đạo Rộng tự người làm nó ra Hẹp"

Đạo Đại nhơn tự Tiểu chi
Đạo Công nhơn tự Tư chi
Đạo Quảng nhơn tự Hiệp chi

Mấy thứ đạo câu chấp nhỏ nhen đó mà người tri thức để cho ngoai ra ở đâu thì có ngày chiến tranh Tôn giáo bùng nổ ở đấy.
Chúng ta nên trung thành với Truyền Thống mà coi óc bất Tương dung như dấu chứng những người đó không đủ khả năng cảm nghiệm được tinh thần của Đạo. (L'intolérance est considéré comme une inaptitude à l'expérience religieuse. Herbert, 92).
Lão Tử nói " Tri Thường Dung ". Người biết được đạo Thường Hằng thì có bụng Bao dung. Bởi cái Đạo đó đã đạt tới cái độ Viên Mãn mênh mông, không còn bị lệ thuộc vào những cái nhỏ nhen câu chấp.
Chúng ta phải cố gắng đừng để vướng mắc vào một trong những lối học ở trên dù là từ hay tư hay giáo, vì tất cả sẽ làm cho hết còn thấy thực chất của Đạo "**tế ư Từ, tế ư Tư, tế ư Giáo nhi bất tri Thực**". Học kiểu Văn nghệ sĩ, Văn học (từ) Tôn giáo (Phật giáo, Lão giáo) đều không phải Triết lý nên dễ mắc ứ đọng.

Muốn tránh những bế tắc đó, muốn có thể " hoằng Đạo " : làm cho cái Đạo ta theo trở nên rộng lớn, thái công, bao la thì cần chúng ta phải đem hết chú ý nhằm vào đối tượng của Minh Triết là Tính và Mệnh.
Gắng sức nhấn **mạnh vào Tính lý Đại đồng và tính chất bổ sung trong phương tiện**.
Xin trích câu nói của **Tôn Hoàng Đế** (1163-89) rằng:

" **Dùng Phật giáo mà trị Tâm; dùng Đạo giáo mà trị Thân, dùng Nho giáo mà trị Thế**."

Điều này tuy đã bàn ở trên, nhưng vì khuynh hướng đi trật đường hãy còn rất mạnh, nên xin nhắc lại đối tượng đó, đối tượng của Đạo của cái Đức thiết yếu để đắc Đạo bằng một đoạn văn khác của sách Trung Dung.

Đức đó là Thành là Trung, Đạo đó là Tâm là Tính.

Vì thế mới nói "**Doãn chấp kỳ trung: 允 執 其 中** ". Phải tín Thuận phải Trung với cái Tâm của mình trước nhất. Chu Hy giải thích **chữ Trung là " tận kỷ chi vị trung : 盡 已 之 爲 中** ". **Trung** là sống cho tận cùng cái Kỷ, hiểu là Đại ngã Tâm linh nơi mình. Creel dịch rất sát là " **to be true to the principles of our natures**", sống trung thực với những nguyên tố cấu tạo nên Bản tính chúng ta. Chữ Trung ở đây lót bằng chữ Tâm nó đứng trên chữ Tình mà dưới chữ Tính. Với **Tính** ta phải dùng một động từ khác là thành. "**Duy thiên hạ chí thành**, **vi năng tận kỳ tính**: **唯 天 下 之 至 誠 爲 能 盡 其 性** " (T.D. 22), chỉ có bậc chí thành mới hiện thực hết được cái Tính. Chữ Tận đây dịch là biết chưa đủ, phải có một động từ nào nói lên sự biết toàn vẹn đến nỗi **Chủ tri và Thụ tri trở nên một**. **Chữ Tận " 盡 "** giống như chữ suất trong câu " **suất tính chi vị Đạo: 率 性 之 爲 道** ".
Muốn nhấn mạnh cái trình độ Trung đến cực điểm, để không còn chỗ nào so le trống hở, đến nỗi cả hai biến thành một đó, chúng ta nên viết hai chữ " **Trung Thành** : **中 誠 "** bằng chữ hoa, để phân biệt với những chữ thành chữ trung khác. Các chữ đó dầu khi có đối tượng chân chính đi nữa cũng mới chỉ là "phó sản" của chữ Thành chữ Trung trên, bởi vì chính nó mới chỉ là sự trung tín với lời nói nọ, với việc làm kia, thành thực đối với Đạo này, người nọ tuy bấy nhiêu có thể là chân chính, nhưng đấy cũng mới là những đối tượng tư riêng, chỉ có giá trị khi hướng theo đối tượng của hai chữ Thành, Trung viết lớn, vì ở đây nó nhằm vào tính phổ biến, nên người đã " **Chí Thành: 至 誠 "** thì cũng trở nên một với phổ biến không còn bị lệ thuộc vào cái chi tư riêng nữa nhưng trở nên bao la man mác đến nỗi sách Trung Dung cực tả bằng câu " **Chí Thành như Thần** :**至 誠 如 神 "** (T.D. 22). Bậc Chí Thành thì giống như Thần nghĩa là mênh mông u áo có đấy mà cũng có đây: khắp hết y như Trời nên gọi là Thiên Đạo "**Thành giả Thiên chi Đạo dã : 誠 者 天 之 道 也** " (T.D 20). Bậc Chí Thành là Thiên Đạo khác hẳn với những cái thành tư riêng đã nói trên vì ở đó chưa có sự hòa đồng. Giữa Đạo với Người thành còn một khoảng cách, chưa đạt độ Tận kỳ Tính; muốn nối lại phải thêm chữ Chi để chỉ thuộc về " **Thành chi giả, Nhơn chi Đạo dã** : **誠 之 者 人 之 道 也** " (T.D. 20), người đã có lòng thành (chưa hẳn là Thành) thì mới là Nhơn đạo. Chữ chi ở đây trỏ vào một cái thân ngoại vật " hay nói theo danh từ triết Tây là đối tượng : objet, chỉ một vật gì đã vất ra đấy "**jectum**" ở đàng trước

mặt ob (objet), nghĩa là giữa mình và vật có một quãng cách, sách Nho gọi đó là " **Khúc: 曲 ",** nghĩa là đã bị xa lìa cong vạy nên gạt xuống bậc nhì và dùng một động từ có tính cách rất " hiện sinh : **現 生**" là "Hữu : **有** " mà chỉ thị y như G.Marcel trong **Être et Avoir** (avoir là có cái gì còn Être là trở nên cái gì). Vì thế Avoir kém hẳn Être. Avoir est décrit comme déchéance de l'Être, comme une non coincidence avec l'Être. Tramf. 4, p.124), thì đây Trung Dung cũng cho Hữu vào bậc thứ nhì sau Thành " **kỳ thứ trí Khúc, Khúc năng Hữu Thành: 其 次 致 曲, 曲 能 有 誠** ", sau hạng Thành thì đến hạng Khúc, hạng Khúc có thể chiếm lấy (avoir) được Thành (T.D. 23). Chiếm lấy là tỏ ra mình chưa là (Être) cái ấy, mới phải tìm cho có. Học giả Couvreur đã dịch câu trên rất sát bằng tiếng La Tinh: **quod non est rectum potest accipere integram bonitatem "une nature défectueuse peut devenir parfaite**". Câu tiếng Pháp không sát bằng câu La Tinh vì chữ accipere có nghĩa chiếp lấy, nên mạnh mẽ hơn chữ devenir, tuy vậy còn giữ đủ ý và cũng giúp cho ta hiểu câu " **tu Đạo chi vị Giáo: 須 道 爲 之 教** " ở đầu chương. Tác giả sách Trung Dung lại quảng diễn thêm "**tự Thành minh vị chi Tính. Tự minh thành vị chi giáo : 自 誠 明 爲 之 性,自 明 誠 爲 之 教** " (T.D 21). Tự nhiên mà Thành thì gọi là Đạo, hợp với câu " S22uất Tính chi vị Đạo**: 率 性 之 爲 道** ", nhưng lúc Tính đã bị che khuất đi phải soi sáng phải minh giải mới hiểu ra để mà thi Hành thì gọi là Giáo (**tự minh Thành vị chi Giáo**), cùng nghĩa với câu " **tu Đạo chi vị Giáo**" ở trên. Một ý mà nói nhiều kiểu giúp ta thưởng thức được làn tư tưởng tuy nhất quán nhưng rất phong phú và sâu thẳm, cả hai câu đều nói lên **Thành giả: 誠 者 :Être, Thành chi giả: 誠 之 者: Avoir**. Avoir không bằng Être. Thành chi giả không bằng Thành giả. Vậy cần phải xóa bỏ chữ chi đi, dĩ nhiên không phải trong câu văn, nhưng trong bản thân của mình. Điều đó sẽ có nghĩa là phải xóa bỏ mọi quãng xen kẽ, nghĩa là tẩy trừ những cái tư riêng môi giới, những cái đó có rất nhiều, đội lốt muôn vàn tên nhưng quy ra hai mối là Tham dục hay Tư lợi Tư dục.

Cần phải bỏ những cái Tư đó mới tới chỗ Đồng nhiên của nhân loại, mới mong kiến Tính (見 性) và suất Tính (率 性). "**Chữ kiến Tính cũng là Suất Tính "** . " **Trong ống nhòm đổ tiếng Hư vô**" (Nguyễn Công Trứ)

Chữ kiến Tính của nhà Phật, chữ Xuất Tính của nhà Nho. Tuy tên gọi có khác nhau, nhưng xét đến chỗ rốt ráo cùng cực (trong ống nhòm) tức là xem vào chỗ tập trung then chốt thì cũng cùng một tên đều phải đi qua một con đường Hư vô. Hư vô ở đây có nghĩa là làm cho mất đi, biến đi những cái gì tư riêng hạn hẹp. Phật sẽ đưa ra thuyết Thái hư với những phương châm **diệt dục** để diệt tận gốc rễ những tư dục **làm cho hiện diện "Như Lai** " tinh ròng như chưa bị tì ố, đó là cái tính Bản nhiên linh diệu. Còn Khổng lăn lộn vào đời mà cũng hiện thực được bốn bước vô (IX. 4) "Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã", nghĩa là cố trút những cái tư riêng có thể cản ngăn hay bẻ quặt sự Thành Trung của mình vào nẻo ngang trái, để đưa đi Trung Thành với những cái đâu đâu mà không phải Trung với Tâm và Thành với Đại Ngã tức là Tính. mà **Tính (性)với Mệnh (命) với Thần (神) là một…** tất cả đều trỏ vào một thực thể u thâm nhưng lại cực kỳ quang minh linh diệu và ở ngay trong thâm tâm của ta.Tất cả chương trình cùng mọi phương tiện học hỏi đều phải thiết tha nhằm vào việc làm sáng tỏa ra cái đức Minh đó. Đấy mới thật là cửa của Đạo học mà Kinh Dịch nói là: " **Thành Tính tồn tồn, Đạo nghĩa chi môn: 誠 性 存 存 道 義 之 門 "**

M.- MẤY Ý NIỆM VỀ VĂN HOÁ ĐÔNG PHƯƠNG CẦN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH

I.- Trình độ Văn hóa khác với bản chất Văn hóa

Nói đến duy trì những giá trị Truyền thống, phát huy Văn hóa Âu Châu… ta thường gặp thấy những mối e ngại ngấm ngầm, chẳng hạn Văn hóa Á Châu có tính cách tĩnh chỉ, thiếu Tiến bộ, nay khôi phục lại có khỏi làm ngăn trở việc Tiến gấp rút của nước nhà chăng ?.
Và dưới con mắt nhiều người, những ai đang cố gắng tài bồi cho nền Quốc học, chấn hưng Văn hóa Đông Phương, đã không gặp được sự nâng đỡ, lại thường bị coi là lạc hậu.
Đó là một tình trạng có hại cho tiến đồ Văn học, nhưng ít người nhận ra bởi những sự kiện lớn lao chua xót đập vào mắt, tức là **tình trạng các Dân tộc Á Châu vì chậm tiến nên bị đè bẹp trước sức mạnh của các nước hùng cường Tây Phương**.
Điều đó chỉ có ai loạn óc mới dám nghĩ đến chuyện chối cãi. Phương chi sách vở đều đồng thanh một giọng như vậy cả. **Ông Tennyson viết "năm mươi năm của Âu Châu còn có giá trị hơn cả một chu kỳ của Cathays**". Mieux vaut cinquante ans d'Europe que tout un cycle de Cathay (thời Trung cổ người Tây Phương gọi nước Tàu là Cathay).

Những câu nói kiểu đó có một phần sự thật, nhưng quá đơn sơ, không đủ bao hàm một tình trạng phức tạp hơn nhiều**.**
Nietzsche có lần đã viết "không gì nói dối bằng sự thành công".
Quả thật Văn minh cơ khí là một thành công cực kỳ vĩ đại, nhưng chính vì thế nó cũng đã là một lời nói dối khổng lồ, làm cho ta quên đi rất nhiều Chân lý; nó là một môn bài che đậy biết bao lời ngộ nhận mà không mấy học giả tránh khỏi khi phê phán về văn hóa Á Châu; nó khiến nhiều người sống yên hàn với một mớ ý niệm đã lỗi thời mà không nghĩ đến kiểm điểm lại, còn lên mặt ngạo đời.
Ở đây chúng tôi thử làm chuyện đó bằng đưa ra một số sự kiện ít được nhắc tới và vì thế loan tin trước là sẽ không đẹp đẽ cho lắm, **chúng tôi thấy bất đắc dĩ phải làm thế để mong phần nào lập lại thế quân bình cho sự phê phán xưa nay** thường oan uổng quá nhiều cho nền văn hóa Á Châu. (La pensée chinoise. Granet. tr 27 có nhắc tới sự bất công này. Nhiều tác giả cũng nói đến: Creel, Needham, Zenker, Forke…)
Sự oan uổng đó không cần minh oan chút nào nếu đấy chỉ là vấn đề thể diện.

<u>Nhưng Nhân loại hiện đang trải qua cơn khủng hoảng Tinh thần, mà xem ra văn hóa Á Châu có thể giúp vào việc tìm ra ngõ thoát. Do đó sự lên tiếng trở nên cần thiết.</u>

Lầm lẫn căn nguyên. Căn nguyên đầu tiên của sự bất công đó là tại người ta đã quy công cho văn hóa Âu Châu tất cả những sự hào nhoáng của giàu sang "Giàu có sinh Lễ nghĩa", những Lễ Nghĩa đó người ta gán cho Văn hóa, nhưng thực ra <u>chính Giàu sang tô điểm cho Văn hóa.</u>
Điểm này ít được nhận ra bởi nó tinh vi; đàng khác vì Giàu sang và Văn hóa liên hệ nhau rất mật thiết, "<u>chính Giàu sang làm nảy sinh Văn hóa".</u> Đó là luận án của giáo sư Clough đại học đường California nhan đề "Grandeur et décadence des civilisations". Payot.
Điều nhận xét này giúp ta có một ý niệm đúng đắn về tính chất của mỗi nền Văn hóa, nên cần được lưu ý. Đây là một thí dụ rất thông thường:
Hai người Việt Nam một thuộc thượng lưu trí thức, một ở bậc nông thôn thất học. Ta thấy ngay một đàng lịch thiệp, ăn nói lý sự, khéo léo, cử chỉ có thể hào hoa phong nhã… một đàng

quê kệch, nói năng vụng về thô thiển, cử chỉ co rúi rụt rè… Trong trường hợp này không phải nói ai cũng đồng ý, đó chỉ là chuyện khác Trình độ học thức gây ra do giàu nghèo, chứ không phải do tính chất Văn hóa, bởi cả hai người cùng ở trong một nền Văn hóa Việt Nam.

Câu chuyện đơn sơ là thế, nhưng nó sẽ hết đơn sơ khi **người giàu kia là Tây còn người nghèo nọ là Đông**. **Lúc ấy sự phán đoán sẽ không chỉ còn là trình độ học thức mà nó sẽ lấn sang phạm vi tính chất Văn hóa Đông Tây không nhiều thì ít, nhất là phạm vi ảnh hưởng Giàu sang và Văn hóa rất mật thiết. "Miệng nhà sang có gang có thép: Tây giàu bộn nên miệng có cả vàng**!" Vì giàu mà số người được học bên Âu Mỹ giàu gấp trăm lần bên ta, Văn hóa thêm biết bao cơ hội tiến bước.

Việt Nam năm nay (1960) được lối 12000 sinh viên tức **trong số 1000 dân thì có 1 sinh viên**. Đang khi **năm 1948 bên Mỹ đã có 160 sinh viên** (theo tài liệu Civilisation de 1960 của Fourastié).

Nay chắc còn đông hơn nữa. Nói số tròn: chênh lệch nhau từ 1 đến 200. Về phương diện khác cũng thế, chẳng hạn **bên Mỹ có 1200 dàn nhạc đang khi bên ta 1 dàn cũng còn dở sống dở chết**.

Sự khác biệt đó sẽ gây lầm tưởng về tính chất Văn hóa Đông Tây không sao kể xiết.

Một thí dụ: người ngoại quốc ở Sài Gòn thường phàn nàn không thể tìm được cái gì để tiêu khiển khả dĩ ứng đáp được trình độ của họ, đang khi đó ta có những bản nhạc sáng tác rất công phu vẫn nằm chình ình kia, không sao tìm ra được năm ba triệu để đưa ra trước công chúng. Nếu tìm ra được số tiền đó, những du khách đến Việt Nam lúc trở lui sẽ có thể mua thêm ít đĩa hát, để khi trở lại quê nhà thư thả bỏ ra nghe lại những nhạc điệu xa xôi, bấy giờ họ dễ dàng thưởng thức những nét nhạc tinh vi của Việt Nam. Các bộ môn khác cũng thế: quan niệm của họ về Văn hóa đối với nước ta sẽ khác hẳn với tâm trạng hiện nay qua những lời phàn nàn nhắc trên…

"**Cái khó bó cái Nhạc, nó bó Hội họa, nó bó Triết học, nó bó Văn nghệ…" và cái Nghèo không cho nảy nở biết bao mầm mống Nhân tài**.

Với người ngoại quốc ta đành nuốt tủi không sao nói lên được, nhưng với người cùng hội cùng thuyền, cũng nên phân tích như thế, biết đâu lại không động tới những người có thể thành Mạnh Thường Quân… Dầu sao cũng là để khỏi thất vọng

Về tính chất Văn hóa của ta: tại Nghèo hơn là tại tính chất Văn hóa kém.

Nếu hỏi: không kém sao lại không tiến bộ để giàu sang được như người thì lỗi ấy tại Văn hóa chứ còn tại đâu?

Thưa rằng chưa hẳn như thế, cứ xem như nước Nhật cũng cùng ở trong một đại gia đình Văn hóa với Tàu và ta, vậy mà trong ba mươi năm đuổi kịp đà tiến bộ của các nước Âu Châu đi trước hơn một trăm năm. Vậy không phải do Văn hóa cho bằng do nhà cầm quyền không thức tỉnh kịp thời.

Một nền Văn hóa tốt đẹp đến đâu, nếu guồng máy Quốc gia bị giao phó vào tay một người vô Tài mà lại Độc tài, thì đủ làm hư cả Vận mệnh một nước một châu, đến khi thức tỉnh thì đã bị trói lại để làm đà tiến cho người.

Những cái đó ta gọi là sự may rủi của nước; nói theo kiểu xưa là số mệnh. Chế độ nào cũng có thể xảy ra, **Tây cũng như Đông; việc nước Văn minh hơn bị thua nước kém Văn hóa là chuyện xảy ra thường xuyên trong lịch sử**.

Mông Cổ không văn minh thắng Tàu, Roma ít văn minh thắng Hy Lạp là Tổ văn minh… và nếu xem cổ sử thì hầu như đó là một luật: **Sumérie bị Babylon, Babylon bị Assyrie, Assyrie bị**

Crète, Crète bị Hy Lạp. Nước thắng là man rợ dùng võ lực. Đến khi nước đó trở nên Văn minh lại bị đợt man rợ sau… cứ thế để Văn minh thêm sinh khí tiến dần. Cho nên ta thua Tây cũng là chuyện không có gì lạ lắm (Civ. III. 329) (1)

(1) Viết tắt, chỉ bộ Histoire de la Civilisation của Will Durant và được ghi rõ số La Mã theo thứ tự bản dịch nhà Payot.

Còn chuyện đói khổ, thì đó là cái nạn chung cho loài người, may ra rồi đây nhờ khoa học sẽ thanh toán nổi chăng; chí như trở về trước thì chẳng nền Văn minh nào thoát cả.

Đây hãy nói riêng về **Âu Châu mà ta thấy phong phú dư dật như nay, trước kia cũng đói khổ như các nơi**: giữa khoảng 970 đến 1100 có 60 trận đói đã sát hại người bên Pháp… Không một người nông dân nào bên Anh có thể quên được những trận đói trong các năm 1086 và 1125. Giám mục thành Trèves thế kỷ 12 lấy làm kinh hoàng trước cảnh tưởng nông thôn là đói giết ngựa để ăn thịt (Civ. IX. 272). Ông Fourastié cho biết **Âu Châu cũng mới thoát nạn đói từ thế kỷ 19**. Tác giả kể chuyện những người trong họ ông hằng ngày đi làm ngoài đồng bao giờ cũng chỉ được một lạng rưỡi bánh khô và một củ hành luộc. Chính bố ông là người đầu tiên trong họ được ăn no ngoài những ngày cưới xin đình đám. Tác giả tính đổ đồng thì mức sống năm 1900-1931 cao hơn 10 lần mức sống những năm 1800-1831. (Civilisation de 1960 de Fourastié p.12).

Về cách ăn thì thường ăn bốc (?) , cứ hai người ăn cùng một đĩa, uống cùng một ly. Đồ ăn chưa có cách ướp lạnh nên thường có hơi, do đó người ta ưa dùng đồ gia vị để át mùi. (Civ. XII tr.356).

Đã nghèo đó thì khó thoát được nạn bẩn thỉu. Chỗ ở người nông nô thời trung cổ thật là hôi hám và chật chội; nhà thường bằng tranh có một gian, họa lắm mới được hai gian, đồ ăn thức đựng làm bếp để cả trong nhà; dưới đất có một cái ổ bằng lông với rơm rạ, tất cả nhà nằm chung lộn trong đó, kể cả khách… (Civ. XII tr.270).

Bên Pháp và Anh người ta ngủ trần truồng trong mọi giai cấp" (Civ. XII p.339). Những đêm đông giá lạnh người ta thường đem các giống vật (bò ngựa) vào nhà để thêm hơi ấm (id tr.274), gần nhà là một đống phân, tất cả vật cũng như người trong trại đều đóng góp vào đó. (Civ. XI tr.271). Bẩn đến nỗi có nhiều câu chuyện kể rằng quỷ Satan phải đuổi người nông nô ra khỏi hỏa ngục, bởi chính quỷ cũng không chịu thấu mùi (Civ. XII tr.276).

Trong thế kỷ 14 ở Paris, người ta thường đổ bình đêm tuột xuống phố qua cửa sổ, chỉ báo hiệu bằng một câu vắn "ý tứ nước" (gare! L'eau). Nhà cầu là một món xa xỉ. Người ta thường tự tiện ngay ra ở sân trên chân thang hay ngoài ban công, ở điện Louvre cũng thế. Sau trận dịch tễ năm 1531 có chỉ thị buộc mỗi nhà ở Paris phải có nhà cầu nhưng chỉ thị cũng không được áp dụng luôn.

"**Bởi túng ăn và bẩn thỉu là duyên cớ cho những trận dịch tả nhiều hơn mọi kỳ trong lịch sử".** Dịch vàng xảy ra năm 550 và 664 giết hại đến 2/3 dân số Islande. Bên Anh cũng bị những trận như vậy ở thế kỷ 6, 7. Pháp Đức bị dịch đốt ruột gọi là mal des ardents những năm 994, 1043, 1130. Còn nhiều bệnh khác như bệnh tóc (plica polimica) người ta hay quy căn cho đủ thứ, nhưng hầu chắc là tại dân ở chen chúc trong những thành tường xây bít kín, điều kiện vệ sinh sạch sẽ hết sức thậm tệ (lamentable), số trẻ con chết không có thống kê nhưng chắc phải đến 50% (Civ. XII tr.549).

Xem như thế không nên quá nặng lời trách các Tiên hiền của ta là không lo cho dân no đủ. Nếu so sánh kỹ ra thấy tiên hiền Đông Phương còn thực tế gấp mấy lần các Triết gia Hy Lạp chẳng hạn.

Ngay từ bài cảo luận đầu tiên về **Triết học Đông Phương, tức thiên Hồng Phạm trong kin**h **Thư đã lộ rõ dấu lo lắng đến vấn đề Dân sinh**.

Trong 8 điểm nhà cầm quyền phải chú trọng thì **"nhất viết thực (ăn) nhị viết hóa** (Couvreur dịch là les commodités de la vie)… bát viết sư (quân dịch, để cuối cùng). Mối lo âu này sẽ thấy xuất hiện nơi **Khổng Tử "Thứ, Phú, Giáo**" phú đi trước giáo và cách rành rẽ nơi Mạnh Tử… Nhưng lúc ấy mức tiến hóa nhân loại chưa đi tới giai đoạn khoa học kỹ thuật, nên loài người chưa đủ sức chống nạn đói. **Tôi nói tiên hiền thực tế hơn triết gia Hy Lạp, vì bên đó có chế độ Nô lệ nên coi khinh miệt việc chân tay. Ngoài khoa hình học thành công, còn thì toàn làTtriết học kiểu văn nghệ bên ngoài đời sống. Mãi tới thời Archimède mới khám phá chút ít, nhưng cũng là học suy lý. Máy trục và bắn đá ông làm ra, nhưng không có ghi lại, ông cũng như tất cả trí thức thời đó vẫn coi việc tìm lợi ích thiết thực và cơ khí là đê tiện bẩn thỉu (ignoble et sordide). (Civ. VI p.229)**

Căn cứ thứ ba người ta cho rằng chỉ Âu Châu mới có khoa học,còn các nền vănhóa khác không có

Nếu có một vài sáng chế thì cũng chỉ là thường nghiệm (empirique) chứ không có khoa học như văn hóa Âu Châu. Câu nói này rất dễ được chấp nhận. **Khoa học hiện có đó rồi, nó là sự nghiệp vĩ đại của Châu Âu, nên sự giải nghĩa có sai thù để tăng cường uy tín và vinh hiển cho Âu Châu, thì ai cũng vui lòng chấp nhận, khỏi cần tranh luận. Có nhiều hoạt động khác hứng thú ơn ích hơn là việc cãi cọ nhỏ nhen nọ. Nhưng ta không thể chấp nhận thái độ nhường nhịn và tặng khen một khi giải nghĩa đó "phong thánh" luôn cho những yếu tố tai hại của văn hóa Tây Âu như cổ động đa dục, tuyên dương óc độc chiếm, khuyến khích buông lung… bởi chính đó là những nguyên nhân gây nên cuộc khủng hoảng ngày nay.** Vì thế mà chúng tôi thấy cần đặt lại vấn đề và không ngần ngại phản đối những tư tưởng gia mà chúng tôi ưa chuộng về phương diện khác. Chẳng hạn triết gia Jaspers trong quyển Sens et l'Origine de l'histoire (tr 82) có đưa ra 9 lý do để phóng đoán tại sao khoa học lại phát triển bên Âu, đại để như sau:

1) Vị trí địa dư tạo nhiều sự tiếp xúc giữa các văn hóa khác nhau.
2) Tự do chính trị
3) Lý trí vô biên
4) Ý thức về tự do nội khởi.
5) Người Âu lấy thế giới khách quan làm dữ kiện đầu tiên.
6) Nhưng không dồn quan niệm về vũ trụ vào một công thức có tính cách giáo điều cứng nhắc (!)
7) Óc độc hữu, nhân đó có sự căng thẳng.
8) Luôn luôn đi tới cùng cực, đi tới mẹo trừ.
9) Bởi vậy có những nhân vật độc đáo. Và họ không thể muốn con người toàn diện.

Trong 9 lý do trên chỉ có lý 1 và 3 là có thể chấp nhận phần nào; lý 2, 4 sai thực tế phiền tạp… ngoại giả là không chắc mà còn có thể gây hại như: lấy một sự bất lực (đi tới con người toàn diện) để như khuyến khích những sự đi quá trớn. Tất cả những điều này tôi nêu lên mà không quảng diễn ở đây vì dài quá sẽ làm nơi khác (xem Nhân Bản). **Chúng tôi chỉ ghi nhận một điều là ở dưới trang 96, tác giả có viết "vào quãng năm 700 nếu một du khách từ hành tinh khác đáp xuống trái đất thì có lẽ họ sẽ cho Tràng An- kinh đô Tàu lúc đó- là trung tâm tinh thần của thế giới chúng ta, Constantinople là sự sống sót của một dĩ vãng đáng để ý; còn phần bắc Âu Châu là miền mường rợ. Quãng năm 1400 đời sống cả ba nơi Âu Châu, Ấn Độ, Trung Hoa tới mức độ như nhau.** Nhưng sự đóng góp của thế kỷ 15**,** tức việc

khám phá ra thế giới mà Âu Châu sắp in con dấu của nó lên trên, đặt ra… một sự cắt đứt (rupture). Sự tuyệt giao, sự cắt đứt này là một câu đố mới. Vì cho tới đó đã không có sự tiến triển rõ rệt và đều đặn… Và cho tới thế kỷ 19 thì xảy đến sự cắt đứt hẳn với dĩ vãng thuộc lịch sử và một tương lai hãy còn chưa thể thấu suốt được. Một lần nữa ta lại hỏi yếu tố không thể gọi tên ra đó là gì? (trg 97).

Nói không thể gọi tên, vì thật là phiền tạp và bí nhiệm nên những sự thử gọi tên chỉ là đoản phóng hết sức đạc chừng. Bí nhiệm vì có những điều khó biết tại sao khoa học được phát sinh bên Cận Đông (Hy Lạp chỉ tiếp tục một đoạn thường lệ) và được Cận Đông dẫn tới chỗ nảy nở lại bị Mông Cổ đến tàn phá. **Tại sao Âu Châu tự nhiên lại thoát ách Mông Cổ** (tự nhiên vì Âu Châu không có làm gì và khó có thể chống đối nổi Mông Cổ). Những câu đó khó lòng ai giải đáp, nên ta cho là khuyết nghi, hoặc thuộc Thiên mệnh. Và như vậy bao sự giải nghĩa chỉ nên coi là những ý kiến bấp bênh còn đang đi tìm một lời đáp, chưa nên coi là sự thật. Thực ra **nếu khoa học đã phát nguyên bên Ấn Độ hay nhất là bên Ả Rập thì sự giảng nghĩa nguyên do còn có lý gấp ba lần là ít. Đây là những lý do:**

1.- Yếu tố khoa học của Hy Lạp được vun tưới và nảy nở bên Ả Rập hơn bên Âu Châu.

2.- Những phát minh nhiều nơi được tiếp nhận trước hơn, thí dụ hệ thống toán số của Ấn Độ, phép in, giấy, thuốc súng, kim chỉ nam của Tàu.

3.- Và nhất là bầu khí tự do phóng khoáng hơn bên Âu Châu nhiều lắm. Cho nên vào những thế kỷ VII- XII, văn minh Ả Rập đã tiến xa hơn Âu Châu rất nhiều và chính nhờ những dịp tiếp xúc trong các lần thập giá binh hay dịp khác mà Âu Châu du nhập được của Ả Rập nhiều kỹ thuật chẳng hạn khoa thiên văn (Civ. XII, 589), phép tinh luyện kính "Venise", phép làm kính để thấy vật xa coi gần và cả kính đeo (ông Will Durant nói có lẽ nguồn gốc do người Tàu "ai tai", Civ. XII. 539), nghề làm kim khí, máy kéo nước chạy bằng gió (Civ. X. 418), các thứ đồ ăn, đồ uống, thuốc, khí giới, quan niệm mỹ thuật, kỹ thuật, buôn bán, phương pháp vượt bể và nhiều khi cả danh từ một trật như orange, sucre, sirop, élixir, azur, bazar, tarif, douane, magasin, barque, câbe, algèbre, zéro, chiffre, alambic, zénith, almanach… người ta tính ra lối 1000 chữ do tiếng Ả Rập và hơn 100 sách Ả Rập dịch ra La Tinh (Civ. X. 434). Các thứ vải: gấm, lụa và luôn cả nghề nuôi tằm kỹ nghệ lọc đường, phép lát đá đường do vua Fréderic II thâu nhập. (Civ. XII. 55). Các nhà khoa học Musulman hầu hết lúc đó đã nhận ra là trái đất có hình tròn. Ngay năm 1081 Sandi đã làm bầu trái đất bằng đồng và những công trình nghiên cứu của Ishak-al Bitruyi đã mở đường cho Copernic (Civ. X 419) sau này… Cho nên **nếu Musulman không bị tàn sát và phá huỷ đến tận nền móng về văn hóa, kinh tế, nhân sự, thì rất có thể khoa học đã xuất hiện trên mặt đất trước ít thế kỷ bên đất Á-Phi.**

Nhưng trời hình như có ý dành danh dự này cho một giống ngươi mới xuất hiện sau bên Âu Châu. Con đường thiên mệnh trong việc chạy đuốc văn minh coi như được quy định rõ rệt. **Mông Cổ đã tàn sát Musulman một cách ghê sợ:** thành Mery bị tiêu diệt với 1.300.000 dân. Thành Ravy với 3.000 chùa (mosquée) bị bình địa. Bagdad với những thư viện mênh mông và bao kho tàng tích luỹ cũng tiêu sách với 800.000 dân. Không khi nào thấy trong lịch sử một nền văn minh bị tàn sát tận gốc như vậy. Cầu cống đê điều bị phá vỡ hoặc đúc lại… Chính vì đó chứ không phải tại khí hậu thay đổi đã cướp mất quyền chỉ huy thế giới của Tây Á từ 5 thế kỷ (700-1200) mà từng trăm thành rực rỡ của những xứ Perse, Syrie, Mésopotamie, Caucase, Tranxosiame bị đẩy vào thảm trạng đói khổ cùng cực và ứ đọng trong thời mới (Civ X. 433). **Cũng may đuốc khoa học đã kịp trao sang Âu Châu và sống hoi hóp trong ba bốn thế kỷ**

cho đến thời Phục Hưng. Trong khi chờ đợi "suốt qua thời Trung Cổ bên Âu Châu khoa học và triết học được triển khai trong bầu không khí thần thoại, truyền thuyết, phép lạ, điềm báo, ma quỷ, sự lạ, pháp môn, chiêm tinh, bói toán, đồng cốt (Civ XII. 524).

Và không phải mỗi phát minh được đón nhận dễ dàng tức khắc. Chẳng hạn hệ thống số Arabe… rất nhiều người công nhận là "phương pháp thần diệu của 9 con số Ấn Độ" (Méthode merveilleuse des neuf chiffres Indiens) thế mà năm 1929 người ta còn vận động để có luật cấm dùng, mãi tới thế kỷ 16 mới thay hẳn được số Roma (Civ XII. 532). Khi mấy thương thuyền bắt đầu dùng kim chỉ nam bị nhiều người nghi ngờ là họ làm phù phép, và không thiếu người từ chối bước chân lên những tàu bắt đầu trang bị băng Kim chỉ Nam… (Civ XII. 540)

Còn biết bao nhiêu thành kiến làm cho bầu không khí bên Âu Châu khó thở; mãi cho tới đầu thế kỷ này mà Einstein còn phải phàn nàn: " phân tán một Nguyên tử còn dễ hơn phân tán một Thành kiến" thì đủ biết tại sao khoa học Hy Lạp bị nằm chết khô bên Âu…

4.- Căn nguyên thứ bốn

Người ta quên đi hay không biết rằng việc phát minh khoa học là một sự kiện hết sức mới và đầy những chuyện bất ngờ… Việc tìm thì kể là khởi lên từ thế kỷ 16, 17; nhưng tìm kiếm một cách thật có phương pháp thì cũng mới từ ít chục năm nay. Người ta thường lấy niên hiệu xuất bản sách "Bàn về những sự chuyển vận của các thiên thể" của **Copernic** tức là 1643 làm ngưỡng cửa cho thời mới. Lấy **Newton** (1642-1727) làm mốc giới thời đại khoa học và **Einstein** là mốc những bước tiến vượt bực, tức là chung quanh hoàn cầu đại chiến thứ nhất. Bởi từ quãng đầu thế kỷ này mới có những sự tìm tòi thật khoa học còn trước kia hầu hết vẫn là mò mẫm kiểu rút kinh nghiệm (empirique); xem như một việc phát minh điện lực, linh hồn cho mọi cơ khí, thì đủ rõ. Mãi cho đến năm 1870 hầu hết người ta còn cho việc tìm tòi điện chỉ là trò chơi trong phòng thí nghiệm (amusette de laboratoire) chưa ai tin được điện sẽ có được những công hiệu vĩ đại như nay. **Sự tình cờ sơ xuất đã là dịp cho nhiều khám phá quan trọng**. Nhiều người còn nhớ **con ếch của ông Galvani** rung chân khi vô tình ông chạm vào ban công sau một ngày mệt mỏi thí nghiệm vô ích. **Từ trường được khám phá do cái kim bỏ văng vãi trên bàn thí nghiệm của ông Oertedt. Sức chuyển động máy sinh điện được ông Fontaine nhận thấy do một cử chỉ lầm lẫn của người thợ**. Tác giả phải nói (felix culpa: heureuse faute p.92) **ông Edison là người phát minh ra bóng điện** năm 1897 và bao nhiêu phát minh khác, một phát minh lớn nhất tới nay, lại là một người bán báo, vốn liếng tri thức chỉ là một kỳ tam cá nguyệt ở trường và hai năm trong phòng thí nghiệm cá nhân "đặt dưới hầm rượu của gia đình".

Máy phát điện, một bước tiến rất quan trọng, được phát minh do ông **Gramme** một bác thợ lăng nhăng "bricoleur ou ouvrier en escalier" (Pierre Dexaux, Histoire de l'électricité, trg 65,74 và 92). Bởi vậy **ông J.Folliet không ngần ngại hạ chữ tình cờ mà xảy ra hiện tượng cơ khí làm xáo trộn hết mọi cơ cấu văn minh.**

Tính chất bất ngờ này ít được chú trọng đến, nhưng thực sự thì trước đây hai ba trăm năm không ai ngờ là khoa học sẽ làm đảo lộn bộ mặt trái đất như nay. Nếu quả thật có ngờ và văn minh Tây Phương luôn luôn tiến thì tại sao văn hóa Hy Lạp, La Mã, Âu Châu đã xuất hiện trên 20 thế kỷ mà tình trạng Âu Châu đâu vẫn nằm đó và cho đến thời Phục Hưng Tàu vẫn trội hơn Âu Châu cả về đàng kỹ thuật. Điểm này được các học giả như Zenker, Needham… đều công nhận (xem La pensée Chinoise, Granet, p.584). Sự tiến triển của Âu Châu còn rất mới mẻ, đầu thế kỷ này người Pháp dưới tỉnh còn rủ nhau lên Paris coi xe không ngựa kéo, không người đun cũng chạy được. Năm 1896 toàn Mỹ quốc mới có 4 cái xe hơi. Đầu năm 1908 ông Ford mới cho ra xe kiểu T. **Vậy là trước thế kỷ 17 Âu Á cũng tĩnh chỉ như nhau**, và nay khác nhau thì không phải Đông Tây cho bằng nói mới cũ. Tân thời đối với trung cổ. Còn trước đó Á Âu như nhau.

Keyserling viết "giữa thời cổ Hy Lạp và những thời rực rỡ của văn hóa Á Châu, giữa nước Pháp thế kỷ 16 và nước Tàu thời Tống thí dụ, xét về dữ kiện thời sự thì chỉ có một sự khác biệt về hiện tượng chứ không về bản chất (une différence de phénomène et non pas d'essence) tức **không phải bản chất văn hóa Âu Tây luôn luôn tiến bộ, còn bản chất Á Châu là ù lì**. Cả bên Âu nữa, lý tưởng tĩnh chỉ đã thống trị mãi cho tới thời mới kể cả Hy Lạp cổ đại cũng như trong Ý Đại Lợi thời Phục Hưng, vì trong những xứ này, đời sống có náo động tới đâu đi nữa, bao giờ cũng hướng theo những giá trị mà thời gian không thay đổi gì hết. Ngày nay khi chúng ta, người Âu Châu thời mới, xem Á Châu như bản tính đối chọi nhau, thật ra không phải Đông khác biệt Tây cho bằng thời mới khác với thời trung cổ và thời cổ đại… Nói khác đi, **chúng ta đối chọi lý tưởng của hoàn bị với lý tưởng tiến bộ**" (xưa tìm hoàn bị nay cần tiến bộ) (Journal tr.317).

Trong quyển Science and Civilisation, **ông Needham** có viết: "**Bất kỳ ai nếu chịu đọc tới hết quyển sách này, chắc sẽ bị sửng sốt trước số kỹ thuật rất nhiều và khác nhau mà Âu Châu mượn của Tàu, song thường họ không biết đến nơi phát nguyên trong 14 thế kỷ đầu**". Ông **Francis Bacon** (1626) có viết: "**Rất nên quan sát về sức mạnh và năng lực cùng những hậu quả của các điều phát minh**. Rõ rệt nhất không đâu bằng ba món đồ mà tiền nhân ta chưa biết đến, và cũng mới xuất hiện, tuy nguồn gốc nó vẫn còn ẩn khuất nhưng rất hiển hiện, đó là **máy In, thuốc Súng, và kim chỉ Nam. Bởi vì ba phát minh đó đã biến đổi cả mặt đất và tình trạng sự thể trên khắp trái đất: cái thứ nhất trong Văn chương, cái thứ hai trong Binh pháp, cái thứ ba trong nghề Hàng hải. Những phát minh đó đã kéo theo vô số sự thay đổi đến nỗi không một Đế quốc nào, hay một Tôn giáo nào, một Ngôi sao nào đã gây được một ảnh hưởng và quyền năng lớn hơn vào trong nhân sự." (t I, tr 19)**

II.- Không phải thời nào Âu Châu cũng dẫn đầu về Văn hóa.

Ông Dampier có viết: "Chính trong những thời kỳ đen tối nhất bên Âu Châu, sự học hỏi của các miền Á Châu lại bắt đầu tiến triển rực rỡ và lan tràn sang Ả Rập. Môn phái của xứ sở Perse và Ả Rập ban đầu đã dựa trên các bản dịch sách Hy Lạp, nhưng về sau họ đã thêm vào nhiều đóng góp đặc sắc trong khoa học tự nhiên." Thời ấy những sách hình học của Euclide, thiên văn của Ptolémée cũng được dịch sang Ả Rập. (Histoire de la Science p.85)

Triết gia nổi tiếng người Hồi giáo là **Avicenne** (980-1037) kiêm y sĩ có **viết quyển Canon** tức bản tóm tắt y khoa là một trong những công trình văn hóa Ả Rập, sau **này trở nên sách chuyên khoa về y học trong các đại học Âu Châu,** mãi tới năm 1650 cũng còn dùng trong các trường Louvain và Montpellier. Thời ấy **tiếng Ả Rập** đã được công nhận là ngôn ngữ cổ điển về khoa học và hễ cái gì viết bằng tiếng Ả Rập cũng có uy tín như lúc người ta dành cho tiếng Hy Lạp. (Dampier tr.112. Histoire de la Science. Payot).

Cao đẳng Âu Châu thời đó chia làm hai khóa: Tam và Tứ. Khóa Tam sơ đẳng gồm có ba môn học là **Ngữ luật**, **khoa Lợi khẩu** (rhétorique) và **Danh lý** (dialectique) tức là đề tài chuyên về danh từ và cú pháp. Khoa Tứ cao hơn gồm có: **Nhạc, Toán, Hình học, Thiên văn**, tức bốn khoa mà người ta tin là chuyên chủ về sự vật. Nhạc gồm lý thuyết bàn huyền niệm về các số, Hình học chỉ là một chuỗi những câu của Euclide không có chứng minh, còn Toán và thiên văn được trọng dụng bởi là phương thế quy định ngày lễ Phục sinh. Tất cả bấy nhiêu khoa được coi là chuẩn bị sinh viên đi lên thần học. Sự phân phối chương trình như trên được duy trì suốt thời Trung cổ. (Dampier tr.116).

Những giống dân nói tiếng Ả Rập và những người Do Thái cư trú bên đó thời ấy mới chú trọng thực sự tới khoa học và chính nhờ sự tiếp xúc với các miền Hồi giáo mà Âu Châu

Trung cổ mới bỏ được những tập quán tư tưởng cũ để đi dần sang lối suy luận lý trí. (tr. 121, Dampier)

Xem chương trình học vấn của Âu Châu Trung cổ ta thấy liền đâu có tiến luôn luôn, đâu có khoa học cơ khí, chẳng qua ăn tự lại của Hy Lạp một phần mà chẳng biết tài bồi thêm. Về phần đóng góp của Hy Lạp không chối là quan trọng nhưng đâu có phải duy nhất như người ta thường viết**. Người ta đã quên hay không biết đến phần đóng góp quan trọng của Ả Rập, Toán học của Ấn, Thiên văn của Babylon. Hy Lạp thành công duy có ở Hình học**. Và chính nhờ sự tiếp xúc với các dân khác Hy Lạp mới tiến trong khoa học, sự kiện này xuất hiện bên Alexandrie (Egypte) vào lúc mãn chầu thời oanh liệt tức thế kỷ thứ 3 lúc văn học nghệ thuật Hy Lạp đang xuống dốc. Bởi không nhận định điều đó nên trước đây người ta không giải nghĩa được hiện tượng ngoại lệ trên (tức là tại sao khoa học không tiến trong hoàng kim thời đại của Hy Lạp. Civ.VI, 231).

Bởi chưa biết đến những đóng góp của các nền Văn minh khác, như nay mấy sử gia lớn đã bắt đầu tìm ra, nên người ta quá tâng bốc Hy Lạp lên, nhưng xét kỹ lại thấy việc đóng góp của Hy Lạp cũng là thường lệ. Trong quyển Technique, ông **Ellul** đã chứng minh **Hy Lạp đóng góp được có một cái đinh ốc**. Ông còn nói tại sao có Khoa học là vấn đề mầu nhiệm. (tr.41) Y học của Hypocrate còn kém hơn khi tiếp nhận của Egypte. Thiên văn bị cấm. Hội họa chưa sâu sắc bằng tranh Tàu, Tượng chưa chín chắn bằng tượng của Egypte. Toán học chưa biết đến đại số… Cả về đàng văn minh tế nhị như phép cai trị cũng còn thua Perse. Xem một việc Alexandre đại đế bị chinh phục là một sự trả thù của Đông Phương. Aristote dạy ông rằng ngoại bang là rợ mọi, nay ông nhận thấy người Perse tế nhị hơn người Hy Lạp, nên ông đổi thái độ: nhận lối cai trị cư xử như Perse trước sự thất vọng của các người tuỳ tòng. Nhưng sau**, cả những người trí thức cũng chịu ảnh hưởng Perse, đến cả triết học sau này cũng bị Đông Phương chinh phục. Triết Stoicien là một bằng chứng, và tất cả sẽ đầu hàng các tôn giáo Đông Phương. (xem Civ. VI tr. 117 và161).**

Về phía nước Tàu giáo sư Creel đại học đường Chicago có viết như sau:

"**Nhiều người biết ít về nước Tàu** và cả những người biết nhiều cũng thường có khuynh hướng tin rằng nước Tàu bất di bất dịch, không có tiến bộ chút nào từ đời nhà Hán. Đó là một cảm tưởng hoàn toàn không đúng, nhưng lại rất phổ biến thông vì hai lý do. Trước hết vào thời kỳ từ thế kỷ VI trước Tây lịch đến thế kỷ II sau Tây lịch được người ngoại quốc khảo cứu hơn tất cả lịch sử nước Tàu. Thật ra đó là một thời đại quan trọng được chứng kiến nền văn hóa Trung Quốc thành hình, nên chính người Tàu cũng khảo cứu và hiện còn đương khảo cứu tường tận, điều đó giúp người ta dễ hiểu thời ấy hơn.

Lý do thứ hai khiến **người ngoại quốc chối sự tiến bộ của Trung Hoa trong hai ngàn năm nay là tại họ đã lãng bỏ một ít nhân tố không làm vinh dự mấy cho người Âu**. Thí dụ họ thích quên đi rằng nước Tàu đã trở nên trưởng thành vào quãng thế kỷ thứ II trước Tây lịch và không bao giờ trở lại thời ấu trĩ nữa (chính ông Creel gạch dưới). Nó đã không bao giờ phải trùng tu lại văn hóa tự nền móng như Âu Châu đã phải làm. Cơ sở chính trị và văn hóa của nó đã hiến cho nó khả năng đồng hóa được các dân man ri tràn vào Trung Quốc, và vẫn giữ được bản sắc như trước. Nó đã không bị những đảo lộn và sự man rợ của một thời Mérovée như Âu Châu chẳng hạn.

"**Người ta có thể nói nước Tàu cũng có thời rợ mọi của nó ở đầu nhà Chu và có thời phong kiến vào quãng trung Chu hơn một ngàn năm trước khi những hiện tượng này xuất hiện bên Âu. Lại còn trình độ văn hóa và trình độ các Nhà nho trong giới thượng lưu cao hơn**

rất nhiều sánh với trình độ của phái quý tộc Âu Châu Trung cổ và cả lâu sau. Và khi nước Tàu đã trải qua những giai đoạn này thì không trở lại bao giờ nữa. Tuy nó có biết những thời loạn lạc phân tranh, nhưng nếu người ta nhớ lại rằng nước Tàu cũng lớn rộng bằng Châu Âu thì phải công nhận là nó được bình an và thống nhất hơn nhiều." (Naissance de la Chine 354).

Tác giả đã quả quyết thế vì đời Trung cổ Âu Châu không thiếu loạn lạc. Người ta tính ra bên Nga từ năm 1054 đến năm 1224 nghĩa là chưa đầy hai thế kỷ có tất cả 83 trận nội chiến, 46 lần bị ngoại xâm, 16 lần nước Nga đi đánh các nước lân cận, 293 ông hoàng tranh ngôi trong 64 tiểu bang. (Will Durant, Histoire de la Civ. L'âge de la Foi, t.III p.100) "Vua chúa lúc nào cũng có quyền xông vào đất lân cận để ăn hàng…" Trong thế kỷ 12 hầu như chẳng sáng nào lại không có đánh nhau trong cái miền là nước Pháp ngày nay, Berthold de Ratisbonne phàn nàn vì "rất ít vua chúa sống hết tuổi trời, hay được chết cái chết tự nhiên".

"Sau một trận trong các trận giặc ấy, nhiều nông gia phải kéo cày lấy, nhiều người hết lúa gạo, chết đói… Giáo hội đã hết sức can thiệp để giảm ngày đánh nhau bằng thể chế thần hưu (treuga Dei: trêve-dieu…). Người ta hay đánh nhau đến nỗi sau đặt ra **lệ bắt tay khi gặp nhau để tỏ lòng yêu hòa bình**, và để chứng rằng họ không có chuẩn bị rút gươmg ra đấu." (W. Durant, L'âge de la Foi, t.II, p.200).

III.- Không phải lúc nào Âu Châu cũng cường thịnh giàu sang

Lối thế kỷ 11-13, Âu Châu đã dẫn Thập tự binh sang đánh Ả Rập, lần đông nhất cũng chỉ tới 5 vạn quân mà một trong những lý do thất bại là tại không tổ chức nổi việc Tiếp tế (Civ XII. 40). Trong khi đó quân Mông Cổ từng 30 đến 50 vạn đi lại trên đường hiểm trở và xa gấp ba bốn lần. Điều đó cho ta thấy rõ cuộc thăng trầm giữa các nền văn minh. Giáo sư Barkhausen viết: "**Lịch sử hoàn cầu có thể coi như một cuộc tranh hùng giữa hai giống da Vàng và da Trắng**. **Từ đầu cho tới hết thời Trung cổ thì người da Vàng nắm quyền bá chủ.** Lịch sử Âu Châu lúc đó chỉ đáng coi là một biến cố nhỏ dưới lục tỉnh so với biến cố quan trọng và sự hoạt động mãnh liệt ở Châu Á. **Thánh Cát Tư Hãn** lập đế quốc tóm thâu 4/5 nhân loại người ta biết được lúc đó, truyền dõi được hai thế kỷ (cai trị Nga 240 năm) vượt xa những Alexandre, César, Napoléon. Nguyên một tướng **Soubalai rong ngựa bốn lần từ Budapest đến Cao Ly, thắng được 65 trận lớn, chinh phục được 52 nước trên hoàn cầu và chỉ vì tình cờ ngẫu nhiên mà Âu Châu thoát ách đô hộ.**

"Nhưng bước sang thời mới, nhờ sự tiến triển trong kỹ thuật vượt biển và súng đạn mà Âu Châu chiếm được hầu hết đất đai trên hoàn cầu, dành phần thắng quyết định về cho mình" (Empire jaune de Gengis Khan, Payot 1942, p.31 và 206).

Về đường cai trị ta có thể đọc những bức thư đầy thán phục bỡ ngỡ của các thừa sai khi tới Á Đông. Họ ca tụng hết lời lối cai trị bên Viễn Đông, họ tả những cảnh huy hoàng, đọc lên tưởng rất nhiều điểm giống với quan điểm Trung Quốc là vì họ đã theo lối tổ chức của Tàu. (Naissance de la Chine, Creel p.338)

IV.- Trong cái hùng cường phồn thịnh của Âu Châu, phần đóng góp các Châu khác không phải là nhỏ.

Xem như trên, trước kia Âu Á ngang nhau, lên xuống tuỳ vận nước, vậy cái gì đã làm chuyển cán cân đảo lộn tình trạng cũ, thiết nghĩ đó là Thuốc Súng và Địa Bàn.

Trên đường Cathay để tìm đồ gia vị (Canada có phố mang tên là Cathay để nhắc tích đó), **Christophe Colomb** đã tình cờ tìm ra thế giới "mới**", nhờ súng đạn mạnh người da trắng đã**

tiêu diệt hầu hết bản thổ và chiếm đất đai rồi sau đó họ cũng dùng cùng một chính sách ấy đối với dân bản xứ Úc Châu, tiêu diệt quá nửa dân số Phi Châu, chiếm Ấn Độ, xâm lăng Tàu… Dân Pháp chiếm được thuộc địa rộng hơn mẫu quốc 20 lần, Hòa Lan 60 lần, Bỉ 80 lần, Anh 140 lần. Nước Nga xâm lăng Á Châu ăn về đông bắc cho tới cửa bể Vladivostov. Tóm lại 85% số tài nguyên trên thế giới lọt vào tay non một phần ba nhân loại da trắng, còn 15% chia cho 2/3 kia. Nói cụ thể khi người Mỹ có 1.880đ, thì Lào có 60đ, Việt Nam có 65đ. (Regard sur histoire de demain. Tibor Mende p.14, du Seuil 1954).

Nhờ **tài nguyên bát ngát**, họ có cơ phát triển kinh tế mạnh mẽ vô cùng, không còn một lực lượng nào cản trở được bước tiến mỗi ngày mỗi mau thêm. Nhân đó mà họ tin tưởng vào sự "tiến tới vô cùng" và đặt vào tương lai một lòng tin vô bờ bến. Ta có thể lấy dân số làm một bằng chứng. Trong khoảng 150 năm tự vua Louis XII (1643) cho tới trận chiến Trafalgar (1805), người Âu từ non 100 triệu ban đầu chỉ thêm có 60 triệu. Thế mà trong 100 năm từ lần thí nghiệm đầu tiên chiếc thuyền chạy bằng hơi nước trên sông Rhin do ông Fulton cho tới lần bay đầu tiên của hai anh em Wright trong năm 1903, **dân Âu đã tăng lên gấp ba lần**, nghĩa là hơn 400 triệu. (Regard p.15)

Đồng thời **số sản xuất gia tăng.** Ta có thể lấy sự sản xuất làm ống hàn thử biểu. Từ năm 1785-1935 nghĩa là trong vòng 150 năm số sắt thêm gần 400 lần. (L'av. Promethée p.14). Nhờ giàu sang mức sống dân chúng được nâng cao lên tới mức độ chưa từng có trong lịch sử nhân loại: năm 1800 mỗi người Pháp một năm được từ 2 đến 3 kí thịt, thì từ năm 1944 mỗi ngưởi đã được 37 kí. Nhân đấy họ có phương tiện dồi dào để phát huy năng lực văn hóa đến chỗ cùng cực và mở rộng ra cho toàn dân được hưởng bằng đặt ra chế độ học đường bó buộc. **Khoa học tiến triển từ đó, nhờ đó…**

Đang lúc các nền văn minh khác suy đồi, hầu như bại vong thì văn hóa Thái Tây đi lên rực rỡ huy hoàng trong ánh sáng khoa học với những phát minh tân kỳ. Những người đi họp hội chợ Paris 1910 chúc mừng nhau: **Phúc cho những nước có thuộc địa (Avènement de Promethée, J.Folliet p.190). Tác giả quên thêm: vô phúc cho các thuộc địa, ở đây nhiều nền Văn hóa rực rỡ xưa kia đi vào tàn rụi, bị coi là Mường rợ cần được đuốc Văn minh đến soi cho biết ý nghĩa Công bình, Huynh đệ, Tự do. Nghe du dương như một bài ca mê ly, nhưng lại đệm bằng những tiếng súng cướp đoạt nổ vang lừng, đến lúc tỉnh ra thì Tài sản tan tành, mất cả Tự do mà "Văn minh Đông Á Trời cũng thu sạch".**

V.- Trình độ Văn minh trung thực: LÒNG NHÂN ĐẠO

Mới rồi một tờ Nhật báo nọ đề cập vấn đề Văn hóa và Văn minh, ký giả lúng túng với câu định nghĩa rồi đem ra những thí dụ chứng rằng Văn hóa Đông Phương kém như **bên Tàu** có tục "**nịch tử**" (dìm chết thai nhi), việc đàn ông đánh vợ, giết vợ mà luật pháp không can thiệp. Đành rằng đó là một vết nhơ, nhưng trong các Văn hóa khác thiếu gì, mà còn tệ hơn nữa. Bên Tàu mới là chuyện làm liều còn nhẹ hơn là khi **Pháp luật đặt thành thể chế như Hy Lạp**. **Bên Sparte (tức xứ Hy Lạp) trọng luật ưu sinh nên những đứa con ra đời yếu hay xấu phải đưa lên núi Taygète giẩy xuống cho chết** (Civ. IV. 114).

Nói đâu ngày xưa, ngày nay người ta hay đánh truỵ thai; đánh truỵ thai có khác gì với nịch tử. **Riêng một nước Pháp người ta cho là mỗi năm có tới 600.000 vụ phá thai, người khác nghĩ có thể tới con số 1 triệu.**

Tục giết hài nhi bên Hy Lạp hay La Mã có cả. Bên Hy Lạp các triết gia còn cổ động là khác. Người ta giết hài nhi rất thường nhất là trẻ nữ; có một văn kiện cho biết trong số 118 con trai chỉ

có 28 con gái (Civ VI, p.145). Bên Roma cũng thế. Sau này dẫu bị lên án như một tội ác, việc giết hài nhi vẫn cùng với đói ngheo thêm trầm trọng (Civ. IX. 274).
Còn chuyện đánh vợ pháp luật không can thiệp đâu có bằng **pháp luật cho phép giết vợ** kia kìa: "**luật dân Saxon thí dụ kết án người vợ bất trung phải cắt ít ra cái mũi và hai tai, và cho người đàn ông được quyền giết vợ ngoại tình**" (Civ VII, p.320).
Luật Roma cũng cho người cha giết con (patria postestas) **và chồng giết vợ** (manus) (Civ VIII, p.284) và không phải không có người dùng quyền đó, chỉ kể một người được bao sử gia ca tụng tức là **Hoàng Đế Constanstin vô cớ** (người ta không đoán lý do được) **đã giết con là Crispus, giết vợ là bà Fausta** (Civ IX tr.271).
Giết vợ giết con bên Viễn Đông không bao giờ thấy luật pháp cho phép, nên Dawson (trong quyển The basic teaching of Confucius p.156) cho rằng khó tìm đâu được lòng hiếu thảo quân bình như vậy.
Một số tác giả hay dùng những thành ngữ sévérité orientale khi nói đến luật hình và phong tục. **Thật ra nếu xét kỹ đã vị tất bên nào hơn bên nào**. **Từ nhục hình, mặc: thích chữ, nghị: cắt mũi, phị: cắt chân, cung: hoạn** (không có móc mắt). Và ngay trong kinh Thư đã nói đến việc **vua Thuấn** đổi sang những hình phạt nhẹ hơn là: đày, mang gông, đánh đòn, tịch thu tài sản và chuộc bằng tiền (Cordier, histoire p.85). Và trừ có mặc, còn ba hình dưới từ **đời Tuỳ** đã bãi. Bên Âu ta thấy mãi cho đến thế kỷ 18 "cắt xẻo là chuyện thường": cắt chân, tay, mũi, tai, móc mắt. Vua **Guillaume le conquérant** để ngăn tội ác truyền không được giết hay treo cổ phạm nhân, nhưng móc mắt, cắt chân, cắt tay, cắt hạ bộ và cho sống để đền tội ác. Ở tòa án Sanite Geneviève bảy người đàn bà bị chôn sống vì tội ăn trộm.
Tội lộng ngôn chửi thề thì phải dùi lưỡi bằng thanh sắt nung đỏ. (Civ XI o.287). Một hình luật Đức nói "nếu **người nào bóc vỏ cây liễu giữ đê** điều thì người ta phải mổ bụng nó, lôi ruột ra lấy mà quấn chung quanh cây đã bị hại". Năm 1454 còn khoản hình luật ở thành **Westphalie**: một người **xê dịch mốc đất trái phép** bị chôn sống để thò lên cái đầu, rồi đất được cấy bằng bò và người chưa hề cày bao giờ. (Civ. XI p.254).
Người ta thường dùng lối xử gọi **là thần xử** (ordalie). Hai bên đánh nhau ai được là thắng cuộc. Đây là một thí dụ: "Kỵ mã Guy bị kỵ mã Herman tố cáo tội sát nhân, Guy chối Herman thách tài phán quyết đấu. Hai bên đánh nhau từng giờ. Trước trên ngựa, sau dưới đất, sau cùng vất cả gươm để vật nhau tới lúc Herman móc được cả hai hòn của đối phương, sau đó Guy thở hắt ra: en arrache les testicules, sur quoi Guy expira." (Civ. XI, p.285)
Lúc trước đọc **Keyserling khen bên Tàu ít tội sát nhân hơn bên Đức**, tôi rất dè dặt với lối so sánh của tác giả, sợ rằng tác giả quá lời khen chăng. Đến sau tôi thấy tài liệu về việc này quá nhiều, những công hàm bên Anh thế kỷ 13 chỉ một số tội sát nhân ngày nay ta phải cho là quá xấu xa, thường thường gấp đôi số chết về tai nạn, mà phạm nhân ít khi bị bắt (Civ. XII, p.327). "Ngày chủ nhật lại nhiều tội dâm đãng, phóng túng, giết người, trộm cướp hơn cả trong tuần." (Coulton de Medieval Village p.254). Việc sát nhân xảy ra cả trong giới sinh viên. "Năm 1269 ông thị trưởng Paris lên án những sinh viên ngày đêm đánh bị thương hay giết cách khủng khiếp nhiều người, bắt cóc đàn bà, người nữ đồng trinh, phá cửa đột nhập nhà người ta, và thường xuyên phạm những tội ăn trộm và tội ác mới" (Civ. XII p.454).
Nói chung tính tình người Âu lúc đó còn rất hung hãn đến nỗi người Ả Rập rất bỡ ngỡ về sự dữ tợn của Thập tự binh. (Civ II, p.295)
Chớ tưởng đó là chuyện thời xưa, hãy nhớ lại "giờ thứ hai mươi lăm" hay "les hommes contre l'humain" của G.Marcel. J.Folliet viết "**năm 1943 bên Pháp máu người rẻ hơn giá rượu vang**". Một tác giả nào đó viết "chỉ cần gãi vào da người văn minh là tìm ngay thấy con thú thuộc thời đệ tứ kỳ" và biết bao man rợ khốc liệt đang diễn ra cùng khắp trên hoàn cầu, bên

Algérie mà tác giả quyển Contre la torture (ed. du Sueil 1957) Pierre Henri Simon nhắc tới trong sách đó trang 68-70. Tác giả kể lại cảm tưởng rụng rời khi phản đối những dã man **quân viễn chinh thi hành bên Đông Dương với một vị lãnh đạo tinh thần, được nghe lời đáp bình thản "bắt người đàn bà, lấy đanh đóng qua tay cho tới lúc thú… anh tính không làm thế sao được?" Đây mới là kể trong sách, chưa bằng những điều tai nghe mắt thấy trong 8 năm chiếm đóng Đông Dương. Đấy là một số nhỏ dữ kiện trong cái đống hồ sơ cao ngất, đưa ra một ít để hòng điều chỉnh quan niệm sai lạc về lịch sử.**

VI.- Quan niệm Lịch sử sai lạc

Theo thói quen xưa **dân nào cũng cho mình là Văn minh còn ngoài ra là Rợ mọi** (Toynbee gọi tính lấy mình làm trung tâm này là self-centredness native).

Văn minh Âu cũng không thoát khỏi cái bệnh chung đó, và họ cho các dân khác là Rợ mọi. Đối với những văn minh khác như La Hy hay gần ta hơn là Trung Hoa đã có những thực tế phũ phàng mở mắt cho ta thấy đó chỉ là quan niệm ếch ngồi đáy giếng. Nhưng với văn minh Âu Châu nhờ có khoa học tiến bộ mạnh mẽ nên sự tưởng lầm kia ngày thêm bền vững.

Quan niệm lấy Âu Châu làm trung tâm lấy Hy Lạp làm rốn thế giới (bên Hy Lạp có cửa núi phun khói, người Hy Lạp gọi là rốn trái đất Omphalos và lập đền thờ Thổ thần ở đấy) hiểu theo một nghĩa hết sức hẹp hòi: khai trừ các dân ngoài Châu Âu. **Khi chia trái đất họ lấy Âu Châu làm khởi điểm và về lịch sử thì Lịch sử Âu Châu làm Lịch sử Nhân loại, ngoại giả các nên Văn minh khác như Egypte thì cho là mào đầu, còn Trung Hoa và Ấn Độ, Musulman thuộc về các thổ dân** (ethnographie).

Cái cứ điểm sai lầm đó rồi đây bị những sử gia và triết gia như Tibor Mende, Toynbee, Jaspers lôi ra ánh sáng, nhưng cho tới thế kỷ 19 sang đầu thế kỷ 20 nó được coi như một chân lý không thể chối cãi. Âu Châu tự gán cho mình sự mệnh đem đuốc văn mình truyền bá cho hoàn cầu. Tuy với một thiểu số có óc con buôn ranh mãnh, câu đó chỉ là khẩu hiệu đẹp đẽ bên ngoài che đậy một lòng tham vô tận, nhưng với đa số, đó là một tin tưởng thành thật. Ta thấy nó phản chiếu cả vào những sách trang nghiêm nhất như luân lý, triết học, đạo đức của tôn giáo…

Có những tác giả nhân danh sứ mệnh truyền bá văn minh đem ra nhiều lý lẽ để biện hộ những hành vi xâm lăng và bóc lột. Kèm theo với những sự say sưa chiếm đoạt là lòng tin thờ khoa học; cứ mỗi ngày lại mỗi sản xuất ra những phát minh kỳ lạ chiếm được lòng tin tưởng của mọi người, khoa học trở nên một bà chúa ghen tương độc hữu không một giá trị nào được đếm xỉa đến, nhất là những giá trị tinh thần của văn minh Á Châu. Âu Châu càng lên cao bao nhiêu thì các châu khác càng xuống bấy nhiêu, khiến cho quan niệm lịch sử sai lầm trong thời cổ sơ được tiếp tục duy trì kèm theo với những thái độ khinh miệt các nền văn hóa ngoài Âu Châu. Trong khi các châu khác cố theo học văn minh cơ khí của Âu Châu nhiễm phải tâm trạng đó đâm ra kỳ thị chủng tộc mình và coi rẻ văn minh tiên tổ mà họ không biết tới, chỉ theo thế tục mà phù thịnh khinh suy… Đó chỉ là thường tình, nhưng ẩn chứa biết bao bất công. Chẳng hạn khi khoa học khởi xuất hiện, thì yếu tố đầu tiên có ảnh hưởng lớn nhất là thuốc súng lại không phải do Châu Âu. Ai cũng biết là do Trung Hoa khám phá ra, những người Âu Tây nhờ biết dùng chất đó làm súng đạn, nên có phương tiện cực mạnh đi tàn sát bóc lột các dân để trở nên giàu thịnh, mà giàu thịnh là yếu tố quyết liệt nhất cho văn hóa và khoa học tiến mạnh. Những sáng tác, nhạc, văn nghệ, hội họa của Âu Châu phát triển từ đó nghĩa là từ lúc có giàu sang do thuốc súng và thuộc địa.

Nhân đó chưa nên kết luận ngay rằng, trong các lĩnh vực khác thuộc văn hóa như minh triết, luân lý… Âu Châu cũng đã tiến theo kịp đà khoa học. Vì thế đừng vội tin tiên thiên rằng cái gì Tây cũng tất nhiên vượt hơn. Phải chia ra từng bộ môn mà so sánh, và cần so sánh xuyên qua lịch sử, đừng hạn cuộc vào một vài thế kỷ sau. Nhân loại từ lúc có lịch sử tới nay cũng đã tới 40 hay 50 thế kỷ. Khoa học mới chưa có đầy 3 thế kỷ. Khi xét đoán một nền văn minh đừng lấy một đoạn nhỏ làm bản vị để đánh giá tất cả phải xem dọc dài, căn cứ vào vài thế kỷ sau mà nói. Tàu im lìm thì "không gì sai lầm hơn bằng". Không một miền nào bị đảo lộn trong chính phủ đến như thế. Trong phạm vi chính trị nó đã thử đủ mọi thể chế từ xã hội chủ nghĩa cho đến chuyên chế độc tài. Nó đã biết hết mọi triết thuyết, "thể lệ và phong tục đã biến đổi sâu xa". Đó là lời của một học giả rất thông thạo về sử Trung Hoa đã viết bốn quyển lớn kết luận như trên. (Histoire Générale de la Chine t.1, 40, Henri Cordier).

Tuy nhiên đó mới là phạm vi chính trị. Nếu xét đến các phạm vi khác ta cũng thấy sự tiến triển đổi thay. Văn chương chẳng hạn Thì Phú thịnh ở đời Hán. Thơ thịnh đời Đường. Từ thịnh đời Tống, Truyện thịnh đời Nguyên. Họa cũng tự nhân hình biến sang sơn thủy dẫn đến Thảo trùng và Tĩnh vật với trăm ngàn môn phái. Triết cũng phải viết cả từng quyển lớn mới kể ra hết các thời đại. Thậm chí cả đến khoa học kỹ thuật cũng tiến mạnh.

Trong quyển La technique ou l'enjeu du siècle (Armand, 1954), ông Jacques Ellul không ngần ngại quả quyết "**kỹ thuật bản gốc xuất từ Đông Phương**": "la technique est essentiellement orientale" (tr.25), và ông đả kích cho là **dị đoan liều những câu nó**i "**Đông Phương thụ động, theo định mệnh**, **khinh đời sống và hành động, còn Âu Châu hoạt động, chinh phục thiên nhiên**…" (tr. 30). Phần lớn quyển sách đều đưa ra những sự kiện trái ngược hẳn lại niềm tin tưởng thông thường đó. Ông Joseph Needham đang trước tác bộ "khoa học và văn minh bên Trung Hoa" (Science and civilisation in China, Cambridge University Press), hiện đã ra được ba quyển lớn. Tác giả chứng minh tỉ mỉ **sự tiến triển và nổi vượt của Á Châu về khoa học cơ khí trước thời Phục Hưng. "Con sông có khúc con người có lúc", đừng thấy giậu đổ bìm leo mà giẫm thêm. Nên lánh nhai lại mấy tư tưởng lấy trong các sách cũ rích đã được bộ thuộc địa ban phép lành. Người Tây Phương trung thực không muốn thế nhưng ước mong cho người Á Đông nhận thức lại giá trị Truyền Thống để cùng với họ xây nền văn hóa mới**. Muốn được vậy việc trước tiên nhất phải làm là đưa mắt nhìn khắp bốn phương trời, và khi so sánh phải so thời phát triển của nền văn minh này với thời phát triển của nền văn minh kia. Suy với thời suy, lý tưởng với lý tưởng, đừng đánh tráo trộn như một số lớn tác giả mà giáo sự **Herbert đã nhận xét: "đem những nguyên lý thường lấy trong Phúc âm thư hay trong những tác giả lớn về luân lý so với đời sống thực tại của các nhóm người trong văn minh khác, đem thượng lưu của Âu Châu sánh với đại chúng hay với cặn bã các dân khác… cần phải so sánh lý tưởng với lý tưởng, thượng lưu với thượng lưu, cặn bã với cặn bã…"** (Spiritualité Hindoue p.12, J.Herbert). Nếu không chịu giữ cái luật thông thường đó thì quả thật các văn minh khác không đáng chú ý chút nào.

Người mình thường hay đọc lịch sử Âu Châu được viết trong tinh thần thế kỷ 19 đầu 20, nghĩa là hai thế kỷ Âu Châu quá hách dịch, thành ra biết bao sự kiện lớn lao khác bị xếp vào góc tối, ngày nay đã có một số thức giả đang cố sửa lại quan niệm chênh lệch này. Spengler đã lên án lối quan niệm hẹp hòi đó, ông viết: "cổ đại, trung đại, thời mới. Đó là lược đồ nghèo túng không thể tưởng tượng nổi (schéma d'une indigence incroyable).

Đó là một sự vô nghĩa nó đã làm cớ không cho ta nhận thức đúng đắn được những mối tương quan giữa các nền Văn hóa cao đẳng của Nhân loại… Những người hậu lai sau này không thể tin được một lược đồ giản lược vào những nét thẳng tắp với những tỷ lệ vô lý

(proportions insensées) càng ngày càng không thể đứng vững với những khám phá mới. (Déclin de l'Occident, t.1, tr29). Cái lược đồ đó gò bó bản chất và hạn chế sân khấu lịch sử lại theo phong thổ Âu Châu được dùng làm trung điểm bất động… chung quanh đó phải xoay quanh từng bao ngàn năm lịch sử lớn lao và những nền văn hóa vĩ đại đặt ra xa trong một địa vị hết sức khinh thường. **Chính vì thế mà ta mắc phải chứng ảo tưởng (illusion d'optique) trở thành tập quán làm ta tin rằng ở xa bên Tàu, bên Egypt lịch sử bao ngàn năm cô đọng vào có vài giai đoạn, trái lại trong miền ta, từ Luther và nhất là từ Napoléon những chu kỳ thập niên được thổi phồng mãi lên như những bóng ma** (id, tr.29). Nếu với Tây Âu tác giả phải hạ những chữ điên rồ (proportions insensées) thì với người Á Châu không giũ bỏ những ý niệm đó phải gán chữ gì đây?

Những tư tưởng gia lớn đang cố gắng tìm đặt lại trung tâm lịch sử như **K.Jaspers** đề nghị lấy thời Trục làm mốc.

Toynbee trong quyển sử mới xuất bản "Le monde et l'occident" (Desclée) đã nói rõ tại sao lại không đề là "l'occident et le monde", như có lẽ ông đã làm trước đây, là muốn độc giả lưu ý đến hai ý tưởng. Trước nhất vì Âu Châu ngay ở lúc cực điểm hùng cường cũng không phải là lịch sử duy nhất trên sân khấu thế giới. Vậy mà từ năm trăm năm nay, thế giới và Tây Phương chạm trán nhau thì chính thế giới chứ không phải Tây Phương đã biết được một kinh nghiệm có ý nghĩa nhất. Bởi không phải Tây Phương đã chịu thế giới tấn công mà chính thế giới bị Tây Phương tấn công dữ tợn, bởi đó trong sách này thế giới đã được nhận chỗ ngồi đầu tiên" (tr.72).

Ông Will Durant đã mở đầu bộ sử văn minh của ông bằng một quyển lớn về Á Châu, có nói rõ lý do như sau: "bắt đầu từ Á Châu, vì đó là sân khấu của những nền văn minh kỳ cựu nhất người ta biết được, mà cũng vì chính những văn minh ấy làm nền móng cho văn minh La-Hy mà ông Henry tưởng lầm là nguồn duy nhất cho tinh thần thời mới. Chúng ta sẽ phải bỡ ngỡ khi biết những điều chúng ta học được với người Egypt, với Đông Phương trong việc phát minh sáng chế, cũng như trong phạm vi khoa học, văn chương, triết lý tôn giáo. Bước vào thế kỷ 20, việc lớn hơn hết sẽ là sự va chạm giữa hai nền văn hóa Đông Tây mà còn cố duy trì cái nhìn hẹp hòi của những sử gia cổ điển khởi đầu từ Hy Lạp, còn Đông Phương dành ra được vài dòng thì đấy không những là sự sai lầm có tính cách hàn lâm, nhưng còn là một quan điểm thiên lệch mà hậu quả về việc thông cảm có thể sẽ rất tai hại" (Civ I. 11). (Chúng tôi hay trưng tác giả này vì cái nhìn quân bình đó, không kể những điểm khác của tác giả như không bao giờ để cho mớ tài liệu kềnh cơi của "nhà thông thái bác học" lấn át cái nhìn của nhà triết lý và nhân văn. Vì thế đọc ông, đọc giả có cảm tưởng nhẹ nhàng như đọc chuyện.)

Nhà kinh tế học trứ danh **Tibor Mende** trong một tác phẩm xuất bản năm 1954 nhan đề là "Nhìn về lịch sử ngày mai" có thêm phụ đề "Những trọng điểm mới của thế giới" đã mở đầu bằng những dòng sau đây: "**Họ vẽ bản đồ ra trong óc họ. Nhưng nếu họ không chịu theo dõi những biến chuyển nữa là tức khắc họ hết thuộc thời đại. Thói quen, tuyên truyền là sự lười lĩnh của trí khôn đều góp phần nào vào việc duy trì ảo tưởng rằng những bản đồ này cứ còn mãi thế truyền đời. Những ảo tưởng lỗi thời cứ nằm lỳ mãi lại trong trí não nhiều người đã "gây nên thảm họa trong lịch sử".**

Chính vì sợ một thảm họa cho nền quốc học nước nhà nên buộc lòng chúng tôi phải thí mạng viết bài này để làm tròn trách nhiệm nặng nề. Hé cho trí thức ngày nay của nước ta một phần nhỏ sự thật hầu đẩy lui sự cố tình bảo vệ những quan điểm lịch sử lấy ba thế kỷ cơ khí Âu Châu làm trụ với cái thiên kiến cho rằng Âu Châu bản tính là tiến mạnh, văn

<u>hóa Á Châu bản tính ù lì. Một thành kiến làm tê liệt óc thẩm định các giá trị thuộc văn hóa lẽ ra phải được vận hành trong tâm trạng Thư thái Tự do và Khoa học, vắng lặng mọi Thiên kiến. Chưa phá nổi được cái núi Thành kiến do 80 năm nô lệ gây ra thì chưa thể nói đến chuyện phục hồi và phát triển nền quốc học Việt Nam được.”</u>

(Triết lý Giáo dục. Kim Định)

O.- NHO: VĂN HÓA CHÂN THỰC: TỔNG HỢP ĐÔNG TÂY

Cái ngày đó hiện chưa đến, nhưng những phần tử ý thức nhất của nhân loại đang mong chờ, và đang sửa soạn cho ngày ấy đến. Khắp đó đây đã có những người nhìn nhận ra rằng giai đoạn này tuy có bước tiến vượt bậc về khoa học cơ khí, về việc chế ngự thiên nhiên, tạo ra rất nhiều điều kiện thuận lợi cho đời sống sinh lý vật chất, nhưng xét về mặt tinh thần thì quả là nghèo nàn, yếu ớt và đầy lộn xộn, vì thế chỉ có **một thiểu số đặc ân được thụ hưởng những ân huệ của khoa học, còn đại đa số vẫn chịu cảnh lầm than khốn quẫn do chính khoa học gây nên. Các nước kém mở mang đã tiếp nhận được súng, đạn, bom, chất nổ nhiều gấp cả mấy chục lần viện trợ kinh tế**. **<u>Tình trạng bi đát như thế là do thiếu một Đạo lý chân thực hướng dẫn</u>**.

Ngoài mấy thứ Triết thuyết cục bộ loại “duy” ra, **chúng ta chưa thấy có một Đạo sống nào khả dĩ đủ khả năng gây lại nền Thống nhất cho nhân loại** và hiện nay các phần tử có ý thức trong nhân loại đang gắng công đi tìm ra cái Đạo Sống đó. Trong chiều hướng này chúng ta thấy **Nho giáo được nhiều người chú ý hơn các triết thuyết khác**.

Là vì các **Triết học Tây Âu** hầu hết còn mang nặng tính chất hàn lâm Văn học, chưa bao giờ đủ lông, đủ cánh để bay vào đời sống rất uyển chuyển biến dịch, còn **Triết Ấn Độ** tuy có chú trọng đến đời sống, nhưng mới là đời sống tu Thân, còn phần Gia đình, Quốc gia chưa để ý đến đủ nên chưa có những kế hoạch những phương pháp đã chứng tỏ được giá trị thiết thực; vì thế dẫu hiện đại **Thiền Lão** đang được Tây Âu chú ý hơn Nho giáo, nhưng rồi giai đoạn cá nhân, **giai đoạn “độc thiện kỳ thân” này sẽ phải nhường bước trên cho Nho giáo.**

Và giai đoạn này đã bắt đầu biểu hiện một hai dấu hiệu. Xin kể ra đây hai trường hợp: một là **hội nghị Triết học quốc tế**, **thứ hai là Trung cộng**.

Hội nghị quốc tế có thể coi như tấm gương phản chiếu trung thực mối bận tâm của con người thời đại.

Còn Trung cộng như cái gì lớn lao và thiết cận đến vấn đề Nho giáo cũng như đối với vận nước, vận nhà của chúng ta.

Hội nghị quốc tế nói ở đây mở tại Honolulu mùa hè năm 1949, quy tụ đại biểu hơn 50 nước phần lớn là Âu Mỹ. Về phía Á Đông có Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa tham dự.

Trong bài diễn văn khai mạc, **ông Charles Moore có phác họa đường hướng của cuộc cách mạng** mà **Triết học ngày nay phải hoàn thành hầu hướng dẫn cuộc sống nhân loại.**

Ông nói sở dĩ nhân loại đã trải qua hai cuộc thế chiến thì truy căn cũng tại thiếu một Chủ đạo, một Triết lý chân thực.

Vì thế hội nghị nhằm mục đích bổ sung sự khuyết điểm nền móng này. Trong ý hướng đó hội nghị đưa ra ba điểm.

<u>Điểm nhất</u>: **hội nghị lên án mọi thứ suy tư cục bộ giới hạn vào một địa phương,** coi đó như một việc làm không những lỗi thời đối với thế giới ngày nay, mà còn là mối hiểm nguy dễ trở thành bi đát (provincialism in reflective thinking is dangerous, possibly tragic).
Vì thế Sứ mạng chính của Triết học phải hướng dẫn được các nhà lãnh đạo nhân loại trong việc xây đắp một thế giới tốt đẹp hơn, cả trong hiện thực cũng như trong lý thuyết.
Đó phải là Tinh thần hướng dẫn hội nghị.

<u>Điểm hai</u>: vì thế **phải vượt qua những công thức xưa cũ "Đông là Đông, Tây là Tây**" (East is East, West is West) hoặc phương trình mới được đưa ra gần đây là "Đông Tây như nhau" (East=West). **Cần tiến tới phương trình mới khác hẳn, đó sẽ là "Tổng hợp Đông Tây" (East plus West) mới hợp thời.**

<u>Điểm ba</u>: vì thế hội nghị hướng mũi dùi vào **việc hoàn thành một "nền Thống nhất hòa âm" an orchestrated unity, tức là một Tổng hợp có tính cách rộng rãi mềm dẻo dễ thâu hóa được hết mọi Truyền thống suy tư vừa đa tạp vừa phong phú, mà không cưỡng ép một ai**. (Moore từ trang 1-13).

Đến phiên đúc kết hậu quả thì hết mọi hội viên đều đi đến kết luận này là **hiện nay Tây Âu phải học hỏi nhiều với Đông phương về Tinh thần và cách thỏa mãn của nó, còn Đông phương phải học nhiều với Tây Âu về cách làm thỏa mãn được những nhu yếu vật chất xã hội của con người**. It was agreed by all members of the seminar that at the present time, the West had much to learn from the East concening the spirittual need of men and their satisfaction; while the East had much to learn from the West concerning the material and soccial need of man and their satisfaction. Moore 436."

P.- NỀN GIÁO DỤC HIỆN TẠI

(Vấn đề Giáo dục. Kim Định)

I. Ít nét về nền Giáo dục hiện tại

" **Khi xét về nền giáo dục hiên tại, có lẽ hầu hết mọi người đều đồng ý là nó thất bại**, cần phải được sửa lại, nhưng sửa cách nào thì chưa tìm ra được sự đồng ý nào. Nguyên nhân hẳn có nhiều, nhưng có hai điểm cần chú ý:

1 .- Không phân biệt được sự Thành Công và Thành Nhân.
2 .- Thiếu Kinh Điển.

Căn nguyên đầu không quan trọng bằng cái sau, tuy các triết gia đã đề cập tới, nhưng chưa được nhận thức ở cấp điều hành, trong thực tế có một số nước đã sửa đổi chương trình thiên trọng về thành công và đã gặt hái được nhiều thành quả mỹ mạn, nhưng **sự thành công trong văn minh kỹ thuật không kéo theo sự thành công trong văn hoá giáo dục.**

Căn do chính là sự thất bại của Triết học:

Ai cũng biết Sứ mạng của Triết học là điều lý và điều hợp mọi năng khiếu con người quy về một hướng, một lý tưởng, thế mà Triết học cổ điển chỉ có một chiều kích tức là Duy Lý thì làm thế nào để thống nhất các cơ năng khác như Cảm Xúc và Tâm Linh, như vậy là đánh mất Nữ Tính của Triết học, mà chính Nữ Tính mới là yếu tố thống nhất.

Nói theo **Kinh Dịch** thì triết Tây chỉ **có " Dương " mà thiếu " Âm** ", mới có " Lumen ", mà chưa có " Numen ".

Nói theo **Mạnh Tử** thì mới **có " Tiểu Thể ", mà chưa có " Đại Thể**:

Tiểu Thể là " Đời sống con Người cá nhân hạn cục trong xác thân " của mỗi người, và một số liên hệ với lân nhân, với xã hội.

Trái lại, " Đời sống **Đại Thể** là đời Tinh thần không hạn cục trong xác thân hay trong những mối Giao liên Xã hội nhưng còn toả ra đến cùng Trời Đất, có tầm vóc vũ trụ.

Phải gồm Tiểu Thể và Đại Thể, mới làm nên con Người Lưỡng Thê, và chỉ có quan niệm Lưỡng Thê đó về con người mới có tính cách Toàn diện, và mới đem lại cho Giáo dục một nền tảng cân xứng

Vì muốn cho Giáo dục trở nên trung thực thì phải lo tới sự Thăng tiến Toàn diện con Người, chứ không riêng một năng khiếu nào. Thế mà Triết lý chỉ chăm lo có Lý trí thì không sao vượt khỏi được sự hữu hạn, mà thiếu Thiêng liêng thực thụ phải là thứ vô biên.

Vì thế, muốn Triết lý có được một Nội dung Tâm linh trung thực thì nó phải trở thành đa kích: không những Suy tư nhưng còn Cảm xúc và Sống thật.

Để có một nền Triết lý toàn vẹn như vậy, cần nó phải móc nối với những sách bàn về Cứu cánh chân thực của tất cả đời sống con Người, không phải Cứu cánh phải đến sau khi chết như các Tiên tri biết trước, nhưng là biết Ở Đây và Bây giờ, biết về Cứu cánh của con Người đang sống Hiện tại trong gầm trời này: cần biết và nhận thức nó trong mọi Động tác. Những sách như thế được gọi là Kinh Điển hay sách Minh triết.

II.- Cổ điển, Kinh Thánh và Kinh điển

Sách Kinh điển khác với sách Cổ điển và Kinh Thánh:

Cổ điển chỉ là những tác phẩm bất hủ về Nghệ thuật và Văn chương chứ không là Triết lý hay Minh triết như Kinh Điển.

Còn **Kinh Thánh và Kinh Điển giống nhau** ở chỗ nói về Linh thiêng siêu nhiên, nói đến những cái gì siêu việt u linh. Tuy nhiên có một sự **dị biệt căn bản** là Kinh Thánh là Nền tảng tối hậu, không phải quy chiếu vào cấp nào trên nữa, đang **khi Kinh Điển quy chiếu vào con Người, nên Kinh Điển chỉ là những bảng chỉ đường đưa đến Tâm linh.**

Với **Kinh Thánh chỉ phải chấp nhận tin theo, không được cãi lại, với Kinh Điển thì không thế, mà chỉ sợ không đủ sức cãi lại, nghĩa là Kinh Điển không cản trở còn giúp phát triển thêm óc phê phán minh biện nữa.**

Vì thế dựa trên Kinh Điển để suy luận thì ta có Triết lý căn cứ vào kinh nghiệm và lý chứng với sự kiện, còn khi dựa trên Kinh Thánh để suy luận thì có Thần học dựa trên quyền uy (autorité).

Ta có thể nói rằng: **Triết học chỉ đào tạo được những Người tài biện luận (dialecticien), cổ điển chỉ đào tạo ra những Văn hào, Kinh Thánh đào tạo ra những Người sùng bái, chỉ có Kinh Điển dào tạo ra Hiền triết (Wisemen), tức là những người có mọi năng khiếu được phát huy đến cao độ và quân bình như nhau.**

Biết thế chúng ta có thể ước đoán không mấy sai lầm: Chương trình giáo dục ngày nay đang đào tạo ra những hạng người nào.

(Đây là nhận định của Triết gia Kim Định về nền giáo dục Việt Nam trong thời kỳ Việt Nam cộng hoà, cũng như các nền giáo dục khác . Còn nền giáo dục trong chế độ Cộng sản hiện nay, chắc chúng ta chẳng cần phải bình luận gì, chỉ theo dõi các lời thú nhận về nền " giáo dục tụt hậu " của những người có trách nhiệm giáo dục thì rõ.Những nhận định trên đây vẫn còn đúng cho tình tạng giáo dục hiện tại của thế giới)

III.- Các yếu tố của Kinh điển

Một sách được gọi là Kinh Điển phải **gồm mấy yếu tố** sau đây: Nhân bản, Dân gian, Giải phóng và Tâm linh.

1.- Nhân bản

Những sách bàn đến những vấn đề liên hệ mật thiết đến những Nhu yếu thâm sâu của con Người và lấy chính sự thoả mãn những nhu yếu làm tiêu chuẩn xét đoán, vì một khi đã tìm tiêu chuẩn bên ngoài con người thì không còn là Nhân bản và không giúp nó khai triển hết mọi khả năng cách quân bình và cùng cực, hay nói một cách khác là sách y cứ trên Tính lý đại đồng, mà bất cứ ai và đời nào cũng suy cứu ngay nơi lòng mình, khỏi cần quy chiếu vào đâu hết.

2.- Dân gian

Ai cũng có thể tham dự vào, không những trong một nước, mà còn cả nhân loại không kể Đông Tây hay Kim Cổ, khi hiểu được đúng nội dung Kinh Điển đều thấy lòng rung động.
Hết mọi người, hễ đã là Người thì đều có nền tảng làm nên con Người, nên cũng rung động trước những câu nói liên hệ tới những nhu yếu nền móng đó, như sự **Tu thân** theo nghĩa làm triển nở hết mọi năng khiếu trong con người, **không những Ý, mà còn Tình và Chí**, không những **trong việc tu Thân, mà còn trong những mối liên hệ là gia đình, quốc gia, quốc tế**, mà Nho giáo quen tóm vào trong 4 chữ **: Tu , Tề , Trị , Bình.**

3.- Giải phóng

Yếu tố này luôn giúp con người tiến lên thêm mãi vào sự **nhận chân và hiện thực Nhân tính của Người để đưa ra con Người tới chỗ thoát ly khỏi lòi trói của mọi Ý hệ và Thuyết lý**. Muốn được như thế **Kinh Điển phải xây trên quan điểm Biến hoá**, vì **chỉ có Biến hoá mới giải phóng được con Người.**
Dấu hiệu cụ thể của biến hoá chân thực là không những đã không cản trở nhưng còn giúp vào việc dung nạp được hết những khám phá mới xuất hiện theo đà tiến.
Bởi vì **dấu hiệu giải phóng là Sống mạnh, mà sống mạnh là Tiến hoá mạnh**. Sự tiến hoá gia tăng theo hàm số của khả năng thâu hoá; càng thâu hoá được nhiều những khám phá mới càng tỏ ra có tính cách giải phóng. Muốn như thế **Kinh Điển phải dừng lại ở đợt Minh triết uyên nguyên (sagesse principielle), mà không đi vào những Quy định xác suất, thường chỉ hợp**

cho một Nơi, một Thời, nên cùng lắm chỉ hợp cho Triết lý trong một giai đoạn. Triết lý hầu hết đi vào quyết định nên không thể là Kinh Điển.

4.- Tâm Linh

Tâm Linh là cái gì phổ biến theo nghĩa Chữ " Thần " trong Kinh Dịch là: " Thần vô phương ", Thần không ở phương nào, không Đông không Tây, nhưng không đâu không ở, nghĩa là rất linh nghiệm. Ý nghĩa đó bao la khó dịch, chúng ta có thể tạm dùng chữ **Numen (** trong sách Le sacré của Otto) để định nghĩa **Tâm linh là Tremendum et fascinans; huyền bí đáng sợ nhưng lại có sức lôi cuốn.**

Đáng sợ vì không thấy bờ bến đâu cả, nhưng lại lôi kéo lòng người cách huyền bí sâu xa, thì chúng ta có thể suy đoán theo luật Đồng tính (affinité : similis similem quaerit): nếu con người ưa cái gì bao la man mác thì hiểu được rằng trong bản chất con người có cái chi man mác vô biên. Do đó mà có **dấu hiệu cụ thể cuả Tâm linh là lối văn u linh lờ mờ, một thứ lờ mờ thú vị vô cùng**: délicieusement vague, và **thường là đơn giản mộc mạc, đến nỗi các nhà sử văn học cho là vụng về**. Nhưng đó là thứ " **vụng về siêu tuyệt** " chỉ có những bậc thánh triết mới đạt, vì cái mộc mạc đó được tu luyện, được nâng lên bậc một quẻ trong Kinh Dịch gọi là quẻ " **Vi Tế** ", **có thể xem như một hạt nhân còn tàng chứa đầy nhựa sống, đầy sức triển nở có khả năng mở đầu cho một chu kỳ phát triển mới khác, một thứ " Chưa xong " của bình minh sơ nguyên hãy còn dính liền với trùng dương vô thức nên giàu vô biên chất minh triết. Và quả thực đó là nguồn suối cho bao cuộc phục hoạt mỗi khi Người ta biết trở về cách trung thực với cái mộc mạc vụng về của Kinh Điển.**

IV.- Từ Cổ điển tới Trục vật

Kinh Điển là những sách dạy về Cứu cánh con Người, về các mối Nhân luân căn bản không những giữa Người với Người, mà còn cả giữa Trời Đất Quỷ Thần nữa. **Chính vì sự bao la như thế, nên nó có tính cách Trường cửu, vượt Không và Thời gian, và ám hợp cho nguyện vọng sâu xa nhất của con Người không kể đến Đông, Tây, Kim, Cổ. Bất cứ một nền văn hoá nào muốn xứng danh cũng phải có Kinh Điển. Nền văn hoá Tây Âu thiếu Kinh Điển, mà chỉ có Cổ điển và Kinh Thánh.**

Như trên đã nói:

Cổ điển chỉ chứa những áng văn bất hủ mà thiếu Triết tức là thiếu tinh thần Chủ đạo.

Còn **Kinh Thánh** thì toàn lo về việc nước Trời, còn việc xác, việc trần gian con người phải tự liệu lấy.

Thế rồi khi **Khoa học thực nghiệm** ra đời, tất cả mọi người sung sướng tưng bừng chào đón khoa học, coi như bà chúa vạn năng sẽ giải quyết mọi vấn đề kể cả Kinh điển.

Thế nhưng sau những say sưa ban đầu hạ xuống dần dần, người ta nhận ra sự giới hạn của khoa học. Khoa học không lấp nổi lỗ hổng Văn hoá. Tệ hơn nữa, khoa học đã đẩy cho đà vong Thân trục Vật đi xa hơn bao giờ hết. Tất nhiên lỗi không phải tại khoa học, nhưng tại con người đã ước lượng sai khả năng khoa học khi gán cho khoa học thẩm quyền trên những địa hạt không thuộc khoa học, nên đã biến văn hoá giáo dục trở thành cuộc lao mình đuổi theo sự vật để quên trọn chính bản thân.

" Văn hoá đâu phải là một cái vốn mà mỗi người gây lấy cho mình tự con số không. Một nền Văn hoá sâu sắc phải có tính chất di truyền, mỗi đời thêm một ít sở đắc, nhưng không

được động chạm tới nền móng, không thì mất cả. Đó là một cuộc tiến triển có cơ thể, có liên tục ” (Études , 1957 ?)

VI .- Huấn linh và Bác vấn

Để được xứng danh là một nền giáo dục phải có hai phần huấn linh và bác vấn :

1.- Huấn linh (Chỉ sự đào luyện: formation)

Muốn đào luyện phải có **Cơ sở tinh thần** để y cứ và để tài bồi vun tưới trở lại rồi trở đi mãi mãi, có thế mới là Huấn, mới là Luyện. Chữ luyện nói lên sự đi lại nhiều lần mãi mãi cho tới độ đạt thuần thục và tinh ba, nên cũng gọi là Thần là Linh, gọi tắt là Huấn linh .

2.- Bác vấn (Chỉ sự Quảng vấn: information)

Song song với **Huấn linh** như Hồn, thì cần phải có **Bác vấn** như Xác, tức là Các học Quảng vấn (information).

Bác học là chiều rộng, còn Huấn linh là chiều sâu.

Chiều rộng càng lớn thì giúp cho chiều sâu vào sâu hơn nữa. Hiện nay các nền giáo dục hầu hết đều rộng quá rộng, đến độ để cho Bác vấn lấn át Huấn linh, khiến cho giáo dục thiếu mối Quán nhất Nội tại. Thực ra sự biết rộng (bác vấn) là một điều hay dành cho một số nhỏ có khả năng bách khoa mà không hợp cho phần đông chỉ cần một tầm học vấn thông thường, cùng lắm là hai ngành chuyên môn mà thôi. Nhờ có óc thiết thực, mà Mỹ Anh Nga đã dám làm cuộc Cách mạng giáo dục.

Chương trình trung học mà nặng về Bác vấn mà bỏ qua Huấn linh là nền giáo dục bì phu, bỏ gốc ôm ngọn, như thế thì làm sao gây nên nhưng cán bộ văn hoá, tạo được niềm tin tưởng để gắn bó người trong nước thành một mặt trận Tinh thần.

VI.- Sách Dân tộc

Những yếu tố làm nên Dân tộc như Đất đai, Giòng máu, Tiếng nói tuy quan trọng, nhưng một Cơ sở Tinh thần làm cho Dân tộc được vững mạnh và trường tồn lại quan yếu hơn.

Sứ mạng của nền giáo dục Quốc gia chính là gây dựng vun tưới cho Cơ sở Tinh thần nói trên. Nó làm cốt tuỷ cho cái gọi là Huấn linh, tức là huấn luyện cho dân nước có một cái Hướng sống lý tưởng. Để chu toàn Sứ mạng trên, điều cần trước hết là phải có Bộ Sách Dân Tộc. Mà đã là sách Dân tộc thì phải có Kinh Điển.

Sách Kinh điển phải hội đủ các điều kiện sau: **Nhân bản, Tâm linh, Giải phóng, Bình dân và Trường tồn** (lâu đời), như đã bàn ở trên.

Triết lý là những sách bàn về Đạo lý hàm chứa trong Kinh Điển, bằng đưa ra một số khía cạnh nào đó, bàn cho xác đáng và có lý giải, vì thế **Triết lý không đáp ứng đủ năm điều kiện trên kia, thí dụ lối văn có luận chứng gãy gọn, hệ thống, chứ không là lối văn âm u hàm hồ của Kinh Điển.**

Triết lý thường xuất hiện về sau, không bao gồm được những thế hệ xa xưa như Kinh Điển. Vì thế, **Kinh điển chỉ có một mà Triết lý thì có nhiều**: mỗi giai đoạn cần một Triết lý mới, Viễn Đông đã có những nền triết lý của Mạnh Tử, Tuân Tử, Đổng Trọng Thư đời Hán, rồi Chu Trình đời Tống và Vương Dương Minh v. v. . .

Khi triết lý không y cứ trên Kinh Điển, thì thường bàn tùm lum những vấn đề ngoài Thân Tâm con người và ta sẽ gọi là Triết học, thí dụ Triết học duy niệm của Tây Âu.

Sau triết lý là **Văn chương như Thơ, Phú, Tiểu thuyết, Tuồng, Kịch** . . , nó **có nhiệm vụ nhắc nhở đến Đạo lý** cho người đã học và đang bận những việc khác không còn thì giờ rảnh rỗi để học, đúng hơn đã học về căn bản rồi, nay cần học hỏi để phát triển thêm.
Văn chương thuộc Văn hoá hậu trường, nên phải viết một cách nghệ thuật, nghĩa là dùng những câu nói khéo, những ý tưởng đẹp và lôi cuốn, để cho người ta dễ nghe ,dễ chấp nhận. Cũng vì thế mà Văn nghệ phải thay đổi dạng thức luôn luôn, nên **Văn nghệ năng thay đổi hơn Triết**.
Văn nghệ đổi mười, Triết chỉ đổi một hai, còn Kinh Điển không bao giờ thay đổi. Vì thế mà Kinh Điển là sợi giây nối kết các thế hệ khác xa nhau rất nhiều .Sự phân biệt trên giúp ta giải quyết những thắc mắc giữa Tiến hoá và Truyền thống.
Về phía trung thành với Truyền thống đã có Kinh, còn phía Tiến hoá theo thời đã có Truyện tức là Triết lý và Văn nghệ. Tiền nhân chúng ta đã phân ra : Kinh , Sử , Tử , Truyện hay cách khác là Kinh, Triết, Sử, Văn.

1.- Kinh

Triết là sách giải nghĩa Kinh Điển cho hợp với cảm quan thời đại. Nó sẽ là con thoi đi từ Kinh Điển vào đời sống cũng như vào Sử Văn, giúp cho tất cả thêm phần ý thức sâu xa về Đạo, về Đời. Nó cũng đóng vai trò Hiện đại hoá kinh sách như Văn, nhưng khác ở chỗ đi tận nền và cách bao quát, có hệ thống . **Thiếu Triết thì Kinh trở nên mớ chữ chết khô.**
Nói tóm lại, ta có thể khai thác trong các Kinh Điển, trong các truyện trên để tìm ra những điểm chính về Nhân sinh quan và Vũ trụ quan của Tổ tiên ta.

3.- Sử

Nói đến đây là muốn Sử chỉ một bản tóm lược, thường là bản văn dùng làm " khung lịch sử " chung cho mọi người trong nước hầu như thuộc lòng, bất kỳ ai dù thất học cũng phải đọc qua. Vì thế nó phải có địa vị trong Bộ sách Dân tộc. Quyển sử này không thay thế những sách Sử Địa từ Trung cấp trở lên đến Đại học và các pho Sử bác học. Những loại này thuộc Văn học sẽ tuỳ thời, tuỳ tài giáo khoa hay những khám phá mới mà thay đổi .

Sử nói ở đây chỉ là bản tóm nên cần vắn tắt, kiểu như Tam Tự Kinh, hay " Đại Nam quốc sử diễn ca hoặc một phần quyển " Thiên Nam ngữ lục " hoặc làm ra một quyển bằng văn vần, ngũ ngôn chẳng hạn.

Một khi được chấp nhận thì không nên đổi nữa, để giữa đồng bào có thêm " mối tình giáo khoa ", vì ai cũng học theo đó, lấy đó làm khung (để chấp nhận hay tranh luận) làm tiêu điểm .
Ta chỉ cần viết lên những mốc biến chuyển lớn của lịch sử để ta thấy được những nét chính của sinh hoạt Dân tộc ta. Nếu ta **có được một cuốn Việt Sử ca gọn gàng cho dễ học và dễ nhớ hầu ai cũng thích đọc và học thì quý lắm .**

4.-Văn

Cũng là một lối mở rộng Kinh vào đời sống như Triết nhưng không theo lối lý luận chặt chẽ như Triết mà đi theo lối Nghệ thuật như thi Ca, Tiểu thuyết, Tuồng kịch, hoặc nghiên cứu kiểu Văn học. Như vậy văn ở đây hiểu theo hai nghĩa :

Trước hết là những **áng văn kiệt tác**, trong dĩ vãng gọi là nhân văn cổ điển (classics), thí dụ truyện Kiều. Phần này một khi được vào sổ bộ, thì cũng bất biến, nhưng không buộc mọi người đọc, ít ra tất cả, vì thế có nhiều cổ điển, không hạn chế số .

Hai là **những động tác Văn học, Văn hoá Văn nghệ đi sát thời cuộc**, cũng như đi mạnh vào chi tiết, vào từng khía cạnh. Phần này biến chuyển luôn, thí dụ từ Nam Phong rồi đến Tự Lực Văn Đoàn cho đến ngày nay, ít ra có ba giai đoạn văn học.

Văn theo nghĩa này thì chúng ta không thiếu, ngay cả trong cảnh tỵ nạn cũng được gọi là khá phong phú; chỉ cần duy trì và gia tăng phẩm chất. Tóm lại theo nghĩa hai thì đã và đang có rất nhiều và hay biến đổi.

Về sau, mỗi giai đoạn chỉ để một vài đại biểu để trở thành cổ điển .

Triết cũng thay đổi nhưng tới hạn lâu hơn nhiều, mỗi giai đoạn có thể bao gồm nhiều trăm năm, thí dụ bên Tàu sau Tuân Tử, Mạnh Tử đời Chiến Quốc, thì đến Đổng Trọng Thư đời Hán, rồi Chu Trình đời Tống, tiếp đến đổi mới ngày nay . . . "

<u>Đây là một công trình to lớn và khó khăn, cần phải có sự đóng góp của nhiều người, cần phải có thời gian và nhiều công sức, nhất là phải có một tổ chức như Bộ Giáo dục để quy tụ những người có khả năng và tâm huyết, và phải có đủ tài chánh mới thực hiện được. Một số điều kiện này ở trong nước đã có, nhưng chưa có một Chủ đạo rõ ràng để khởi công. Còn ở hải ngoại, nếu chúng ta tìm được số người có một học vấn uyên thâm và quảng bác nâng đỡ chúng ta, để cho chúng ta thỉnh ý, giúp cho những bài viết của chúng ta bớt sai lầm đi. Nhưng trong thực tế hiện nay ở đây, chúng ta chưa có cái may mắn đó</u> .

Vậy thì chúng ta cứ bắt đầu theo khả năng khiêm tốn của chúng ta, chẳng thà chúng ta cứ bắt đầu mà không nên việc, còn hơn là chúng ta cầu toàn ngồi mà đợi, đợi cái không bao giờ sao!
Chúng tôi mạo muội, viết một số tài liệu cho các trẻ em ở cấp tiểu học trung học, may ra có giúp được chút gì cho thầy cô dạy Việt và chữ Nho, nhất là quý vị đang định cư các nước trên thế giới. Chúng tôi trích ra một số Kinh Điển làm tài liệu cho các thầy cô, rồi thu gọn lại cho các trẻ em, và góp vài ý kiến chính như là phần triết được rút ra từ các tài liệu được trích. Phần lựa chọn bài học cũng như chương trình học là do sự sắp xếp của Thầy Cô.

Khi đã có Bộ sách Dân tộc rồi thì ta sẽ hết lúng túng khi bảo con cháu tránh nạn vong Bản, vì ta biết " Bản " đó nằm ở sách nào, có thể đưa cho chúng đọc để chúng không bị lúng túng trước rừng sách vở (chắc người Việt tỵ nạn khắp nơi cảm thấy sâu xa về sự cần thiết có một bộ sách Dân tộc hơn bao giờ hết). Làm thế sẽ tránh được cho chúng khỏi mất nhiều thỉ giờ đọc những sách không mấy giá trị vừa uổng công vừa mất tin tưởng vào Dân tộc. Trái lại khi đã có Bộ sách Dân tộc thì ta biết liền đâu là chỗ y cứ, đâu là sợi giây Tinh thần để Tâm hồn được ràng buộc với các nhóm Lạc Việt sống rải rác khắp năm châu bốn biển ."'

Q.- VẤN ĐỀ HUYỀN SỬ TRONG GIÁO DỤC

(Dành cho lớp Tiểu học & Trung học)

I.- Vấn đề Huyền thoại

" **Sử mệnh nói lên Sứ mệnh của một dân tộc nhất định phải thi hành trong một hoàn cảnh nhất định nào đó. Sử mệnh vì thế đã được thích nghi với hoàn cảnh, với khu vực và**

thường được các bậc hiền triết của một dân tộc thấy trực thị rồi diễn đạt qua những trang Huyền sử.
Huyền sử cũng là lịch sử nhưng rộng hơn nhiều vì bao cả Dĩ vãng lẫn Tương lai, nên có tính cách siêu thời gian. Vì thế những trang Huyền sử là quý nhất trong cái Di sản thiêng liêng của một nước. Nhưng chính vì chỗ thiêng liêng, vì chỗ bao la phi thời gian đó, nên mông lung như ẩn như hiện, dễ bị con cháu để phai mờ mất ý thức.
Do vị trí nằm trong nền văn hoá Viễn Đông của Bách Việt, nên sử mệnh Việt Nam có thêm hai đặc điểm:

1.- Được phổ vào những chuyện thơ mộng, mà lại rất tinh khiết.

2 .- Được chắt lọc để kết tinh vào một nền Minh triết siêu tuyệt và rất gọn ghẽ để ghi lại cho con cháu vạn đại như bức di chúc Tinh thần.

Nhưng một điều không may đã xảy đến cho mọi Dân tộc là đã quên đi mất ý nghĩa của những trang sử mệnh đó, vì thế nhân loại đang bước đến bờ vực thẳm.

Vì thế chúng ta cần đọc trở lại, cung kính lần từng trang Huyền sử nói lên cái sứ mạng cao cả của dân tộc, hầu tìm ra chủ đạo dẫn đường cho dân nước trong giai đoạn nguy nan này . . .

" *(Kim Định: lời tựa của Dịch Kinh linh thể)*

Các Huyền thoại về thời Hùng vương được xem như phần Kinh Điển rất quý của Dân tộc Việt, triết gia Kim Định mệnh danh là Kinh Hùng khải triết.

II.- Giáo dục các em ở bậc tiểu học

(Kim Định : Hiến chương giáo dục)

1.- Bốn đợt của Suy luận

Ta đã biết 4 đợt suy luận của con người là:

a .- **Trí nhớ** (pensée mémoire) ở tuổi trẻ .
b.- **Óc suy tư** (pensée réfléchie) ờ tuổi trung học.
c.- **Óc tìm kiếm** (pensée inventive) ở Đại học .
d .- **Óc sáng tác** (pensée créatrice) ở hậu trường.

Đời sống trẻ con như mới thoát khỏi ra trạng thái đồng nhiên sơ khởi chưa kịp đi sâu vào thế giới hiện tượng chia rẽ phân ly, nên lòng đang ngập những gì thuộc đại đồng bao la.
Đây là tuổi thuận lợi nhất cho các em học những bài học về Tâm linh tức những cái gì không có phân định bờ cõi rõ rệt kiểu tóan, lý hoá, vạn vật.
Dạy những môn trên cho trẻ em là gây nguy hại, làm khô căn đời sống tâm linh của chúng sau này.
Phải dành thời gian đầy mơ mộng này cho những bài học cần ghi nhớ suốt đời, càng đi sâu vào đời càng cần trở lại những bài học lúc niên thiếu để suy gẫm.
Cho các em học hay kể cho các em nghe những chuyện thần tiên, nhất là những Huyền thoại làm cho các em phát triển óc tưởng tượng và mơ mộng và đồng thời cũng ghì sâu vào tâm khảm các em những tư tưởng nòng cốt về con người cuộc đời.

II.- Tại sao lại cho trẻ em học sách Thần tiên ?

Câu hỏi đặt ra là do óc duy Trí của thời đại. Nhiều khi không đặt ra minh nhiên, thì thái độ cũng là thế. **Nhiều giáo viên khi bó buộc phải kể một câu truyện tiên hay thần thoại cho trẻ thì bao giờ cũng dặn dò trước rằng không có như thế đâu, đấy chỉ là truyện vui. Sự cẩn thận này phát xuất từ thời đại duy lý tôn thờ khoa học, sợ các em sẽ mê tín dị đoan, tin theo những truyện ma quái vô bằng . Đó là một trong những cái cận thị của giai đoạn duy trí, duy trí đến nỗi lấy tâm trí người lớn bao trùm lên trẻ con, và lập chương trình cho trẻ con theo đà tiến của người lớn, làm hại rất nhiều cho chúng.**

Thế hệ này đâu đâu cũng thiếu trưởng (chef) thiếu những tâm hồn mạnh mẽ dám nhận lãnh trách nhiệm. . . , thì truy căn ra tại giáo dục duy Trí mà ra.

Con người trở nên lớn nhỏ là tại nó có tạo dựng nổi cái cơ sở Tinh thần hay chăng.

Sự tạo dựng này phần lớn do ba yếu tố:

1.- Hoàn cảnh
2.- Năng khiếu
3.- Nền giáo dục

Và thường xẩy ra trước 10 tuổi, chia ra hai giai đoạn:

a.- Giai đoạn **tiền giáo dục hay giáo dục gia đình**.
b.- Giai đoạn sau thường **từ 5 đến 10 tuổi**.

Đây là giai đoạn quan trọng nhất trong việc thành Nhơn, lớn nhỏ tuỳ theo khả năng biết sống trên bình diện hình ảnh, chính hình ảnh định hướng đời sống của mỗi người: nếu khả năng tạo hình và sống hình ảnh này kém quá thì con người trở nên yếu đuối, vật vờ.

Vậy muốn cho trẻ con có cơ hội phát triển khả năng tạo hình thì cần vun tưới óc tưởng tượng. **Óc tưởng tượng mạnh mẽ làm cho con người có nó trở nên vĩ nhân, trở nên nhà phát minh khoa học, sáng chế, văn hào . .**

. Vì tất cả đều là những người giàu óc tưởng tượng. Phương thế phát triển óc tưởng tượng là các truyện thần tiên, phiêu lưu vì trong đó nhân vật không bị trói buộc vào những điều kiện hạn cục của không thời gian, muốn bay lên mây hay lặn xuống biển đều được cả. Vừa ở bên Đông chỉ việc đằng vân là bay sang Tây mà không hề hấn gì. Khi bị nạn vẫn mãi mãi sống, và có đầy những phép thần thông, hô phong hoán vũ . . . Đó toàn là những nét của cõi tiên bồng biểu thị cõi u linh man mác, là quê hương của con người đại ngã.

Con Người bị đuổi ra khỏi quê hương Thần tiên đó là lúc sợi dây rốn bị cắt đứt không cho sống đồng hoá với Mẹ để một mình đi vào cõi hiện tượng hạn hẹp. Đó là một bước bị tống cổ ra khỏi cõi Thiên thai, nên nhiều trẻ bị mang thương tích trong thần kinh (traumatisme), vì thế thiên nhiên cũng phải chia quá trình phân hoá Con khỏi Mẹ thành nhiều chặng.

Chặng đầu là lúc **cắt rốn** (cordon ombilical) , chặng hai là lúc **trẻ không được bú nữa**.

Đấy là những bước đầy đau thương đưa trẻ con vào đường **xuất tiến** (evolution) ngược với đợt **phản hồi** (involution) sau này ở tuổi già trở lại **Tâm linh đại đồng.**

Đợt **xuất tiến** xẩy ra ở quảng từ 5 đến 10 tuổi khi trẻ con chưa đủ sức đi sâu vào thế giới Hiện tượng với những thực tế phụ phàng của nó, nên Tâm hồn các em cần được nuôi dưỡng bằng những truyện Thần tiên. Đó là lý do sâu xa tại sao các em thích nghe truyện Truyền kỳ.

Đối với nền **Nhân bản toàn vẹn** thì khiếu năng nào cũng được coi trọng và được chăm nom phát triển theo đà đi lên của tuổi.
Phải dùng :

Tiểu học cho trí nhớ và óc tưởng tượng,
Trung học cho sự suy luận, nhận xét,
Đại học cho sự sáng kiến phát minh.

Nếu phân chia như thế ta sẽ thấy chưa vội gì bắt trẻ đi vào thực tế quá sớm, chưa đến lúc đó. Với các em, truyện chưa cần đúng với thực tế, chỉ cần đầy phiêu lưu kỳ ảo. Sự thích thú của các em khi nghe truyện biểu lộ một nhu cầu thâm sâu là **nuôi dưỡng vun trồng óc tưởng tượng**.
Đấy là điều óc duy Trí không nhận ra, nên rút khỏi chương trình tất cả những truyện truyền kỳ, vội đem những chuyện quá thực tế lý sự nhét vào đầu óc của trẻ là làm hại chúng mất dịp sống sung mãn giai đoạn thần tiên cần thiết cho sự phát triển đều đặn, và nuôi dưỡng cơ sở Tinh thần.
Đem lý luận phân tích đặt trước sự học thuộc lòng và tưởng tượng là gây cảnh tan nát quay cuồng trong đầu óc trẻ con sau này.
Ngược lại cho học thuộc lòng, cho trẻ nghe chuyện thần tiên, rồi sau này đến trung học và đại học mới tập phân tích thì cơ sở tinh thần mạnh và óc phân tích được vun tưới đúng lúc.
Nền giáo dục hiện tại y cứ trọn vẹn trên hai cơ năng là Lý trí và Ý chí (volonté) , nên chỉ sản ra được những người lý trí què quặt, tâm tư vật vờ, thiếu hẳn trụ cột tâm linh.

Con người theo giáo dục lý trí chỉ là con người có óc suy luận nghĩa là mãi mãi vẫn khuôn mình vào trong vỏ Cá nhân ly cách, chứ không biết được chiều kích Vũ trụ bao la của con Người nguyên vẹn đã được phát triển hết mọi cơ năng tuỳ theo với lứa tuổi. Đấy là thiếu sót căn bản mà nền Giáo dục hiện đại phải sửa chữa.

Cần phải đưa vào sách học vở lòng một số truyện Thần tiên kỳ ảo. Đối với nước ta, đó sẽ là những truyện về đời Hùng vương, Âu Cơ, Loa thành, Sơn Tinh, Thuỷ tinh, Phù Đổng . . , làm thành một sách cho trẻ học .

Có thể đặt thành thơ rồi phổ nhạc cho ca vũ càng tốt.
Lúc kể truyện tuyệt nhiên không được nói là truyện tạo. Cứ kể một cách say sưa cho trẻ tham dự toàn vẹn vào câu truyện, giúp cho chúng nó nảy nở óc tưởng tượng. Sau này lớn lên cở 12, 13, tuổi lúc trẻ bắt đầu phát triển óc suy luận thực tế, thì chúng sẽ nhận ra điều đó chỉ là truyện ẩn dụ, huyền sử, không cần và cũng không nên giải thích sớm làm gì.

Mỗi giai đoạn giáo dục sẽ nhằm phát triển một vài tài năng: **Ở tuổi niên thiếu là óc tưởng tương và trí nhớ, chưa vội xác định là cột chặt tâm trí vào thực tế, điều đó có thể gây hại cho sự triển nở óc tưởng tượng. Cũng vì thế mà cũng không nên cho học toán quá sớm,** (đến lớp nhì lớp nhất hãy bắt đầu).

R.- TAM GIÁC NGỮ

(Kim Định : Chung quanh vấn đề Quốc học)

I.- Đại cương

" Nếu nhận chủ trương chữ Việt Nho thì bó buộc phải học chữ Nho, một việc có thể coi là phiền toái. Tuy nhiên, nếu xét bao trùm thì đấy là một sự may mắn, vì **chữ Nho đáp ứng cho ba nhu yếu nền tảng của con Người, mà ta có thể chỉ thị bằng ba tiếng: Thiên, Địa, Nhân.**

1.- Thiên

Chỉ nhu yếu con người thích bay bổng để nhìn bao quát, thường biểu lộ qua **óc tưởng tượng, sự ham thích những chuyện thần tiên, những gì mơ mộng, tự do phóng khoáng.**

2.- Địa

Chỉ nhu yếu thiết thực, cần phải xác định, róc đường viền, biên giới minh bạch như đếm đo cân lường, thường biểu lộ bằng óc toán, óc khoa học thực nghiệm, óc pháp độ đâu ra đó.

3.- Nhân

Chỉ Nhu yếu tổng hợp hay dàn hoà giữa hai nhu yếu trái ngược trên kia, và ta gọi là **Tình Lý tương tham,** trong đó " Tương tham " chính là nhu yếu tổng hợp này, và con người lý tưởng là con người tổng hợp đúng mức hai yếu tố trái ngược nhau như Tình và Lý, như hồn thơ với khoa học, như Thiên với Địa . . . Trong câu Tình Lý tương tham, thì :

Tình chỉ Thiên, Lý chỉ Địa, Tương Tham chỉ Người.

Đó là ba nhu yếu nền tảng của con người mà Tiên Nho đã hé nhìn thấy và nói lên trong câu : " **Nhân giả kỳ Thiên Địa chi đức ”** , Người là cái đức của Thiên và Địa , hoặc nói khác đi cái nhu yếu căn bản của con người là hoà hợp cả hai nhu yếu trái ngược: vừa muốn vươn lên mây như thi sĩ lãng mãn, vừa muốn thăm dò đo đếm tường tận sự vật như nhà khoa học . . .
Trong các triết gia hiện đại có **Whitehead** đã nhìn thấy ba nhu yếu đó và ông gọi là : **Romance, Précision, Généralisation**, và đưa ra làm ba nhịp chính cho nền giáo dục mà ông đề nghị:

II.- Ba Nhu yếu của Tam Tài

1.-Romance

Có thể dịch cách rộng là lãng mãn tính, ưa mở rộng, đi với lối biết tổng quan, cần nhiều yếu tố mới lạ, mà chưa cần đi tới những tiềm năng của mỗi sự kiện. Ta có thể có thể gọi là giai đoạn " **Hưng ư Thi ”** , hay là thời phát triển trí nhớ và óc tưởng tượng.

2.-Précision

Là giai đoạn khởi đầu phân tích, xác định và cố biểu lộ bằng những công thức cách cặn kẽ kiểu khoa học, có thể ví với " **Lập ư Lễ ”.**

3.- Généralisation

Là giai đoạn kiểm điểm lại những tri thức thâu lượm ở giai đoạn I, cộng thêm những chi tiết đã phân tích ở giai đoạn II để khám phá ra mối liên hệ chung, những luật tắc ràng buộc các vật, các sự kiện lẻ tẻ. Đó là việc giai đoạn III.
Trở lên có thể coi là giai đoạn đi được với ba nấc : **Tiểu và Trung, Đại học,** với ba quan năng được chú ý đặc biệt để phát triển:

1.- **Hợp với tuổi là trí nhớ và óc tưởng tượng ở Tiểu học.**
2.- Lý trí suy luận phân tích ở Trung học.
3.-Và phát minh sáng chế ở Đại học.

Chỉ cần nhấn mạnh đây là những nét lớn với ba cõi nhập nhằng sồi sụt, nhất là với cá nhân đặc biệt vượt xa khỏi luật chung đó. Tuy nhiên đấy là luật chung có thể hướng dẫn chúng ta và cần phải dùng mọi phương thế để phát triển cả ba nhu yếu đó.

S.- TAM GIÁC NGỮ CỦA MỸ

(Anh, Pháp, La Tinh)

Trong các phương thế bén nhạy phải kể tới tiếng Nói. Vì thế một nền Quốc học hoàn bị **ngoài việc theo ba nhịp của giáo dục, thì cũng nên có ba loại ngôn ngữ ám hợp với ba nhu yếu kia.**
Ông Whitehead đã đề nghị cho nước Mỹ một tam giác ngữ gồm: **Anh, Pháp và La tinh**.
Trong đó hai tiếng Anh Pháp biểu lộ tâm trạng đời mới, còn tiếng La tinh là để móc nối ngược lên đến nguồn gốc văn minh Địa Trung hải:
" In English , French And Latin, we posses a triangle, such that one pair of vertices English and French exhibits a pair of diverse expressions of two chief types of modern mentality, and the relation of these vertices to the third exhibit alternative posseses of derivation from Mediteranean cililisation of the past (The aim of education , page 67) .

Tiếng Anh là Thông Ngữ đáp ứng nhu cầu tổng hợp hay là Nhân, Pháp là Sinh Ngữ biểu thị Thiên, La tinh Tử ngữ biểu thị Địa.

Ông cho rằng là tiếng thiết yếu phổ biến không thể dùng nó để khóc, còn cười thì chưa chắc: It can not laugh, it can hardly cry. Bấy giờ cần một tiếng chỉ Thiên, lẽ ra là tiếng Hy lạp chơi vai trò đó (The languages of Heaven will be Chinese, Greek, French, German). Vì ngôn ngữ đại diện cho Thiên phải biểu lộ được những nét phổ biến như Nho, Hy Lạp, Pháp, Đức . . . , như vậy lẽ ra phải học tiếng **Hy Lạp,** nhưng nếu học Hy Lạp thì hoá ra hai Tử ngữ.Vậy đã học La tinh thì phải bỏ Hy Lạp và thay vào bằng tiếng Pháp để có một Sinh Ngữ mới đủ sức làm cho Tam giác ngữ sống động. Nhìn xem tam giác ngữ trên, ta thấy sự nông cạn, vì bỏ mất tiếng Hy Lạp, còn sâu hơn tiếng La tinh nhiều. Thế nhưng hoàn cảnh không cho phép làm khác được.

T.- TAM GIÁC NGỮ CỦA VIỆT NAM

I.- CHỮ NHO

Về nước ta, thì không gặp khó khăn với hai Tử Ngữ trên đây, nên không gì ngăn cản chúng ta **đưa chữ <u>Nho vào chương trình để thoả mãn nhu yếu Thiên</u>**: tức là lòng ưa gì thâm sâu phổ biến, tức cũng là những đức tính Minh triết, và về điểm này không một ai dám tranh thủ với chữ Nho, ngay như ông Whitehead dù không biết đến chữ Nho cũng phải kể đến chữ Nho trước hết trong bảng các tiếng chỉ Thiên, sau đó mới đến Greek, French, German. . . (Aim of education , page 68). Sở dĩ như vậy vì **chữ Nho là thứ chữ tổng hợp hơn hết trên thế giới này nhờ lối viết tượng Hình của nó, nên vượt xa các chữ Nêm của cổ Egypt, vì cũng còn có chữ Nho là duy nhất xứng danh là Linh Tự.**

Bởi thế, với tam giác chữ: **Nho, Việt, Anh (hay Pháp)** nền Quốc học của chúng ta sẽ đứng vào hạng nhất trên thế giới để khỏi nói nhất trong việc đáp ứng ba nhu yếu thâm sâu của con Người. Chính vì thế ta mới hiểu được sức lôi cuốn kỳ lạ của chữ Nho trên cả những học giả Tây phương. Hễ ai đã học chữ Nho sâu đều công nhận sức thôi miên ma thuật của nó. Nếu có chữ nào trên thế giới so sánh được với chữ Nho phần nào chăng thì chỉ là chữ Tàu, nhưng Thông Tự của sự học lại khó quá và khả năng diễn tả những phân tích xác thiết lại kém Quốc ngữ của ta. Vì thế mà phải đưa **Nho làm gốc cho Thiên** trong Tam giác ngữ của nền Quốc học ta, chỉ phiền là khó nhớ, nhưng nếu được học từ nhỏ, thì không thành vấn đề. Khó nhớ là đối với người lớn khi đã hết giai đoạn trí nhớ mà thôi. Còn **Anh Văn thì cho Địa và Việt ngữ cho Nhân**.

1.- Kinh Điển Chữ Nho

" Bây giờ mà còn nói đến việc học chữ Nho, có nhiều người cho là chuyện điên rồ, vì lối học tầm chương trích cú cùng với việc chú sớ của Hán Nho đã làm cho nhiều người nhất là Tân học có ý nghĩ Nho giáo được gắn liền với quê mùa và lạc hậu. Thứ đến ta nói đến đây là Nho giáo hay Nguyên Nho, khác với Hán Nho thứ mà đã làm cho nước ta bị chia lìa với gốc Tổ.

" Nho giáo vốn gắn liền với Văn hoá nước nhà, cho nên bỏ Nho là toàn bộ lâu đài Văn hoá Việt Nam sẽ sụp đổ. Lúc đó có vun tưới Việt văn đến đâu cũng chỉ là trò chơi vụn.

Thế nên không thể không nói tới mối liên hệ giữa Nho và Việt. Hãy khởi đầu ngay ở **từ ngữ**. Chỉ cần phân tích sơ qua đã thấy được liền điều đó. Hầu như không mấy câu nói mà không có chữ Nho nằm trong, cho nên ngay ở Văn chương, nếu không có Nho thì đã thiếu đi một phần rất quan trọng rồi. Đó là phần **Ngữ căn**, tức là phần sâu sắc nhất, nền tảng hơn hết. Ta có thể thấy điều đó trong việc đặt danh hiệu, là phần tối hệ trọng, mà phần lớn là chữ Nho. Nội việc đó đã chứng tỏ mối liên hệ mật thiết giữa chữ Nho và nước ta.

Lý do thâm sâu là vì mối liên hệ đó nằm mãi ở phần Đạo lý, thì phải đào sâu tới đợt Cơ cấu uyên nguyên, lúc ấy sẽ thấy Nho giáo với Ta là một, từ tên các địa danh, tới vật Tổ, vật Biểu không đâu thoát ra ngoài cơ cấu Âm Dương, Tam Tài, Ngũ Hành . . .

Tên nước là Xích Quỷ, Văn Lang, Giao Chỉ, toàn là đi đôi.
Vật tổ là Tiên Rồng cũng lại lưỡng nghi.
Vật biểu là điểu long, sông núi,
Địa danh là Thăng Long, Hoành Sơn, Hà nội, Hà Nam, Cửu Long . . . đều biểu lỗ **cơ cấu lưỡng diễn của Nho giáo** .

Đến nỗi có một số người cố tình chối bỏ Nho, rồi dùng vài ba yếu tố khác dựng nên một " chủ thuyết Việt Nam " thì chắc chắn là nông cạn, mà cũng không sao thoát khỏi được Cơ cấu của Việt Nho.

Sở dĩ có chuyện mỉa mai như vậy là vì **ngay từ ngày lập quốc Tổ tiên ta đã nhận Nho giáo làm Văn hoá của giống nòi.**

Tôi (triết gia Kim Định) rất **ghét hai chữ Khổng Mạnh dùng thay cho đạo Nho**, ghép thế là gieo hoả mù vào nguồn gốc Nho giáo, có hại cho Văn hoá nước nhà. Ngay việc Khổng Tử sáng lập ra Nho giáo cũng đã là điều sai lầm rồi, vì không một yếu tố văn bản nào nơi Không Tử không tìm thấy nơi những người trước (Creel 346) . Muốn nói thật chính xác, thì mấy hằng số của Nho giáo đều phát xuất từ Viêm Việt, chỉ xin kể hai thí dụ: một là **Lễ Gia Tiên**, hai là **Lưỡng Nhất tính.**

Lễ Gia Tiên là đợt phát triển cao độ nhất của nền Nhân chủ tính (do đó có Tự do, Bình đẳng . . .) thì phát xuất do tục thờ cúng Tổ tiên. Thế mà tục này đích thị của Viêm Việt.
Còn **Lưỡng nhất tính** trong Văn hoá là nét quý nhất hiện nay (vì cần thiết cho nền Văn hoá nhân loại) thì phát xuất từ Trống Quân. Mà Trống Quân cũng là của Viêm Việt, cùng lắm là có chung với Tàu. Vì ta thấy các **bà mẹ nhà Thương, nhà Chu** đều sinh con theo lối " dã hợp " của Viêm Việt cả . **Bà Hoa Lư** cũng như **bà Thái Khương** có mang, nhân khi đạp vào vết chân người to lớn, **bà Giản Địch**, Tổ nhà Thương thì nhằm lúc nuốt trứng chim . . . Vậy thì, một là tục kia có bên Tàu ngay tự đầu, nếu thế là của chung, hai nữa là các bà đó đi theo chiều hướng Viêm Việt, thì đã chịu ảnh hưởng Văn hoá phương Nam.
Lối giải nghĩa này có lý hơn, vì về sau Hán tộc chống đối lối dã hợp . Ngược lại Viêm Việt thì cố duy trì, cho mãi đến nay nhiều nhóm còn giữ. Còn Hán tộc tuy chống đối ở gốc rễ của chất gia, nhưng phần tinh hoa của Văn gia thì vẫn bảo trì như Âm Dương, Tam Tài, Ngũ Hành . . . đều phát xuất từ Lễ **Hội Mùa Xuân.**
Nẻo nào thì ta cũng thấy Nho giáo với Văn hoá Việt Nam cùng có chung những nền móng căn để mà tôi gọi là Hằng số, là Tố Nguyên. Khác chăng là ở Nho giáo thì những hằng số đã được thăng hoa, được tế vi hoá và được tổ hợp thành hệ thống khác. Vì thế khi đã nghiên cứu đến tận nguồn ngọn thì sẽ nhận ra Nho giáo là báu vật trên hết của tiền nhân giối lại, muốn làm người Việt Nam trung thực, cách sâu xa, thì không thể bỏ Nho.

Hơn thế nữa, **trong hiện tình Văn hoá nhân loại, chưa có một nền Văn hoá nào đạt được một Cơ cấu vừa sâu xa vừa đầy đủ tính uyển chuyển linh động cho bằng đến nỗi tới nay vẫn đủ khả năng đáp ứng được những nhu cầu thời đại . "**

(Kim Định: Tinh hoa ngũ điển : Vấn đề học Nho)

Như vậy học chữ Nho là để nối lại với Nguồn gốc, với Mạch sống của cha ông, lại nữa chữ Nho (Nguyên Nho hay Việt Nho) cũng có phần đóng góp không nhỏ của Tổ tiên Việt. Quan trọng hơn nữa, chữ Nho la một Linh tự, Linh ngữ, giúp ta đi vào cõi Tâm linh, là miền mà nay cả nhân loại đang còn tìm cách đi vào để cho đời sống được quân bình.

Học Nho cũng có năm bảy đường . Nếu học Nho theo kiểu " **Tầm chương trích cú** " thì sẽ không nhìn ra được Cơ cấu, tức là phần Tinh hoa nhất, vì đã để cho những chú sớ bác học trùm lấp mất cái Nền tảng. Hoặc học Nho mà đọc các sách cổ điển như những sách ngày nay, nghĩa là chạy ruổi thì sẽ không thấy gì, vì các sách này đã đi vào giai đoạn minh giải rất rộng rất dài, đọc không cần suy, nên đọc nhiều mà hoá ít, và đọc xong là hết ngay không có hậu.

Ngược lại **kinh điển Nho giáo lại quan trọng nhất ở phần hậu, phần tác động chậm, thấm lần vào Tiềm thức**. Chứ như phần trình bày, lại rất đơn giản đến độ mộc mạc. Tuy nhiên không mấy ai (nhất là trong thời đại hiện nay) nhận ra được đó là thứ mộc mạc của Uyên nguyên, phác thực, nên rất dễ gây ảnh hưởng sâu đậm, vì bao giờ cũng giàu chất sáng tạo.

Và đó là lý do tại sao Kinh điển có một uy tín lâu dài được rất nhiều người tin theo như Kinh Thánh, nên nó vươn lên vòm trời Văn hoá, oai nghi như mặt trời, lấn át mọi tia sáng của các vì sao khác.
Vì thế mỗi câu của nó có sức nặng ngàn cân, vượt xa bất cứ quyển sách nào đời nay, dầu có hay đến đâu cũng chỉ được chú ý một thời, giữa bao nhiêu sách khác.

Ngược lại Kinh điển đã trải qua hơn hai ngàn năm được tôn thờ và tùng phục cách tôn kính, nên đã để lại ấn tích sâu đậm trong Tiềm thức dân tộc.

Chính vì thế mà Kinh điển vẫn phải được coi trọng hơn bất cứ sách nào khác. Sự coi trọng đó sẽ được thể hiện bằng cách đưa vào chương trình học từ thuở Thơ ấu để được nó in sâu vào Tiềm thức, cũng như được bao trùm bằng quầng sáng bình minh mát dịu, làm bằng hồn nhiên tươi đẹp của tuổi thơ ngây. Điều này sẽ được bù lại phần nào sự ồn ào tràn ngập sách vở ngày nay.

Sau đó là cần phải tiếp nối **việc học theo cách Việt Nho**, thì mới mong làm cho sự học Kinh điển trở nên ích lợi, và gây được hứng thú ngay cho tâm trạng thời đại.Vì vậy nếu ở bậc Tiểu học chỉ cần học thuộc lòng thì đến bậc Trung học lại phải giải nghĩa, theo chiều hướng Việt Nho, có thể quy ra ba yếu tố:

a.- Tìm về nguồn gốc Việt Nho khác với Hán Nho, để trích lọc tinh hoa.
b.- Rồi đối chiếu với trào lưu tư tưởng thế giới.
c.- Sau đó đi sâu vào Cơ cấu, tức là phần uyên nguyên Minh triết, Triết lý để rút ra những kết luận hợp với cảm quan thời đại.

Yếu tố thứ nhất nhằm giúp chúng ta nhớ lại phần đóng góp Tổ tiên xa xưa của Việt tộc, và nhất là giúp **nhận diện được bản chất Nho giáo**. Tiền nhân ta thiếu phần này, nên ký tụng nhiều điều mâu thuẩn mà không hay biết, do đấy thiếu một ý thức rõ rệt, được luận giải minh nhiên về Nho, nên không đủ mạnh để đương đầu với sức tấn công của các tư trào ngoại lai, được minh – nhiên – hoá một cách có hệ thống.

Yếu tố thứ hai chính là **bầu khí của thời đại này**, một thời đại gặp gỡ, đối thoại giao thoa trên hết mọi lãnh vực, kể cả Văn hoá mà có thể nói nhất là Văn hoá . Sự đối chiếu vừa làm cho chúng ta nhận được cách sâu xa những giá trị cần phát huy, cũng như những nhược điểm lỗi thời cần phải bỏ, giúp sự học trở nên ích lợi cho đời sống.

Yếu tố thứ ba là nhận ra **tính chất phổ quát của nền Văn hoá nước nhà**.
Lúc ấy chúng ta sẽ nhận được một điều an ủi lạ lùng, là Việt Nho không những giúp ta làm con người muôn thuở " vi Nhân ". Nói cách khác,
<u>Việt Nho chính là Đạo làm Người, thích hợp cho muôn nơi và muôn thuở</u>.

Phần trích dưới đây là những tư tưởng Chủ đạo của Tổ tiên Việt, để cho các em học ghi sâu vào lòng, đó là những mốc tư tưởng, tuy có nhiều câu các em chưa thể hiểu rõ được, nhưng sự học hỏi liên tiếp về sau sẽ ngày càng một sáng rõ hơn. Những câu chưa có thể giảng cho các em rõ được, thì chỉ nói khi các em học thêm sẽ hiểu lần.

Thiết tưởng ta cần nói thêm một ít nữa về chữ Nho để chúng ta xác tín rằng học chữ Nho là cần thiết và rất có ích cho công việc thành Thân và nhất là thành Nhân.

2.- Tính chất đa năng đa hiệu của chữ Nho

a.- Cấu tạo tượng ý

Ta cần biết chữ Nho có những đặc điểm nào mà trên thế giới này không đâu có cả ? Thưa là vì **chữ Tượng ý.**

Ví dụ: **Chữ Nhân** gồm bên trái chữ Nhân đứng (người), bên phải chữ nhị có hai nét ngang, nét trên chỉ Trời, nét dưới chỉ Đất. (仁 = 人 + 二)

Ý đầu tiên là **con người là một Nhân chủ được đứng ngang hàng cùng Trời Đất trong công việc sáng tạo** (thuyết Tam tài), hai nữa **chữ Nhân viết ở bên trái**, đó là đạc tính chuộng bên trái của việt tộc (tứ Di Tả nhậm). Đó cũng là đặc điểm của Viêm Việt, thế mà nét đó là nền tảng, nên Việt Hoa đều có một đất đứng chung rất quan trọng. Chính chữ tượng ý đem lại cho Văn minh Việt Hoa đức tính bền vững nhất trong nhân loại như sẽ bàn dưới.

Có được chữ Tượng ý là nhờ tiếng độc âm. Điểm này giúp cho chữ Tượng ý đạt mọi cái hay của chữ là **bất biến**, **khách quan, gọn và phổ biến.** Đó là những đức tính gắn liền với nhau, thiếu một là thiếu cả: Ví dụ:

Thiếu Bất biến thì rồi cũng thiếu Phổ -biến -tính, mà thiếu Phổ - biến - tính là một sự khiếm khuyết trầm trọng về Minh triết và Triết lý.

Vậy mà **các tiếng trên thế giới đều <u>Tượng thanh</u>, mà thanh là yếu tố biến đổi rất nhiều cả trong thời gian** (cứ trong vòng ba bốn thế kỷ là biến đổi) **lẫn không gian** : cùng là tiếng Anh, mà Mỹ nói khác giọng Anh. Sự biến đổi âm kéo theo biến đổi chữ viết, càng ngày giọng đọc càng xa chữ viết nên càng trở thành vô ích.

Đang khi trẻ em Trung Hoa không mất thì giờ hơn để nhận mặt chữ, bắt phải đặt nặng việc ám tả, mất ba bốn năm mà viết chưa xuôi mà không được ơn ích khác như đọc các cổ thư. Và cứ thế ít thế kỷ phải đổi chữ viết để theo kịp đà biến đổi của âm thanh (évolution phonétique). Càng đổi nhiều càng thêm rắc rối rồi dễ lẫn lộn, nên càng phải thêm xác định bằng giống số, số của danh từ, ngôi vị của động từ . . . Những cái vô ích đó ông Margoulies kể ra như sau:

A1.- **Rậm lời** hơn chữ Việt Hoa ba bốn lần, vì Việt Hoa không phải chú ý về cú pháp, nên chú tâm vào việc làm giàu từ, nên từ giàu gấp năm.

Thí dụ nói vác thì Pháp nói mang trên vai, còn gánh thì lại nói mang trên vai bằng một đoạn tre hai đầu có treo thúng.

A2.- Cùng với **lối ấn loát gọn**, một quyển sách Tàu nhỏ hơn được 10 lần, nên một sách Tàu lớn thì bằng cả một tủ sách Tây.

A3.- Sự đọc của người trí thức trung bình Tây phương ít hơn nhiều và nhất là xoay quanh toàn tác giả mới, bỏ mất quá nhiều những tác giả sâu xa hơn .

Điều trầm trọng hơn cả cho các tiếng kiểu Tây là nay không còn văn tự (langue écrite) nên còn gì liên kết với xưa nữa, thành ra sự tan rã càng đi mạnh.

Ở Trung cổ có văn tự La tinh tuy không tượng ý, nhưng còn là chữ trừu tượng giữ cho mắt, nay La tinh mất thì không cón lối giải quyết (xem Margoulies p . 254), về vấn đề thế giới ngữ gặp quá nhiều khó khăn. Nhưng sự bất lợi không chỉ có thế, mà còn trầm trọng hơn nhiều, đó là dẫn đến sự thất bại của Triết học.

Theo ông Margoulies đó là do ngôn ngữ văn tự bị chi phối hay điều kiện hoá , nên mất hẳn Phổ - biến – tính. Thí dụ cũng là từ tôi (I) nhưng tiếng Mỹ phải mặc một hình thức nhất định, nếu là chủ từ thì I , nếu là túc từ thì Me, nếu là số nhiều thì We, Us . . . , chữ nào cũng bị đặc thù hoá, nghĩa là mất tình chất Bất dịch và Phổ biến.

Trái lại **chữ Nho vì là tượng ý**, nên Tàu, Nhật, Việt đọc khác nhau mà hiểu như nhau y như đối với thế giới viết số 5 ai cũng hiểu, mặc dầu có trăm ngàn lối đọc . Vậy **<u>tất cả chữ Nho là Tượng ý cả, đang khi</u> <u>Tây Âu chỉ có được 10 con số là tượng ý,</u>** ngoại giả toàn là Tượng thanh nên đều bị điều kiện hoá, và thế là vô tình dẫn đến việc suy tưởng hỏng, bởi suy tư chân

thực thì phải đạt được cái gì phổ biến. Đã có nhiều người nhận ra, đã cố công phát triển mạnh toán học, vì toán suy luận bằng những ký hiệu không bị tư riêng hóa, bao giờ 3 cũng là 3, nên sẽ giúp đạt Phổ - biến – tính, là cái không thể tìm được trong ngôn ngữ, nhưng vì Toán học không liên hệ được với cụ thể nên không giúp Triết đạt được mục tiêu . . .

Ngược lại vì chữ Nho Tượng ý không hề có thay đổi do cú pháp hay âm thanh, nên đã trở thành thứ Văn tự (langue écrite) với danh từ bất biến và Cú pháp cực đơn giản, vì căn cứ trên ngữ vị và một số nhỏ Hư tự để xác định cú pháp : tất cả đều bất biến nên cũng chở theo những nguyên lý phổ biến thực sự như Âm Dương, Tam tài, Ngũ hành . . .

Chúng ta cần đào sâu thêm để tìm hiểu tại sao chữ Tượng ý lại có khả năng như vậy ? Trong khi tìm chúng ta sẽ nhận thấy có hai tầng ý mà phải đặt tầng ý sâu mới bền vững, còn ý tầng ngoài như Toán học cũng như dùng Ký hiệu tượng ý, nhưng chỉ gây nên được sự đồng nhất Toán học thuộc lý trí không đủ sức gây nên thống nhất Tâm tình. Vì con người phức tạp, cần phải có ý sâu đầy tính chất phổ biến. Thế mà để nói cụ thể thì Phổ - biến – tính chính là hợp hết với mọi người trong mọi không thời gian.
Để được như vậy phải là một thứ ý căn cứ trên " **con Người toàn diện** ". Điều đó có nhiều nhất nơi Việt Nho Việt Nho, **nền triết xây trên Nhân chủ tính nên phụng sự con người, hết mọi người.** Vì nó đã tạo được những thành tích mà không một nền Văn hoá nào làm nổi, tức về văn hoá thì **Thống nhất chữ viết,** về đàng xã hội thì là Kinh tế bình sản, Khai trí bình đẳng . . .

Ngoài ra còn nhiều cái lợi khác, trước hết là nó **liên hệ với Hoạ**, nên viết cũng là vẽ, nhưng vì vẽ ý, nên lại liên hệ với thuyết giảng, tuy không đánh mạnh vào tai, nhưng lại dai dẳng thuyết phục bằng nằm dài lại đó trên tường, trên cột, trên bình sứ . . .
Cũng như **liên hệ với Nhạc**,vì là **chữ đa thinh,** nên bài thơ viết trên tranh cũng chơi vai trò như bản nhạc, một thứ tĩnh nhạc.

Chính vì tính chất đa năng trên, nên chữ Nho toả ra một sức chinh phục huyền bí như có ma lực, ví nó tham dự vào cả Hội hoạ, cả Biện thuyết cả Âm nhạc và nhất là Triết lý, nên rất xứng là Linh tự, Linh ngữ, với nghĩa chư Linh là phổ biến, là tác động với toàn thể các cơ năng.
Điều này còn được biểu lộ ngay trong lối viết đặc biệt của chữ Nho bao gồm cả ngang dọc, tả hữu.
Trong nhân loại chỉ có lối viết hàng ngang hầu hết từ Tả qua Hữu, hoặc tự hữu qua tả như Séurite.
Riêng có Nho thì kiêm cả hai: từng chữ thì từ Tả qua Hữu, từng dòng thì từ Hữu qua Tả. Nếu nói Việt tộc có phần đóng góp nào vào đây thì rõ rệt là lối: " Tả nhậm " này.

Người Tàu cũng quý trọng bên Chiêu (Tả) lắm, nhưng là thâu hoá về sau kiểu mái nhà cong, chứ còn ban đầu đời Thương, Chu, Tần đều thờ bên Mục (Hữu). Nhưng dầu vấn đề nguồn gốc có sao đi nữa, thì Tả nhậm vẫn được kể là nét đặc thù của Viêm Việt. Và nếu viết tự Hữu sang Tả nếu không là con dấu của Lạc Việt thí ít nhất cũng là con dấu của của Liên bang Việt Nho. **Vì thế, nói Nho là của riêng Tàu đúng có ngoài mặt, còn sai bề trong, mà cái trong lại mạnh kiểu ngấm ngầm, nên gây ảnh hưởng vào lối viết từng chữ không còn hẳn là hàng ngang và từ Tả qua Hữu, nhưng toàn diện (en surface) theo lối nhận xét của ông**

<u>Margoulies. Và như thế nói lên rõ rệt phần đóng góp của Viêm Việt vào sự thành lập chữ Nho.</u>" *(Nguồn gốc văn hoá Việt Nam : Kim Định)*

b.- Khả năng Diễn tả và tính chất Hài hước

(Cảm nghĩ về chữ Nho của Bá tước Keyserling)

" Chữ Tượng ý đẹp tạo cho người học óc thẩm mỹ, dù người đó không để ý đến, vì người viết chữ xấu bị xem như ít học. Thứ đến cần phân biệt những nét chấm nét phẩy nhỏ tí luyện cho mắt cái nhìn được sâu sắc. Hậu quả của lối chữ Tượng ý này là luyện tập cho người Tàu có được cảm quan về hình thái cực kỳ phát triển, khiến họ không thể sản xuất cái gì xấu. Tôi còn thán phục trình độ trí thức của họ.

Vì với chữ Nho người ta chỉ nói bằng Biểu tượng, nên không thể đọc mà không suy nghĩ, nhờ đó họ có tài điều hợp.

Thứ đến là **chữ Tượng ý nói lên được nhiều tư tưởng hơn hẳn chữ Tượng thanh.** Chỉ có những người không hề nghĩ ra được một tư tưởng thâm sâu mới cả gan cho rằng có thể nói ra hết những điều mình nghĩ. Vì đó là một phép lạ không một ngôn ngữ nào có thể làm được hết, bởi mỗi ngôn ngữ hơn thế nữa mỗi thời đại đều có những giới hạn của mình mà không một thiên tài nào vượt qua nổi, cũng không mong gì sáng tạo được một ngôn ngữ có khả năng đó, vì hướng tiến hoá là đi tới minh – nhiên –hoá tức là đi đến sự nghèo –nàn –hoá ngôn ngữ.

Tiếng Pháp không thể nói lên được nhiều bằng tiếng Đức, tiếng Anh hiện nay nói lên được ít hơn tiếng Anh thời đại Elisabeth. Đây là mới xét về những cái có thể giải nghĩa, huống hồ những cái vượt mọi khả năng bày tỏ nhưng lại rất thật, như những thực thể thuộc Siêu hình, Tôn giáo. Những cái đó không thể bày tỏ trong ngôn ngữ ta, nhưng có thể với chữ Nho: chỉ cần đặt biểu tượng này bên biểu tượng kia là chúng bao trùm và định tính được cái vô biên, y như một góc mở định tính được không gian vô tế vậy.

Người có học xem những chữ ấy biết được ngay người ta định nói gì, mà nếu chưa biết trước, thì sẽ được học biết nhiều hơn so với sự giải nghĩa dài giòng.

Thí dụ **Toàn thể Nho giáo có thể biểu thị trong 3 chữ:**

<u>Chí Trung Hoà</u>.

Chí biểu thị sự Tập trung
Trung biểu thị Trung điểm (Nội).
Hoà nói lên sự Hoà hợp với bên ngoài (Ngoại)

Chỉ ba chữ đó không những nói lên hết những gì đã viết trong Tứ Thư, mà còn cả những điều hàm ngụ trong đó, mà chính ngay Khổng Tử cũng không biết.

À ! Nếu mà tôi viết được chữ Nho, tôi sẽ vui lòng hy sinh mọi lối phát biểu khác . Vì khi mọi lời nói đã vắng lặng rồi thì những tâm hồn tĩnh mịch vẫn nhìn được chân lý trước mắt qua chữ Nho. Đành rằng đó không phải là lối phát biểu khách quan, mà chỉ là gợi ý, nên người đọc phải có cảm tình y như đối với lối nói bóng gió, vì thế có những bất tiện trong nhiều trường hợp cần xác định chẳng hạn về áp phe, về khoa học hay cả Triết học nữa.

Về phương diện này những Thi sĩ hay Văn hào muốn nói kiểu gợi ý thua xa những tác giả ưa nói kiểu minh nhiên: chẳng hạn như Mallarmé kém Beaudelaire. Thế nhưng đem lời trách móc bóng gió kiểu đàn bà và Mallarmé mà gán cho chữ Nho là lầm,vì nó là phương tiện biểu lộ khác

hẳn với ngôn ngữ và văn tự của ta nên so với những công thức toán thì hơn, và phải **là người ngây thơ lắm mới dám chê Toán không thể định nghiã được thực thể mà nó chỉ nói lên luật tắc, vì thực ra nó bao hàm nhiều hơn cũng như xác thực hơn bất cứ ngôn ngữ nào.** Vậy mà đó cũng là tính chất của chữ Nho, nên về phương diện chữ Nho không kém mà còn hơn hẳn chữ Tây, chính vì nó giống Toán học ở khả năng biểu lộ trực tiếp những liên hệ mà không một ngôn ngữ nào đạt nổi.

Vì thế mà **mọi tư tưởng của Hiền triết đều có vẻ nghịch lý. Cái đó là điều dĩ nhiên, vì bất cừ chân lý nào cũng bắt buộc phải mang vẻ nghịch lý đối với người không biết, nhất là những chân lý sâu xa thì chỉ nổi bật lên được khi đặt bên cạnh một nghịch điểm. Nhưng tính chất nghịch lý trong Nho giáo đặc biệt ở chỗ mang sắc thái Hí hước; tôi chưa thấy châm ngôn nào của Nho mà không làm tôi cười thoả thích khi trong mình mạnh khỏe, nếu phải tìm ra nguyên uỷ của sự việc thì vì tôi đã tìm thấy trong những châm ngôn đó hương vị của cuộc sống mạnh mẽ hoà hợp với vũ trụ. Hí hước là một cái gì rất sâu xa. Và chỉ có những người có thiện tâm thanh thản, có khả năng cảm nghiệm sâu xa đến độ có thể biểu lộ ra một sự đối nghịch, mới có được hí hước.** L'humuor est chose profonde: a de l'humuor celui qui sait exprimer un con traste profondément senti du point de vue d'un esprit bienveillant et serein . (1)

(1) : Câu này vì tác giả nói một cách ngoắt nghéo nên có phần khó hiểu, và nay căn tính của Hí hước cũng còn có nhiều người chưa biết, như đã được chứng tỏ trong việc phiên âm chữ l'**humuor** của Anh thành u mặc. Tiếng Pháp thì mượn luôn cả mà không dám dịch, vì không tìm ra từ nào ám hợp mà nói lên tính chất của hí hước .

Có Hí hước khi nào nhìn thấy sự trái ngược trong một sự vụ nhưng lại đủ lòng khoan hoà để chấp nhận sự vụ, mà còn biểu lộ được sự trái khoáy cách khoan hoà, nghĩa là không làm thiệt đến ai " Thiện hí hước hề. Bất vi ngược hề ." là vậy.

Nói không để châm chọc ai như kiểu châm biếm, mà chỉ để chơi (hí) và cười đùa (hước). Vậy cũng có thể dịch là hài hước.

Như vậy ta thấy **<u>muốn hí hước phải cần đến hai đức tính là lòng khoan hoà và sự hiểu sâu</u>**. Có thể nói cả hai là một, vì khi hiểu thục sâu thì nhận ra chõ hội thông của những câu trái ngược, nên chấp nhận cách an nhiên. Bá tước Keyserling nhận xét rằng Nho giáo sản xuất ra nhiều tay hí hước hơn hết các nền văn hoá , mà cao viễn đến độ có thể hí hước cách lạnh lùng kiểu như Bồ Tùng Linh (Journal C.P. 59) .

Tôi cho rằng nhận xét của keyserling rất đúng và thêm rằng sở dĩ được như vậy là vì **<u>Nho giáo đã tạo đủ điều kiện thuận lợi: trước hết đối nghịch thì không đâu phổ quát bằng Âm Dương, còn về sâu xa để có thể cùng chấp nhận thì cũng không thể hơn nguyên lý "Âm trung hữu Dương căn ", tài năng cá nhân thì đâu cũng có, nhưng tạo điều kiện thuận lợi cho hí hước nẩy nở trọn vẹn thì quả không đâu bằng Nho vậy . . . .</u>**

(Kim Định: Tinh hoa ngũ điển)

c.- Nho giáo gắn liền với đời sống dân tộc Việt

(Lối chân minh triết: Tinh hoa ngũ điển. Kim Định)

Bà mẹ Việt Nam quả là hình bóng của nền Minh triết Lạc Việt; người không đi trên những đại lộ huy hoàng xán lạn, nhưng âm thầm lặng lẽ hoặc bước trên những lối mòn, những ngỏ ngách quê hương tầm thường, xem ra chẳng mấy quan trọng.

Cũng như thế nền Minh triết Việt Nho luôn đặt trên các nẻo đường mòn của Dân tộc, thoạt xem tưởng không có gỉ sâu sắc, có cũng được mà không cũng chẳng sao. Vì thế từ

lúc tiếp xúc với nền Văn minh xán lạn Thái Tây, nhiều người Á Đông đã giả từ những nẻo đường xưa cũ để tiến bước theo lối ngoại nhân. Nhưng rồi từ đó hết theo bên này lại ngả sang bên kia với muôn vàn đổ vỡ, khiến phải dần dần hồi tâm mà nhìn lại . . .

Để rồi mới nhận ra những cái Tầm thường bấy lâu không hẳn chỉ có thế, mà còn tiềm tàng một cái gì Phi thường. Và lại nhận ra không nơi đâu có được cái lối Bình thường của chúng ta, theo lời nhận xét của Bá tước Keyserling thì không một nơi nào trên thế giới lại có sự lạ lùng này:

Nền Minh triết ý thức lại lấy ngay đời sống Bình thường của Dân gian làm mẫu mực. Không nơi nào lối sống thông thường theo bản năng lại trở thành tiêu biểu hoà hợp cho một nền Tư tưởng phong phú.

Và cũng không nơi nào đời sống lại được tổ chức theo Đạo lý cao và sâu hơn, đến nỗi ánh Đạo soi thấu những hiện tượng mà bình thường ta không thấy có liên hệ chi cả (Journal II .87).Tại sao lại có việc kỳ lạ đó ? Để trả lời chúng ta thử xét xem ít nhiều sự kiện:

C1.- Sự Thờ cúng Tổ tiên

Đây là một **Cổ tục của dân gian** nên đâu đâu cũng có, kể cả các xã hội La Hi. Tục đó thường mang ý nghĩa Bái vật: cúng giỗ Ông Bà để con cháu được giúp đỡ, làm ăn phát đạt . . .

Một niềm tin như thế bao hàm nhiều điều kiện: như tin sau khi chết linh hồn con người vẫn tồn tại, và có khả năng bảo vệ hay sửa phạt con cháu . . . Đó chỉ **là những niềm tin thiếu tính chất khách quan, vì thế đã bị trí thức khước từ.**

Trái lại Việt Nho lại dựa vào đó để biến thành Lễ Gia Tiên, với nhiều ý nghĩa như Luân lý tỏ lòng hiếu thảo với cha mẹ, hoặc với ý nghĩa Tâm linh, trở lại Hội thông với mọi Tổ, tức với Bản tính đồng nhiên của con Người. (Xem Căn Bản, chương II)

C2.- Lễ Hội mùa Xuân

Trong Lễ hội này Trai Gái họp nhau chia ra hai phe Nam Nữ cùng nhau hát Đối, rồi những cặp nào thuận nhau thì Hợp thân ngay trong rừng hoặc trên mặt ruộng, nên cũng gọi là " Dã hợp ", người Hán gọi là Bôn, thường thêm tiếng Dâm vào thanh Dâm Bôn, để tỏ ý chê trách . . Nhưng trong tâm trạng của dân gian thì Dã Hợp chính là lễ cầu cho được mùa màng, mà năm nào bỏ thì thất mùa. Đó là **niềm tin thuộc tôn giáo Phong nhiêu** của khối dân Viêm Việt, nó phảng phất tính chất Bái vật Vu nghiễn nên rất dễ bị trí thức coi khinh. Thế nhưng Việt Nho lại biến việc đó thành tác phong giúp Trời Đất trong việc nuôi dưỡng dân: " **Tán thiên địa chi hoá dục** ". Và cũng từ những mầm mống song đôi: như hai bè Nam Nữ, trước Sông và Núi, giữa Đất Trời . . . , mà **thiết lập nên Triết lý có Lưỡng nghi tính cực kỳ phong phú, với vô số cặp đôi đủ mọi phương diện:**

Siêu hình như Âm / Dương.
Tôn giáo như tế Trời / tế Đất (Nam giao).
Chính trị như Vua / Tôi, Cha / Con Làng / Nước (Xuân tế Đế, Thu tế Thường)
Luân lý như: Nhân / Nghĩa, Cương / Nhu, Tình / Lý . . .

Tóm lại, trên nền tảng hát đối của thôn dân, **Việt Nho đã kiến tạo nên nét Lưỡng nhất tính phổ quát, mà chúng ta không thể nào gặp được ở nơi khác. Vì vậy, ngày nay Triết học các nơi chỉ có một chiều, thì ở đây lại Lưỡng hành với ba chiều kích.**

C3.- Sau Âm Dương thì đến Tam Tài

Ban đầu cũng chỉ là một niềm tin của dân Viêm Việt, nói lên **niềm tin con Người đồng nhất thể với Thiên Địa.** Đó là niềm tin có tính cách Đồng cốt đi với cái nồi Ba biên, với những lời lên đồng kiểu :" Phụ đồng phụ chồi, thổi lồi mà lên, ba bề bốn bên, sôi lên cho chóng " Thế nhưng đã được văn gia tiếp và rút ra từ đó **thuyết Nhân chủ**: con người là một Vua trong Tam Tài: nếu Thiên là hoàng, Địa là hoàng thì Nhân cũng là hoàng. **Rồi từ Nhân chủ đi tới nền Dân chủ cách cụ thể, được biểu lộ bằng " phần Điền ", cũng như được hưởng mọi " Tự do " trong biên cương của đời sống Công thể: nói vắn tắt là " được Ăn được Nói ", tức là hai thứ quyền mà dân gian thuộc các nền văn hoá khác xưa kia không được hưởng.**

C4.- Ngũ hành

Ngũ hành cũng là một niềm tin có tính chất tai dị, đã đẻ ra những thuyết Âm Dương, Ngũ hành, Phong thuỷ . . . , nhưng rồi cũng được văn gia dựa vào đó để tạo thành thuyết tiến hoá " **Nhân giả Ngũ hành chi đoan dã** ", đem lại cho Triết lý nét động đích rất đặc trưng không nơi nào cá cả, vì theo đó **con Người phải đóng góp phần quan trọng vào mọi việc để đẩy đến chỗ chí cực, nên gọi là " Ngũ hoàng cực** ". Ngũ chỉ cái gì toàn thể, tức là muôn việc đều quy vào một mối làm nên một mối Cơ thể, cũng gọi là " **Thiên Địa chi Tâm** ". Còn Hoàng là Vua, tức không lệ thuộc bên ngoài nữa nhưng tìm tiêu chuẩn hay sự trọn hảo ngay nơi lòng mình, khi được như vậy thì gọi là đến " chỗ chí cực " . Nên có thể nói " **Người không làm nữa, mà là tế tự** ", (il ne s'agit pas, il officie) .Cũng là Ngũ hành, Âm Dương nhưng nếu ở đợt Bái vật thì con người sẽ làm một số điệu bộ cử chỉ Tôn giáo như khấn vái lâm râm, hương nhang nghi ngút, trái lại nơi người **đạt Tâm thì là làm mọi việc tới chỗ Chí cực** " **Quân tử vô sở bất dụng kỳ cực** " **tức phải đưa vào việc cả Tình, Ý, Chí. Việc nào cũng làm đến chỗ chí cực, thế gọi là " Ngũ hoàng cực ", tức đừng tìm cao cả bên ngoài con Người, nhưng ngay trong con Người, ngay trong những việc bổn phận hàng ngày. Đó là đường đi tự Ngũ hành đến Ngũ hoàng cực.**

C5.-Lễ

Ai cũng biết Lễ là nét đặc trưng trùm lên Nho giáo. Vì Lễ bao gồm cả Chính trị, Kinh tế, cả Vũ trụ quan, Nhân sinh quan . . . Thế mà xét tới nguyên uỷ thì chỉ là Tục lệ của dân gian, nên Lễ chỉ là Lệ được thăng hoa.

Mà **Lễ quan trọng nhất của dân gian là chia cho đều mọi cái mà trong đó Tài sản là nền tảng.** Vậy **Lễ cũng chính là biết Quân phân tài sản, quân phân Tự do, Kinh nể** . . . nhưng làm cách trang trọng để văn sức những mối Giao liên của con Người. Lâu ngày người ta quên Nội dung ban đầu của nó, để rồi phát triển quá mức phần nghi thức có lợi cho nhà Vua, cho người trên, đâm ra lưu trễ sính lễ, tức là cái bệnh rút ruột trát ra ngoài.

C6.- Thiên siêu ngôi

Đây là một chuyển hoá khác, tế vi hơn, nên khó nhận ra, đó là **Thượng đế Nhân hình lên đến Thiên Siêu ngôi, để cuối cùng chỉ còn là Lý phổ biến, cũng gọi là Thiên lý: " Thiên lý tại Nhân Tâm** ". Ngoài ra còn có một số chuyển hoá khác nữa, nhưng ít quan trọng hơn. Trở lên là một số chứng tích nói lên sự liên tục từ thôn dân, cũng gọi là Chất gia, hay nói chung là từ Bái vật đi lên Tâm linh, là lối đi vừa tiến bộ mà đồng thời vẫn hợp với " Trời ", tức vẫn bảo trì được

nền **Thống nhất giữa dân gian và kẻ sĩ.** Hai đàng chỉ khác nhau về bình diện Tâm thức, nhưng vấn đề thì vẫn là một, và đó là **đường đi của Việt Nho: không đi trên những Đại lộ huy hoàng mà trong những nẻo Đường mòn.**

Bây giờ ta thử rút ra vài nhận xét, mà điều trước tiên là: Thoạt mới nhìn người ta tưởng là chẳng có chi cao cả, mà chỉ là những gì sà sà mặt đất. Phải nói ngay rằng nhận xét đó đúng, nhưng đấy mới chỉ là phần của Chất gia, có thể bao gồm cả Bái vật, cả những kinh nghiệm thông thưởng gọi là Thường nghiệm, và đó là chỗ sách Trung Dung nói:

" **Quân tử chi đạo phí nhi ẩn; phu phụ chi ngu khả dĩ tri yên** "

Nhưng không chỉ có thế, mà còn có Hình nhi thượng của Văn gia, và lúc đó thì dù thánh nhân cũng không thể biết hết . Thí dụ: **Lễ hội Trống quân thì với Dân gian chỉ là việc " Vợ Chồng", nhưng với Văn gia lại là " Thiên Địa Nam giao ". Cả hai cùng một đường đi, nên nói: " Quân tử chi đạo, tạo đoan hồ Phu Phụ ", cực kỳ chí giả, sát hồ thiên địa ". Chính vì thế mà nét đặc trưng của Nho là: Có mà như không . Thoạt trông như không có Triết, nhưng nhìn kỹ thì lại thấy không những có Triết, mà còn là nền Triết sâu rộng nhất, ích lợi nhất trên đời, đến nỗi trở thành nền Minh triết .**

II.- ANH NGỮ

Trong thế giới khoa học ngày nay, Anh ngữ đã trở thành tiếng nói thông dụng nhất thế giới, và nhất là về phương diện Khoa học, tiếng Anh đã có một gia tài từ ngữ đồ sộ rất chính xác. Không ngôn ngữ nào có thể qua mặt được về phương diện đại diện cho Địa.

Excerpt from The Tiding (06/04/04): In praise of English. by George Weigel, senior fellow of the Ethnic & Public policy center in W.D.C.

" It's frequenly said that English has become the world language, because of it plascity, its ability to create and absorb new words as the technological revolution roars ahead at full throttle. I'd argue that what give English its unique strength is not so much its flexibility as its subtlety "

III.- QUỐC NGỮ: TIẾNG VIỆT

1.-Ba Phương diện của Tiếng Việt

" Quốc ngữ của ta có thể bay bổng cung mây, mà cũng có thể xác định như Khoa học rất tinh mật, nên nhiều người muốn dùng ngay Quốc ngữ làm Linh Tự Linh Ngữ. Nhưng không thể được, vì khi quá Thông dụng thì mất tính chất U linh. Tiếng Việt là một thứ tiếng khá tiến bộ. Muốn biết một ngôn ngữ có phải là thứ tiếng tiến bộ không, ta phải xét về 3 phương diện: **Thuật ngữ, Âm thanh và Ngữ pháp.**

a.- Thuật ngữ

Thuật ngữ : Tiếng nào giàu thuật ngữ (technical terms) là tiếng phát triển.

Thuật ngữ gồm hai loại:

a .- Những **danh từ khoa học kỹ thuật** mới đặt ra gần đây. Tây phương phát triển khoa học kỹ thuật, các dân tộc khác mượn lại của họ. Chúng ta phải mượn họ bằng hai cách, hoặc bằng cách phiên âm, hoặc một số ta mượn của Tàu, hoặc bằng cách dùng thẳng tiếng của họ, vì chúng ta đã chọn Anh văn làm Tam giác ngữ.

b .- Trong tiếng nói hàng ngày, **tiếng Việt vô cùng phong phú**, so với tiếng Anh và tiếng Pháp. Trong các mối liên hệ phức tạp hàng ngày cũng như các cách thức làm việc, tiếng

Việt đã tỏ ra có một cách diễn tả vô cùng phong phú so ngay với tiếng Anh, và tiếng Pháp. Ví dụ: Trong khi Pháp chỉ có chữ **Porter, Anh chữ carry,** thì tiếng Việt nào: Mang, ôm, vác, gánh, khiêng, đội, bồng, bế, khiêng, ẵm, đeo, xách . . . Tiếng Pháp chỉ có chữ **oncle, tiếng Anh uncle**, thì tiếng Việt lại có: Chú, Bác, Cậu, Dượng. Chữ **Tante (Pháp) , chữ aunt (Anh)** thì là có thể là: Cô, Dì, Thím, Bác –gái, Mợ. Chữ **belle-soeur (Pháp), sister-in law (** Anh) thì là : Em-chồng , Chị -chồng, Em-vợ, Chị -vợ, Em-dâu , Chị-dâu.

Ngoài danh từ chung, tiếng Việt lại ghép với chữ khác để tạo nên vô số **danh từ kép khác.** Với chữ **Tiếng,** ta có thể ghép thành: tiếng động, tiếng hét, tiếng kêu, tiếng ồn, tiếng đồn, tiếng khóc, tiếng cười, tiếng than, tiếng gõ cữa, tiếng hát, tiếng thơm, tiếng xấu, tiếng đồn, mang tiếng, nổi tiếng, khét tiếng.

Trong khi tiếng **Pháp chỉ có Je , tu , tiếng Anh có I , you , tiếng Tàu với Ngộ, Nị** , được dùng chỉ chung cho mọi người, đàng này tiếng Việt lại có từng tiếng để chỉ cho từng người để tỏ thứ bực cũng như quan hệ thân sơ, ví dụ : **ông, bà, cô, bác, dì, dượng, cậu, mợ, anh em, cháu chắt . . . .**

Những tiếng này không những để chỉ những ngưồi thân trong gia tộc, mà còn được áp dụng cho những người trong nước, để **tỏ mối tình Đồng bào**: những ai hơn tuổi Cha mình thì gọi bằng Bác, kem tuổi cha mình thì gọi bằng Chú . . . . , những người nhỏ tuổi như con mình, cháu mình thì gọi bằng Con , bằng Cháu . . . "

b.- Âm thanh

(Lê Văn Siêu: Nguồn gốc văn học Việt Nam, trang 129 – 137)

" Tiếng Việt là một thứ tiếng rất giàu âm thanh, nhưng ngoài tính chất tính chất Tượng thanh như những tiếng khác, còn có tính chất Tượng hình, có thể tổ tiên chúng ta đã có phần đóng góp không ít cho tiếng tượng hình của chữ Nho. Một đàng dùng hình để diễn tả, đang khác dùng âm thanh để diễn tả hình.

a.- **Âm Í** chỉ những gì nhỏ nhít : con chí, bé tí, chuột chí, mắt tí hí . . .

b .- **Âm U ch**ỉ những gì đang bằng phẳng mà vồng lên: mu rùa, khóc chu lên, nhu nhú, ngồi du dú, khóc hu hu, lụ khụ, ủ rủ . . .

c .- **Âm Ơ** chỉ trạng thái tâm lý lạ lùng như: bơ vơ, ngơ ngác, ngờ ngợ, dớ dẩn, đờ đẩn, phờ phạc, vớ vẩn, lơ mơ . . .

d.- **Âm Ị** chỉ những gì nặng nề, béo mập: béo phị, mặt sị xuống, ì ạch, cái bị . . .

e.- **Âm Ọ** chỉ những gì đen đủi, xấu, người xấu nết: Mặt nhọ, chơi nhọ (chơi xấu), con bọ (ăn bám đáng khinh), con vọ (chim ăn đêm , làm hại nhà nông) quạu cọ (cáu kỉnh , bẳn gắt) . . .

g .- **Âm Ò** lấy tiếng cò làm gốc Tả con vật khẳng khiu, hay đi lò dò bờ ao để mò tôm tép: dò ý, dò đường, thò tay mà mò (nghe ngóng ý tứ , vì chưa chắc) . .

h .- **Âm Ấp** diễn tả một việc làm từ trtên cao xuống dưới thấp : Gà ấp (gà nằm trên), ngả sấp, lấp đất, nấp (cúi xuống để ẩn mình) vấp (đụng phải vật dưới thấp có thể té xuống) . . .

i .- **Âm Ập** cũng diễn tả việc làm từ cao xuống, nhưng nhanh hơn: lưỡi dao phập xuống, run lập cập (không ngăn nổi), dập tất ngọn lửa, đập đá, ngập nước, đổ sập . . .

k.- **Âm Ót** diễn tả việc từdưới thấp lên cao: cao chót vót, nhót (thò tay xuống lấy nhanh và khẻ vật gì), thót lên mình ngựa, vót (lấy dao gọt dần cho dưới to trên nhỏ), tót vời (cao quá, không gì sánh nổi) trót dại (lỡ dại với người trên), xót thương (tình thương của người trên đối với kẻ dưới) . . .

l.- **Âm Út** cũng diễn tả những vật từ to đến nhỏ và từ thấp lên cao:

Sút cân (lớn thành ốm) con út (con sau cùng) cái bút (ngòi nhỏ và nhọn) hút nước (hút nước từ thấp lên cao) , mút, cút (đuổi đi cho xa), đút đầu, thút thít (khóc nho nhỏ), trông ngút ngàn (trông thấy xa và rộng) .

m.- **Âm Ong** tả hình dáng những vật cong: Con ong, cai nong, trái bòng bong, cái vòng, cái lọng . . .

o.- **Âm Oằn** tả sự cong vòng nhiều lần: Tóc quăn, Xoăn xoe (Cứ quanh quẩn hoài bên mình), băn khuăn, quằn quại, loanh quanh, ngoằn nghèo. . .

p .- **Âm Oay** tả thể động theo đường cong nhiều lần: Xoay, con quay, khoáy nước, loay hoay, ngoáy, viết ngoáy, quấy . . .

q.- **Âm Om** tả việc ở trên ngó xuống một hang sâu: Lom khom, nom (nhìn chăm chú), lửa lom nhom, (lửa mới bén vào củi) , nhóm lửa, cái đóm . . .

r.- **Âm Op**: chỉ những vật đang bị to bị lảm nhọ lại hay đương tròn bị làm méo đi bằng cách ép lại, sự ép ấy gọi là bóp: vật bị méo đi một góc gọi là móp, Tóp (đang lớn bị bóp nhỏ lại gọi là tóp, hóp (cây tre nhỏ), chóp nón, cái thóp (trên đầu), thở thoi thóp.

s .- **Âm Uột** chỉ vật đang ở trong tay mà nó trốn chạy mất: buột tay hay tuột tay, vuốt, chuốt (dũa cho tròn và nhẵn), tuốt (tuốt xương lột da), trắng muốt (không còn chỗ nào là không trắng nữa), lạnh buốt (làm mất cảm giác), con chuột (rất nhanh, nắm trong tay dễ bị tuột) .

t.- **Âm Ua** để tả sự vui : Sao tua rua (những sao dìu dắt với nhau ở trên trời), đua (tranh đua vui chơi), khua (phá tan sự im lặng) . . ”

c.- Ngữ pháp

“ Trong khi Âm thanh phát triển từ ít đến nhiều, từ đơn giản đến phức tạp. Ngữ pháp lại phát triển từ phức tạp đến đơn giản. Trong khi các ngôn ngữ khác như Pháp Anh thì có văn phạm rất phức tạp, nào vô số cách (mode) và vô số thì (temps), thì tiếng Việt chì có những chữ đã, đang, sẽ.

Về địa vị của tiếng Việt trong gia đình ngôn ngữ thế giới, chúng ta có thể nói : Tiếng Việt có nhiều âm thanh nhất, có Ngữ pháp giản dị tới mức tối đa, có nhiều danh từ cá biệt trong tiếng nói hàng ngày. Như vậy tiếng Việt phải là tiếng tiến bộ và rất phát triển.

Cái ưu điểm của tiếng Việt lại còn có liên hệ mật thiết đến chữ Nho là nguồn cội tư tưởng của Tiên nhân, ngày nay chúng ta đã có vô số danh từ Hán Việt (Nho Việt), con đường thuận lợi dẫn tới đời sống Tâm linh, mặt khác là chuyển ngữ từ tiếng La tinh, nên cũng rất thuận lợi để du nhập thêm các danh từ khoa học của Anh và Pháp ngữ. Quả thật tiếng Việt xứng đáng Đại diện cho Nhân để nối kết vối chữ Nho đại diện cho Thiên và Anh ngữ đại diện cho Địa. “ *(Kim Định)*

2.- Nói: Tính thể siêu linh của tiếng Việt Xét qua cơ cấu Vài Ba

“ Tiếng nói là một phát minh rất sớm của con người. Có thể vì đó mà Hy Lạp “ **nói đầu trước hết có Lời** “. **Vì sớm sủa nên rất quan trọng nó mang theo những đức tính của nền văn hóa mà nó chuyên chở**.

a.- Tiếng Noí bày tỏ Tính thể con Người

Bởi vậy nghiên cứu tiếng nói của một dân chính là xử dụng một chìa khóa đa năng mở vào nhiều kho tàng ẩn náu của nền văn hóa ấy, thí dụ nhạc tính trong **tiếng Việt tạo nên do Âm, Thanh, Vần, Nhịp** và đủ đề tài không những cho Ngữ học là điều tất nhiên, mà luôn cho Văn chương và cả Tư tưởng nữa.

Hôm nay, chúng tôi thử bàn về điểm cuối cùng, tức về **liên hệ giữa cơ cấu tiếng Việt và Việt lý xem hai đàng ăn chịu với nhau đến đâu.**

Trong các cơ năng hiển hiện của con người, **Tiếng nói bày tỏ Tính thể con người nhiều hơn hết**. Con người được định nghĩa là nơi Giao hội của đức Trời đức Đất, **Tiếng nói cũng vậy nó đứng giữa vật chất và tinh thần, vì thế nó chỉ còn có Thanh âm mà Thanh âm là cái đã thoát khỏi hình hài khí chất, nó là nhịp cầu nối thể chất ở đợt tinh vi cùng cực (thanh âm) với cái vô hình là Ý niệm và Tư tưởng. Chính do chỗ đó mà ta có thể xét xem ngôn ngữ của một dân có tinh thần nhiều hay ít.** Hãy nhớ lại câu định nghĩa Thần trong Kinh Dịch là **Thần vô phương. Thần không ở nơi nào nhất định, thế có nghĩa là Thần có tính cách uyển chuyển, biến động và thấu triệt.…Vật nào càng giàu thể tính năng động và thẩm thấu thì càng giàu siêu linh tinh thần.**

b.- Hai loại tiếng Nói: Cơ cấu và Ngữ luật

Theo tiêu chuẩn đó ta có thể chia tiếng nói của loài người ra hai loại: một loại đi theo cơ cấu, một loại vâng theo ngữ luật.

Theo **Cơ cấu thì uyển chuyển và giàu khả năng thẩm thấu.** Theo **Ngữ luật thì bị ràng buộc bằng cả một hệ thống mẹo luật gọi là Ngữ luật gồm động tự, danh từ, quán từ (article), giống, số, cách** v.v…**thì hợp tác nhau đóng khung câu nói xuống theo một cấu trúc ngữ pháp nghiêm nhặt cột chặt các tiếng vào một ý nghĩa không thể hoán vị, hễ hoán vị là trật ngữ luật và trở nên vô nghĩa. Có thể nói chung đó là các tiếng Âu Tây. Loại hai đi theo Cơ cấu thì không có những thứ như trên, không Thì, không Cách, không Số, không Quán tự, Trạng tự** hoặc nếu có thì cũng đứng rời không ảnh hưởng nhau để dễ bề hoán vị mà Cơ cấu chỉ định đặng mang theo ý nghĩa khác nhau tuỳ theo vị trí. Thí dụ " vào được " khác với " được vào ". Đó là tiếng Tàu và tiếng Việt. Ông Burton Watson (1) nhận xét rằng **Ngữ luật tiếng Tàu rất đơn giản chỉ gồm có Thực tự và Hư tự (**full words and empty words) (chi, hồ, giả, dã). Hư tự thường dùng như Quán tự để nối kết hoặc giải nghĩa, nhưng cũng thường bỏ luôn. Phương chi **tiếng Việt với cơ cấu rõ hơn và Hư tự giàu hơn.**

(1*) Early Chinese Literature, Columbia Univ, Press N.Y.1962 p.146-170.*

Về cơ cấu chỉ việc xem thí dụ với 5 tiếng dưới đây: hễ hoán vị một chữ là có ý mới.

Sao không bảo nó đến
Nó đến sao không bảo
Không bảo nó đến sao
Sao bảo nó không đến
Sao nó bảo không đến
Không bảo sao nó đến
Sao nó đến không bảo
Không sao bảo nó (cứ) đến
Nó không đến bảo sao

(Tôi nhớ láng máng xưa kia đã đọc thí dụ này đâu đó, có lẽ của L.M Lê Văn Lý thì phải và với nhiều xếp đặt hơn)

c.- Cơ cấu tiếng Việt

Quả là một sự uyển chuyển và năng động vô địch chứng tỏ trình độ cao cấp mà Việt ngữ đạt được trong việc đi đến cơ cấu. Lấy về đàng số mà nó thì cơ cấu thượng thặng phải gồm ba bộ số: 2, 3 và 5.

C1.- Năng động tính

Số 2 nói lên tính chất năng động căn bản. Muốn động phải có hai hạn từ: động bao hàm sự di chuyển từ A đến B, bước chuyển động cùng cực là từ Vô tới Hữu, từ Có tới Không, nên số 2 nền tảng phải là từ Có tới Không.

C2.- Nhân chủ tính

Số 3 nói lên Nhân chủ tính. Vì Nhân chủ nên đứng ở giữa, không hề lệ thuộc vào hai thái cực nhưng độc lập như một chủ nhân ông. Số 2 là số căn bản có đầy trong Trời Đất giữa Sáng Tối, Đất Trời, Đực Cái, Cứng Mềm. Thế nhưng duy trì được số 2 trong văn hóa phải có một nền Nhân chủ mới đủ mạnh để duy trì, và sự duy trì được biểu lộ bằng số 3, nên **số 3 là số Nhân chủ, là số chỉ được đề cao trong văn hóa có Nhân chủ tính.** Chứ như trong duy Vật hay duy Tâm thì không có số 3 vì con người thuộc vào một trong hai bên, vào Trời hay Đất, duy Vật hay duy Tâm, và chỉ có Một tức nguyên lý Đồng nhất được đề cao rất mực. Còn số 3 bị gạy bỏ. Pháp gọi là tiers exclu = triệt tam. Tertium non datur.

C3.- Tâm linh

Số 5 là số ngũ hành thành bởi 2+3 cũng gọi là "**Vài Ba "** hay " Tham Lưỡng " tức nói lên tác động cùng cực của con người. Muốn làm được tác động cùng cực thì phải là con người Nhân chủ (số 3) còn tác động cùng cực là nhảy từ Có tới Không, phải hiểu là cõi không u linh đầy tràn diệu hữu gọi là Tâm linh. Chính vì thế mà để tóm tắt thì quen nói **số 5 là số Tâm linh, hay là số Thẩm thấu cùng cực.** Tóm lại sự uyển chuyển (do cơ cấu) nói lên sự thẩm thấu cùng cực, thẩm thấu biểu lộ tình chất Tâm linh (số 5). **Tâm linh biểu lộ bằng số 2 (từ Có đến Không) và tính chất Nhân chủ số 3**. Chi tiết hóa như vậy rồi bây giờ chúng ta thử đi vào phân tích tiếng Việt.

3.- Tóm lược tinh tuý

Đó là tóm lược tinh tuý của bộ cơ cấu " Vài Ba, Tham Lưỡng " .

a.- Số 2

Số 2 quan trọng như nền tảng được bàn trong bài Nét Song trùng (Kinh Hùng). Đây là nền tảng tối quan trọng nên văn hóa nào thiếu nó thì sẽ gieo tai họa. Hiện nước ta đang phải rên xiết dưới ách độc tài chuyên chế phi nhân của cộng sản thì cũng vì cộng sản thiếu nét song trùng. Bởi cộng sản là duy Vật.

A1.-Tại họa đánh mất số 2 trở nên Duy Lý một chiều

Chữ ấy nói lên sự thiếu nét Song trùng một cách công khai lộ liễu, nên sự hiểm độc, đi đến thái thậm. Chính cái độ thái thậm nọ làm cho nhân loại giật mình mới nhìn nhận ra căn nguyên tai hại, chứ trong thực tế thì văn hóa Tây Âu đã đánh mất nét Song trùng từ khuya. Heidegger kêu là đánh mất **nét gấp đôi** (the twofoldness). Chính sự đánh mất này là nguyên uỷ sâu xa tại sao văn hóa Tây Âu trải qua 25 thế kỷ không sao kiến tạo nổi một nền triết lý Hòa giải, như chúng tôi đã mình chứng điều đó trong quyển sách mang tựa đề như trên và đề nghị ra một nền triết lý Hòa giải đặt nền trên Việt lý (rất tiếc bản thảo quyển này đã bị mất vào dịp tị nạn năm 75) là vì

cuối cùng chúng tôi khám phá ra trong triết Việt có nét Song trùng nọ, nó hiện hình vào cùng khắp những gì quan trọng như vật biểu là Tiên Rồng, cai trị nước được biểu thị bằng bánh Trời bánh Đất, quê nước được kêu là Sông Núi v.v cái gì cũng đi cặp đôi như thế.

Vậy sự đi cặp đôi nọ cũng thấy nhan nhản trong tiếng Việt một tiếng nói gọi là độc âm, nhưng lại ưa đi đôi theo lối nhị âm một cách tràn ngập: chợ búa, chăn màn, giường phản, làm lụng, ngổn ngang, hồ hởi, lè phè…(Theo môn Việt Ngữ Lý (1) thì ban đầu tiếng ta đi đôi. Về sau chịu ảnh hưởng Tàu nên mới đi vào hướng một).

(1) Mỗi khi nói tới Việt Ngữ Lý là tôi quy chiếu tới cụ Mai Ngọc Liệu người đã mở ra một trường phái riêng về ngữ lý học đặc biệt Việt Nam. Tôi đã được đọc một vài bài thấy các khám phá của Cụ có nền tảng nghiêm túc. Xin chờ đọc cụ Mai Liệu để biết thêm về ngữ lý của ta.

A2.-Thực tự và Hư tự

Thường thì không mấy người để ý đến lối đi cặp đôi đó vì tiếng nào trên thế giới chẳng có, thí dụ blanket, table thiếu chi. Nhưng khi nhìn lại liền nhận ra đó là tiếng đa âm nên cần cả hai âm mới đủ nghĩa, nói mar không đủ, phải thêm ket vào mới có nghĩa là chợ. **Còn tiếng Việt nói chợ là đủ, âm búa không cần cho ý nghĩa, thêm vào có thể coi là thừa, là Hư tự, có người cho là vô ích. Kỳ thực thì nó không còn nằm trên cấp vô ích với hữu ích, nhưng đã vươn vào vòng Trong.**

Trong bộ triết lý An vi tôi hay dùng chữ vòng Trong thay cho siêu hình, là vì vòng Trong tàng ẩn ngay trong sự vật, khác siêu hình đi luôn vào cõi ý niệm, kêu là lý giới như của Plato. Còn " vòng Trong " là cái gì vẫn nằm trong sự vật làm nên cái hồn, cái ý nhị của sự thể và như thế là diễn tả nét song trùng cách thẩm thấu, nên ta còn nhận thấy tính chất thẩm thấu đó ngay trong chữ cặp đôi được bày tỏ bằng nhiều lối.

A3.- Liên hệ ý nghĩa

Liên hệ ý nghĩa như nâng lên, hạ xuống, mở ra, đóng vào, chợ búa, tập tễnh mon men.

A4.- Liên hệ lân cận…

Liên hệ về lân cận, về liên tưởng như chăn màn, bát đĩa, giường chiếu, mâm bàn, nồi niêu, xoong chảo, viết lách, nói năng, ăn ở, điệu bộ.…

A5.-Lặp lại Nguyên âm

Có khi bằng nguyên âm như ngâm nga, ngân nga, nết na (nguyên âm N), lập loè (L), đủng đỉnh (Đ), kêu ka (K).…

A6.-Lặp lại Chủ âm

Có khi bằng chủ âm như lỉnh kỉnh (ỉnh), khoác lác (ác), lảo đảo (ảo). Có trường hợp đặc biệt về chủ âm iếc như học hiếc, thi thiếc, làm quan làm kiếc, láo liếc, ho hiếc, ốm iếc, phải đi xin eo phe eo phiếc, phút tem phút tiếc.Trên đây chỉ kể sơ qua một cách ngẫu hữu (cách hệ thống dành lại cho ngữ lý học) vừa đủ để chứng tỏ đó là một sáng tạo không phải là vô ích như có người tưởng, mà là tối quan trọng để diễn đạt nét song trùng của Việt Lý, hai mà một, một mà hai.

3.- Số 3

a.-Nền Nhân sinh quan Nhân chủ hùng tráng

Bây giờ xin hỏi hậu quả nét song trùng là chi? Xin thưa đó là số 3 chỉ nền Nhân chủ tức một nền Nhân sinh quan hùng tráng cùng cực đến độ Trời cao Đất thấp mà cũng có thể nắm giữ cùng một trật để làm nên " cõi người ta " ở giữa Trời cùng Đất. Nếu là thứ nhân sinh quan yếu hèn thụ động thì chỉ nắm nổi một bên: đánh mất nét song trùng và trở nên một chiều kích, một duy nào đó: vì chọn một bỏ một, chọn lý bỏ tình là duy lý, chọn trời bỏ đất là duy tâm, chọn Tư sản bỏ Vô sản là Tư bản, chọn Vô sản bỏ Tư bản là Cộng sản. …Cứ thế mà giằng co chống đối, đấu tranh, được bên nọ mất bên kia, nên gieo tai họa cho con người vốn là một vật lưỡng thê (sống ở hai cấp bậc).

b.-Khác biệt giữa Tây ngữ và Việt ngữ (Le La và con cái. . .)

Văn hóa con người chia ra được hai loại lớn một bên có **nhân sinh quan hùng mạnh** thì sẽ Nhân bản hóa vũ trụ còn bên có **nhân sinh quan yếu ớt thụ động** thì tất sẽ bị Vật hóa, như triết học bàn về con người theo cung cách bàn về sự vật tức đứng cùng một bộ định đề và nguyên lý của sự vật nên người bị vật hóa, Mỹ kêu là " man reified ", như đã được nhắc tới trong tiếng người homme do tiếng humus là đất bùn: cả hai tiếng cùng một gốc đất. Sau đây là mấy thí dụ nền tảng. Tây Âu gọi Trời là the **Sky**, Đất là the **Earth,** còn Việt Nam thì kêu là **Ông Trời, Ông Địa.** Thế là ta đã thấy khuynh hướng nhân bản hóa vạn vật ló dạng trong chữ ông đặt cho Trời cho Đất. Hãy đi đến vài Thiên thể lớn nhất là **mặt Trời mặt Trăng,** hai chữ mặt nói lên bóng dáng con người chiếu dọi tới trong chữ mặt: mặt trời, còn mặt trăng không những là mặt trăng mà còn có cả cưới xin nữa tức nhân bản hóa trọn vẹn. Trẻ con hát: "**Ông Trăng mà lấy bà Trời "** .

Câu này chở theo bầu khí sơ nguyên của thời mẫu hệ lúc mặt trăng còn nắm chính quyền kêu là ông trăng, về sau đến thời phụ hệ thì ông trăng trở nên bà nguyệt. Như vậy kể có phần mất mát nên dân gian an ủi bằng cách rút tuổi đi và kêu là cô Hằng, đã vậy còn yêu cô ra rĩ.

Tôi yêu cô Hằng
Đêm xưa xuống trần
Mình ơi tình ơi.

Nhưng thôi yêu em anh để trong lòng để anh xét tới các vật khác. Vậy khi xét tới cách kêu tên các vật ta thấy sự khác biệt lơn giữa Tây ngữ và Việt ngữ. Ta thì kêu **là cái là con,** cái bàn, cái bút, cái nhà con gà, con cá, con trâu. **Tây thì lại chú ý đến đực cái trừu tượng:** le monde, la table v.v, sự khác biệt này nói lên nhiều nét đặc biệt, mà điểm đầu tiên là tiếng Âu Tây quá ước định, thí dụ nói la table giống cái thì căn cứ vào chi mà bảo cái với đực. Thứ đến là **vụ giống** cái thì tiếng Pháp phải thêm " e câm " (e muet). Nếu theo cụ thể thì e câm phải cho vào giống đực. Các bà nói nhiều thì e nói chứ sao e câm? Hay là có ý bảo các bà phải " câm đi " theo cung cách duy dương độc chiếm, đàn áp đàn bà?

c.-Thứ tiếng sống Hiện và sống Ẩn tạo nên mối liên hệ Vạn vật nhất thể

Ngược lại **tiếng Việt thì có nền tảng đàng hoàng vì căn cứ trên sự sống hiện và sống ẩn**. **Sống hiện kêu là con**: con gà, con vịt, con chim; **sống ẩn kêu là cái**: cái nhà, cái bút, cái bàn. Đây mới là nét xét vòng ngoài chứ vòng trong còn lắm điều hay kinh khủng. Trước hết nên nhớ **chữ Cái xưa kia có nghĩa là Mẹ** như câu Con dại thì Cái mang (tội). Như vậy hai tiếng **Con Cái nói lên mối tình thắm thiết nhất trong loài người được đem dùng cho sự vật. Đó là tang chứng không những Nhân bản hóa vạn vật mà còn đem đặt vào đó mối liên hệ bao là**

và sâu thẳm nhất, nên vạn vật được ràng buộc với nhau như một thân thể, mà nho kêu là " thiên địa vạn vật nhất thể ". Chính quan niệm nhất thể này gây nên môi sinh tinh thần công thể (espirit communautaire) mênh mông không những bao trùm nhân loại không phân biệt Chủ Nô, mà còn tỏa ra khắp vũ trụ đến nỗi Nguyễn Công Trứ đã nói được " **vũ trụ nội mạc phi nhân sự "** = trong vũ trụ không có chi không phải là phận sự của ta. Nó khác biết bao với cá nhân chủ nghĩa, mọi cái rời rạc xa lạ như
Albert Camus đã nói đâu đó rằng: tôi cảm thấy tôi xa lạ với vũ trụ, với Thượng Đế, với tha nhân và hỡi ôi với chính tôi nữa. Điểm hai nó dính dáng đến lịch sử, lúc Mẫu hệ nhường quyền cho Phụ hệ. Ở thời mẫu hệ thì Cái chỉ vật sống hiện như câu:

Cái cò cái hạc (vạc) **cai nông.**
Sao mày nhổ lúa ruộng ông hỡi cò?

Nhưng đổi sang phụ hệ thì cái lui vào hậu trường để chỉ những gì có cái sống ẩn tàng. Huyền sử nước ta chỉ thời quá độ bằng truyện 50 con theo Mẹ lên núi lập ra nước Văn Lang và chia nhau cai trị thay Mẹ. Còn Mẹ rút vào trong nắm lấy cái " cồng bà " với chức nội tướng và từ đấy thì vật sống ngầm kêu là cái: cái bút, cái chén, cái nhà, còn vật sống hiện thì kêu là con " con cò bay lả bay la ".

d.- Liên hệ giữa Tư tưởng và Ngôn ngữ

Trên đây chỉ là cái nhìn thoáng của triết, vừa đủ để đặt ra nhiều vấn đề bàn luận để gây sinh động trong lãnh vực văn hóa, cũng như để nhận ra **mối liên hệ giữa tư tưởng và ngôn ngữ: cả hai cùng một nét song trùng y hệt. Nếu tư tưởng là Tiên Rồng, Sông Núi, Đất Trời, Mẹ Cha, thì ngôn ngữ cũng thích đi cặp đôi: chăn chiếu, ngân nga, lê phê, ve vãn. Nếu tư tưởng là Nhân chủ thì tiếng nói cũng thế, từ ông Trời, qua cô Hằng cho đến cái cò, con tôm, cái nồi, cái chảo đều mang ấn tích con người. Đó là hai bước song trùng và nhân chủ hay là nhịp vài ba 2-3 hoặc tham lưỡng : 3-2.**

3.- Số 5

Con số " Thiệp đại xuyên

Bây giờ xin bàn đến số 5 hay hành ngũ, nó bao trùm tiếng ta bằng **5 dấu: huyền, sắc, nặng, hỏi, ngã.** Tại sao tiếng ta lại được tràn hợp bởi số 5?
Ý nghĩa sâu xa nằm ẩn trong hai chữ hành Ngũ. Hành là hành động vì đây là đợt cơ cấu nên phải nói tới hành căn để, vậy hành đó là bước vào cung ngũ mà theo cơ cấu là " **hành vô hành " , " địa vô địa "** tức là An vi = theo nghĩa không còn đối tượng, đi đến chỗ " **vô thanh vô xú** " . Cái bước quan trọng đó Kinh Dịch kêu là " **thiệp đại xuyên"** sang qua sông lớn, nhà Phật kêu là " **đáo bỉ ngạn** " vì thế cần thuyền bát nhã, mà trong Trống đồng là thuyền Rồng là thứ " **thuyền tình bể ái** " cùng cực để nối Trời với Đất.

4.- Ngũ hành (5) với Linh cổ (3 – 4)

Vì thế xa xưa trống Linh Cổ có 6 mặt và có cái cả 8 mặt. 8 mặt chỉ Trời (8 gió của Kinh Dịch) 6 mặt chỉ Đất (lục phương). (1) Thứ trống này gọi là **Linh Cổ** được nói đến trong sách Mục Thiên Tử truyện, chương 5. Linh Cổ có 6 mặt nhưng cũng được trình bày như trống kép 3 (6 mặt) và được dùng để tế thần Đất (nhờ Thổ Bá có ba con mắt). Còn trống 8 mặt cũng gọi là **trống Sấm** để tế Trời. Lẽ ra 6 Trời 8 Đất hay 3 Trời 4 Đất chứ sao lại 8 Trời 6 Đất. Thưa ở đây

theo luật Giao chỉ là theo Dụng mà không theo Thể (Thể viên Dụng phương, thể Âm dụng Dương) **3 trời Dương nhưng Dụng 4 Vuông. 4 Đất Âm nhưng Dụng Dương.** Vì luật giao chỉ đó mà Phục Hy Dương lại cầm cái Củ Vuông, bà Nữ Oa Âm lại bồng cái Quy Tròn (diễn nôm là ông giò miếng chả, bà giả miếng nem, nem Thủ Đức gói khá tròn!). Còn nhiều rắc rối khác nên không lạ con cháu mất trọn ý thức về bộ cơ cấu uy linh của mình. Chúng tôi đã cố tìm lại dấu vết trong hai quyển Kinh Hùng Khải Triết và Sứ Điệp Trống Đồng. Nhưng xin hỏi **6-8 liên hệ với Ngũ hành chỗ nào**? Thưa đó là liên hệ ngầm có đầy trong các số cơ cấu là loại số cũng đầy uyển chuyển linh động. **Vậy 6-8 cũng là 3-4 (cặp đôi) mà 3-4 cũng chính là 3-2 mà 3-2 là số 5, số 5 kép bởi 3 trời 2 đất. Hai Đất cũng có thể là 4 Đất, hai số có thể dùng thay nhau: 2 hay 4 cũng được. Nói 3 + 2 (vài ba) hay 3-4 cũng là một. Nhà Phật nói " tam tế tứ đại " = 3 cái tế vi chỉ Trời, chỉ cái gì vô hình siêu linh, tứ đại là 4 cái thô đại chỉ Đất. Đó là liên hệ ngầm giữa 6-8 (ra 3-4) với Ngũ hành. Ngũ hành thành bởi 3-2. 3 chỉ Nhân chủ, 2 chỉ bước lưỡng hành: hành trong cõi hiện tượng lẫn hành trong cõi vô hình: có vậy mới ra lưỡng thê = amphibious gồm cả cái sống của Phàm ngã lẫn Siêu ngã.**
Ta thấy tính chất ghê sợ của hành Ngũ cũng biểu thị bằng số vài ba, 3-4 hay 6-8 sâu xa dường nào, thẩm thấu tới tận Trời cùng Đất. Có ngày chúng ta sẽ tham luận về tính chất thiên biến vạn hóa của hình thái song trùng kép này.

5.- Bộ số Vài Ba (nhịp kép Hai) nhập vào Ngữ lý

Hôm nay chỉ xin áp dụng bộ số vài ba vào ngữ lý. Ta biết **Song trùng là nhịp Đầu, Nhân chủ là nhịp kép Một, vài ba là nhịp kép Hai.** Ta đã thấy tiếng Việt phản chiếu hai nhịp đầu (Song trùng và Nhân chủ). Bây giờ đến nhịp Vài Ba nó cũng phản chiếu cách kỳ diệu trong thể thơ lục bát (6 là 3 cặp, 8 là 4 cặp). Hãy mở truyện Kiều ra đọc những câu lục bát tuyệt vời:

Trăm năm / trong cõi / người ta.
Chữ tài / chữ mệnh / khéo là / ghét nhau.
(Đánh dấu phân để thấy câu đầu có 3 cặp, câu sau có 4 cặp)

Cơ cấu Nói bằng số " Vài Ba" hay nói bằng " hình Tròn Vuông giao hợp ", hoặc cụ thể cùng cực là làm hai chiếc " bánh Dầy bánh Chưng ", hoặc muốn " Xổ Nho " thì " Thiên viên Địa phương " đều cũng một cơ cấu. Vậy cơ cấu đã hiện thân cách kỳ diệu vào ngôn ngữ qua thể thơ lục bát trong cách gieo " yêu vận " tức câu trên không gieo vận vào cuối câu mà lại gieo vào lưng vào lòng câu sau:

Trăm năm trong cõi người ta/
Chữ tài chữ mệnh khéo là / ghét nhau.

Vậy mới là tình thâm chứ! Đọc lên như thầm bảo yêu em anh để trong lòng (trong mà) mà không để ngoài da đâu! Em đừng có ngại! Thật là bất ngờ, thảo nào thể lục bát được nhìn nhận là thể thơ độc nhất nói lên đức tính An vi ở chỗ gieo toàn vần bằng: dấu hiệu của an lạc siêu linh.

6.- Bè 6 – 8 được thể hiện trong trống Đồng Ngọc Lũ

Xem ra thể thơ này cũng có trong nhiều chi của đại chủng Việt vì thấy hiện diện trong nhiều chi khác và có thể ngờ là đã được phản chiếu vào trống đồng Ngọc Lũ nơi vòng hoa văn giữa gồm **14 con chim chia hai bè: một bè 6, bè kia 8.** Phải chăng chúng đang ngâm thơ lục bát. Ít ra lục bát đang manh nha? Vì thế mà chúng có thái độ siêu thoát trần tục để đi về miền thái cực linh

thiêng. Dầu sao mặc lòng, tức dầu 6-8 con chim có phản chiếu lối thơ lục bát hay không, nhưng không ai chối cãi rằng đó là thể thơ đặc trưng của Việt tộc, gói ghém cả hai bộ số 2 và 3 cũng như cơ cấu kép vài ba. Có thể lối đó đã manh nha từ buổi bình minh với **nhịp Trống quân khai quốc. Câu sáu có thể chỉ bè Nam (3 cặp từ) câu 8 bè Nữ (4 cặp từ)** tức là đã từ lâu đời lắm.

4.-Tiếng Nói theo Cơ cấu tràn đầy Nhân chủ tính và Tâm linh

Chính vì vậy mà lòng ta nao nao ngây ngất khi đọc những câu lục bát trong Kiều nhất là khi gặp những chữ đi đôi như nao nao, nho nhỏ, sè sè.…Mỗi cặp đôi xuất hiện như **nhịp cầu 2 mối: một mối bắc bên Có mối kia cắm vào hư Không** làm cho ta như chạm vào cõi u linh bát ngát.

Nao nao dòng nước uốn quanh.
Nhịp cầu **nho nhỏ** dưới ghềnh bắc ngang.
Sè sè nắm đất bên đường.
Dầu dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh.

Xem thế đủ biết **tiếng ta thuộc loại ngôn ngữ đầy tràn Nhân chủ tính cũng như Tâm linh tính tức nghiêng về nghệ thuật và triết lý: đề cao cái tổng quát trên cái tư riêng, tránh rõ rệt, ưa âm u nên dùng rất nhiều hư tự.**

a.- Cái Thừa và thiếu của tiếng Nói theo Ngữ luật

Ngược với tiếng của Âu Mỹ có tính cách khoa học ưa khúc chiết khi đến độ không cần, thí dụ bắt cả mọi cái phải là đực hay cái, số nhiều, ít phân biệt chi li. Ta nói " ba cái hoa này đó ", chỉ một chữ ba đủ chơi vai trò số nhiều, các từ khác không bị phiền hà chi cả. Mỹ thì " these three flowers are red " . Đã có three rồi còn bắt these flowers cũng phải thêm chữ s, this phải đổi ra these, verb phải đổi ngôi và số is ra are. Tiếng Pháp còn phải đổi đỏ ra đỏs (rouges). Đó là một thí dụ về sự tôn thờ ý niệm mà tiếng nói là dấu hiệu. So với tiếng Việt thì vừa thừa mà lại thiếu, thừa vì đã có 2 chữ s, verb còn phải đổi ra số nhiều; thiếu vì chữ ba không đủ bao quát toàn bộ, đấy là điểm một, còn điểm nữa là cú pháp mạch lạc mà cơ cấu yếu: ta nói ăn được, được ăn, chỉ cần đổi vị trí của từ. Còn Mỹ phải dùng hai verb can và may. Đấy là lý do ngữ luật trở nên bề bộn và được quan trọng hóa rất mực. Ở La Hy xưa trẻ mới khai tâm phải học ngữ luật chứ không học về luân lý, sử ký.

b.- Tính chất đơn sơ và hàm súc của tiếng Nói theo Cơ cấu

Tiếng ta trái lại rất đơn sơ nên có sức hàm súc nhiều. Trong quyển Man and People ông Ortega Y Grasset nhận xét rằng **tiếng Tàu giàu nhất thế giới về khả năng hàm súc (comprehension) do cơ cấu mạnh với sự dùng nhiều hư tự, vì hư tự chơi vai trò âm u với toàn bích. Ta có thể nói về tiếng Việt như vậy mà còn hơn nữa vì về hư tự thì tiếng Việt giàu hơn tiếng Tàu.**

Hư tự của ta là những chữ kép vào không cần thiết thí dụ nói chợ, nết, ngân đủ rồi không thêm chợ búa, nết na, ngân nga như ta quen dùng: đó chỉ là **hư tự không cần mà lại cần: không cần cho nghĩa từng chữ nhưng lại rất cần để móc nối với âm u toàn thể. Đó là nét biểu lộ nhiều tính chất triết lý của dân tộc Chủ nhân Trống đồng, trống là hư, là không, hư không làm nền tảng cho triết Việt do thế mà ngôn ngữ của ta tràn ngập hư tự tức là tiếng đầy triết lý nhân sinh vậy.**

Có lẽ đây là lý do của một kinh nghiệm bản thân tôi. Số là nhiều người đọc sách tôi mà không hiểu, có người đề nghị cần sửa đổi dăm ba từ ngữ thí dụ không nên viết " cần suy nghĩ lại ", " đã bàn rồi ", " xin nhắc lại " mà nên viết cần chúng ta suy nghĩ lại, chúng tôi đã bàn rồi, chúng tôi

xin nhắc lại.…Tôi bằng lòng sửa lại vì với tôi từ ngữ chẳng qua chỉ là để hiểu đạo, nói chúng ta cần suy nghĩ lại là đặt nổi chủ từ như Tây Âu cũng chẳng sao, y như hiện nay trong việc viết tên ta phải đặt cá nhân trước dòng họ, thay vì Lý Ông Trọng thì phải viết Trọng Lý Ông, thôi thì vào xứ cá nhân ta cũng phải đành đi một đường cá nhân vậy. Nhưng nhượng bộ rồi tôi cứ cảm thấy một cái gì ray rứt tạm gọi là khổ tâm như phải đi xa khỏi việc coi trọng gia tộc hơn bản thân, coi trọng lối giương mặt cá nhân (tôi, chúng tôi) hơn là ẩn náu để nhường chỗ cho đạo lý, nhưng gặp thời thế thế thì phải thế. Phải thế nhưng vẫn suy đi nghĩ lại về khía cạnh triết lý của tiếng Việt và ghi lại một ít trong bài này để mở chân trời cho những suy nghĩ về sau. "

U.- NỀN GIÁO DỤC LƯỠNG DIỆN

(Phụ trương I)

Cần vận động cho một **nền <u>Giáo dục Lưỡng diện</u>**. **Khỏi nói thì ai cũng biết là nền văn minh hiện đại đang trải qua một cơn khủng hoảng trầm trọng đến nỗi gây ra Tâm trạng bất an nơi mọi người nhất là phái trẻ. Nơi họ tâm hồn bất an thường đi kèm theo lòng phẫn nộ phản kháng om xòm, bằng chứng là sinh viên trên khắp thế giới đều có những cuộc biểu tình bãi khoá để đòi cái này yêu cầu cái kia,nhưng đấy chỉ là những biểu lộ cục bộ. Còn cái mục tiêu chung không hiện lên rõ rệt thì lại chính là tất cả các nền văn minh hiện đại mà từ trong Tiềm thức họ muốn đập phá cho tan tành. Nhưng nếu có ai hỏi tại sao lại muốn đập phá? và đập phá rồi sẽ lấy chi thay thế cho, thì đó là những câu hỏi ít được đặt một cách rõ rệt, càng ít hơn nữa sự đi tìm những câu đáp thấu đáo.** Và đó sẽ là những dấu hỏi mà trong buổi nói truyện hôm nay chúng ta sẽ thảo luận tìm kiếm.

Trước hết chúng ta phải hỏi **tại sao đối kháng như vậy**? Chúng ta phải ngạc nhiên mà hỏi là vì văn minh không tiến bộ đến tận cung trăng sao mà cần chi phải phản kháng? Theo nhiều Triết gia thì vì đây là **một nền văn minh chỉ có một chiều cho nên cũng biến con người trở nên một chiều và như vậy là con người bị tha hoá**.

<u>Triết gia Herbert Marcuse gọi là con người nhất diện "One dimensional man", còn Heidegger kêu là sự mất ý thức về nét Gấp đôi.</u>

<u>Tôi cho rằng nhận xét như thế rất đúng, và nó giúp ta nhận ra rằng nhân loại sẽ thoát khỏi cơn khủng hoảng này ngày nào tìm ra được một nền Triết lý có nét Gấp đôi, một nền Giáo dục có tính chất Lưỡng diện.</u>

Nếu bạn hỏi thêm: ai hay **nước nào sẽ có đủ điều kiện** để tìm ra những cái đó và nếu chúng ta được phép suy luận tiên nhiên thì câu thưa **sẽ là nước Việt Nam này**. Bởi vì nếu nói cách tiên nhiên thì nên **căn cứ vào Vật biểu,** vì vật biểu nói lên sử mệnh của một nước, vậy mà hầu hết **các nước trên thế giới chỉ nhận có một con thú làm vật Tổ: nước Pháp con Gà, nước Anh con Sư tử, nước Nhật Mặt trời**... Riêng có **nước Việt Nam thì vật biểu không là một mà là hai tức Tiên và Rồng**: **Non và Nước: Nước đi với Rồng, Non đi với Tiên. Luôn luôn cặp đôi như thế để nói lên Lưỡng nhất tính của nền Văn hoá Việt Nho**.

Tuy nhiên đấy là truyện xưa khỏi nhắc đến nhiều vì có thể coi là bới móc truyện cũ mãi tự đời hồng hoang mông muội. Vậy chúng ta hãy nói đến truyện hôm nay thì hiện nước ta đã bỏ Hồn Non Nước để đi sâu vào Triết học một chiều của con gà và **vì gà là què nên phải ăn quện cối xay một chiều**. Điều này thì ai cũng biết nhưng cần phải nói tới vì ít mấy người nhận thức ra sự nguy cơ của lối hành xử như vậy, cũng như đề ra được phương dược chữa trị liền. Bởi thế mà tôi lấy làm đề tài cho buổi nói truyện hôm nay, và **tôi tự hạn cục vào một phương diện Giáo dục mà thôi.**

Một nền Giáo dục lý tưởng phải bao gồm **Hai chiều kích một là " Làm Ăn " hai là " Làm Người** ", **nói khác là thành Công và thành Nhân**. Nói thế thì ai cũng nói được nhưng **để cho lời nói có Nội dung chân thực thì phải có một kế hoạch cho thành Công và một đường Hướng cho thành Nhân. Thiếu hai điểm đó thì chỉ là văn chương.**

` Vậy trước hết xin **bàn về Thành Công**.

Để đạt điểm này thì **cần phải có một Kế hoạch**. Vậy mà tự ngày Độc lập chưa thấy chi cả gọi là kế hoạch. Nếu có thì phải lưu ý điểm này: nước ta chậm tiến, còn bị chiến tranh triền miên ghìm xuống cuối sổ các nước chậm tiến. Vậy cần phải sửa soạn gấp cho việc kiến thiết là sửa soạn trước hết việc **đào tạo Chuyên viên, tức lo cho Đại học**.

Thế mà tất cả chú ý giáo dục tới nay **được dồn hầu trọn vẹn vào Trung Tiểu học mà bỏ lơ Đại học:** ngân sách giáo dục năm nay là 8 tỉ thì dành cho trung tiểu học 6 tỉ rưỡi, còn Đại học tất cả chỉ có nửa tỉ không mấy khác chương trình của thực dân đào luyện thông ngôn và bỏ bê Đại học **là đúng đường lối giữ nước mình làm một thị trường tiêu thị hàng cho mẫu quốc**.

Tại sao nay chung ta đã lấy lại độc lập rồi con tiếp tục lề lối làm việc của thực dân. Theo tỉ lệ các nước tân tiến nhất thì cứ bốn sinh viên kỹ thuật mới có một sinh viên văn khoa. Vậy mà nước ta thì có tới **bốn sinh viên Văn khoa chưa chắc đã được một sinh viên Kỹ thuật.** Khi các em học xong trung học không biết đi học ở đâu nữa: cao đẳng kỹ thuật chỉ mở tượng trưng, Y và Dược nhận có hạn và vì vậy là phải vì Y và Dược cũng chỉ là phục vụ việc tiêu thụ.

Còn lại bao nhiêu vì không biết học gì nên phải đổ xô nhau vào trong hai trường Luật và Văn khoa.

Đã nhiều lần bàn tới và chính quyền cũng công nhận bi trạng này, nhưng cuối cùng vẫn thoái thác viện lý do thiếu ngân sách. Và mọi người đều phải chịu vậy chờ khi nào có tiền sẽ hay, y như sự thiếu hụt ngân sách là căn nguyên gây nên tệ trạng này. Nhưng thực sự không phải thế.

Chúng tôi cho rằng ngân quĩ eo hẹp cũng như chiến tranh mới là tùy phu: còn **việc chính thì chưa được nêu ra đó là vấn đề tiêu dùng ngân sách**. Chúng ta hỏi rằng có nên ưu tiên Trung Tiểu học như nay chăng? Hỏi như thế ai cũng sẽ nhận ra rằng ưu tiên phải dành cho Đại học vì chỉ có Đại học mới là nơi sáng kiến phát minh, cao đẳng mới hiện thực tức là kiến thiết quốc gia thực sự, còn Trung Tiểu học chỉ là sửa soạn. **Lo cho Trung Tiểu học mà bỏ bê Đại học thì có khác chi trồng cây chăm cho đến lúc nảy nụ rồi bỏ héo khô, không chăm sóc cho tới lúc kết quả**. Muốn có kết quả thì phải biết lo cho Đại học. Không phải Trung học không cần nhưng nếu vì ngân sách chưa đủ thì tạm hoãn lại vì ở Trung học còn trông vào tư nhân. Ngược lại Đại học vượt tầm với của Tư nhân, nhất là về đàng thành Công. Vì cho được mở những trường cao đẳng kỹ thuật đòi phải có các chương trình 5, 10, 20, 40 năm mới ước đoán được số kỹ sư cần thiết cho mỗi ngành. Điều đó chỉ có Chính quyền mới hiện thực được. Thế mà chính quyền không làm thì tức là bắt nước phải trì trệ trong chậm tiến.

Một chính trị tốt thì bao giờ cũng làm cái dân không thể làm, còn dành lại cho dân cái dân làm được. Trong trường hợp ở đây cái dân không làm được là Đại học, là cao đẳng, lẽ ra chính quyền phải dành ưu tiên cho bậc này.

Thế mà cho tới nay chỉ thấy chính quyền cố sức đua hơi với tư nhân: ngân sách có bao nhiêu cũng giốc hầu trọn vẹn vào việc xây cất các lớp trung tiểu học, hầu như để cuối năm có dịp khoe khoang thành tích bằng thống kê số các lớp được xây cất thêm. Ông nọ truyền cho ông kia vẫn mãi mãi một điệu như nhau cả và như thế là có cả mười mấy năm rồi, không tiến được lấy một bước nhỏ.

Trường sở Đại học Văn khoa vẫn bệ rạc đến nỗi không thể tưởng, thế mà trải qua bao nhiêu chính quyền không tìm thấy được một mống nào biết đến cái quốc xỉ để thấy rằng Đại học Văn khoa dầu sao cũng là bộ mặt tinh thần của đất nước, thì dẫu túng thiếu tới đâu cũng nên cố giữ lấy cái thể diện, nhất là đối với một nước đã có tiếng nhiều ngàn năm Văn hiến, thì tiếc chi giăm ba trăm triệu tu bổ lại để " đói cho sạch rách cho thơm ":

Đấy là những điều cần phải làm vì thế chúng ta không nên ngồi mà chờ ngày có đủ ngân sách nhưng phải vận động cho chính quyền dành tức khắc cho Đại học, nếu không hơn ít ra một nửa ngân sách, tức là 4 tỉ thay vì nửa tỉ hiện nay. Nếu sợ vì đó mà gây ra nhiều lộn xộn trong sự thay đổi kế hoạch thì nên thu tiền học phí trường công để có thể tiếp tục duy trì bộ máy giáo chức nhà nước ở Trung Tiểu học, **nếu có vì thế mà số học sinh Trung Tiểu học bớt đi đôi chút thì cũng mới là sự thiệt hại cho một số cá nhân, chưa phải là nguy cấp cho cả nước như sự tiếp tục chính sách giáo dục hiện hành. Vì nền giáo dục thì là nền giáo dục dẫn quốc dân tới chỗ ăn mày. Bởi vì giốc hầu trọn vẹn tiền vào việc sản xuất ra Tú tài rồi bỏ đấy giở ông giở thằng vì không nơi học thêm.**
Điều cần lo trước hết là trong lúc khó khăn này không phải là lo cho có thêm nhiều cô cậu Tú tài thọt, nhưng là lo cho những cô cậu Tú tài đó trở nên những người tốt nghiệp có thể giúp vào việc kiến quốc, khỏi phải đi thuê chuyên viên ngoại quốc trong khi người nhà thất nghiệp ngồi nhìn. Có được học đâu mà chẳng ngồi nhìn. **Một nền giáo dục có đường hướng phải làm thế nào để các học sinh xong Trung học có trường học thêm, và khi tốt nghiệp có nơi làm việc. Được như thế mới có lối thoát cho bản thân người đi học cũng như đóng góp vào việc kiến quốc.**

Trở lên là mấy điều thuộc thành công và những điều này hiển nhiên ai cũng thấy được, vì thế mà chúng ta có quyền ái ngại hỏi tại sao chính quyền không chịu làm? Tại sao trong lưỡng viện không một ai lên tiếng? và tại sao chính sinh viên học sinh cũng không tranh đấu cho những mục tiêu chính đại quang minh và khẩn cấp cho thân mình như cho đất nước như vậy?

Thưa quí vị chúng ta đã mất quá nhiều năm tháng ngao du hoang phí rồi. Cần phải hành động gấp rút.

Bây giờ tôi xin đề cập đến thành Nhân cần phải có một đường Hướng tức là một cơ sở Tinh thần cho chương trình Giáo dục, để các cái học khỏi rời rạc tản mát. Đó là điều rất hệ trọng vì **cái học mà tản mát sẽ khiến Tâm hồn người đi học cũng tản mát và trở nên nông cạn không nơi bám víu rồi không còn lý tưởng cao thượng: khi học xong nếu không mắc chứng tán loạn tinh thần thì cũng chỉ trở nên những kẻ ích kỷ chỉ biết lo vơ vét cho đầy túi riêng chứ không còn biết tới nghĩa đồng bào, tiền đồ tổ quốc là chi nữa**.
Vì thế để xứng danh với bộ Giáo dục thì cần phải đưa ra một đường Hướng cho Giáo dục, một Chủ đạo. hiếu nó bộ Giáo dục dốc ra bộ học thức với mục tiêu duy nhất là ban phát cho người đi học một số tri thức nào bất kỳ.
Vậy tại sao cho tới nay tất cả mọi chương trình giáo dục đều chỉ là Bộ học vấn, vì chỉ có một chiều? Thưa vì trước hết người ta yên trí đã có hai chiều vì ai cũng cho là đã có Đức dục nó là chiều kích thứ hai đối với chiều kích kia gọi là trí dục. Nhưng trong thực chất thì Đức dục là gì nếu không là Luân lý, Văn chương, và Tôn giáo... Nhưng bấy nhiêu có phải là Đức dục chăng? Vì Luân lý cũng như cả môn công dân giáo dục chỉ đem ra những công thức ước định cần thiết cho đời sống bên ngoài với những lời khuyến thiện. Nhưng đó không là Đức dục vì **Đức dục**

chân thực phải là khoa khai thác được nguồn Linh lực tự trong con người luôn luôn vọt lên. Cho được như thế nó phải đi theo Tâm linh hay là Toàn thể, vì chỉ có Toàn thể mới có sống mà có sống thì mới tự động tự bơm Linh lực cho người học làm cho người học trở nên hăng say thành khẩn với Đức lý.

Cái đó Luân lý có làm được đâu, nó cũng chỉ là một tri thức gởi tới Lý trí với một số câu khuyến thiện gởi tới ý muốn tất cả chỉ có giá trị nhứt thời chưa có chi gởi tới Tâm linh thì sức mấy mà huy động nổi con Người toàn diện cách bền bỉ, cho nên phải dùng đến hứa hẹn là dẫu tỏ ra nó con một chiều y như Trí đức tức Học vấn suông.

Còn **Văn chương Văn học thì chỉ là những môn học thời bình có mục đích đẹp đẽ hoá cuộc đời, vậy nó đòi hỏi có cuộc đời đã mới khả dĩ trang hoàng. Nói khác sứ mạng Văn chương không phải là đào sâu đến tận nguồn Linh lực mà chỉ là trang sức nên cũng không là Đức dục theo nghĩa uyên nguyên.**

Có chăng chỉ còn Tôn giáo, nhưng vì Tôn giáo là một niềm tin không thể bó buộc mà phải để tùy ý mỗi người. Nhưng chính vì vậy mà **có rất nhiều Tôn giáo, vì đó mà không thể đưa Tôn giáo vào. Làm thế sẽ là gieo mầm chia rẽ trong dân nước.**

Bởi thế cuối cùng phải cần đến Triết lý. nhưng nói đến Triết thì lại vấp vào một bế tắc nan giải, là vì **Triết học bàn những cái gì trừu tượng xa thực tế, nên bị coi là xa xỉ phẩm**. Mà quả thực như thế**.**

Lý do sâu xa là vì bên Tây Âu Triết học đã được sáng nghĩ ra do những người tự do sống trên đầu trên cổ nô lệ, mà không biết chi tới những thực tế ăn làm nên những vấn đề Triết học họ đặt ra toàn nằm chình ình bên ngoài đời sống.

Đấy là điều hiện nay đã được nhiều người nhận ra và được nhiều người tìm cách sửa đổi nhưng chưa đạt kết quả, nên **Triết vẫn còn trong tình trạng thập nhị Sứ quân**, **chỉ có thể học hỏi nghiên cứu chứ không thể đưa vào làm Chủ đạo cho nền Quốc học và chính vì đó nên nền Giáo dục của Tây Phương vẫn còn thiếu hồn, thiếu bản chất, là vì nó thiếu yếu tố Qui tụ.**

Bởi vậy nói đến Giáo dục Tổng hợp mà chỉ căn cứ trên Văn hoá Tây Âu thì đó chỉ là nói cho vui truyện. Thiếu yếu tố Qui tụ thì chỉ là Tổng cộng chứ sức mấy mà đáng gọi là Tổng hợp? Và vì thế cuối cùng **chúng ta phải kiến thiết lấy một nền Triết lý mới dựa trên những nguyên lý Lưỡng nhất tính của Việt Nho**, **và được triển khai nhờ những yếu tố của gió bốn phương.**

Nền Triết lý táo bạo này phải là một nền Triết lý Nhân sinh nghĩa là phải đáp ứng được những như yếu của con Người toàn diện cả tư Nhân cũng như công Dân. Cả con người Đại ngã Tâm linh u áo, cũng như con Người bé nhỏ sống trong xã hội chịu những điều kiện của ăn làm thời tiết với những mối giao liên phiền toái.

Ngày nào chúng ta kiến thiết được một nền Triết lý như vậy và ngày nào được chính quyền chấp nhận vào chương trình Giáo dục thì tự hôm đó chúng ta sẽ là nước đầu tiên trên thế giới có một **nền Giáo dục Lưỡng diện tức cũng là bước tiên quyết cho sự phục hưng Đất nước**, **một điều kiện bất khả vô cho bất cứ một cải cách sâu rộng nào; từ hoạt động Chính trị, Kinh tế cho tới hoạt động Văn hoá Xng đem hết Tâm hồn vào thực hiện thì chỉ là những Dự án suông trên giấy tờ. Vậy hỏi cái gì đào tạo nên những Người có Tâm hồn quảng đại bao la đó, nếu không là một nền Giáo dục Lưỡng nhất tinh.**

Bao giờ chính quyền chấp nhận? Theo quan niệm truyền thống "**Quốc gia hưng vong Thất phu hữu Trách** " thì câu hỏi trên cũng có nghĩa là bao giờ chúng ta làm việc để cho có một nền Giáo dục lLỗng diện, và vận động cho nền Giáo dục đó được thực thi. Như thế thì câu thưa không ở xa nhưng nằm ngay trong mỗi người chúng ta. Và lúc ấy câu hỏi bao giờ chính quyền làm, trở thành bao giờ chúng ta sẽ làm ?
Bài này trình bày mấy ý nghĩa đã được phát biểu tron vào buổi nói truyện với sinh viên (Đắc Lộ và Duy Linh) trên vô tuyến truyền thanh vào lối thượng tuần tháng 5-1970

V.- SỨ MẠNG HIỆN NAY CỦA NGƯỜI TRÍ THỨC CÁC TÔN GIÁO

(Phụ trương II)

" Tôi dùng chữ **Trí thức ở đây theo nghĩa rộng lượng bao hàm Thông thái (intellectual) lẫn Thông minh** (intelligent) tuy biết rằng nhiều khi hai phẩm tính đó không đi đôi, nhưng không hẳn thiếu và tôi chỉ muốn nói với những người kiêm cả hai đức tính đó. Tôi nói rằng **Sứ mạng của Tri thức Tôn giáo hiện nay là đức Tương Dung. Một đức cần phải luyện tập cũng như tuyên dương ra rộng rãi.**

Bạn hỏi **hiện nay các Tôn giáo không có đức Tương Dung sao**? Các Tôn giáo đã chẳng sát cánh đánh đuổi thực dân cũng như hiện nay chẳng đang chống lại xâm lăng của cộng sản là gì? Thưa cái đó đúng, nhưng chưa đủ để chứng minh là có đức Tương Dung, vì nó **mới là đợt ngoài** tạm đủ cho những việc khẩn cấp và hiển hiện, thí dụ khi phải đánh đuổi kẻ thù chung: cho nên rất có thể đó mới là sự chịu vậy vì không thể làm khác.
Đó là tâm trạng tiêu cực không xoá bỏ được lòng nghi kị nhè miếng; còn lâu lắm mới đạt đợt tích cực làm bằng lòng kính nể, tương thân, tương ái tự trong lòng phát xuất, **phải có nền móng vững chắc và đã được tài bồi vun tưới**.
Còn hiện trạng trên có thể mới chỉ là một đức tự nhiên có ra đó chứ thiếu nền móng, không được vun tưới hoặc có thể là do hoàn cảnh bên ngoài, nói cho xác thiết là một sự Quân bình lực lượng giữa các Tôn giáo.
Sự quân bình này có ngày sẽ mất khi một trong các Tôn giáo sẽ nắm phần trội và khi nào có phần trội vượt hẳn thì lúc đó cũng sẽ chấm dứt trạng thái hiện nay để mở sang giai đoạn xuất hiện nguyên hình của cái người ta quen gọi là đức Tương Dung mà kỳ thực chỉ là sự khôn khéo tùy thời của óc chinh phục còn đang chờ đời thời cơ thuận tiện để xuất trận. Lúc đó nó sẽ không ngần ngại đàn áp, ép buộc các Tôn giáo khác.
Chưa biết ngày nào cán cân sẽ nghiêng và nghiêng sang bên nào, chỉ biết **hiện nay không một Tôn giáo nào là không mong cầu và tích cực hoạt động để nó nghiêng sang cho Tôn giáo mình. Và như vậy sự bình an hiện nay không chứng tỏ có Tương Dung. Hay nói khác cái gọi là Tương Dung hiện nay chỉ là giả tạo và khi tôi nói sứ mạng là có ý nói đến thứ Tương Dung chân thực làm bằng kính nể tôn trọng lẫn nhau, đặt trên nền móng một tình yêu chân thật không có hàm chứa cái gì là mưu toan là chinh phục. Nếu định nghĩa như thế thì quả là đức Tương Dung còn thiếu và chúng ta phải coi đó như Sứ mạng, bởi vì rất cần thiết cho sự hưng thịnh của Quê nước cũng như cho tinh thần trung thực của Tôn giáo là Yêu thương.**

Vì thế chúng ta hãy trở lại đào sâu vào trong vấn đề. Muốn xác định sứ mạng cho mỗi giai đoạn thì việc làm **trước hết phải là xem vào thực trạng hiện nay cả trên thế giới lẫn trong nước nhà.**

Về **thế giới** thì quả là một thực trạng rối loạn bơ vơ, thiếu hướng. Đó là một sự hiển nhiên, ai cũng thấy. Tuy nhiên có một điểm đáng thắc mắc là **tại sao Nhân loại đang bơ vơ lại không chịu nhận Tôn giáo làm Chủ đạo đang khi các Tôn giáo vẫn không ngớt tự trình bày như một Hướng đạo tinh thần. Điều này có nhiều lý do nhưng đáng chú ý hơn cả thì có hai: một là vì Tôn giáo quá nhiều mà chủ trương lại trái ngược nhau nên chấp nhận Tôn giáo là kim chỉ Nam thì sẽ không đi tới Nam mà có thể là tới Đông Tây tứ phía.**

Lý do thứ hai quan trọng hơn hẳn lý do thứ nhất vì lý do thứ nhất có thể vượt qua bằng một sự tuyển tập ở mỗi Tôn giáo một ít điểm để làm thành món ăn có nhiều mùi vị ai thích mùi nào thì dùng, có nhiều hạng người với tầm mức trí thức khác nhau, thị hiếu khác nhau do phong tục, tính nết, giáo dục v.v. thì đa Giáo có hệ chi. Thế nhưng lý do thứ hai làm cho nó rất hệ trọng đó là xưa nay Tôn giáo hầu hết dễ ghé sang cuồng tín mà đã cuồng tín thì không chịu chấp nhận một Tôn giáo khác và vì thế mà gây nên những xung đột đẫm máu. Những cuộc xung đột này không phải là những bóng ma trơi do người Trí thức suy ra nhưng là có thực và đã xảy ra nhiều nơi kể cả bên Âu Châu là xứ văn minh nhất: những cuộc Thánh chiến, những vụ sát hại tập thể kêu là Saint Barthelemy, những trận chiến 30 năm, rồi một trăm năm và hiện nay là những vụ xung đột giữa Tin lành và Công giáo trên đảo ái Nhĩ Lan.

Bên Đông thì những vụ rắc rối đẫm máu **giữa Hồi giáo và Ấn giáo** cứ lâu lâu lại bùng nổ. Còn bên **Cận Đông** thì cuộc chiến dai dẳng **giữa khối Á Rập và Do Thái** cũng không thiếu yếu tố tôn giáo xen vào nhất là giai đoạn mới rồi khi Roben một người theo Ki Tô giáo đốt đền thờ Alaksa ở Jerusalem được người Ả Rập sùng bái nhất. Vì thế các quốc gia Ả Rập đã đồng loạt đứng lên phản đối mãnh liệt, họ đình công, biểu tình, gào thét đòi phục thù và thế là chiến tranh bùng nổ trở lại và được gọi bằng tên mĩ miều là "Thánh chiến". Cuộc nội chiến ở Biafra cũng phần lớn do Tôn giáo: Nigeria theo Hồi giáo, Biafra phần lớn Thiên chúa giáo.

Đó là Á Châu, còn **bên Mỹ Châu** và nhiều nơi khác vẫn có những cuộc xung đột tuy không lộ liễu nhưng vẫn ngấm ngầm. Chỉ có những nước theo một Tôn giáo mới thoát. Nhưng đó là tình trạng càng ngày càng hiếm hoi.

Bây giờ trở lại nước nhà và ai cũng đã biết hiện nay là một quốc gia đa giáo: Phật giáo, Cao đài, Hoà Hảo, Tin Lành, Công giáo v.v. Trong đó Tin Lành cũng như Phật giáo lại chia ra nhiều phe phái khác nhau. Còn về mối liên lạc giữa các phe các Tôn giáo, nếu phải đi vào tận bề sâu mà nhìn là đối kháng, đố kỵ, hận thù... và điều đang e ngại là lòng đó kỵ khi đã không có gì làm tiêu tan mà còn được vun tưới cho lớn mạnh theo đà đi lên của lòng mộ đạo, đến nỗi hầu có thể nói các phong trào tôn giáo xét về lâu về dài cũng chính là những phong trào phá hại tinh thần đoàn kết quốc gia hơn hết.

Câu đó thoạt nghĩ đã không khỏi làm phật ý, có khi còn gây cả phẫn nộ cho rất nhiều đoàn thể Tôn giáo, nhưng nếu chịu thành tâm suy xét thì sẽ nhận ra là thế, chỉ cần nhớ lại những ngày tháng hãi hùng năm 1965 là lúc sự hận thù đã hiện nguyên hình bằng đập phá, đâm chém và phải kết luận là chưa bao giờ các Tôn giáo đã biểu diễn yêu thương nhau cách chân thành được một phần mười như vậy.

Đấy là một sự thật ê chề đau đớn khiến cho những người chân thành muốn phụng sự cả Quê nước lẫn Đạo pháp không biết phải làm thế nào mà dung hợp. Không lẽ phải chọn một bỏ một: chọn Tổ quốc thì thôi Tôn giáo và ngược lại. Đó là một sự lựa chọn rất đau đớn giữa bên lý bên Tình, chọn Tổ quốc thì có Lý vì trước nạn xâm lăng của Cộng sản thì ưu tiên phải dành cho Tổ quốc. Tổ quốc có còn thì Tôn giáo mới có đất đứng, Cộng sản mà thắng thì mất luôn Tôn giáo cùng với Tổ quốc. Cho nên sự lựa chọn này rất hợp lý.

Tuy vậy khó lòng hợp Tình. Vì Tình cảm với Tôn giáo rất linh thiêng không dễ gì bỏ được, và do lẽ đó **hầu hết sẽ chọn Tôn giáo mà bỏ Tổ quốc**, vì rằng Tổ quốc chẳng qua là tạm bợ đời này, còn Tôn giáo mới là quê thật bền vững thường hằng v.v. Sự chọn này càng dễ dàng vì chẳng ai nghĩ đến mình đã chọn: tức là tất cả yên trí rằng mình đang phụng sự cho cả hai. Và trong Tâm khảm mọi người đều cho sự bắt buộc chọn lựa kia chỉ là điều suy ra trong bàn giấy chứ trong thực tế ai mà có ý chọn như vậy. Điều đó đúng: chẳng có ai nghĩ như vậy, nhưng cũng nên biết rằng ở đời có những cái xảy ra bên ngoài ý nghĩ, ý định, ý muốn... vì bên ngoài tầm Ý thức, như muôn vàn đau thương mà con người gây ra cho nhau không mấy khi do ý muốn cả, trái ngược lại là khác.

Vì thế phải nói rằng sự chọn lựa kia có thực, nó không thi hành trên đợt Ý thức, nói cụ thể là trên bình diện Công dân, vì hiện nay người công dân nào không đi quân dịch, không đóng thuế... nhưng nằm sâu trong bình diện Tâm hồn giáp cõi Tiềm thức nên khó nhận ra. Nhưng ai chịu lặn sâu xuống sẽ nhận ra là có thực và đã có sự lựa chọn dầu rằng đó là một sự lựa chọn đầy nguy cơ dẫn đến chỗ mất luôn cả Tôn giáo lẫn Tổ quốc; vì thế số chọn Tôn giáo đông hơn gấp trăm ngàn lần số chọn Tổ quốc. Vì thế cũng có trăm ngàn lần người đi theo những đường hướng khác nhau mà đã khác nhau là làm suy yếu sự Đoàn kết quốc gia. Nếu suy yếu quá mà bị Cộng sản tràn ngập thì còn chi nữa. Vậy mà điều ấy đang được thực hiện trong xứ sở chúng ta, có nghĩa là người nước ta đang vô tình dẫn nhau đến chỗ chia rẽ làm hại cho cả Tổ quốc lẫn Tôn giáo.

Trước mối nguy cơ đó chúng ta phải làm gì? **Hô hào đồng bào làm ngược lại nghĩa là bỏ Đạo để phụng sự Tổ quốc**? Ai làm như thế là ngố vì hiện nay Tổ quốc có còn cơ sở tinh thần đâu mà bảo chọn được. Và giả sử có đi nữa thì **sự chọn cũng vẫn còn nằm trong Nhị nguyên tức còn phải chọn Một bỏ Một.**

Vậy có cách nào ổn thoả được cả hai chăng? **Tôi nghĩ rằng có và nó ở tại mỗi Tôn giáo hãy tìm trở lại cái nguồn gốc chân thực của mình. Cái nguồn gốc đó là Yêu thương, là Từ bi, là Bác ái... Như câu thánh Jean gọi "Chúa là Yêu Thương = Deus est Charitas". Câu ấy có thể trở thành tiêu chuẩn tối hậu cho chúng là khi tìm Chân lý: nghĩa là tất cả những gì không đi theo tiêu chuẩn đó thì đều sai: và ta có thể tuyên bố rằng những Đố kỵ, Hận thù Hành hung kia đều không do Đạo, mà là do những hoàn cảnh nào đó đã được đưa vào các Tôn giáo để làm sai lạc Tinh thần Tôn giáo đi: "vì lẽ ra Tôn giáo phải là một nhân tố đoàn tụ, thì ngược lại đã trở thành Nhân tố chia rẽ mạnh nhất"**

(nhận xét của Henri de Lubac một linh mục dòng tên).

Tại sao lại có sự đáng buồn đến như vậy. Theo khoa xã hội học thì đại để nó đã xảy ra như thế này: Ai cũng biết Tôn giáo là yếu tố cao cả linh thiêng nhất trong một xã hội, nhờ đó khi nêu cao Tôn giáo thì cũng là củng cố sự Đoàn kết xã hội như thực sự nó đã nhiều lần thi hành được. Thế tại sao ngày nay lại không làm được như trước.

Thưa vì có một yếu tố mới**: trước kia mỗi người dân nước chỉ biết có đồng Hương đồng Đạo nên vấn đề cho Đạo mình là cao trọng nhất không gây nên sự bất tiện nào cả.**

Trái lại ngày nay hầu như không còn nước nào độc Giáo, và sự sống bên cạnh người khác Tôn giáo, khác văn minh đã trở thành chuyện thường nhật. Vậy nếu mọi người đều giữ tâm trạng suy tôn Đạo mình... thì tất không sao tránh được va chạm. Và vì thế sự khôn ngoan sơ đẳng bắt phải dẹp niềm Tin đó sang một bên.

Bằng cách nào?

Thưa trước hết là bằng ngoại giao, nhưng ngoại giao mới là cách cấp thời nó mới kịp che đi sơ sài. Nhưng che đi không có nghĩa là xoá bỏ, là chữa chạy nên óc Độc tôn kia vẫn còn đó, có tài giấu đến mấy thì nó vẫn thò đuôi ra kiểu này hay kiểu khác.
Và cũng chính vì chỗ nửa kín nửa hở nên càng gây thêm ngờ vực đố kỵ. Vậy chỉ có phép là thực tình dẹp bớt niềm tin trên kia lại để nó không bị dốc ra Cuồng tín.
Và đó là điều tôn giáo nào cũng công nhận. Chứng cớ là những lời tuyên bố về thông cảm, đón nhận, đối thoại..., và đã lập ra nhiều đoàn hội kêu là Hoà đồng các Tôn giáo, đến nỗi hôm nay khi tôi nói đến sự cần thiết của đức Tương Dung thì như là lặp lại một chuyện đã được nghe nhiều lần. Sự thực thì không phải thế. Số là những hội Hoà đồng Tôn giáo cũng như các lời hô hào trên kia tuy rất cần kíp, nhưng mới là việc cấp thời chưa tìm ra một nền móng chung nào để làm chỗ đứng cho các Tôn giáo, nên kết quả rất ít và phiến diện. Và chính vì thế mà bên Âu Mỹ hiện đang nổi lên một trào lưu phản kháng ở tại đập phá mọi thể chế và chối bỏ mọi uy quyền. Đại loại luận cứ của họ có thể tóm lược như sau: vì Tôn giáo đã sống quá lâu trong địa vị Độc tôn cao cả, nên bất cứ cái chi liên hệ tới cũng đều được phủ lên một bào quang uy linh tôn kính, đến nỗi có những cái sù sù ra trước mắt kia, như lấn đất, buôn lậu, bắt tay với cộng sản... mà vì nhân danh tôn giáo hay có một liên hệ nào đó với Tôn giáo thì đến ngay chính quyền cũng phải e dè: sợ làm ra sẽ xúc phạm tới tôn giáo, huống hồ những cái khác tế vi hơn thuộc lý thuyết, thói tục v.v. thì ai dám động tới. Bởi thế nên sự trở về nguồn được hết mọi nơi công nhận và hô hào thì trong thực tế không là chi khác hơn là sự đổi kiểu trình bày. Nhưng trình bày kiểu khác không là trở lại nguồn vì trở lại nguồn là đi một "hướng đi khác" (Reorienter):
Mà đi hướng khác là chấp nhận và dọn chỗ đứng cho những yếu tố mới. Yếu tố mới là Liên châu, là giáo dân trưởng thành được quyền suy nghĩ và nhận lấy trách nhiệm về mình... Yếu tố mới đó không thể đưa vào nếu chỉ trình bày Đạo lý cách khác. Trình bày khác thuộc nghệ thuật làm văn không động chạm tới Nội dung và vì thế bao giờ thì cũng như nhau là mở đầu bằng sự nhấn mạnh đến cởi mở, đối thoại rất kêu, nhưng cuối cùng chỉ là để che đậy Độc thoại: sau cũng như trước: vẫn đâu nằm đó, vì thế vẫn dẫn đến chỗ bế tắc. Và đó là lý do trào lưu phản kháng chủ trương dùng phương thế mạnh là đạp đổ, đả kích... có như thế mới trông Tôn giáo giũ bỏ được những cáu bụi làm sáng Tinh thần và Yêu thương trung thực. Vì thế họ cho rằng đả kích Tôn giáo chính là làm bùng nổ lên các phong trào phản kháng ở khắp nơi bên Âu Mỹ.

Cũng may mà trào lưu này chưa lan sang đến Việt Nam, nên chúng ta còn được ít nhiều an tĩnh để kiểm điểm tình hình. Cứ lấy đại cương ra mà bàn thì lý do của họ có cái đúng chi chăng. Nhưng xét về hành động thì không thấy gì bảo đảm, mà còn đi ngược Tâm lý: có đời nào một tâm trạng đã được nuôi dưỡng nhiều ngàn năm bỗng nay đòi đạp đổ ngay đi được. Đừng bảo

rằng nó sai, Nói thế cũng còn là vun tưới lòng tin đó, vì nó sẽ trỗi dậy để tự vệ cũng là củng cố là lớn mạnh...

Đã thế đối với bên Việt Nam thì đường lối phản kháng chỉ thấy có hại, ít ra trong tình thế khẩn cấp của nước nhà. Trong tình thế này cần đoàn kết, nên hết mọi đả phá rộn ràng gây li tán đều nên tránh, vì cuối cùng sự chia rẽ đó sẽ vang dội vào sức mạnh của quê nước. Tuy nhiên chưa tới không có nghĩa là chẳng bao giờ tới và vấn đề đã được đặt ra không bao giờ được tự nhiên giải quyết.

Vì thế **chúng ta nên tìm ra một đường Hướng mới vừa hợp tình trạng đất nước, vừa giúp vào việc xây đắp Quê hương, nâng cao nền Văn hoá dân tộc mà cuối cùng cũng là tìm trở lại tận nguồn suối Phúc Âm, tức cũng là giúp vào việc định hướng lại Tôn giáo (réorientation) đang được nhiều người bên Âu Mỹ (nhất là tu sĩ) mong muốn và vẫn không tìm ra hoặc (?) không có quyền binh nào ngăn trở sự gạt bỏ đi để tinh lọc.**

Vì thế nó có thể coi như ý muốn của Tạo hoá " như Luật Thiên nhiên nên dùng để làm tiêu chuẩn thì không có gì láo cả: lấy Ý của Tạo hoá biểu diễn qua Thiên nhiên để soi vào ý muốn của Tạo hoá được hiện hành trong xã hội loài người là phải, loài người có thể sai lầm, còn thiên nhiên vẫn không bị xuyên tạc hay nếu có đi nữa thì vẫn có thể dùng lý trí suy luận mà phân tích chối bỏ... không động đến uy quyền như đối với Tôn giáo, vì thế vẫn dễ làm hơn.

<u>Đạo thiên nhiên đó đối với nước ta là Đạo làm Người hay là Việt Nho</u>.

Theo đó thì yêu thương trung thực cũng là Tương Dung chân thực vì Tương Dung chân thực phải là một Nhân Đức mà đã gọi là Nhân Đức thì phải dựa trên một nền Triết lý Nhân bản. Có Nhân bản mới gọi được là Nhân đức thiếu nó chỉ là Đạo đức theo nghĩa Đạo của Tôn giáo mà không là Nhân đức theo Tính bản nhiên con Người.

Còn khi thiếu Triết lý thì không phải là Đức hiểu là Linh lực Nội khởi tự phát bởi Thâm tâm mỗi Người mà chỉ là công thức, là sự hoà đồng với công ước vậy thôi. Hay nói khác đó chỉ là Xã Đức, chưa là Nhân Đức vì chưa có nền tảng đích thực.

<u>Bởi thế cần một nền Triết lý, nhưng không phải bất cứ Triết lý nào nhưng là một nền Triết lý xây trên Nhân tính con Người. Có y cứ trên Nhân tính thì con người mới có nền móng chung để nương tựa và để chấp nhận lẫn nhau.</u>

<u>Sở dĩ Tôn giáo hay gây chia rẽ vì Tôn giáo dựa theo quá nhiều Tập tục. Điều đó cần thiết ở giai đoạn sống cách biệt nhưng trở thành Nhân tố Chia rẽ trong thời đại liên châu, cần những cái gì phổ biến, thế mà tập tục vì là sản phẩm của từng nơi, từng thời, nên là toàn yếu tố dị biệt nên người xưa nói = "Tập tương viễn" nghĩa là Tập tục làm người ta xa nhau. Phải có Tính mới làm cho người ta gần lại " Tính tương cận" gần lại là đoàn kết yêu thương.</u>

Vì thế mà **cần học hỏi nghiên cứu tài bồi nền Triết lý về Nhân tính.** Đến nỗi tôi coi đó là sứ mạng hiện đại của người Trí thức của mọi Tôn giáo. Sứ mạng có nhiều, nhưng khi nói đến Trí thức thì tất nhiên phải nói tới học hỏi nghiên cứu.

Nghiên cứu Tôn giáo hay Triết lý đều khác với nghiên cứu các ngành khác ở chỗ vừa đi về Nguồn suối vừa là những điều thiết yếu cho con Người. Mà vì hoàn cảnh đặc biệt của lúc

này nên nghiên cứu Triết lý cần cho Nhân loại hơn vì hiện nó đang tan rã chia ly mạnh mà chưa tìm ra được nền móng kết hợp. Đó là điều ít được nhận ra.

Hiện nay ai cũng cho đức Tương Dung là cần. Mọi tôn giáo đều hô hào, nhưng đồng thời hết mọi Tôn giáo đều nỗ lực cổ võ học hỏi Đạo của mình, còn Nền móng chung của mọi con Người thì không ai ngó ngàng chi tới hết. Thế nghĩa là nếu phải nói toạc ra thì hết mọi Tôn giáo đang vô tình Gieo Gió rồi sẽ có ngày con người phải Gặp Bão, bão Hận thù, Đâm chém, Đốt phá.

Bởi vậy những người yêu nước chân thành, những người có lòng Nhân ái thực, những người chịu xem ra thì nhất định phải hoạt động cho sự lớn mạnh của một cội Gốc chung cho mọi con Người, cho mọi người Dân: Vi Cội gốc đó có được vun tưới tài bồi mới có ngày nở ra hoa trái thực.
Nền móng đó là Nhân bản Tâm linh cũng là nền Đức lý của Việt Nam chúng ta xưa kia, nhưng nay chúng ta đã đánh mất, mà vì chưa đâu đưa ra được nền móng mới thay vào, nên chúng ta phải làm phục hoạt lại nền Nhân bản của Tiên tổ đã sống giữa cảnh đa Giáo nên đã giàu kinh nghiệm về Tương Dung và đã được kết đúc vào Việt Nho.

Vì thế nó đã chứng tỏ cái khả năng hiện thực đức Tương Dung chân thực cho nên khi ta làm phục hoạt lại được cái tinh hoa đó thì một trật chúng ra có Đức Tương Dung cũng như có được cơ sở tinh thần chung cho mọi người dân trong nước, đồng thời có thể đóng góp vào thế giới trong việc định hướng đời sống con người hiện đang lạc hướng. Và rồi cuối cùng là tìm trở lại được cái tinh hoa cả Tôn giáo là Bác ái, Từ bi. Như thế là với Một hòn đá mà được Ba chim. Đó là một viễn tượng huy hoàng đủ sức đem lại cho chúng ta lòng can đảm cần thiết trong con đường mới này, một đường đòi phải có Trí, Nhân, Dũng đến tột độ.
Phải dùng Trí tuệ một cách bền gan mới nhìn ra nổi đường hướng mới như mỗi lần Nhân loại bước vào một khúc quanh lịch sử. Lúc còn đi đường thẳng thì chỉ việc theo đường đã có sẵn. Còn ở khúc quanh thì đi đường cũ sẽ là đi vào đường cụt: trước sau gì ác quả cũng sẽ tới. Thế nhưng con đường mới chỉ hiện ra cho những người có óc thông minh trí tuệ và bền bỉ lam việc.
Ngoài ra còn phải có đức Dũng cảm phi thường vì bước chân lên đường mới cũng có nghĩa là hành xử khác với lân nhân, khác với sự xét đoán của dư luận quanh mình. Đã thế thì không thể trông chờ sự khuyến khích mà chỉ phải dọn sẵn Linh hồn đón nhận chỉ trích, ruồng bỏ, khinh bỉ hắt hủi, cô đơn, cám cảnh.... nhưng cũng phải chấp nhận, vì thâm tin rằng "Thiên Chúa là Yêu Thương" nên bao nhiêu cố gắng cho sự lớn mạnh của Yêu thương cũng chính là những cố gắng cho chân Đạo. Đàng khác phải nhớ rằng có còn Tổ quốc mới còn Đạo, cho nên hiện tại tuy đành ưu tiên cho Tổ quốc nhưng tựu kỳ trung cũng là lo cho Đạo, lo cách sâu xa nền móng.

Vì những lý do rất nghiêm trọng như thế cho nên mặc dầu ý thức được biết bao khó khăn chờ đón, tôi vẫn cương quyết nói rằng sứ mạng của người Trí thức các Tôn giáo lúc này là phải gây nên sự trỗi dậy mạnh mẽ Tinh thần Quốc gia, một Đạo lý về Tổ quốc, tức là một nền Triết lý Nhân sinh. Xưa nay ai cũng nghĩ là mình đang phụng sự Tổ quốc nhưng xét về phương diện học hỏi Nền móng vẫn trống trơn, ngoài những bổn phận Công dân thì về đàng Đạo lý Quốc gia hoàn toàn không có gì. Điều đó lỗi không tại người Tôn giáo, nhưng chỉ vì hiện Tổ quốc chưa có Chủ đạo. Làm thế nào cho Tổ quốc có được một Chủ đạo thì

đó là bổn phận của mỗi người Công dân, và tôi gọi đó là sứ mạng vì nó bao hàm sự tìm kiếm và đi tiên phong nên khó hơn nhiều, vì thế mới phải chờ mong ở những phần tử sáng suốt nhất Trong mọi Tôn giáo và cả Ngoài các Tôn giáo nữa. "

X.- CHUNG QUANH QUYỂN HIẾN CHƯƠNG GIÁO DỤC

(Phụ trương III)

" Quyển Hiến chương giáo dục đã đưa lại cho chúng tôi một câu hỏi liên quan tới Kinh điển và Sinh ngữ. Về kinh điển chúng tôi sẽ trả lời trong quyển "từ Việt Nho tới Hán Nho" ở đây xin **trả lời về vụ Sinh ngữ.**

Một hai độc giả chống việc bắt học thuộc lòng, một hai người khác chống việc đưa Sinh ngữ vào Tiểu học.

Về điểm nhất xin thưa rằng đó là **kinh nghiệm bản thân của chúng tôi**. Lúc xưa chúng tôi không hề gặp người Pháp nào, còn giáo sư thì cũng chỉ trình độ sơ học tức là nói dăm ba câu vụn vặt, làm sao mà có thể dạy cho học trò giỏi sinh ngữ. Trong lớp tôi có mấy bạn rủ nhau học thuộc lòng các bài lecture. Sau mấy tháng trời đột nhiên thấy nói tiếng Pháp được. Tất nhiên giọng nói dở nhưng đã có thể nói những chuyện thông thường và sau vài năm đã có vẻ lưu loát, tất nhiên là một thứ tiếng Pháp hàn lâm. Trong khi đó có những bạn đồng lớp chuyên học ngữ luật và vocabulaire học hết quyển tự vị Barbier từ vần A đến Z thế mà không nói được mặc dầu nhiều người trí óc thông minh.

Đến nay tôi mới nhận thêm được bằng chứng là lối học thuộc lòng mà chúng tôi bó buộc "sáng tạo" ra khi xưa lại được chứng minh là phương pháp dạy ngoại ngữ hay nhất, đã được một số giáo sư công nhận.

Trong đó tôi xin kể tới **phương pháp Mim-Mem** (mimic-Memorize) do ông William L.Clark áp dụng trong quyển "Spoken American English" phương pháp đã đặt trọng tâm vào việc học thuộc lòng một số bài, con ngữ luật thì chỉ được coi là thứ yếu và luôn luôn đi sát bài mẫu học thuộc lòng. Những bài đó không cần dài nhưng buộc phải học rất kỹ để có thể đọc cách tự nhiên như nói, trong khi đó làm cử động y như lúc nói chuyện thường. Kết quả đã tỏ ra hữu hiệu hơn tất cả các phương pháp khác.

Và điểm **đưa Sinh ngữ vào tiểu học**, có thể lớp tư, ba (10,9) bị một số kêu là quá sớm. Nhưng chúng tôi thấy ngoài những lý lẽ đã đưa ra trong quyển Hiến Chương thì còn một khám phá của khoa ngữ học đó là cơ cấu mà trước kia ngữ luật không biết.

Vì ngữ luật ngừng lại ở đợt Ý thức, còn cơ cấu nằm sâu trong Tiềm thức.

Chính nó mới giải nghĩa được tại sao trẻ nít chỉ nghe những câu vắn, rời, không trọn vẹn thế mà rồi chúng nói rất đúng đó là nhờ cơ cấu ngôn ngữ đã in vào tiềm thức, mà khi đã in vào tiềm thức thì khỏi cần suy nghĩ, vì suy nghĩ thuộc đợt ngoài ý thức.

Tiềm thức tác động mạnh nhất cho tới lối 12 tuổi, chung quanh tuổi đó lý trí ý thức phát triển dần lấn đất của tiềm thức. Chính điều đó giải nghĩa tại sao **học Sinh ngữ càng sớm càng mau**, **càng muộn càng dở**. Muộn quá thì chỉ con có ý thức xoay xở, nên người học muộn phải vừa nói vừa nghĩ đến ngữ luật chứ không thể buột miệng nói ra như khi học còn nhỏ. Vậy **muốn cho cơ cấu Sinh ngữ dễ được in vào Tiềm thức thì nền cho học lối lớp tư ba trở đi.**

Và tất nhiên phải học thuộc lòng mỗi tuần một bài, không cần dài chỉ cần một phần tư trong quyển English for today đã đủ, miễn phải học thực kỹ, đọc trơn tru đến độ Mim-Mem. Ban đầu có thể tuần một bài đã đủ, quan trọng là ngày nào cũng bắt đọc. Như thế hết tiểu học thì hầu hết các em đã nói được rồi. Đó là những điểm trái với "phương pháp" được áp dụng hiện nay gởi trọn vẹn cho ý thức tức học đã muộn thế mà trọng tâm lại đặt ở ngữ luật và mots de famille. Dậy như thế thì có thêm giờ sinh ngữ cũng không nói được, và lúc phải nói thì phải vận dụng toàn ý thức, tức vừa nghĩ đến ngữ luật vừa nghĩ đến các tiếng rời. Kết quả là một thứ ngoại ngữ kỳ cục, được rặn ra một cách rất khó nhọc. Ai cũng than phiền về chuyện học sinh quá kém ngoại ngữ. Cái đó quá rõ và nó không vẻ vang tí nào cho lề lối đang áp dụng hiện nay mà phải bênh vực. "

Bài nói truyện với một nhóm sinh viên Công giáo, nhưng vấn đề có tầm chung cho mọi tôn giáo trên cả hoàn cầu, nên xin đổi chữ công giáo ra tôn giáo và in thêm vào phụ trương ./.

Y.-NGUỒN GỐC THÁI HÒA CỦA NỀN VĂN HÓA DÂN TỘC

Theo Triết *gia Kim Định thì muốn xây dựng một nền Giáo dục thì phải đề cấp tới hai phần chính:*

Phần thứ nhất là Hiến chương *tức là đường Hướng Giáo dục như Định hướng giáo dục, Mục tiêu của Giáo dục, Nội dung Giáo dục của các cấp từ Tiểu, Trung tới Đại học được y cứ vào Bộ sách Dân tộc.*

Phần thứ hai là phần Lập pháp *gồm phần soạn thảo Chương trình Giáo dục các cấp, phần này thuộc về Bộ Giáo dục.*

Trong các Cơ chế Xã hội ***như Kinh tế, Giáo dục, Văn hoá, Xã hội, Chính trị*** *thì Cơ chế nào cũng quan trọng cả, các Cơ chế lại có mối Liên hệ Cơ thể với nhau, không thể tách rời, tựu trung thì Kinh tế và Giáo dục là hai nền tảng của các cơ chế khác, nên việc đầu tiên là Xã hôi phải lo cho toàn dân có ăn no mặc ấm nghĩa là " **Phú chi** "để **Cải tiến Dân Sinh**, và đồng thời phải " **Giáo chi** " để " **khai Dân Trí " hầu " chấn hưng Dân khí " .***

Không chấn hưng được Dân khí để xây dựng các Cơ chế Xã hội cho phát triển điều hoà thì không thể có đủ Nội lực để giữ nước được yên và phát triển nước được giàu mạnh, trong đó Phú Chi đứng hàng đầu, vì không có ăn là không tồn tại, lại nữa " không có Thực thì không vực được Đạo làm Người "

Vậy một số vấn đế cấp bách được nêu ra:

1.- Con Người là ai? Từ đâu đến ? và khi sống thì làm gì ? và khi chết đi về đâu?

2. Khi sống trong Xã hội thì làm sao mà đoàn kết với nhau để sinh tồn mà Xây Nhà Dựng nước và Giữ nước ?

3.- Muốn đoàn kết với nhau thì cần phải có những yếu tố nào?

4.- Trong cuộc đấu tranh cho cuộc sống hàng ngày thì mỗi cá nhân gặp những khó khăn gì với chính cá nhân mình, những khó khăn nào trong Gia đình cũng như khó khăn đối với Thiên nhiên, đối với Cộng đồng cũng như đối với Quốc gia khác.

5.- Phải làm gì để xây dựng đời sống Tinh thần và Vật chất giúp cho Gia đình được an vui hạnh phúc?

6.- Muốn xây dựng các Cơ chế xã hội được tiến bộ và bền vững thì phải làm sao?

7.- Muốn chống nạn ngoại xâm " Dĩ cường lăng nhược " thì phải làm những gì?

8.- Cuối cùng là khi qua đời thì còn lại những gì, nếu có linh hồn thì đi với ai và về đâu như ông Hồ ?

Đó là những câu hỏi mà cộng đồng Nhân loại phải trực diện để giải quyết cho ổn.

Để trả lời những câu hõi trên thì phải cậy đến ngành Giáo dực vì " Bất Học vô thuật" Không học để biết " <u>cách làm Người</u> " sống Hoà với nhau cũng như " <u>cách Làm ăn</u> " được hiệu quả thì con người bị rơi vào vòng khổ lụy,
Muốn trả lời thoả đáng những vấn đề trên thì cần phải một sự hiểu biết Rộng và Sâu và sự hiểu biết phải có Hệ thống. Hệ thống đó phải Thống nhất và phải có Mối Liên hệ Nhất quán HÒA.

Câu trả lời nằm trong nền Văn hóa Thái Hòa Việt, đó là Việt Nho từ Cơ cấu Ngũ hành với Tinh thần Triết lý An vi.

Việt Nho có Cơ cấu: 2-3, 5 từ Ngũ hành và Nội dung là:

Số 2: Thái hòa
Các cặp tiểu Thái cực *bắt nguồn từ Thái cực được sinh hoá theo hai Chuẩn tắc:*

1.-Chấp kỳ Lưỡng đoan *:* *tất cả mọi cặp đối cực trong Vũ trụ đều được phân ra từ Thái cực có cùng Bản thể nên không loại trừ nhau mà phải chấp nhận nhau.*

2.- Doãn chấp Kỳ Trung*:* *Tuy cặp đối cực có mâu thuẩn với nhau nhưng phải đối thoại với nhau theo đường lối Chính trung tức là lẽ Công bằng để đạt tới giải pháp lưỡng lợi mà hoà với nhau, đó là nguồn mạch của* ***Tiến bộ*** *trong trạng thái Quân bình động nên luôn ổn định nên luôn luôn Hòa gọi là* ***Thái hòa*** *, đó chính là nguồn sinh sinh hoá trong Vũ trụ theo Dịch lý.*

Số 3: Con Người Nhân chủ*:* *Con Người không Duy Tâm để bị kéo Lên mà bị Mê tín dị đoan, cũng không duy Vật đè Xuống để dơ nắm tay chém giết cướp dật nhau mà đi dành miếng ăn, mà sống theo Dịch lý cũng là Thiên lý nên phải tự Lực tự Cường để có cuộc sống tự Chủ thuận theo Thiên lý, nên* **con Người Nhân chủ *là* con Ngươi tự Chủ, tự Lực, tự Cường**.

Số 5: **Nguồn Tâm linh** *(Hành Thổ) là : Nguồn Sống / Nguồn Sáng (thuộc trục Tâm linh : Thủy / Hỏa)*

Nguồn Sống **Vật chất.**
Nguồn Sáng: **Tinh thần***:*

1.- **Nhân / Nghĩa; Hùng / Dũng** ở **<u>Việt Nho</u>**
2.- **Từ bi / Trí tuệ; Hỷ xả** nơi **<u>Phật giáo</u>**
3.- **Bác ái /Công bằng; Tha thứ** nơi **<u>Kitô giáo</u>**.

***Những giá trị cao cả của Việt Nho, Kitô giáo và Phật giáo* mang Bản chất Hoà.**

Việt Nho và Triết lý An vi được tóm lại vào 6 chữ : " **THÁI HÒA. NHÂN CHỦ, TÂM LINH** ***" nhờ cách tác hành (của các Hành Ngũ hành) theo lối:*** **CHÍ TRUNG HÒA.**

Cần hiểu rõ nền Văn hoá Thái hòa Việt để nhận ra Tinh thần Hoà nằm tiềm ẩn trong Vũ trụ quan và Nhân sinh quan của Việt Nho, sở dĩ tinh thần Hoà tỏa lan như thế là nhờ mọi Cơ cấu Vũ trụ và Nhân sinh đều được sắp xếp theo Cơ cấu Ngũ hành từ cặp đối cực Âm / Dương hòa. Âm Dương hoà là cặp đối cực tổng quát gọi là Thái cực có cấu trúc Nhất nguyên lưỡng cực, nhờ " tương thôi " tức là vừa đấu tranh vừa hợp tác nên cặp đối cực luôn được Tiến bộ và Ổn định nhờ đạt thế Quân bình động.
Ta thấy từ Thái cực Âm Dương được phân ra hai cặp đối cực Thủy / Hỏa, Mộc / Kim. Ngũ hành là Cơ cấu của Vũ trụ và Nhân sinh.

(Xem bài Bàn về Cơ cấu Ngũ hành của Việt Nhân trên vietnamvanhien.net.index ***)***

Chúng ta thấy Tinh thần Hoà của Việt Nho lan tỏa khắp mọi cấp bậc, do động lực của nguồn Dịch lý Âm / Dương Hòa:

1.- **Trên Cấp Vũ trụ*****: thì Âm / Dương hoà: chúng ta thấy các cặp đối cực Gái / Trai, Mái / Trống, Cái / Đực, Nhụy Cái / Nhụy Đực khi kết hợp làm Một với nhau hay Lưỡng nhất thì tạo ra nguồn Sinh sinh Hóa hóa trong Vũ trụ.***
Khi Sức Ly Tâm / Sức Quy Tâm, Tán / Tụ, Thời gian / Không gian, Vũ / Trụ . . . có đạt thế Quân bình động hay Lưỡng nhất thì mới duy trì được nguồn Biến dịch Bất biến trong Vũ trụ ở trạng thái Quân bình động tức là cái Hoà linh động theo từng Thời điểm nối tiếp nhau .

2.- Trong con Người***. Khi một Người sống theo Tiêu chuẩn Tình / Nghĩa lưỡng nhất thì đạt Thân an / Tâm lạc.***

Muốn có Tình Nghĩa thì phải Tu Thân theo Ngũ Thường: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín , (Lễ, Trí, Tín đều có hai chiều, có thể tóm lại thành Nghĩa, nên Ngũ thường có thể gom lại thành Nhân / Nghĩa)

3.- **Trong Gia đình.** ***Khi Gái / Trai sống theo Tình / Nghĩa Vợ / Chồng hài hòa thì thuận hòa với nhau mà lập nên Tổ Ấm làm nền tảng cho Xã hôi.***

4.- Trong Quốc gia ***khi mọi công dân đều hành xử với nhau Theo Tình / Nghĩa Đồng bào với lòng Bao dung để giúp đoàn kết với nhau mà chung Sức xây dựng và bảo vệ Nước.***

Ngũ thường thuộc về Cá nhân, Ngũ luân thuộc về Công thể. Ngũ luân là 5 mối Liên hệ Hòa theo Nhân / Nghĩa trong xã hội, các mối Liên hệ đó là :

a.- Vợ / Chồng,
b.- Cha Mẹ / Con cái,
c.- Anh Chị / Em,
d.- Nhân dân / Chính quyền,
e.- Đồng bào với nhau cũng theo Tình / Nghĩa .

5.-Trong Lộ đồ Trị, Bình *thì phải đem* ***Đạo lý Nhân sinh vào Các Cơ chế Xã hội*** *để thiết lập cho đươc Các Cơ chế xã hội* ***vừa Tiến bộ vừa ổn định****, nên không thể không* ***đem Tinh thần Dịch lý của nền Văn hoá Thai hòa vào*** *một cách thích hợp. Đó là :*

Về Chính trị *thì cặp đối cực* ***Nhân quyền / Dân quyền*** *phải điều hòa sao cho Lưỡng nhất*

Về Kinh tế *thì cặp đối cực* ***Công hữu / Tư hữu*** *phải điều hòa sao cho Lưỡng nhất.*

Về Giáo dục *thì cặp đối cực* ***Thành Nhân / Thành Thân*** *phải điều hoà sao cho Lưỡng nhất.*

Về Xã hội *thì cặp đối cực* ***Dân sinh / Dân Trí*** *phải điều hòa sao cho Lưỡng nhất.*

6.- Trên bình diện Quốc tế *thì theo Tinh thần* " Tứ hải giai Huynh / Đệ " *, mọi người đều lấy Tình thương / Lý Công chính và đức Tương dung mà xử Hòa với nhau.*

7.-Trên cấp Triết lý *thì: Khi Triết lý Vô vi / Triết lý Hữu vi Lưỡng nhất thì đạt An vi để có An hành mới sống Hoà với nhau được.*

Do đó mà Trung Dung có câu:

Trung giả Thiên Hạ chi đại Bản: *Hai bên (Chấp kỳ Lưỡng đoan) biết chấp nhận nhau là điều tiên quyết để đối thoại với nhau mà giải quyết Bất Hòa.*

Hoà giả, Thiên Hạ chi đạt Đạo*: Hoà là khi cã Vũ trụ đạt được Tiết nhịp hòa của Đạo Đạo Âm Dương hoà, Hòa được là nhờ hai bên hành xử theo lối Chính Trung (* Doãn chấp kỳ Trung)

Thiên Địa vị Yên: *Khi mọi thứ trong Vũ trụ đều sắp xếp theo Cơ cấu Ngũ hành, tức là theo* ***các cặp đối xứng với nhau qua Tâm hay Trục đối xứng.***

Vạn vật dục yên: *Khi đó thì vạn vật đều được nuôi dưỡng để Tồn tại và Phát triển nhờ được vận hành theo Dịch lý..*

CHÍ TRUNG HÒA: *Có hành xử mọi thứ theo lối Chính trung (Công bằng) thi mới đạt Thái Hòa.*

Triết gia Kinh Định đã mài miệt 50 năm mới khai quật lên được nền Văn hoá Thái hòa Dân tộc Việt , nền Văn hóa này đã bị nạn " Dĩ Cương lăng Nhược " của Bắc và Tây phương làm cho tiêu trầm qua hàng ngàn thế kỷ.
Triết gia đã để lại cho chúng ta những công trình độc đáo bao gồm những tư tưởng rộng sâu được trích ở trên, giúp khai ngộ chúng ta về nền* Giáo dục Lưỡng diện mang bản chất Tiến bộ và Thái hòa, nên Giáo dục mang bản chất Thái hòa, nhờ có một Hệ thống Cơ thể *Thống nhất được liên kết bởi nét Nhất quán tiểu Thái cực mang Bản chất Tiến bộ luôn ở trạng thái Quân bình động (Dynamic equilibrium) hay luôn Ổn định..

Qua đó, chúng ta có thể lần ra:

1.*- Giáo dục là gì? *Dạy con Người điều Nhân ái giúp con Người làm điều Công chính, tức là theo tiêu chuẩn Nhân / Nghĩa .

2.*- Mục tiêu của Giáo dục*: Đào luyện cho con Người thành Nhân để có Tư cách để không làm điều Bất công và thành Thân để có Khả năng hầu ăn nên làm ra mà sống, khỏi phải ăn cướp.

3.- Hướng của Giáo dục*: Thống nhất trong Hòa hợp, tránh lối Đồng nhất theo con đường cực đoan bóp nghẹt sự sống của con Người. Thống nhất trong sự Chân thực nghĩa là chấp nhận mọi Khuynh hướng dị biệt, dành cho mỗi khuynh hướng một chỗ đứng, tất cả sinh hoạt phải tuân theo một Tiết nhịp hài hòa giúp cho sự sinh hoạt cộng đồng được tồn tại và phát triển, đồng thời cũng thống nhất trong hành động nghĩa là không chỉ Cưỡng hành để áp bức bóc lột nhau hay Lợi hành mà cấu xé nhau mà An hành theo Chính nghĩa để sống hòa với nhau. (An hành là lối hành Chiết trung giữa Cưỡng và Lợi hành)*

Muốn vậy phải đi lên tận nguồn Tâm linh mới đủ hai chiều Rộng Sâu mới dung thông nổi mọi Dị biệt, đó là Thái cực .

4.- Phân biệt hai lối Giáo dục:

Đồng nhất: Là lối Giáo dục độc hữu, nhồi sọ và Suy nghĩ hộ.

Giải phóng: là lối Giáo dục thanh thoát, không lấy sách vở làm tiêu chuẩn tối hậu, tránh công kích để Dung thông với nhau.

5.- ***Triết lý nhân sinh là Triết lý nuôi dưỡng và thăng hoa cuộc Sống con Người , mọi Người: Trong 3 nhu yếu của Thiên Tính về: Thực Sắc, Diện, thì:***
Thực *để nuôi sống* ***Vật chất cho được khỏe mạnh.(Phú chi)***
Sắc, Diện *để thăng hoa cuộc sống* ***Tinh thần con Người cho được minh mẫn. (Giáo chi)***

Đó là nhu yếu thiết thân, chứ không cần đến lý tưởng cao vút trên Trời hay sâu tận dưới Đất khó mà đạt tới.

Thực, Sắc, Diện *là nhu yếu của mỗi con Người và mọi Người để đáp ứng với Tinh trạng* ***Đạo Tâm suy đồi, Nhân Tâm ly tán*** *hiện nay.*

Muốn được vậy thì phải cần tới Triết của Đông phương với ***Triệt Thượng và Triệt Hạ. Triệt Thương*** *để vươn tới* ***nguồn Linh lực nơi Tâm linh****, để nối kết mọi người lại với nhau,* ***Triệt Hạ*** *để khám phá ra những* ***định luật Khoa học nơi Vật chất*** *để giúp mọi người Ăn nên Làm ra và đồng thời phải làm sao cho hai lãnh vực* ***Thượng Hạ được Lưỡng nhất*** *thì mới cung cấp điều hòa nhu yếu Vật chất và Tinh thần cho* ***con Người phát triển toàn diện, như vậy mới đạt Minh Triết.***

6.- Hai nền tảng của Giáo dục: Huấn linh & Bác vấn

Huấn linh: Muốn huấn linh thì phải có **Cơ sở Tinh thần** đề y cứ vào mà đào luyện mà bồi dưỡng cho nhập thần như Thần linh, đây là **chiều Sâu,** như vậy thì phải vươn tới nguồn **Tinh thần** nơi Tâm linh.

Bác vấn: phải Quảng vấn tức là học Rộng. Bác vấn là **chiều Rộng** để hiểu thấu những định luật Khoa học về **Vật chất** .

Ngoài ra phải điều hòa cho Hai chiều Rộng / Sâu hay **Khoa học / Tâm linh được lưỡng nhất hay hoà hợp cân đối với nhau.**

7**.- Bộ sách Dân tộc:** Là những yếu tố làm nên Dân tộc như Đất đai, Giòng máu, Tiếng nói tuy quan trọng, nhưng một **Cơ sở Tinh thần làm cho Dân tộc được vững mạnh và trường tồn** lại quan yếu hơn.

Sứ mạng của nền giáo dục Quốc gia chính là gây dựng vun tưới cho Cơ sở Tinh thần nói trên. Nó làm cốt tuỷ cho cái gọi là Huấn linh, tức là huấn luyện cho dân nước có một cái Hướng sống lý tưởng. Để chu toàn Sứ mạng trên, điều cần trước hết là phải có Bộ Sách Dân Tộc. Mà đã là sách Dân tộc thì phải có Kinh Điển.

8.- Nội dung của Bộ sách Dân tộc phải gồm 4 Pho: **Kinh, Triết, Sử, Văn**

BỘ SÁCH DÂN TỘC

Những yếu tố làm nên Dân tộc như Dất đai, Giòng máu, Tiếng nói tuy quan trọng, nhưng một Cơ sở Tinh thần làm cho Dân tộc được vững mạnh và trường tồn lại quan yếu hơn.
Sứ mạng của nền giáo dục Quốc gia chính là gây dựng vun tưới cho Cơ sở Tinh thần nói trên. Nó làm cốt tuỷ cho cái gọi là Huấn linh, tức là huấn luyện cho dân nước có một cái Hướng sống lý tưởng. Để chu toàn Sứ mạng trên, điều cần trước hết là phải có Bộ Sách Dân Tộc. Mà đã là sách Dân tộc thì phải có Kinh Điển.

Sách Kinh điển phải hội đủ các điều kiện sau: **Nhân bản, Tâm linh, Giải phóng, Bình dân và Trường tồn** (lâu đời), như đã bàn ở trên.

Nhân bản: *Đáp ứng được Nhu yếu thâm sâu của con người hợp với Thiên lý.*
Tâm linh: *Nguồn Sống (Vật chất) và nguồn Sáng (Tinh thần) .*
Giải phóng*: Phải biến dịch, luôn đổi thay.*
Bình dân: *Ai ai cũng tham dự vào được.*
Trường tôn: *Không là nhu cầu giai đoạn.*

Triết lý là những sách bàn về Đạo lý hàm chứa trong Kinh Điển, bằng đua ra một số khía cạnh nào đó, bàn cho xác đáng và có lý giải, vì thế **Triết lý không đáp ứng đủ năm điều kiện trên kia, thí dụ lối Văn có luận chứng gãy gọn, hệ thống, chứ không là lối Văn âm u hàm hồ của Kinh Điển.**
Triết lý thường xuất hiện về sau, không bao gồm được những thế hệ xa xưa như Kinh Điển. Vì thế, **Kinh điển chỉ có một mà Triết lý thì có nhiều**: mỗi giai đoạn cần một triết lý mới, Viễn

Đông đã có những nền triết lý của Mạnh Tử, Tuân Tử, Đổng Trọng Thư đời Hán, rồi Chu Trình đời Tống và Vương Dương Minh v. v. . .
Khi Triết lý không y cứ trên Kinh Điển, thì thường bàn tùm lum những vấn đề ngoài Thân Tâm con người và ta sẽ gọi là Triết học, thí dụ Triết học duy niệm của Tây Âu.

Sau triết lý là **Văn chương như Thơ, Phú, Tiểu thuyết, Tuồng, Kịch** . . , nó **có nhiệm vụ nhắc nhở đến Đạo lý** cho người đã học và đang bận những việc khác không còn thì giờ rảnh rỗi để học, đúng hơn đã học về căn bản rồi, nay cần học hỏi để phát triển thêm.
Văn chương thuộc Văn hoá hậu trường, nên phải viết một cách nghệ thuật, nghĩa là dùng những câu nói khéo, những ý tưởng đẹp và lôi cuốn, để cho người ta dễ nghe ,dễ chấp nhận. Cũng vì thế mà Văn nghệ phải thay đổi dạng thức luôn luôn, nên **Văn nghệ năng thay đổi hơn Triết**.
Văn nghệ đổi mười, Triết chỉ đổi một hai, còn Kinh Điển không bao giờ thay đổi. Vì thế mà Kinh Điển là sợi giây nối kết các thế hệ khác xa nhau rất nhiều .Sự phân biệt trên giúp ta giải quyết những thắc mắc giữa Tiến hoá và Truyền thống.
Về phía trung thành với Truyền thống đã có Kinh, còn phía Tiến hoá theo thời đã có Truyện tức là Triết lý và Văn nghệ. Tiền nhân chúng ta đã phân ra : Kinh , Sử , Tử , Truyện hay cách khác là Kinh, Triết, Sử, Văn.

a.- Kinh

Kinh tức là Kinh Điển (canon) gồm những sách nền tảng nhất đóng vai trò của Thánh Kinh trong các Tôn giáo. **Chúng ta không có Thánh Kinh thì phải có Kinh Điển theo nghĩa sách bao gồm các " Kinh " nghiệm sống của người xưa, tàng chứa những chân lý sâu xa mà chúng ta phải coi như điển chương, như mẫu mực, phần mà ai cũng học hay ít ra phải đọc, phải có trong gia đình để một nơi đáng kính.** Những sách thuộc về Kinh Điển Việt Nam, ta có thể kể :

A1.- Một số **truyền kỳ thuộc thời Hồng Bàng** như : " Lĩnh Nam chích quái " Việt Điện u linh ", Truyền kỳ mạn lục " . . .

A2.- **Một số sách Nho giáo là của chung của Dân tộc Viễn Đông**, mà Bách Việt đã đóng góp một phần quan trọng, đó là di sản cố cựu quen thuộc và đáp ứng được tất cả năm tiêu chuẩn của sách Kinh, **những sách do các Thánh nhân viết thì gọi là Kinh, các hiền giả thuật lại lời Thánh nhân thì gọi là Truyện** (Thánh nhân chế tác viết Kinh, Hiền giả trứ thuật viết truyện) Đó là các quyển như **Tam Tự kinh, Minh Tâm bảo giám, Đại học, Trung Dung, Luận Ngữ, Mạnh Tử, ngũ Kinh như Kinh Thi, Kinh Thư, Kinh Dịch, Kinh Lễ, Kinh Xuân Thu, Kinh Phật giáo, Đạo Đức Kinh & Nam Hoa Kinh .. .**

Kinh Thi *là Kinh Dân viết Sách*
Kinh Thư *là Kinh Dân làm Chủ*
Kinh Dịch *là Thuật Quyền biến*
Kinh Lễ *là kinh khi Người ở với Người*
Kinh Xuân Thu là *Kinh Đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời*
Kinh Nhạc *là Kinh Hoà, Nhạc là bà Chúa của nghệ thuật.* (Kinh này đã để mất)

A3.- Một số **Ca dao, Tục ngữ,Ngạn ngữ, một số bài Thơ, bài Hát** được truyền tụng nhiều.

b.-Triết

Triết là sách giải nghĩa Kinh Điển cho hợp với cảm quan thời đại. Nó sẽ là con thoi đi từ Kinh Điển vào đời sống cũng như vào Sử Văn, giúp cho tất cả thêm phần ý thức sâu xa về Đạo, về Đời. Nó cũng đóng vai trò Hiện đại hoá kinh sách như Văn, nhưng khác ở chỗ đi tận nền và cách bao quát, có hệ thống . **Thiếu Triết thì Kinh trở nên mớ chữ chết khô.**

Nói tóm lại, ta có thể khai thác trong các Kinh Điển, trong các truyện trên để tìm ra những điểm chính về Nhân sinh quan và Vũ trụ quan của Tổ tiên ta.

c.- Sử

***Sử** gồm có **Huyền sử** và **Lịch sử**:*

***Huyền sử** là Sử vượt không gian và Thời gian, Huyền sử là những Huyền thoại, nhất là Nhân thoại . Nhân thoại chất chứa nền tảng Tinh thần của Dân tộc để ý cứ vào đó mà xây dựng Gia đình và Quốc gia.*

*Còn **Lịch sử** là sử của những Biến cố thăng trầm của Dân tộc xẩy ra trong Không gian và Thời gian xác định .*

" Nói đến đây là muốn Sử chỉ một bản tóm lược, thường là bản văn dùng làm " khung lịch sử " chung cho mọi người trong nước hầu như thuộc lòng, bất ký ai dù thất học cũng phải đọc qua. Vì thế nó phải có địa vị trong bộ sách dân tộc. Quyển sử này không thay thế những sách Sử Địa từ Trung cấp trở lên đến Đại học và các pho Sử bác học. Những loại này thuộc văn học sẽ tuỳ thời, tuỳ tài giáo khoa hay những khám phá mới mà thay đổi .

Sử nói ở đây chỉ là bản tóm nên cần vắn tắt, kiểu như Tam Tự Kinh, hay " Đại Nam quốc sử diễn ca hoặc một phần quyển " Thiên Nam ngữ lục " hoặc làm ra một quyển bằng văn vần, ngũ ngôn chẳng hạn.

Một khi được chấp nhận thì không nên đổi nữa, để giữa đồng bào có thêm " mối tình giáo khoa ", vì ai cũng học theo đó, lấy đó làm khung (để chấp nhận hay tranh luận) làm tiêu điểm .

Ta chỉ cần viết lên những mốc biến chuyển lớn của lịch sử để ta thấy được những nét chính của sinh hoạt Dân tộc ta. Nếu ta **có được một cuốn Việt Sử ca gọn gàng cho dễ học và dễ nhớ hầu ai cũng thích đọc và học thì quý lắm ".**

Huyền sử** thuộc lãnh vực **Nội khởi** (inward world) còn **Lịch sứ** thuộc **Ngoại khởi** (Outward world), nên **Lịch sử là tấm gương phản chiếu lờ mờ của Huyền sử** (The outworld is the dim reflection of inward world), Nho bảo là : "* **Hữu ư Trung tất hình ư Ngoại ",** *người bình dân bảo: " con Người làm sao Bào hao làm vậy " . .**

d.-Văn

Cũng là một lối mở rộng Kinh vào đời sống như Triết nhưng không theo lối lý luận chặt chẽ như triết mà đi theo lối Nghệ thuật như thi Ca, Tiểu thuyết, Tuồng kịch, hoặc nghiên cứu kiểu Văn học. Như vậy văn ở đây hiểu theo hai nghĩa :

Trước hết là những **áng văn kiệt tác**, trong dĩ vãng gọi là nhân văn cổ điển (classics), thí dụ truyện Kiều. Phần này một khi được vào sổ bộ, thì cũng bất biến, nhưng không buộc mọi người đọc ít ra tất cả, vì thế có nhiều cổ điển, không hạn chế số .

Hai là **những động tác Văn học, Văn hoá Văn nghệ đi sát thời cuộc**, cũng như đi mạnh vào chi tiết, vào từng khía cạnh. Phần này biến chuyển luôn, thí dụ từ Nam Phong rồi đến Tự Lực Văn Đoàn cho đến ngày nay, ít ra có ba giai đoạn văn học.

Văn theo nghĩa này thì chúng ta không thiếu, ngay cả trong cảnh tỵ nạn cũng được gọi là khá phong phú; chỉ cần duy trì và gia tăng phẩm chất. Tóm lại theo nghĩa hai thì đã và đang có rất nhiều và hay biến đổi.

Về sau, mỗi giai đoạn chỉ để một vài đại biểu để trở thành Cổ điển .

Triết cũng thay đổi nhưng tới hạn lâu hơn nhiều, mỗi giai đoạn có thể bao gồm nhiều trăm năm, thí dụ bên Tàu sau Tuân Tử, Mạnh Tử đời Chiến Quốc, thì đến Đổng Trọng Thư đời Hán, rồi Chu Trình đời Tống, tiếp đến đổi mới ngày nay . . . "

Đây là một công trình to lớn và khó khăn, cần phải có sự đóng góp của nhiều người, cần phải có thời gian và nhiều công sức, nhất là phải có một tổ chức như Bộ Giáo dục để quy tụ những người có khả năng và tâm huyết, và phải có đủ tài chánh mới thực hiện được. Một số điều kiện này ở trong nước đã có, nhưng chưa có một Chủ đạo rõ ràng để khởi công. Còn ở hải ngoại, nếu chúng ta tìm được số người có một học vấn uyên thâm và quảng bác nâng đỡ chúng ta, để cho chúng ta thỉnh ý, giúp cho những bài viết của chúng ta bớt sai lầm đi. Nhưng trong thực tế hiện nay ở đây, chúng ta chưa có cái may mắn đó .

Vậy thì chúng ta cứ bắt đầu theo khả năng khiêm tốn của chúng ta, chẳng thà chúng ta cứ bắt đầu mà không nên việc, còn hơn là chúng ta cầu toàn ngồi mà đợi, đợi cái không bao giờ sao!

Chúng tôi mạo muội, viết một số tài liệu cho các trẻ em ở cấp tiểu học trung học, may ra có giúp được chút gì cho thầy cô dạy Việt và chữ Nho, nhất là quý vị đang định cư các nước trên thế giới. Chúng tôi trích ra một số Kinh Điển làm tài liệu cho các thầy cô, rồi thu gọn lại cho các trẻ em, và góp vài ý kiến chính như là phần triết được rút ra từ các tài liệu được trích. Phần lựa chọn bài học cũng như chương trình học là do sự sắp xếp của Thầy Cô.

Khi đã có Bộ sách Dân tộc rồi thì ta sẽ hết lúng túng khi bảo con cháu tránh nạn vong bản, vì ta biết " Bản " đó nằm ở sách nào, có thể đưa cho chúng đọc để chúng không bị lúng túng trước rừng sách vở (chắc người Việt tỵ nạn khắp nơi cảm thấy sâu xa về sự cần thiết có một bộ sách Dân tộc hơn bao giờ hết). Làm thế sẽ tránh được cho chúng khỏi mất nhiều thì giờ đọc những sách không mấy giá trị vừa uổng công vừa mất tin tưởng vào Dân tộc. Trái lại khi đã có Bộ sách Dân tộc thì ta biết liền đâu là chỗ y cứ, đâu là sợi giây tinh thần để tâm hồn được ràng buộc với các nhóm Lạc Việt sống rải rác khắp năm châu bốn biển ." (Kim Định)

9.- Tìm cho nhân loại một nền móng Tinh thần Thống nhất.

Đấy là một mục phiêu cao thượng quý hóa xiết bao, rất đáng làm hứng khởi mọi Tâm hồn quảng đại bao la, rất thích hợp với ý hướng Triết lý Nho giáo nhằm "an bang tế thế" (trị quốc bình thiên hạ). Tuy nhiên học về Tam giáo cũng có ba bảy đường, y như trong thực tế Tam giáo không phải chỉ có tạo nên được bầu khí tương dung tốt đẹp như vừa kể trên, mà trái lại **cũng đã gây ra những vụ xích mích, bách hại, đả kích nhau**.

Bức họa vẽ Phật pháp trên tòa sen.

Lão tay cầm sách Đạo Đức Kinh tay luyện linh đơn trong lò Bát quái,
Đang khi đó Khổng lòm còm dưới Đất như trẻ con, là một bằng chứng.

Bên Lão Trang thì tràn đầy những bài đả kích Nhân Nghĩa của Khổng Nho.
Bên Nho cũng không chịu kém như ta có thể thấy chẳng hạn trong bài thơ :

"**Phật thị thuyết pháp, Lão thị đàm kinh, Khổng Tử kiến chi, tiếu nhi truỵ địa" :**

Họ Phật giảng pháp, họ Lão bàn kinh, Khổng Tử xem thấy, cười lăn ra đất".
Đó là những nét đen làm hoen ố bức tranh Tương dung mới nhắc tới ở trên.
Nguyên nhân tại đâu? Xét ra thì tại những Học giả, những con Đạo đã gây nên những bóng đen đáng tiếc kia, đã không hiểu đúng hay ít ra không giữ đúng được cái ý nghĩa uyên nguyên của chữ Đạo, chữ Giáo như chúng ta tìm thấy ở đầu chương.
Nho thì đâm ra tầm chương khoa cử. Thích thì đi về Tôn giáo, còn Lão chuyên về Huyền đạo. Nhân đó đâm ra khích bác nhau.
Rõ ràng là đồng minh trong Triết lý mà cạnh tranh trong Tôn giáo.

Vì vậy cần thiết phải nhắc lại để quy định cái hướng học hỏi của chúng ta. Trên ta thấy có bốn nấc của nghĩa chữ Đạo chữ Giáo, thì trong việc học hỏi ta cũng có thể chia ra bốn nấc tương đương.

1) Đợt cuối cùng phải kể đến là đám **Danh học, Hình học** mà người tiêu biểu là Huệ Thi với câu phê phán của Tuân Tử: " **Huệ tử tế ư từ nhi bất tri thực**". Huệ tử vướng mắc ở lời nói nên không nhìn ra thực tại. Phải xếp vào hạng này các thứ học từ chương, huấn hỗ, những người chuyên về văn nghệ duy mỹ dễ bị cái tội **tế ư từ** này, Tây Phương kêu là **Duy từ ngữ** (terministers). Đấy là cái học của "loài ve, kêu suốt mùa hè, đến lúc gió lạnh thổi, nguồn cơn thật bối rối", bởi vì xem vào sở học thì toàn hư từ rỗng tuếch. Với họ cần nhắc lại khẩu hiệu " **từ đạt nhi dĩ hĩ** " (res et non verba: cốt sự mới quan trọng chứ không phải là hư từ).

2) Đợt trên một chút có thể xếp hạng học **Duy tư, Duy niệm** (conceptualistes) mà Khổng cho là " **tư nhi bất học tắc đãi** ". Suy tư suông mà không thực học (ý nghĩa chữ học của Khổng) thì nguy lắm. Đấy là cái học mọt sách, chỉ chú ý học mà không chịu xem cái học đó có hướng đến cái gì ơn ích chăng, thật không ăn nhằm chi với Đạo Nhân sinh của thánh hiền, mỗi lời nói ra là để cứu dân khỏi cảnh lầm than cơ khổ.

3) Đợt cao hơn chút nữa là **bám lấy một Tôn giáo tư riêng, rồi lấy danh từ lý sự mà tranh hơn tranh kém, đạo này cao đạo kia thấp**. Khổng Tử trách Tử Cống phí thì giờ so sánh ông này thấp ông kia cao (Tử Cống phương nhơn… XIV. 31). Những con Đạo này càng đông thì bầu khí bất Tương dung càng trở nên ngột ngạt nặng nề, chỉ cần xem chính bản thân của họ: cuồng tín, hẹp hòi mà hết muốn xét tới cái Đạo của họ giữ. Vì với hạng đó thì đạo nào cũng chẳng làm họ trở nên đại độ bao dung được (**phi đạo hoằng nhơn**).
Lục Cửu Uyên than:

"Đạo Lớn bị người làm nó ra Nhỏ
Đạo Công tự người làm nó ra Tư
Đạo Rộng tự người làm nó ra Hẹp"

Đạo Đại nhơn tự Tiểu chi
Đạo Công nhơn tự Tư chi
Đạo Quảng nhơn tự Hiệp chi

Mấy thứ đạo câu chấp nhỏ nhen đó mà người tri thức để cho ngoai ra ở đâu thì có ngày chiến tranh Tôn giáo bùng nổ ở đấy.

Chúng ta nên trung thành với Truyền Thống mà coi óc bất Tương dung như dấu chứng những người đó không đủ khả năng cảm nghiệm được tinh thần của Đạo. (L'intolérance est considéré comme une inaptitude à l'expérience religieuse. Herbert, 92).

Lão Tử nói " Tri Thường Dung ". Người biết được đạo Thường Hằng thì có bụng Bao dung. Bởi cái Đạo đó đã đạt tới cái độ Viên Mãn mênh mông, không còn bị lệ thuộc vào những cái nhỏ nhen câu chấp.

Chúng ta phải cố gắng đừng để vướng mắc vào một trong những lối học ở trên dù là từ hay tư hay giáo, vì tất cả sẽ làm cho hết còn thấy thực chất của Đạo "**tế ư Từ, tế ư Tư, tế ư Giáo nhi bất tri Thực**". Học kiểu Văn nghệ sĩ, Văn học (từ) Tôn giáo (Phật giáo, Lão giáo) đều không phải Triết lý nên dễ mắc ứ đọng.

Muốn tránh những bế tắc đó, muốn có thể " hoằng Đạo " : làm cho cái Đạo ta theo trở nên rộng lớn, thái công, bao la thì cần chúng ta phải đem hết chú ý nhằm vào đối tượng của Minh Triết là Tính và Mệnh.

Gắng sức nhấn **mạnh vào Tính lý Đại đồng và tính chất bổ sung trong phương tiện**.

Xin trích câu nói của **Tôn Hoàng Đế** (1163-89) rằng:

" **Dùng Phật giáo mà " trị Tâm " ; dùng Đạo giáo mà " trị Thân ", dùng Nho giáo mà " trị Thế**."

Điều này tuy đã bàn ở trên, nhưng vì khuynh hướng đi trật đường hãy còn rất mạnh, nên xin nhắc lại đối tượng đó, đối tượng của Đạo của cái Đức thiết yếu để đắc Đạo bằng một đoạn văn khác của sách Trung Dung.

Đức đó là Thành là Trung, Đạo đó là Tâm là Tính.

Vì thế mới nói "**Doãn chấp kỳ trung: 允 執 其 中** ". Phải tín Thuận phải Trung với cái Tâm của mình trước nhất. Chu Hy giải thích **chữ Trung là " tận kỷ chi vị trung : 盡 已 之 爲 中** ". **Trung** là sống cho tận cùng cái Kỷ, hiểu là Đại ngã Tâm linh nơi mình. Creel dịch rất sát là " **to be true to the principles of our natures**", sống trung thực với những nguyên tố cấu tạo nên Bản tính chúng ta. Chữ Trung ở đây lót bằng chữ Tâm nó đứng trên chữ Tình mà dưới chữ Tính. Với **Tính** ta phải dùng một động từ khác là thành. "**Duy thiên hạ chí thành**, **vi năng tận kỳ tính**: **唯 天 下 之 至 誠 爲 能 盡 其 性** " (T.D. 22), chỉ có bậc chí thành mới hiện thực hết được cái Tính. Chữ Tận đây dịch là biết chưa đủ, phải có một động từ nào nói lên sự biết toàn vẹn đến nỗi **Chủ tri và Thụ tri trở nên một**. **Chữ Tận " 盡 "** giống như chữ suất trong câu " **suất tính chi vị Đạo: 率 性 之 爲 道** ".

Muốn nhấn mạnh cái trình độ Trung đến cực điểm, để không còn chỗ nào so le trống hở, đến nỗi cả hai biến thành một đó, chúng ta nên viết hai chữ " **Trung Thành** : **中 誠 "** bằng chữ hoa, để phân biệt với những chữ thành chữ trung khác. Các chữ đó dầu khi có đối tượng chân chính đi nữa cũng mới chỉ là "phó sản" của chữ Thành chữ Trung trên, bởi vì chính nó mới chỉ là sự trung tín với lời nói nọ, với việc làm kia, thành thực đối với Đạo này, người nọ tuy bấy nhiêu có thể là chân chính, nhưng đấy cũng mới là những đối tượng tư riêng, chỉ có giá trị khi hướng theo

đối tượng của hai chữ Thành, Trung viết lớn, vì ở đây nó nhằm vào tính phổ biến, nên người đã " **Chí Thành: 至 誠 "** thì cũng trở nên một với phổ biến không còn bị lệ thuộc vào cái chi tư riêng nữa nhưng trở nên bao la man mác đến nỗi sách Trung Dung cực tả bằng câu " **Chí Thành như Thần** :**至 誠 如 神 "** (T.D. 22). Bậc Chí Thành thì giống như Thần nghĩa là mênh mông u áo có đấy mà cũng có đây: khắp hết y như Trời nên gọi là Thiên Đạo "**Thành giả Thiên chi Đạo dã : 誠 者 天 之 道 也** " (T.D 20). Bậc Chí Thành là Thiên Đạo khác hẳn với những cái thành tư riêng đã nói trên vì ở đó chưa có sự hòa đồng. Giữa Đạo với Người thành còn một khoảng cách, chưa đạt độ Tận kỳ Tính; muốn nối lại phải thêm chữ Chi để chỉ thuộc về " **Thành chi giả, Nhơn chi Đạo dã** : **誠 之 者 人 之 道 也** " (T.D. 20), người đã có lòng thành (chưa hẳn là Thành) thì mới là Nhơn đạo. Chữ chi ở đây trỏ vào một cái thân ngoại Vật " hay nói theo danh từ Triết Tây là Đối tượng : objet, chỉ một vật gì đã vất ra đấy "**jectum**" ở đàng trước mặt ob (objet), nghĩa là giữa mình và vật có một quãng cách, sách Nho gọi đó là " **Khúc: 曲 ",** nghĩa là đã bị xa lìa cong vạy nên gạt xuống bậc nhì và dùng một động từ có tính cách rất " hiện sinh : **現 生**" là "Hữu : **有** " mà chỉ thị y như G.Marcel trong **Être et Avoir** (avoir là có cái gì còn Être là trở nên cái gì). Vì thế Avoir kém hẳn Être. Avoir est décrit comme déchéance de l'Être, comme une non coincidence avec l'Être. Tramf. 4, p.124), thì đây Trung Dung cũng cho Hữu vào bậc thứ nhì sau Thành " **kỳ thứ trí Khúc, Khúc năng Hữu Thành: 其 次 致 曲, 曲 能 有 誠** ", sau hạng Thành thì đến hạng Khúc, hạng Khúc có thể chiếm lấy (avoir) được Thành (T.D. 23). Chiếm lấy là tỏ ra mình chưa là (Être) cái ấy, mới phải tìm cho có. Học giả Couvreur đã dịch câu trên rất sát bằng tiếng La Tinh: **quod non est rectum potest accipere integram bonitatem "une nature défectueuse peut devenir parfaite**". Câu tiếng Pháp không sát bằng câu La Tinh vì chữ accipere có nghĩa chiếp lấy, nên mạnh mẽ hơn chữ devenir, tuy vậy còn giữ đủ ý và cũng giúp cho ta hiểu câu " **tu Đạo chi vị Giáo: 須 道 爲 之 教** " ở đầu chương. Tác giả sách Trung Dung lại quảng diễn thêm "**tự Thành minh vị chi Tính. Tự minh thành vị chi giáo : 自 誠 明 爲 之 性,自 明 誠 爲 之 教** " (T.D 21). Tự nhiên mà Thành thì gọi là Đạo, hợp với câu " S22uất Tính chi vị Đạo**: 率 性 之 爲 道** ", nhưng lúc Tính đã bị che khuất đi phải soi sáng phải minh giải mới hiểu ra để mà thi Hành thì gọi là Giáo (**tự minh Thành vị chi Giáo**), cùng nghĩa với câu " **tu Đạo chi vị Giáo**" ở trên. Một ý mà nói nhiều kiểu giúp ta thưởng thức được làn tư tưởng tuy nhất quán nhưng rất phong phú và sâu thẳm, cả hai câu đều nói lên **Thành giả: 誠 者 :Être, Thành chi giả: 誠 之 者: Avoir**. Avoir không bằng Être. Thành chi giả không bằng Thành giả. Vậy cần phải xóa bỏ chữ chi đi, dĩ nhiên không phải trong câu văn, nhưng trong bản thân của mình. Điều đó sẽ có nghĩa là phải xóa bỏ mọi quãng xen kẽ, nghĩa là tẩy trừ những cái tư riêng môi giới, những cái đó có rất nhiều, đội lốt muôn vàn tên nhưng quy ra hai mối là Tham dục hay Tư lợi Tư dục.

<u>Cần phải bỏ những cái Tư đó mới tới chỗ Đồng nhiên của nhân loại, mới mong kiến Tính (見 性) và suất Tính (率 性).</u> "**Chữ kiến Tính cũng là Suất Tính "** . " **Trong ống nhòm đổ tiếng Hư vô**" (Nguyễn Công Trứ)

Chữ kiến Tính của nhà Phật, chữ Xuất Tính của nhà Nho. Tuy tên gọi có khác nhau, nhưng xét đến chỗ rốt ráo cùng cực (trong ống nhòm) tức là xem vào chỗ tập trung then chốt thì cũng cùng một tên đều phải đi qua một con đường Hư vô. Hư vô ở đây có nghĩa là làm cho mất đi, biến đi

những cái gì tư riêng hạn hẹp. Phật sẽ đưa ra thuyết Thái hư với những phương châm **diệt dục** để diệt tận gốc rễ những tư dục **làm cho hiện diện "Như Lai** " tinh ròng như chưa bị tì ố, đó là cái tính Bản nhiên linh diệu. Còn Khổng lăn lộn vào đời mà cũng hiện thực được bốn bước vô (IX. 4) "Tử tuyệt tứ: vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã", nghĩa là cố trút những cái tư riêng có thể cản ngăn hay bẻ quặt sự Thành Trung của mình vào nẻo ngang trái, để đưa đi Trung Thành với những cái đâu đâu mà không phải Trung với Tâm và Thành với Đại Ngã tức là Tính. mà **Tính (性)với Mệnh (命) với Thần (神) là một…** tất cả đều trỏ vào một thực thể u thâm nhưng lại cực kỳ quang minh linh diệu và ở ngay trong thâm Tâm của ta.Tất cả chương trình cùng mọi phương tiện học hỏi đều phải thiết tha nhằm vào việc làm sáng tỏa ra cái đức Minh đó. Đấy mới thật là Cửa của Đạo học mà Kinh Dịch nói là: " **Thành Tính tồn tồn, Đạo nghĩa chi môn: 誠性存存道義之門 "**

MỘT VÀI NGỘ NHẬN CẦN TRÁNH

Ngày này là thời đại của Cao tốc và Mì ăn liền, nên việc trở về Nguồn của Văn hoá Dân tộc là việc bơi Ngược Dòng, vì lối sống của Tổ Tiên chúng ta là đi trên con Đường mòn, còn ngày nay người ta mê mãi đi trên Đại lộ huy hoàng của Khoa học Kỹ thuật.
Một bên là hướng Nội và hướng Ngoại sao cho Nôi / Ngoại Lưỡng nhất, một bên là Hướng ngoại hay Phóng ngoại.
Lối sống của Tổ Tiên chúng ta là nương theo Dịch lý của Đại Đạo Âm / Dương Hòa để tiến thân trên Lộ đồ Tu, Tề, trị, Bình, theo quan niệm:
Vật hữu Bản / Mạt, Sự hữu Thuỷ / Chung, Tri kỳ Tiên / Hậu tắc cận Đạo hỹ: *Mọi vật đều có Gốc / Ngọn, mọi việc đều có Đầu / Đuôi, biết được thứ tự Trước / Sau mà sống , tất gần với Đạo vậy!*
Đó là cách sống hàng ngày bằng cách thức hiện mọi việc theo Trình tự: **Gần / Xa, Nhỏ / To, Đơn giản / Phức Tạp, Tầm thường / Phi thường. Tinh vi / Vĩ đại .**

Theo Dịch lý đó là những cặp đối cực Lưỡng nhất, khi đụng tới cái Này thì cũng động tới cái Kia , vì đó là hai mặt không thể tách rời của một thực thể.
Vậy khi làm việc gì cũng khởi đầu theo Trình tự đó.
Nên muốn đạt tới ***Xa*** *thì phải* ***làm việc Gần*** *trước rồi tuần tự làm tới việc Xa, muốn có* ***cái To*** *thì phải* ***làm những cái Nhỏ gộp lại****, muốn làm cái* ***Phức tạp*** *thì* ***phải biết làm những cái Đơn giản,*** *muốn làm* ***việc Phi thường*** *thì phải* ***bắt đầu bằng những việc Tầm thường****, muốn hiểu cái* ***Vĩ đại*** *thì* ***phải hiểu những cái Tinh vi trong Vĩ đại****.*
Ví dụ: Muốn hiểu Thái Dương hệ thì phải hiểu cấu trúc của một Nguyên tử, vì " El Pluribus Unum; Out of Many : One (Đa + Nhất = I) .
Còn đa số chúng ta cứ " **dục Tốc** *nên* **bất đạt** *", trong công cuộc xây Nhà dựng Nước và Cứu nước chúng ta luôn tìm những Lý tưởng cao xa mà làm, chỉ tìm việc Lớn mà thực hiện, nhưng* **Lực bất tùng Tâm***, không bao giờ tới Đích , nên cuối cùng cứ chạy lộn quanh ,mà không bao giờ tới Đâu cả.*

Thói thường chúng ta chỉ ưa cái gì ở Xa hơn thứ ở Gần nên bị vong Thân, khinh cái Nhỏ, cái Tầm thường, cái Đơn giản, mà mơ cái To, cái Phức tạp, cái Phi thường, cái Vĩ đại, mà không có bắt đầu làm từ nền tảng là cái Nhỏ, cái Đơn giản, cái Tầm thường cái Tinh vi, nên kết quả những thứ đó vẫn chỉ la giấc mơ không bao giờ thực hiện nổi!

*Quả là " **Vật khinh Hình trọng**: cái Việc xem ra thì Nhỏ nhưng Vị thế của nó lại quan trọng nên To.*
Làm công việc theo trình tự Tiệm tiến trên là con đường mòn của Tổ Tiên chúng ta.

Xem thế Tổ Tiên chúng ta không có quê mùa lạc hậu như chúng ta tưởng ! Do đó mà chúng ta nên theo " Tiền Tích ", theo Truyền thống để sống thuận với Thiên lý hay Dịch lý mà sống cho sung mãn. *1 mà ch*

MỘT SỐ ĐÓNG GÓP CỦA CHÚNG TÔI

Dựa theo Tinh Thần Thống nhất được T. G. Kim Định bàn ở trên, chúng tôi đã viết 15 cuốn lớn và gần 100 vấn đề khác thuộc nền **Văn hóa Thái hòa Dân tộc** *trong đó có cuốn "* **Khi Đông / Tây Giao hội** *", cuốn này là một* ***Tổng hợp Đông / Tây, Kim / Cổ****.(Xem Vietnamvanhien.net.index)*

Trong cuốn này chúng tôi đã đi tới tận nền Cơ cấu chung cũng như Nội dung của ***Việt Nho****, của* ***Thánh Kinh Cựu và Tân ước,*** *cũng như* ***nền Dân chủ Hoa kỳ****.*

Theo tinh thần Đông phương, cả ba đều bắt nguồn từ Dịch lý của **Đại Đạo Âm Dương hoà, <u>Nguồn Chủ đạo Hoà</u> của nền Văn hoá Thái hòa Việt** *theo Tinh thần Triết lý An Vi, nơi đây là chốn "* **Nhân Tâm Thiên lý hồn nhiên nhất Thể " .**

Ngoài ra chúng tôi còn viết thêm Bài " **Bàn về Ngũ hành"** *để nêu lên* **những Điểm chính về Cơ cấu và Nội dung** ***của Việt Nho và Triết lý An vi*** **- <u>Hiện thể của Chủ Đạo Hòa</u> -**

Cả hai cuốn được xem như ***công trình Khai Hoang, tuy còn nhiều hạn chế, nhiều thiếu sót, nhưng cốt để gợi ý, để giới thiệu*** *cho thế hệ kế tiếp đào sâu rộng thêm và Hệ thống lại để* ***xây dựng cho được Bộ sách Dân tộc tương đối hoàn chỉnh,*** *vì nền Văn hoá một phần được cấu tạo* **bởi phần Kinh điển bất biến** *(thuộc nguồn* ***Tâm linh*** *) nhưng phần khác lại là* **Dịch lý là thuật Quyền biến luôn đổi thay** *(Thuộc lãnh vực* ***Khoa học*** *), phần này phải làm sao cho hợp với hoàn cảnh từng giai đoạn trong thế giới hiện tượng, nhất là khi đem ra áp dụng phải liên tục hoàn chính, một mặt bỏ đi những phần không thích hợp, hai là thêm vào những phần cần bổ khuyết sao cho hợp với tình trạng nước nhà cũng như thế giới bên ngoài hầu đạt được mục tiêu tối hậu.*

Đây là công trình lớn lao và khó khăn, phải có Ban Tu Thư Trung Ương của Quốc gia, gồm những những Vị Tài Đức đầy Nhiệt huyết, phải có Tài chánh dồi dào và cũng phải có thời gian lâu mới mong hoàn thành được, còn một ít người thì không làm nổi. .

Đặc biệt công trình này cần phải có những Vị Cựu và Tân học thuộc nhiều lãnh vực mới cáng đáng nổi, nay các vị Cựu học có khả năng ngày một ít đi, nếu để muộn quá làm cho sự liên tục giữa hai thế hệ Cựu Tân bị đứt quảng thì khó mà hoàn thành được.

T. G. Kim Định khi đã đi dạy Triết ở Đại Chủng viện đã thông thạo nhiều ngoại ngữ, mà còn đi học 10 năm về " Hautes Études chinoises " ở bên Pháp để nghiên cứu Kinh Điển Nho của Trung Hoa và Việt Nam.

Khi đi vào công trình Rộng Sâu này, Lớp Cựu phải học hỏi lãnh thêm vực của lớp Tân, và Lớp Tân cũng phải học hỏi thêm lãnh vực của lớp Cựu, đây là một ngăn trở cần phải vượt qua, vì lý do này mà nhiều người đã bỏ cuộc, đó là phần chữ Nho đối với lớp Tân cũng như phần Khoa học và sinh ngữ với lớp Cựu.

Khi Bộ Sách Dân tộc được hoàn thành thì nhất định con dân sẽ không bao giờ bị **Lạc Hồn Dân tộc***, và cũng từ đó Con Cháu* ***hết còn làm tôi mọi cho thứ Văn hoá " trục Vật " Ngoại lai!***

Cuốn " Khi Đông, Tây giao hội "và bài " Bàn về Ngũ hành " của chúng tôi đã được đăng trên trang mạng* vietnamvanhien.net *dưới mục đề " Nền Văn hoá Thái hòa Việt tộc " của Việt Nhân và Nguyễn Quang, xin quý Vị tuỳ nghi sử dụng để may ra có giúp ích được chút gì chăng ?

Chúng tôi cũng theo dõi một số sinh hoạt của giới Trẻ về Văn hoá, thấy lòng lớp Trẻ rất hăng nồng trên bước đường dấn thân vào công trình xây dựng Văn hóa nước nhà, đây là điều rất đáng khích lệ.

Là người đi trước, chúng tôi không thể không thông đạt cho giới Trẻ một ít kinh nghiệm về hành trang cần có trên " con Đường Ngược Dòng " này, hiện rất ít người lưu ý tới, con đường mòn này không có huy hoàng như người ta tưởng, mà là con đường gập ghềnh đầy sỏi đá và chông gai , nên lớp Trẻ phải chuẩn bị Tinh thần, để đáp ứng với bước đường trước mắt vừa khó khăn để vượt qua vừa phải cô hành, vừa phải Kiên trì để lầm lủi bước tới suốt cuộc đời mình, có thế mới mong tới đích.

T.G. Kim Định đã cô hành suốt đời để khai quật lên công trình lớn lao đó, thế mà chẳng được đón nhận suôn sẻ mà còn bị búa rìu dư luận cũng như* Kính nhi viễn chi*!

Công trình của T.G. Kim Định vừa Rộng như đại Dương, lại vừa Sâu như đáy Biển, muốn nghiên cứu, chúng ta không chỉ rong ruổi trên Chiều Rộng mặt Biển, mà phải ngụp lặn Sâu tận Đáy Đại Dương, rồi còn phải lần mò mọi ngỏ ngách trong đó để tìm ra tinh thần Nhất quán của Công trình (hay Nhất / Đa liên kết với nhau: El Pluribus Unum: Out of Many : One).

Nói cách khác muốn tìm hiểu chiều Rộng thì phải Suy tư để tìm ra các Định luật Khoa học vận hành trong thế giới Hiện tượng để biết cách khai thác Vật chất mà sống, còn muốn đi vào Chiều sâu thì phải bỏ Suy tư để Quy tư (vô niệm) về nguồn Tâm linh, nghĩa là dùng Trực giác, Tình cảm để cảm nhận mà thể nghiệm vào Thâm Tâm, mà nhận ra phải có Tình Người mới giúp ăn ở Hòa với nhau. Có sống cho vẹn Tình trọn Lý thì mới sống chung yên ổn với nhau được,

Lý Chiều Rộng / Tình Chiều Sâu tuy là cặp đối cực, nhưng cần được Lưỡng nhất sao cho Suy tư / Quy tư Hòa hợp với nhau thành Thực thể Lý / Tình lưỡng nhất để vừa Tiến bô vừa Ổn định theo trạng thái Quân bình động của Dịch lý.

Suy Tư thuộc lãnh vực năng lượng Sáng, Quy tư thuộc Năng lượng Tối.

Năng lượng Tối / Năng lượng Sáng có lưỡng nhất thì mới thành Thái cực hay cách khác Tâm linh / Khoa học có trở thành lưỡng nhất mới cấu thành Vũ trụ.

Nói cụ thể, muốn đi vào công trình của Kim Định thì trước tiên phải Học, phải nghiên cứu (chứ không phải đọc lướt qua) cho thấu triệt 33 cuốn cùng vô số cuốn sách Tham khảo Đông Tây về Triết học, về Cổ văn thuộc Văn hoá, thuộc Sử Trung Hoa, Việt Nam và cả Thế giới, cùng nhưng hiểu biết đại cương về các môn Vật lý vi thể , Hoá học, Toán học, đặc biệt là các sách về Tân Nhân văn như Cơ cấu luận, Tâm lý miền sâu, Khảo cổ học, Nhân chủng học, Di truyền học , Môi sinh học. . .

Điều quan trọng hơn là phải nhận ra phần Tinh thần độc đáo của T. G. về Văn hoá Việt Nam, đặc biệt về Nhân sinh quan. Vũ trụ quan cùng Lộ đồ Tu, Tề, Trị, Bình để Dựng nước và Cứu nước.

Với thành tâm thiện chí, là người đi trước đã suốt đời mò mẫm trên con đường học hỏi về Văn hoá, nay đã ngoài Cửu tuần, nhưng càng ngày, mình càng nhận ra bể học mênh mông, mình càng học thì càng thấy rõ Tri thức của mình còn hạn chế lắm, Tư cách mình vẫn còn kém cõi hơn mình nghĩ, nhờ thế mà lúc nào mình cũng khiêm cung mà cố vươn lên cả hai mặt Khả năng và Tư cách.
Tự phụ và tự mãn là hàng rảo cản bước tiến của chúng ta, cách học của Tổ tiên chúng ta cũng " tử công phu ", phải trải qua 5 bậc: Bác học, Quảng vấn, Thận tư, Minh biện và Đốc hành, nói gọn lại là " Sôi Kinh nấu Sử " và Tri Hành hợp nhất, có như vậy thì sau một thời gian dài học hỏi Tiền Nhân, may ra mình mới có thể đóng góp " một số ý kiến mới nhỏ nhoi thuộc của riêng mình ", nên suốt đời chúng ta nên khiêm cung mà học hỏi nhau.

Một chướng ngại khác có thể vấp phải là người ta có thể cho rằng ngày nay nền Chính trị Quốc gia cũng như các Cơ chế Xã hội như Kinh tế, Giáo dục, Xã hội . . . đều rối ren, sao không tìm cách sửa đổi ngay mà lại tìm " việc khó khăn dài lâu, nghĩ là vô bổ " mà làm, đó là Bộ sách Văn hóa Dân tộc ?
Thưa vì Văn hoá là Mạch sống chung của Dân tộc, Tinh thần Văn hóa là Chủ đạo Hòa của Dân tộc, cũng là Chủ đạo của các Cơ chế Xã hội.
Khi có Chủ Đạo Hoà thì các Cơ chế luôn được Tiến bộ và Ổn định theo Dịch lý.

Chủ Đạo Hoà mới là Thánh Kinh của Dân tộc. Chủ Đạo Hoà cũng ví như Thánh Kinh của Do Thái, tuy đã bị phiêu bạt khắp thế giới hàng ngàn năm và bị bách hại cho điêu linh, nhưng nhờ cuốn Thánh Kinh làm nơi Quy tụ mà Dân tộc Do Thái mới theo Truyền thống mà về Quê cũ xây dựng lại Cơ đồ được giàu mạnh như ngày nay.

Còn Chủ Đạo Bất Hoà (Đấu tranh giai cấp) như Chủ nghĩa Mác thì đương nhiên sẽ đưa các Cơ chế Xã hội tới rối loạn.

Nói cách khá, con bệnh của Dân tộc chúng ta là căn bệnh Nội thương, cần phải chữa đúng căn bệnh bên Trong, chứ không thể chữa Ngọn nơi Hiện tượng bên Ngoài, không thể lấy dầu cù Là mà xoa bóp ngoai da được, vì có chữa được hiện tượng rối ren này thì hiện tượng rối ren khác trầm trọng hơn lại hiện ra, nên phải cần phải có <u>Linh dược *Văn hóa như Thần linh*</u> mới hiệu nghiệm, Linh dược đó chính là <u>Nhân / Nghĩa nhập Thần,</u> hay Bác ái / Công bằng hay Từ bi / Trí Huệ Lưỡng nhất từ nguồn Tâm linh.
Những danh từ trên tuy thường được nói nơi cửa Miêng, nhưng thực sự đã phai nhạt trong Lòng, nên không ảnh hưởng gì đến đường ăn lối ở của nhiều người. mọi rối ren bắt nguồn từ đấy.
Quả là : " linh tại Ngã, bất linh tại Ngã " vì mình có nói tới nhưng mình không thực sự làm đúng, nên cuối cùng chỉ có Hình thức (nơi cửa Miệng) mà đánh mất Nội dung (trong Lòng mình) nên không có hiệu quả gì trong lối sống hành xử của mình!
Việc này Tổ Tiên chúng ta gọi là Ố Đạo .

Lý do là các Cơ chế sai đều là do con Người làm ra, con Người nghĩ sai nên mới làm sai, muốn không làm sai thì không chỉ một Cá nhân mà Toàn Dân phải Nghĩ và Làm đúng. Có Nghĩ đúng mới Làm đúng. Nghĩ và Làm đúng những gỉ ?

Thưa: Nghĩ đúng thì tiên quyết phải làm sao cho ai ai cũng có Nhân Tình và Nhân tính.

Có **Nhân Tình** *để có* **" Tư cách Làm Người"** *thì con Người phải trau dồi Nhân cách để có thể yêu thương, Kính trọng và Tương dung nhau hầu không bị phân hóa mỗi người ra từng xứ Cô đơn như những hạt cơm rời, mà phải liên kết hài hòa với nhau làm thành một Khối.*

Có **Nhân Tính** *để có* **" Khả năng Làm Ăn "** *" thì phải trau dồi Khả năng hầu biết ăn ở Công bằng "* **có Đi có Lại** *" với nhau, để "* **tự Ăn nên Làm ra** *", chứ không chà đạp lên nhau, cướp bóc nhau mà sống.*

Khi mọi người sống tương đối sao cho Tình / Lý hài hòa thì có thể đoàn kết một Lòng, chung Trí và góp Sức mà xây dựng Gia đình và Xã hội cho được tốt đẹp hơn.
Đây là sứ mạng chính của Giáo dục, còn vấn đề Hoa Lá Cành như Văn học nghệ thuật tuy cũng" Cần " nhưng không " Thiết " bằng.

Cái khó khăn nhất là mỗi người có một Bản sắc khác nhau, nếu không tìm ra mẫu số chung và phương cách để Đoàn kết với nhau (tức là **Thù đồ nhi Đồng quy** *) mà cải tiến Dân Sinh, nâng cao Dân Trí thì khó mà vươn lên vực dậy được.*
Nếu không có mẫu số chung về Tinh thần (Chủ Đạo Hòa) để đoàn kết với nhau thì lại rơi vào tròng CS.
Đó là nền Chính trị mang bản chất Bất Hòa, dùng xảo trá Bịp bợm để dụ số đông vào tròng, rồi dùng luật rừng buộc phải tuân theo mà Độc trị!
Vậy muốn được sống Tự do thì mọi người phải thương yêu nhau mà sống ngay chính với nhau, ngược lại muốn sống theo lối mỗi manh lừa bịp nhau để sa vào tròng Nô lệ thì mất hết Tự do.

Lựa chọn nào thì kết quả nấy.

Mọi người có Lòng Nhân, biết sống Công chính với nhau thì được Tự do, còn những người Bất Nhân hành động Bất công, dùng mánh mung bất chính hiếp đáp nhau thì sẽ sa vào tròng Nô lệ!

Đây là con đường Gian nan và Khó khăn, **" Trọng nhiệm nhi lộ viễn***: Gánh thì nặng mà đường thì xa ", nên cần có Kết đoàn, có đường Hướng chung cùng đi tới và Quyết tâm mới mong hoàn thành được, chứ để cho "* **cõi Lòng hẹp hòi** *" và "* **cái Trí thô thiển " đánh mất mối tương Dung** *của Dân tộc, để cứ mê mãi trên bước đường "* **Khôn Độc Dại Đàn, Tham Dĩa Bỏ Mâm** *" thì gây Cản trở lớn cho con đường Cứu và Dựng Nước.*

Việc xây dựng **Đạo lý Nhân sinh để mở cõi Lòng hẹp và nới cái Trí nông** *của toàn Dân là nhiệm vụ của các Tôn giáo và của các nhà Văn hoá.*

Còn việc **đem Đạo lý Nhân sinh vào Đời** *là của các nhà làm Chính trị.*

Việc* xóa bỏ nền chính trị Độc tài để xây dựng nền tảng Dân chủ *Quốc gia là của toàn Dân, qua sự dắt dìu của những thành phần Trí thức yêu nước.

Vậy không có sự Kết hợp theo Tình và sự Phân công hợp Lý theo Lý và kế hoạch để bắt đầu vừa Học vừa Làm thì chẳng thể làm gì được cho việc Nước lớn lao!

Xin đừng có nại lý do này nọ mà lẩn tránh việc lớn lao cấp thiết !

Đây là sư thật hiển nhiên, chứ không là chuyện Đạo đức rởm.

Trân trọng,

Việt Nhân

THAM KHẢO: I +II + III + IV +V

I.- MẤY Ý NIỆM VỀ VĂN HOÁ ĐÔNG PHƯƠNG CẦN ĐƯỢC ĐIỀU CHỈNH

Trình độ Văn hóa khác với bản chất Văn hóa

Nói đến duy trì những giá trị Truyền thống, phát huy Văn hóa Âu Châu… ta thường gặp thấy những mối e ngại ngấm ngầm, chẳng hạn Văn hóa Á Châu có tính cách tĩnh chỉ, thiếu Tiến bộ, nay khôi phục lại có khỏi làm ngăn trở việc Tiến gấp rút của nước nhà chăng ?.
Và dưới con mắt nhiều người, những ai đang cố gắng tài bồi cho nền Quốc học, chấn hưng Văn hóa Đông Phương, đã không gặp được sự nâng đỡ, lại thường bị coi là lạc hậu.
Đó là một tình trạng có hại cho tiền đồ Văn học, nhưng ít người nhận ra bởi những sự kiện lớn lao chua xót đập vào mắt, tức là **tình trạng các Dân tộc Á Châu vì chậm tiến nên bị đè bẹp trước sức mạnh của các nước hùng cường Tây Phương**.
Điều đó chỉ có ai loạn óc mới dám nghĩ đến chuyện chối cãi. Phương chi sách vở đều đồng thanh một giọng như vậy cả. **Ông Tennyson viết "năm mươi năm của Âu Châu còn có giá trị hơn cả một chu kỳ của Cathays**". Mieux vaut cinquante ans d'Europe que tout un cycle de Cathay (thời Trung cổ người Tây Phương gọi nước Tàu là Cathay).

Những câu nói kiểu đó có một phần sự thật, nhưng quá đơn sơ, không đủ bao hàm một tình trạng phức tạp hơn nhiều**.**
Nietzsche có lần đã viết "không gì nói dối bằng sự thành công".
Quả thật Văn minh cơ khí là một thành công cực kỳ vĩ đại, nhưng chính vì thế nó cũng đã là một lời nói dối khổng lồ, làm cho ta quên đi rất nhiều Chân lý; nó là một môn bài che đậy biết bao lời ngộ nhận mà không mấy học giả tránh khỏi khi phê phán về văn hóa Á Châu; nó khiến nhiều người sống yên hàn với một mớ ý niệm đã lỗi thời mà không nghĩ đến kiểm điểm lại, còn lên mặt ngạo đời.
Ở đây chúng tôi thử làm chuyện đó bằng đưa ra một số sự kiện ít được nhắc tới và vì thế loan tin trước là sẽ không đẹp đẽ cho lắm, **chúng tôi thấy bất đắc dĩ phải làm thế để mong phần nào lập lại thế quân bình cho sự phê phán xưa nay** thường oan uổng quá nhiều cho nền văn hóa Á

Châu. (La pensée chinoise. Granet. tr 27 có nhắc tới sự bất công này. Nhiều tác giả cũng nói đến: Creel, Needham, Zenker, Forke…)
Sự oan uổng đó không cần minh oan chút nào nếu đấy chỉ là vấn đề thể diện.

Nhưng Nhân loại hiện đang trải qua cơn khủng hoảng Tinh thần, mà xem ra văn hóa Á Châu có thể giúp vào việc tìm ra ngõ thoát. Do đó sự lên tiếng trở nên cần thiết.

Lầm lẫn căn nguyên. Căn nguyên đầu tiên của sự bất công đó là tại người ta đã quy công cho văn hóa Âu Châu tất cả những sự hào nhoáng của giàu sang "Giàu có sinh Lễ nghĩa", những Lễ Nghĩa đó người ta gán cho Văn hóa, nhưng thực ra chính Giàu sang tô điểm cho Văn hóa.
Điểm này ít được nhận ra bởi nó tinh vi; đàng khác vì Giàu sang và Văn hóa liên hệ nhau rất mật thiết, "chính Giàu sang làm nảy sinh Văn hóa". Đó là luận án của giáo sư Clough đại học đường California nhan đề "Grandeur et décadence des civilisations". Payot.
Điều nhận xét này giúp ta có một ý niệm đúng đắn về tính chất của mỗi nền Văn hóa, nên cần được lưu ý. Đây là một thí dụ rất thông thường:
Hai người Việt Nam một thuộc thượng lưu trí thức, một ở bậc nông thôn thất học. Ta thấy ngay một đàng lịch thiệp, ăn nói lý sự, khéo léo, cử chỉ có thể hào hoa phong nhã… một đàng quê kệch, nói năng vụng về thô thiển, cử chỉ co rúi rụt rè… Trong trường hợp này không phải nói ai cũng đồng ý, đó chỉ là chuyện khác Trình độ học thức gây ra do giàu nghèo, chứ không phải do tính chất Văn hóa, bởi cả hai người cùng ở trong một nền Văn hóa Việt Nam.
Câu chuyện đơn sơ là thế, nhưng nó sẽ hết đơn sơ khi **người giàu kia là Tây còn người nghèo nọ là Đông**. **Lúc ấy sự phán đoán sẽ không chỉ còn là trình độ học thức mà nó sẽ lấn sang phạm vi tính chất Văn hóa Đông Tây không nhiều thì ít, nhất là phạm vi ảnh hưởng Giàu sang và Văn hóa rất mật thiết. "Miệng nhà sang có gang có thép: Tây giàu bộn nên miệng có cả vàng**!" Vì giàu mà số người được học bên Âu Mỹ giàu gấp trăm lần bên ta, Văn hóa thêm biết bao cơ hội tiến bước.
Việt Nam năm nay (1960) được lối 12000 sinh viên tức **trong số 1000 dân thì có 1 sinh viên**. Đang khi **năm 1948 bên Mỹ đã có 160 sinh viên** (theo tài liệu Civilisation de 1960 của Fourastié).
Nay chắc còn đông hơn nữa. Nói số tròn: chênh lệch nhau từ 1 đến 200. Về phương diện khác cũng thế, chẳng hạn **bên Mỹ có 1200 dàn nhạc đang khi bên ta 1 dàn cũng còn dở sống dở chết**.
Sự khác biệt đó sẽ gây lầm tưởng về tính chất Văn hóa Đông Tây không sao kể xiết.
Một thí dụ: người ngoại quốc ở Sài Gòn thường phàn nàn không thể tìm được cái gì để tiêu khiển khả dĩ ứng đáp được trình độ của họ, đang khi đó ta có những bản nhạc sáng tác rất công phu vẫn nằm chình ình kia, không sao tìm ra được năm ba triệu để đưa ra trước công chúng. Nếu tìm ra được số tiền đó, những du khách đến Việt Nam lúc trở lui sẽ có thể mua thêm ít đĩa hát, để khi trở lại quê nhà thư thả bỏ ra nghe lại những nhạc điệu xa xôi, bấy giờ họ dễ dàng thưởng thức những nét nhạc tinh vi của Việt Nam. Các bộ môn khác cũng thế: quan niệm của họ về Văn hóa đối với nước ta sẽ khác hẳn với tâm trạng hiện nay qua những lời phàn nàn nhắc trên…
"**Cái khó bó cái Nhạc, nó bó Hội họa, nó bó Triết học, nó bó Văn nghệ…" và cái Nghèo không cho nảy nở biết bao mầm mống Nhân tài**.

Với người ngoại quốc ta đành nuốt tủi không sao nói lên được, nhưng với người cùng hội cùng thuyền, cũng nên phân tích như thế, biết đâu lại không động tới những người có thể thành Mạnh Thường Quân… Dầu sao cũng là để khỏi thất vọng

Về tính chất Văn hóa của ta: tại Nghèo hơn là tại tính chất Văn hóa kém.

Nếu hỏi: không kém sao lại không tiến bộ để giàu sang được như người thì lỗi ấy tại Văn hóa chứ còn tại đâu?

Thưa rằng chưa hẳn như thế, cứ xem như nước Nhật cũng cùng ở trong một đại gia đình văn hóa với Tàu và ta, vậy mà trong ba mươi năm đuổi kịp đà tiến bộ của các nước Âu Châu đi trước hơn một trăm năm. Vậy không phải do Văn hóa cho bằng do nhà cầm quyền không thức tỉnh kịp thời.

Một nền văn hóa tốt đẹp đến đâu, nếu guồng máy Quốc gia bị giao phó vào tay một người vô Tài mà lại Độc tài, thì đủ làm hư cả Vận mệnh một nước một châu, đến khi thức tỉnh thì đã bị trói lại để làm đà tiến cho người.

Những cái đó ta gọi là sự may rủi của nước; nói theo kiểu xưa là số mệnh. Chế độ nào cũng có thể xảy ra, **Tây cũng như Đông; việc nước Văn minh hơn bị thua nước kém Văn hóa là chuyện xảy ra thường xuyên trong lịch sử**.

Mông Cổ không văn minh thắng Tàu, Roma ít văn minh thắng Hy Lạp là Tổ văn minh… và nếu xem cổ sử thì hầu như đó là một luật: **Sumérie bị Babylon, Babylon bị Assyrie, Assyrie bị Crète, Crète bị Hy Lạp. Nước thắng là man rợ dùng võ lực. Đến khi nước đó trở nên Văn minh lại bị đợt man rợ sau… cứ thế để Văn minh thêm sinh khí tiến dần. Cho nên ta thua Tây cũng là chuyện không có gì lạ lắm** (Civ. III. 329) (1)

(1) Viết tắt, chỉ bộ Histoire de la Civilisation của Will Durant và được ghi rõ số La Mã theo thứ tự bản dịch nhà Payot.

Còn chuyện đói khổ, thì đó là cái nạn chung cho loài người, may ra rồi đây nhờ khoa học sẽ thanh toán nổi chăng; chí như trở về trước thì chẳng nền Văn minh nào thoát cả.

Đây hãy nói riêng về **Âu Châu mà ta thấy phong phú dư dật như nay, trước kia cũng đói khổ như các nơi**: giữa khoảng 970 đến 1100 có 60 trận đói đã sát hại người bên Pháp… Không một người nông dân nào bên Anh có thể quên được những trận đói trong các năm 1086 và 1125. Giám mục thành Trèves thế kỷ 12 lấy làm kinh hoàng trước cảnh tưởng nông thôn là đói giết ngựa để ăn thịt (Civ. IX. 272). Ông Fourastié cho biết **Âu Châu cũng mới thoát nạn đói từ thế kỷ 19**. Tác giả kể chuyện những người trong họ ông hằng ngày đi làm ngoài đồng bao giờ cũng chỉ được một lạng rưỡi bánh khô và một củ hành luộc. Chính bố ông là người đầu tiên trong họ được ăn no ngoài những ngày cưới xin đình đám. Tác giả tính đổ đồng thì mức sống năm 1900-1931 cao hơn 10 lần mức sống những năm 1800-1831. (Civilisation de 1960 de Fourastié p.12).

Về cách ăn thì thường ăn bốc (?) , cứ hai người ăn cùng một đĩa, uống cùng một ly. Đồ ăn chưa có cách ướp lạnh nên thường có hơi, do đó người ta ưa dùng đồ gia vị để át mùi. (Civ. XII tr.356).

Đã nghèo đó thì khó thoát được nạn bẩn thỉu. Chỗ ở người nông nô thời trung cổ thật là hôi hám và chật chội; nhà thường bằng tranh có một gian, họa lắm mới được hai gian, đồ ăn thức đựng làm bếp để cả trong nhà; dưới đất có một cái ổ bằng lông với rơm rạ, tất cả nhà nằm chung lộn trong đó, kể cả khách… (Civ. XII tr.270).

Bên Pháp và Anh người ta ngủ trần truồng trong mọi giai cấp" (Civ. XII p.339). Những đêm đông giá lạnh người ta thường đem các giống vật (bò ngựa) vào nhà để thêm hơi ấm (id

tr.274), gần nhà là một đống phân, tất cả vật cũng như người trong trại đều đóng góp vào đó. (Civ. XI tr.271). Bẩn đến nỗi có nhiều câu chuyện kể rằng quỷ Satan phải đuổi người nông nô ra khỏi hỏa ngục, bởi chính quỷ cũng không chịu thấu mùi (Civ. XII tr.276).

Trong thế kỷ 14 ở Paris, người ta thường đổ bình đêm tuột xuống phố qua cửa sổ, chỉ báo hiệu bằng một câu vắn "ý tứ nước" (gare! L'eau). Nhà cầu là một món xa xỉ. Người ta thường tự tiện ngay ra ở sân trên chân thang hay ngoài ban công, ở điện Louvre cũng thế. Sau trận dịch tễ năm 1531 có chỉ thị buộc mỗi nhà ở Paris phải có nhà cầu nhưng chỉ thị cũng không được áp dụng luôn.

"**Bởi túng ăn và bẩn thỉu là duyên cớ cho những trận dịch tả nhiều hơn mọi kỳ trong lịch sử".** Dịch vàng xảy ra năm 550 và 664 giết hại đến 2/3 dân số Islande. Bên Anh cũng bị những trận như vậy ở thế kỷ 6, 7. Pháp Đức bị dịch đốt ruột gọi là mal des ardents những năm 994, 1043, 1130. Còn nhiều bệnh khác như bệnh tóc (plica polimica) người ta hay quy căn cho đủ thứ, nhưng hầu chắc là tại dân ở chen chúc trong những thành tường xây bít kín, điều kiện vệ sinh sạch sẽ hết sức thậm tệ (lamentable), số trẻ con chết không có thống kê nhưng chắc phải đến 50% (Civ. XII tr.549).

Xem như thế không nên quá nặng lời trách các Tiên hiền của ta là không lo cho dân no đủ. Nếu so sánh kỹ ra thấy tiên hiền Đông Phương còn thực tế gấp mấy lần các Triết gia Hy Lạp chẳng hạn.

Ngay từ bài cảo luận đầu tiên về **Triết học Đông Phương, tức thiên Hồng Phạm trong kin**h **Thư đã lộ rõ dấu lo lắng đến vấn đề Dân sinh**.

Trong 8 điểm nhà cầm quyền phải chú trọng thì **"nhất viết thực (ăn) nhị viết hóa** (Couvreur dịch là les commodités de la vie)… bát viết sư (quân dịch, để cuối cùng). Mối lo âu này sẽ thấy xuất hiện nơi **Khổng Tử "Thứ, Phú, Giáo**" phú đi trước giáo và cách rành rẽ nơi Mạnh Tử… Nhưng lúc ấy mức tiến hóa nhân loại chưa đi tới giai đoạn khoa học kỹ thuật, nên loài người chưa đủ sức chống nạn đói. **Tôi nói tiên hiền thực tế hơn triết gia Hy Lạp, vì bên đó có chế độ Nô lệ nên coi khinh miệt việc chân tay. Ngoài khoa hình học thành công, còn thì toàn làTtriết học kiểu văn nghệ bên ngoài đời sống. Mãi tới thời Archimède mới khám phá chút ít, nhưng cũng là học suy lý. Máy trục và bắn đá ông làm ra, nhưng không có ghi lại, ông cũng như tất cả trí thức thời đó vẫn coi việc tìm lợi ích thiết thực và cơ khí là đê tiện bẩn thỉu (ignoble et sordide). (Civ. VI p.229)**

Căn cứ thứ ba người ta cho rằng chỉ Âu Châu mới có Khoa học, còn các nền Văn hóa khác không có.

Nếu có một vài sáng chế thì cũng chỉ là thường nghiệm (empirique) chứ không có khoa học như Văn hóa Âu Châu. Câu nói này rất dễ được chấp nhận. **Khoa học hiện có đó rồi, nó là sự nghiệp vĩ đại của Châu Âu, nên sự giải nghĩa có sai thù để tăng cường uy tín và vinh hiển cho Âu Châu, thì ai cũng vui lòng chấp nhận, khỏi cần tranh luận. Có nhiều hoạt động khác hứng thú ơn ích hơn là việc cãi cọ nhỏ nhen nọ. Nhưng ta không thể chấp nhận thái độ nhường nhịn và tặng khen một khi giải nghĩa đó "phong thánh" luôn cho những yếu tố tai hại của văn hóa Tây Âu như cổ động đa dục, tuyên dương óc độc chiếm, khuyến khích buông lung… bởi chính đó là những nguyên nhân gây nên cuộc khủng hoảng ngày nay.** Vì thế mà chúng tôi thấy cần đặt lại vấn đề và không ngần ngại phản đối những tư tưởng gia mà chúng tôi ưa chuộng về phương diện khác. Chẳng hạn triết gia Jaspers trong quyển Sens et l'Origine de l'histoire (tr 82) có đưa ra 9 lý do để phóng đoán tại sao khoa học lại phát triển bên Âu, đại để như sau:

1) Vị trí địa dư tạo nhiều sự tiếp xúc giữa các Văn hóa khác nhau.
2) Tự do Chính trị
3) Lý trí vô biên
4) Ý thức về Tự do **Nội khởi.**
5) Người Âu lấy **Thế giới khách quan** làm dữ kiện đầu tiên.
6) Nhưng không dồn quan niệm về Vũ trụ vào một công thức có tính cách giáo điều cứng nhắc (!)
7) Óc độc hữu, nhân đó có sự căng thẳng.
8) Luôn luôn đi tới cùng cực, đi tới mẹo Trừ.
9) Bởi vậy có những nhân vật độc đáo. Và họ không thể muốn con người toàn diện.

Trong 9 lý do trên chỉ có lý 1 và 3 là có thể chấp nhận phần nào; lý 2, 4 sai thực tế phiền tạp… ngoại giả là không chắc mà còn có thể gây hại như: lấy một sự bất lực (đi tới con người toàn diện) để như khuyến khích những sự đi quá trớn. Tất cả những điều này tôi nêu lên mà không quảng diễn ở đây vì dài quá sẽ làm nơi khác (xem Nhân Bản). **Chúng tôi chỉ ghi nhận một điều là ở dưới trang 96, tác giả có viết "vào quãng năm 700 nếu một du khách từ hành tinh khác đáp xuống trái đất thì có lẽ họ sẽ cho Tràng An- kinh đô Tàu lúc đó- là trung tâm tinh thần của thế giới chúng ta, Constantinople là sự sống sót của một dĩ vãng đáng để ý; còn phần bắc Âu Châu là miền mường rợ. Quãng năm 1400 đời sống cả ba nơi Âu Châu, Ấn Độ, Trung Hoa tới mức độ như nhau.** Nhưng sự đóng góp của thế kỷ 15**,** tức việc khám phá ra thế giới mà Âu Châu sắp in con dấu của nó lên trên, đặt ra… một sự cắt đứt (rupture). Sự tuyệt giao, sự cắt đứt này là một câu đố mới. Vì cho tới đó đã không có sự tiến triển rõ rệt và đều đặn… Và cho tới thế kỷ 19 thì xảy đến sự cắt đứt hẳn với dĩ vãng thuộc lịch sử và một tương lai hãy còn chưa thể thấu suốt được. Một lần nữa ta lại hỏi yếu tố không thể gọi tên ra đó là gì? (trg 97).

Nói không thể gọi tên, vì thật là phiền tạp và bí nhiệm nên những sự thử gọi tên chỉ là đoán phóng hết sức đạc chừng. Bí nhiệm vì có những điều khó biết tại sao khoa học được phát sinh bên Cận Đông (Hy Lạp chỉ tiếp tục một đoạn thường lệ) và được Cận Đông dẫn tới chỗ nảy nở lại bị Mông Cổ đến tàn phá. **Tại sao Âu Châu tự nhiên lại thoát ách Mông Cổ** (tự nhiên vì Âu Châu không có làm gì và khó có thể chống đối nổi Mông Cổ). Những câu đó khó lòng ai giải đáp, nên ta cho là khuyết nghi, hoặc thuộc Thiên mệnh. Và như vậy bao sự giải nghĩa chỉ nên coi là những ý kiến bấp bênh còn đang đi tìm một lời đáp, chưa nên coi là sự thật. Thực ra **nếu khoa học đã phát nguyên bên Ấn Độ hay nhất là bên Ả Rập thì sự giảng nghĩa nguyên do còn có lý gấp ba lần là ít. Đây là những lý do:**

1.- Yếu tố khoa học của Hy Lạp được vun tưới và nảy nở bên Ả Rập hơn bên Âu Châu.

2.- Những phát minh nhiều nơi được tiếp nhận trước hơn, thí dụ hệ thống toán số của Ấn Độ, phép in, giấy, thuốc súng, kim chỉ Nam của Tàu.

3.- Và nhất là bầu khí tự do phóng khoáng hơn bên Âu Châu nhiều lắm. Cho nên vào những thế kỷ VII- XII, văn minh Ả Rập đã tiến xa hơn Âu Châu rất nhiều và chính nhờ những dịp tiếp xúc trong các lần thập giá binh hay dịp khác mà Âu Châu du nhập được của Ả Rập nhiều kỹ thuật chẳng hạn khoa thiên văn (Civ. XII, 589), phép tinh luyện kính "Venise", phép làm kính để thấy vật xa coi gần và cả kính đeo (ông Will Durant nói có lẽ nguồn gốc do người Tàu "ai tai", Civ. XII. 539), nghề làm kim khí, máy kéo nước chạy bằng gió (Civ. X.

418), các thứ đồ ăn, đồ uống, thuốc, khí giới, quan niệm mỹ thuật, kỹ thuật, buôn bán, phương pháp vượt bể và nhiều khi cả danh từ một trật như orange, sucre, sirop, élixir, azur, bazar, tarif, douane, magasin, barque, câbe, algèbre, zéro, chiffre, alambic, zénith, almanach… người ta tính ra lối 1000 chữ do tiếng Ả Rập và hơn 100 sách Ả Rập dịch ra La Tinh (Civ. X. 434). Các thứ vải: gấm, lụa và luôn cả nghề nuôi tằm kỹ nghệ lọc đường, phép lát đá đường do vua Fréderic II thâu nhập. (Civ. XII. 55). Các nhà khoa học Musulman hầu hết lúc đó đã nhận ra là trái đất có hình tròn. Ngay năm 1081 Sandi đã làm bầu trái đất bằng đồng và những công trình nghiên cứu của Ishak-al Bitruyi đã mở đường cho Copernic (Civ. X 419) sau này… Cho nên **nếu Musulman không bị tàn sát và phá huỷ đến tận nền móng về văn hóa, kinh tế, nhân sự, thì rất có thể khoa học đã xuất hiện trên mặt đất trước ít thế kỷ bên đất Á-Phi.**

Nhưng trời hình như có ý dành danh dự này cho một giống ngươi mới xuất hiện sau bên Âu Châu. Con đường thiên mệnh trong việc chạy đuốc văn minh coi như được quy định rõ rệt. **Mông Cổ đã tàn sát Musulman một cách ghê sợ:** thành Mery bị tiêu diệt với 1.300.000 dân. Thành Ravy với 3.000 chùa (mosquée) bị bình địa. Bagdad với những thư viện mênh mông và bao kho tàng tích luỹ cũng tiêu sách với 800.000 dân. Không khi nào thấy trong lịch sử một nền văn minh bị tàn sát tận gốc như vậy. Cầu cống đê điều bị phá vỡ hoặc đúc lại… Chính vì đó chứ không phải tại khí hậu thay đổi đã cướp mất quyền chỉ huy thế giới của Tây Á từ 5 thế kỷ (700-1200) mà từng trăm thành rực rỡ của những xứ Perse, Syrie, Mésopotamie, Caucase, Tranxosiame bị đẩy vào thảm trạng đói khổ cùng cực và ứ đọng trong thời mới (Civ X. 433). **Cũng may đuốc khoa học đã kịp trao sang Âu Châu và sống hoi hóp trong ba bốn thế kỷ cho đến thời Phục Hưng**. Trong khi chờ đợi "suốt qua thời Trung Cổ bên Âu Châu khoa học và triết học được triển khai trong bầu không khí thần thoại, truyền thuyết, phép lạ, điềm báo, ma quỷ, sự lạ, pháp môn, chiêm tinh, bói toán, đồng cốt (Civ XII. 524).

Và không phải mỗi phát minh được đón nhận dễ dàng tức khắc. Chẳng hạn hệ thống số Arabe… rất nhiều người công nhận là "phương pháp thần diệu của 9 con số Ấn Độ" (Méthode merveilleuse des neuf chiffres Indiens) thế mà năm 1929 người ta còn vận động để có luật cấm dùng, mãi tới thế kỷ 16 mới thay hẳn được số Roma (Civ XII. 532). Khi mấy thương thuyền bắt đầu dùng kim chỉ nam bị nhiều người nghi ngờ là họ làm phù phép, và không thiếu người từ chối bước chân lên những tàu bắt đầu trang bị bằng Kim chỉ Nam… (Civ XII. 540)

Còn biết bao nhiêu thành kiến làm cho bầu không khí bên Âu Châu khó thở; mãi cho tới đầu thế kỷ này mà Einstein còn phải phàn nàn: " phân tán một Nguyên tử còn dễ hơn phân tán một Thành kiến" thì đủ biết tại sao khoa học Hy Lạp bị nằm chết khô bên Âu…

4.- Căn nguyên thứ bốn

Người ta quên đi hay không biết rằng việc phát minh khoa học là một sự kiện hết sức mới và đầy những chuyện bất ngờ… Việc tìm thì kể là khởi lên từ thế kỷ 16, 17; nhưng tìm kiếm một cách thật có phương pháp thì cũng mới từ ít chục năm nay. Người ta thường lấy niên hiệu xuất bản sách "Bàn về những sự chuyển vận của các thiên thể" của **Copernic** tức là 1643 làm ngưỡng cửa cho thời mới. Lấy **Newton** (1642-1727) làm mốc giới thời đại khoa học và **Einstein** là mốc những bước tiến vượt bực, tức là chung quanh hoàn cầu đại chiến thứ nhất. Bởi từ quãng đầu thế kỷ này mới có những sự tìm tòi thật khoa học còn trước kia hầu hết vẫn là mò mẫm kiểu rút kinh nghiệm (empirique); xem như một việc phát minh điện lực, linh hồn cho mọi cơ khí, thì đủ rõ. Mãi cho đến năm 1870 hầu hết người ta còn cho việc tìm tòi điện chỉ là trò chơi trong phòng thí nghiệm (amusette de laboratoire) chưa ai tin được điện sẽ có được những công hiệu vĩ đại như nay. **Sự tình cờ sơ xuất đã là dịp cho nhiều khám phá quan trọng**. Nhiều người còn nhớ **con ếch của ông Galvani** rung chân khi vô tình ông chạm vào ban công sau một ngày mệt

mỏi thí nghiệm vô ích. **Từ trường được khám phá do cái kim bỏ văng vãi trên bàn thí nghiệm của ông Oertedt. Sức chuyển động máy sinh điện được ông Fontaine nhận thấy do một cử chỉ lầm lẫn của người thợ**. Tác giả phải nói (felix culpa: heureuse faute p.92) **ông Edison là người phát minh ra bóng điện** năm 1897 và bao nhiêu phát minh khác, một phát minh lớn nhất tới nay, lại là một người bán báo, vốn liếng tri thức chỉ là một kỳ tam cá nguyệt ở trường và hai năm trong phòng thí nghiệm cá nhân "đặt dưới hầm rượu của gia đình".

Máy phát điện, một bước tiến rất quan trọng, được phát minh do ông **Gramme** một bác thợ lăng nhăng "bricoleur ou ouvrier en escalier" (Pierre Dexaux, Histoire de l'électricité, trg 65,74 và 92). Bởi vậy **ông J.Folliet không ngần ngại hạ chữ tình cờ mà xảy ra hiện tượng cơ khí làm xáo trộn hết mọi cơ cấu văn minh.**

Tính chất bất ngờ này ít được chú trọng đến, nhưng thực sự thì trước đây hai ba trăm năm không ai ngờ là khoa học sẽ làm đảo lộn bộ mặt trái đất như nay. Nếu quả thật có ngờ và văn minh Tây Phương luôn luôn tiến thì tại sao văn hóa Hy Lạp, La Mã, Âu Châu đã xuất hiện trên 20 thế kỷ mà tình trạng Âu Châu đâu vẫn nằm đó và cho đến thời Phục Hưng Tàu vẫn trội hơn Âu Châu cả về đàng kỹ thuật. Điểm này được các học giả như Zenker, Needham… đều công nhận (xem La pensée Chinoise, Granet, p.584). Sự tiến triển của Âu Châu còn rất mới mẻ, đầu thế kỷ này người Pháp dưới tỉnh còn rủ nhau lên Paris coi xe không ngựa kéo, không người đun cũng chạy được. Năm 1896 toàn Mỹ quốc mới có 4 cái xe hơi. Đầu năm 1908 ông Ford mới cho ra xe kiểu T. **Vậy là trước thế kỷ 17 Âu Á cũng tĩnh chỉ như nhau**, và nay khác nhau thì không phải Đông Tây cho bằng nói mới cũ. Tân thời đối với trung cổ. Còn trước đó Á Âu như nhau. **Keyserling** viết "giữa thời cổ Hy Lạp và những thời rực rỡ của văn hóa Á Châu, giữa nước Pháp thế kỷ 16 và nước Tàu thời Tống thí dụ, xét về dữ kiện thời sự thì chỉ có một sự khác biệt về hiện tượng chứ không về bản chất (une différence de phénomène et non pas d'essence) tức **không phải bản chất văn hóa Âu Tây luôn luôn tiến bộ, còn bản chất Á Châu là ù lì**. Cả bên Âu nữa, lý tưởng tĩnh chỉ đã thống trị mãi cho tới thời mới kể cả Hy Lạp cổ đại cũng như trong Ý Đại Lợi thời Phục Hưng, vì trong những xứ này, đời sống có náo động tới đâu đi nữa, bao giờ cũng hướng theo những giá trị mà thời gian không thay đổi gì hết. Ngày nay khi chúng ta, người Âu Châu thời mới, xem Á Châu như bản tính đối chọi nhau, thật ra không phải Đông khác biệt Tây cho bằng thời mới khác với thời trung cổ và thời cổ đại… Nói khác đi, **chúng ta đối chọi lý tưởng của hoàn bị với lý tưởng tiến bộ**" (xưa tìm hoàn bị nay cần tiến bộ) (Journal tr.317).

Trong quyển Science and Civilisation, **ông Needham** có viết: "**Bất kỳ ai nếu chịu đọc tới hết quyển sách này, chắc sẽ bị sửng sốt trước số kỹ thuật rất nhiều và khác nhau mà Âu Châu mượn của Tàu, song thường họ không biết đến nơi phát nguyên trong 14 thế kỷ đầu**". Ông **Francis Bacon** (1626) có viết: "**Rất nên quan sát về sức mạnh và năng lực cùng những hậu quả của các điều phát minh**. Rõ rệt nhất không đâu bằng ba món đồ mà tiền nhân ta chưa biết đến, và cũng mới xuất hiện, tuy nguồn gốc nó vẫn còn ẩn khuất nhưng rất hiển hiện, đó là **máy In, thuốc Súng, và kim chỉ Nam. Bởi vì ba phát minh đó đã biến đổi cả mặt đất và tình trạng sự thể trên khắp trái đất: cái thứ nhất trong Văn chương, cái thứ hai trong Binh pháp, cái thứ ba trong nghề Hàng hải. Những phát minh đó đã kéo theo vô số sự thay đổi đến nỗi không một Đế quốc nào, hay một Tôn giáo nào, một Ngôi sao nào đã gây được một ảnh hưởng và quyền năng lớn hơn vào trong nhân sự." (t I, tr 19)**

Không phải thời nào Âu Châu cũng dẫn đầu về Văn hóa.

Ông Dampier có viết: "Chính trong những thời kỳ đen tối nhất bên Âu Châu, sự học hỏi của các miền Á Châu lại bắt đầu tiến triển rực rỡ và lan tràn sang Ả Rập. Môn phái của xứ

sở Perse và Ả Rập ban đầu đã dựa trên các bản dịch sách Hy Lạp, nhưng về sau họ đã thêm vào nhiều đóng góp đặc sắc trong khoa học tự nhiên." Thời ấy những sách hình học của Euclide, thiên văn của Ptolémée cũng được dịch sang Ả Rập. (Histoire de la Science p.85)

Triết gia nổi tiếng người Hồi giáo là **Avicenne** (980-1037) kiêm y sĩ có **viết quyển Canon** tức bản tóm tắt y khoa là một trong những công trình văn hóa Ả Rập, sau **này trở nên sách chuyên khoa về y học trong các đại học Âu Châu,** mãi tới năm 1650 cũng còn dùng trong các trường Louvain và Montpellier. Thời ấy **tiếng Ả Rập** đã được công nhận là ngôn ngữ cổ điển về khoa học và hễ cái gì viết bằng tiếng Ả Rập cũng có uy tín như lúc người ta dành cho tiếng Hy Lạp. (Dampier tr.112. Histoire de la Science. Payot).

Cao đẳng Âu Châu thời đó chia làm hai khóa: Tam và Tứ. Khóa Tam sơ đẳng gồm có ba môn học là **Ngữ luật**, **khoa Lợi khẩu** (rhétorique) và **Danh lý** (dialectique) tức là đề tài chuyên về danh từ và cú pháp. Khoa Tứ cao hơn gồm có: **Nhạc, Toán, Hình học, Thiên văn**, tức bốn khoa mà người ta tin là chuyên chủ về sự vật. Nhạc gồm lý thuyết bàn huyền niệm về các số, Hình học chỉ là một chuỗi những câu của Euclide không có chứng minh, còn Toán và thiên văn được trọng dụng bởi là phương thế quy định ngày lễ Phục sinh. Tất cả bấy nhiêu khoa được coi là chuẩn bị sinh viên đi lên thần học. Sự phân phối chương trình như trên được duy trì suốt thời Trung cổ. (Dampier tr.116).

Những giống dân nói tiếng Ả Rập và những người Do Thái cư trú bên đó thời ấy mới chú trọng thực sự tới khoa học và chính nhờ sự tiếp xúc với các miền Hồi giáo mà Âu Châu Trung cổ mới bỏ được những tập quán tư tưởng cũ để đi dần sang lối suy luận lý trí. (tr. 121, Dampier)

Xem chương trình học vấn của Âu Châu Trung cổ ta thấy liền đâu có tiến luôn luôn, đâu có khoa học cơ khí, chẳng qua ăn tự lại của Hy Lạp một phần mà chẳng biết tài bồi thêm. Về phần đóng góp của Hy Lạp không chối là quan trọng nhưng đâu có phải duy nhất như người ta thường viết**. Người ta đã quên hay không biết đến phần đóng góp quan trọng của Ả Rập, Toán học của Ấn, Thiên văn của Babylon. Hy Lạp thành công duy có ở Hình học**. Và chính nhờ sự tiếp xúc với các dân khác Hy Lạp mới tiến trong khoa học, sự kiện này xuất hiện bên Alexandrie (Egypte) vào lúc mãn chầu thời oanh liệt tức thế kỷ thứ 3 lúc văn học nghệ thuật Hy Lạp đang xuống dốc. Bởi không nhận định điều đó nên trước đây người ta không giải nghĩa được hiện tượng ngoại lệ trên (tức là tại sao khoa học không tiến trong hoàng kim thời đại của Hy Lạp. Civ.VI, 231).

Bởi chưa biết đến những đóng góp của các nền Văn minh khác, như nay mấy sử gia lớn đã bắt đầu tìm ra, nên người ta quá tâng bốc Hy Lạp lên, nhưng xét kỹ lại thấy việc đóng góp của Hy Lạp cũng là thường lệ. Trong quyển Technique, ông **Ellul** đã chứng minh **Hy Lạp đóng góp được có một cái đinh ốc**. Ông còn nói tại sao có Khoa học là vấn đề mầu nhiệm. (tr.41) Y học của Hypocrate còn kém hơn khi tiếp nhận của Egypte. Thiên văn bị cấm. Hội họa chưa sâu sắc bằng tranh Tàu, Tượng chưa chín chắn bằng tượng của Egypte. Toán học chưa biết đến đại số…

Cả về đàng văn minh tế nhị như phép cai trị cũng còn thua Perse. Xem một việc Alexandre đại đế bị chinh phục là một sự trả thù của Đông Phương. Aristote dạy ông rằng ngoại bang là rợ mọi, nay ông nhận thấy người Perse tế nhị hơn người Hy Lạp, nên ông đổi thái độ: nhận lối cai trị cư xử như Perse trước sự thất vọng của các người tuỳ tòng. Nhưng sau**, cả những người trí thức cũng chịu ảnh hưởng Perse, đến cả triết học sau này cũng bị Đông Phương chinh phục. Triết Stoicien là một bằng chứng, và tất cả sẽ đầu hàng các tôn giáo Đông Phương. (xem Civ. VI tr. 117 và161).**

Về phía nước Tàu giáo sư Creel đại học đường Chicago có viết như sau:

"**Nhiều người biết ít về nước Tàu** và cả những người biết nhiều cũng thường có khuynh hướng tin rằng nước Tàu bất di bất dịch, không có tiến bộ chút nào từ đời nhà Hán. Đó là một cảm tưởng hoàn toàn không đúng, nhưng lại rất phổ biến thông vì hai lý do. Trước hết vào thời kỳ từ thế kỷ VI trước Tây lịch đến thế kỷ II sau Tây lịch được người ngoại quốc khảo cứu hơn tất cả lịch sử nước Tàu. Thật ra đó là một thời đại quan trọng được chứng kiến nền văn hóa Trung Quốc thành hình, nên chính người Tàu cũng khảo cứu và hiện còn đương khảo cứu tường tận, điều đó giúp người ta dễ hiểu thời ấy hơn.

Lý do thứ hai khiến **người ngoại quốc chối sự tiến bộ của Trung Hoa trong hai ngàn năm nay là tại họ đã lãng bỏ một ít nhân tố không làm vinh dự mấy cho người Âu**. Thí dụ họ thích quên đi rằng nước Tàu đã trở nên trưởng thành vào quãng thế kỷ thứ II trước Tây lịch và không bao giờ trở lại thời ấu trĩ nữa (chính ông Creel gạch dưới). Nó đã không bao giờ phải trùng tu lại văn hóa tự nền móng như Âu Châu đã phải làm. Cơ sở chính trị và văn hóa của nó đã hiến cho nó khả năng đồng hóa được các dân man ri tràn vào Trung Quốc, và vẫn giữ được bản sắc như trước. Nó đã không bị những đảo lộn và sự man rợ của một thời Mérovée như Âu Châu chẳng hạn.

"**Người ta có thể nói nước Tàu cũng có thời rợ mọi của nó ở đầu nhà Chu và có thời phong kiến vào quãng trung Chu hơn một ngàn năm trước khi những hiện tượng này xuất hiện bên Âu. Lại còn trình độ văn hóa và trình độ các Nhà nho trong giới thượng lưu cao hơn rất nhiều sánh với trình độ của phái quý tộc Âu Châu Trung cổ và cả lâu sau**. Và khi nước Tàu đã trải qua những giai đoạn này thì không trở lại bao giờ nữa. Tuy nó có biết những thời loạn lạc phân tranh, nhưng nếu người ta nhớ lại rằng nước Tàu cũng lớn rộng bằng Châu Âu thì phải công nhận là nó được bình an và thống nhất hơn nhiều." (Naissance de la Chine 354).

Tác giả đã quả quyết thế vì đời Trung cổ Âu Châu không thiếu loạn lạc. Người ta tính ra bên Nga từ năm 1054 đến năm 1224 nghĩa là chưa đầy hai thế kỷ có tất cả 83 trận nội chiến, 46 lần bị ngoại xâm, 16 lần nước Nga đi đánh các nước lân cận, 293 ông hoàng tranh ngôi trong 64 tiểu bang. (Will Durant, Histoire de la Civ. L'âge de la Foi, t.III p.100) "Vua chúa lúc nào cũng có quyền xông vào đất lân cận để ăn hàng…" Trong thế kỷ 12 hầu như chẳng sáng nào lại không có đánh nhau trong cái miền là nước Pháp ngày nay, Berthold de Ratisbonne phàn nàn vì "rất ít vua chúa sống hết tuổi trời, hay được chết cái chết tự nhiên".

"Sau một trận trong các trận giặc ấy, nhiều nông gia phải kéo cày lấy, nhiều người hết lúa gạo, chết đói… Giáo hội đã hết sức can thiệp để giảm ngày đánh nhau bằng thể chế thần hưu (treuga Dei: trêve-dieu…). Người ta hay đánh nhau đến nỗi sau đặt ra **lệ bắt tay khi gặp nhau để tỏ lòng yêu hòa bình**, và để chứng rằng họ không có chuẩn bị rút gươmg ra đấu." (W. Durant, L'âge de la Foi, t.II, p.200).

Không phải lúc nào Âu Châu cũng cường thịnh giàu sang

Lối thế kỷ 11-13, Âu Châu đã dẫn Thập tự binh sang đánh Ả Rập, lần đông nhất cũng chỉ tới 5 vạn quân mà một trong những lý do thất bại là tại không tổ chức nổi việc Tiếp tế (Civ XII. 40). Trong khi đó quân Mông Cổ từng 30 đến 50 vạn đi lại trên đường hiểm trở và xa gấp ba bốn lần. Điều đó cho ta thấy rõ cuộc thăng trầm giữa các nền văn minh. Giáo sư Barkhausen viết: "**Lịch sử hoàn cầu có thể coi như một cuộc tranh hùng giữa hai giống da Vàng và da Trắng**. **Từ đầu cho tới hết thời Trung cổ thì người da Vàng nắm quyền bá chủ.** Lịch sử Âu Châu lúc đó chỉ đáng coi là một biến cố nhỏ dưới lục tỉnh so với biến cố quan trọng và sự hoạt động mãnh liệt ở Châu Á. **Thánh Cát Tư Hãn** lập đế quốc tóm thâu 4/5 nhân loại người ta biết được lúc đó, truyền dõi được hai thế kỷ (cai trị Nga 240 năm) vượt xa những Alexandre, César,

Napoléon. Nguyên một tướng **Soubalai rong ngựa bốn lần từ Budapest đến Cao Ly, thắng được 65 trận lớn, chinh phục được 52 nước trên hoàn cầu và chỉ vì tình cờ ngẫu nhiên mà Âu Châu thoát ách đô hộ.**

"Nhưng bước sang thời mới, nhờ sự tiến triển trong kỹ thuật vượt biển và súng đạn mà Âu Châu chiếm được hầu hết đất đai trên hoàn cầu, dành phần thắng quyết định về cho mình" (Empire jaune de Gengis Khan, Payot 1942, p.31 và 206).
Về đường cai trị ta có thể đọc những bức thư đầy thán phục bỡ ngỡ của các thừa sai khi tới Á Đông. Họ ca tụng hết lời lối cai trị bên Viễn Đông, họ tả những cảnh huy hoàng, đọc lên tưởng rất nhiều điểm giống với quan điểm Trung Quốc là vì họ đã theo lối tổ chức của Tàu. (Naissance de la Chine, Creel p.338)

Trong cái hùng cường phồn thịnh của Âu Châu, phần đóng góp các Châu khác không phải là nhỏ

Xem như trên, trước kia Âu Á ngang nhau, lên xuống tuỳ vận nước, <u>vậy cái gì đã làm chuyển cán cân đảo lộn tình trạng cũ, thiết nghĩ đó là Thuốc Súng và Địa Bàn.</u>
Trên đường Cathay để tìm đồ gia vị (Canada có phố mang tên là Cathay để nhắc tích đó), **<u>Christophe Colomb</u>** đã tình cờ tìm ra thế giới "mới**", nhờ súng đạn mạnh người da trắng đã tiêu diệt hầu hết bản thổ và chiếm đất đai rồi sau đó họ cũng dùng cùng một chính sách ấy đối với dân bản xứ Úc Châu, tiêu diệt quá nửa dân số Phi Châu, chiếm Ấn Độ, xâm lăng Tàu… Dân Pháp chiếm được thuộc địa rộng hơn mẫu quốc 20 lần, Hòa Lan 60 lần, Bỉ 80 lần, Anh 140 lần. Nước Nga xâm lăng Á Châu ăn về đông bắc cho tới cửa bể Vladivostov. Tóm lại 85% số tài nguyên trên thế giới lọt vào tay non một phần ba nhân loại da trắng, còn 15% chia cho 2/3 kia. Nói cụ thể khi người Mỹ có 1.880đ, thì Lào có 60đ, Việt Nam có 65đ**. (Regard sur histoire de demain. Tibor Mende p.14, du Seuil 1954).

Nhờ **tài nguyên bát ngát**, họ có cơ phát triển kinh tế mạnh mẽ vô cùng, không còn một lực lượng nào cản trở được bước tiến mỗi ngày mỗi mau thêm. Nhân đó mà họ tin tưởng vào sự "tiến tới vô cùng" và đặt vào tương lai một lòng tin vô bờ bến. Ta có thể lấy dân số làm một bằng chứng. Trong khoảng 150 năm tự vua Louis XII (1643) cho tới trận chiến Trafalgar (1805), người Âu từ non 100 triệu ban đầu chỉ thêm có 60 triệu. Thế mà trong 100 năm từ lần thí nghiệm đầu tiên chiếc thuyền chạy bằng hơi nước trên sông Rhin do ông Fulton cho tới lần bay đầu tiên của hai anh em Wright trong năm 1903, **dân Âu đã tăng lên gấp ba lần**, nghĩa là hơn 400 triệu. (Regard p.15)
Đồng thời **số sản xuất gia tăng.** Ta có thể lấy sự sản xuất làm ống hàn thử biểu. Từ năm 1785-1935 nghĩa là trong vòng 150 năm số sắt thêm gần 400 lần. (L'av. Promethée p.14). Nhờ giàu sang mức sống dân chúng được nâng cao lên tới mức độ chưa từng có trong lịch sử nhân loại: năm 1800 mỗi người Pháp một năm được từ 2 đến 3 kí thịt, thì từ năm 1944 mỗi ngưởi đã được 37 kí. Nhân đấy họ có phương tiện dồi dào để phát huy năng lực văn hóa đến chỗ cùng cực và mở rộng ra cho toàn dân được hưởng bằng đặt ra chế độ học đường bó buộc. **<u>Khoa học tiến triển từ đó, nhờ đó…</u>**

Đang lúc các nền văn minh khác suy đồi, hầu như bại vong thì văn hóa Thái Tây đi lên rực rỡ huy hoàng trong ánh sáng khoa học với những phát minh tân kỳ. Những người đi họp hội chợ Paris 1910 chúc mừng nhau: **<u>Phúc cho những nước có thuộc địa (Avènement de Promethée,</u>**

J.Folliet p.190). Tác giả quên thêm: vô phúc cho các thuộc địa, ở đây nhiều nền Văn hóa rực rỡ xưa kia đi vào tàn rụi, bị coi là Mường rợ cần được đuốc Văn minh đến soi cho biết ý nghĩa Công bình, Huynh đệ, Tự do. Nghe du dương như một bài ca mê ly, nhưng lại đệm bằng những tiếng súng cướp đoạt nổ vang lừng, đến lúc tỉnh ra thì Tài sản tan tành, mất cả Tự do mà "Văn minh Đông Á Trời cũng thu sạch".

Trình độ Văn minh trung thực: lòng Nhân đạo

Mới rồi một tờ nhật báo nọ đề cập vấn đề Văn hóa và Văn minh, ký giả lúng túng với câu định nghĩa rồi đem ra những thí dụ chứng rằng văn hóa Đông Phương kém như **bên Tàu** có tục "**nịch tử**" (dìm chết thai nhi), việc đàn ông đánh vợ, giết vợ mà luật pháp không can thiệp. Đành rằng đó là một vết nhơ, nhưng trong các văn hóa khác thiếu gì, mà còn tệ hơn nữa. Bên Tàu mới là chuyện làm liều còn nhẹ hơn là khi **pháp luật đặt thành thể chế như Hy Lạp**. **Bên Sparte (tức xứ Hy Lạp) trọng luật ưu sinh nên những đứa con ra đời yếu hay xấu phải đưa lên núi Taygète giẩy xuống cho chết** (Civ. IV. 114). Nói đâu ngày xưa, ngày nay người ta hay đánh truỵ thai; đánh truỵ thai có khác gì với nịch tử. **Riêng một nước Pháp người ta cho là mỗi năm có tới 600.000 vụ phá thai, người khác nghĩ có thể tới con số 1 triệu.**

Tục giết hài nhi bên Hy Lạp hay La Mã có cả. Bên Hy Lạp các triết gia còn cổ động là khác. Người ta giết hài nhi rất thường nhất là trẻ nữ; có một văn kiện cho biết trong số 118 con trai chỉ có 28 con gái (Civ VI, p.145). Bên Roma cũng thế. Sau này dẫu bị lên án như một tội ác, việc giết hài nhi vẫn cùng với đói ngheo thêm trầm trọng (Civ. IX. 274). Còn chuyện đánh vợ pháp luật không can thiệp đâu có bằng **pháp luật cho phép giết vợ** kia kìa: "**luật dân Saxon thí dụ kết án người vợ bất trung phải cắt ít ra cái mũi và hai tai, và cho người đàn ông được quyền giết vợ ngoại tình**" (Civ VII, p.320). **Luật Roma cũng cho người cha giết con** (patria postestas) **và chồng giết vợ** (manus) (Civ VIII, p.284) và không phải không có người dùng quyền đó, chỉ kể một người được bao sử gia ca tụng tức là **Hoàng Đế Constanstin vô cớ** (người ta không đoán lý do được) **đã giết con là Crispus,**

II.- NHO: VĂN HÓA CHÂN THỰC: TỔNG HỢP ĐÔNG TÂY

Cái ngày đó hiện chưa đến, nhưng những phần tử ý thức nhất của nhân loại đang mong chờ, và đang sửa soạn cho ngày ấy đến. Khắp đó đây đã có những người nhìn nhận ra rằng giai đoạn này tuy có bước tiến vượt bậc về khoa học cơ khí, về việc chế ngự thiên nhiên, tạo ra rất nhiều điều kiện thuận lợi cho đời sống sinh lý vật chất, nhưng xét về mặt tinh thần thì quả là nghèo nàn, yếu ớt và đầy lộn xộn, vì thế chỉ có **một thiểu số đặc ân được thụ hưởng những ân huệ của khoa học, còn đại đa số vẫn chịu cảnh lầm than khốn quẫn do chính khoa học gây nên. Các nước kém mở mang đã tiếp nhận được súng, đạn, bom, chất nổ nhiều gấp cả mấy chục lần viện trợ kinh tế**. **Tình trạng bi đát như thế là do thiếu một Đạo lý chân thực hướng dẫn**.

Ngoài mấy thứ Triết thuyết cục bộ loại "duy" ra, **chúng ta chưa thấy có một Đạo sống nào khả dĩ đủ khả năng gây lại nền Thống nhất cho Nhân loại** và hiện nay các phần tử có ý thức trong

nhân loại đang gắng công đi tìm ra cái Đạo Sống đó. Trong chiều hướng này chúng ta thấy **Nho giáo được nhiều người chú ý hơn các triết thuyết khác**.
Là vì các **Triết học Tây Âu** hầu hết còn mang nặng tính chất hàn lâm Văn học, chưa bao giờ đủ lông, đủ cánh để bay vào đời sống rất uyển chuyển biến dịch, còn **Triết Ấn Độ** tuy có chú trọng đến đời sống, nhưng mới là đời sống tu Thân, còn phần Gia đình, Quốc gia chưa để ý đến đủ nên chưa có những kế hoạch những phương pháp đã chứng tỏ được giá trị thiết thực; vì thế dẫu hiện đại **Thiền Lão** đang được Tây Âu chú ý hơn Nho giáo, nhưng rồi giai đoạn cá nhân, **giai đoạn "độc thiện kỳ thân" này sẽ phải nhường bước trên cho Nho giáo.**

Và giai đoạn này đã bắt đầu biểu hiện một hai dấu hiệu. Xin kể ra đây hai trường hợp: một là **hội nghị Triết học quốc tế**, **thứ hai là Trung cộng**.
Hội nghị quốc tế có thể coi như tấm gương phản chiếu trung thực mối bận tâm của con người thời đại.
Còn Trung cộng như cái gì lớn lao và thiết cận đến vấn đề Nho giáo cũng như đối với vận nước, vận nhà của chúng ta.
Hội nghị quốc tế nói ở đây mở tại Honolulu mùa hè năm 1949, quy tụ đại biểu hơn 50 nước phần lớn là Âu Mỹ. Về phía Á Đông có Ấn Độ, Nhật Bản, Trung Hoa tham dự.
Trong bài diễn văn khai mạc, **ông Charles Moore có phác họa đường hướng của cuộc cách mạng** mà **Triết học ngày nay phải hoàn thành hầu hướng dẫn cuộc sống nhân loại.**
Ông nói sở dĩ nhân loại đã trải qua hai cuộc thế chiến thì truy căn cũng tại thiếu một Chủ đạo, một Triết lý chân thực.
Vì thế hội nghị nhằm mục đích bổ sung sự khuyết điểm nền móng này. Trong ý hướng đó hội nghị đưa ra ba điểm.

<u>Điểm nhất</u>: **hội nghị lên án mọi thứ suy tư cục bộ giới hạn vào một địa phương,** coi đó như một việc làm không những lỗi thời đối với thế giới ngày nay, mà còn là mối hiểm nguy dễ trở thành bi đát (provincialism in reflective thinking is dangerous, possibly tragic).
Vì thế Sứ mạng chính của Triết học phải hướng dẫn được các nhà lãnh đạo nhân loại trong việc xây đắp một thế giới tốt đẹp hơn, cả trong hiện thực cũng như trong lý thuyết.
Đó phải là Tinh thần hướng dẫn hội nghị.

<u>Điểm hai</u>: vì thế **phải vượt qua những công thức xưa cũ "Đông là Đông, Tây là Tây**" (East is East, West is West) hoặc phương trình mới được đưa ra gần đây là "Đông Tây như nhau" (East=West). **Cần tiến tới phương trình mới khác hẳn, đó sẽ là "Tổng hợp Đông Tây" (East plus West) mới hợp thời.**

<u>Điểm ba</u>: vì thế hội nghị hướng mũi dùi vào **việc hoàn thành một "nền Thống nhất hòa âm" an orchestrated unity, tức là một Tổng hợp có tính cách rộng rãi mềm dẻo dễ thâu hóa được hết mọi Truyền thống suy tư vừa đa tạp vừa phong phú, mà không cưỡng ép một ai**. (Moore từ trang 1-13).

Đến phiên đúc kết hậu quả thì hết mọi hội viên đều đi đến kết luận này là **hiện nay Tây Âu phải học hỏi nhiều với Đông phương về Tinh thần và cách thỏa mãn của nó, còn Đông phương phải học nhiều với Tây Âu về cách làm thỏa mãn được những nhu yếu vật chất xã hội của con người**. It was agreed by all members of the seminar that at the present time, the West had much to learn from the East concening the spirittual need of men and their satisfaction;

while the East had much to learn from the West concerning the material and soccial need of man and their satisfaction. Moore 436."

III.- Đạo đức
道德
Morality

(thaitronghuy1953@yahoo.com chuyển)

***

Nội dung

1. Đạo đức.

1.1. Tổng quan về đạo đức.

1.2. Cấu trúc của đạo đức.

- Ý thức đạo đức - Hành vi đạo đức - Quan hệ đạo đức.

1.3. Chức năng của đạo đức.

- Giáo dục - Điều chỉnh hành vi - Nhận thức.

1.4. Lịch sử phát triển đạo đức xã hội.

- Xã hội nguyên thủy. - Xã hội chiếm hữu nô lệ.
- Xã hội phong kiến. - Xã hội tư bản.

1.5. Vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.

1.6. Mối quan hệ giữa đạo đức với một số hình thái ý thức xã hội.

- Đạo đức và chính trị. - Đạo đức và pháp luật.
- Đạo đức và tôn giáo.- Đạo đức và nghệ thuật.
- Đạo đức và khoa học.

2. Đạo đức học.

2.1. Tổng quan về đạo đức học.

2.2. Điển hình đạo đức học nghề nghiệp.

- Đạo đức học y học: Y đức - Đạo đức học kinh doanh.

3. Đạo đức học Nho giáo.

3.1. Ngũ thường 五常

- Nhân 仁 - Nghĩa **義** - Lễ 禮 - Trí 智 - Tín 信

3.2. Ngũ luân 五倫

4. Đạo đức học tôn giáo hữu thần – Ki-tô giáo.

Đạo đức Chúa Trời => ***Mười điều răn***

5. Đạo đức học tôn giáo vô thần – Phật giáo.

Đạo đức Duyên khởi-Vô ngã => ***Ngũ giới***

NBS: Minh Tâm 3/2019

1. Đạo đức.

1.1. Tổng quan về đạo đức.

Morality - Wikipedia

Đạo đức – Wikipedia tiếng Việt

Đạo đức là từ gốc Hán được phân tích như sau:

Đạo 道:

1) Đường, dòng. Như: *thiết đạo* 鐵道 đường sắt; *hà đạo* 河道 dòng sông.

2) Phương pháp, phương hướng, cách. Như: *chí đồng đạo hợp* 志同道合 chung một chí hướng; *dưỡng sinh chi đạo* 養生之道 đạo (phương pháp) dưỡng sinh.

3) Tư tưởng, học thuyết. Như: *Ngô đạo nhất dĩ quán chi* 吾道一以貫之 Đạo của ta chỉ có một lẽ mà thông suốt cả (Luận Ngữ 論語 - Lí nhân 里仁).

4) Chân lý. Như: *Triêu văn đạo, tịch tử khả hĩ* 朝聞道,夕死可矣 Sáng nghe được đạo, tối chết cũng được (Luận Ngữ 論語 - Lí nhân 里仁).

Đức 德

1) Phẩm chất tốt đẹp, quy phạm mà con người phải tuân theo.

Như: *Đức chi bất tu, học chi bất giảng, văn nghĩa bất năng tỉ, bất thiện bất năng cải, thị ngô ưu dã* 德之不修, 學之不講, 聞義不能徙, 不善不能改, 是吾憂也 Đức chẳng trau giồi, học vấn chẳng chú trọng (cho tinh tường), nghe điều nghĩa mà không làm theo, có lỗi mà không sửa đổi, đó là những mối lo của ta (Luận Ngữ 論語 - Thuật Nhi 述而).

2) Phẩm hạnh, tác phong. Như: Quân tử chi đức phong, tiểu nhân chi đức thảo. Thảo thượng chi phong tất yển 君子之德風, 小人之德草. 草上之風必偃 - Đức của người quân tử như gió, đức của tiểu nhân như cỏ. Gió thổi thì cỏ rạp xuống (Luận Ngữ 論語 - Nhan Uyên 顏淵).

Theo đó:

Đạo đức 道德 hay còn gọi là **Luân lý 倫理**, *là thuật xử thế, là lẽ phải ở đời: Đó là chuẩn tắc và quy phạm (trong một cộng đồng xã hội) mà hành vi cử chỉ của con người đối với môi trường xung quanh cần phải ứng hợp theo để được xem là* **tốt** *hay* **thiện** (*đối đãi với* **xấu** *hay* **ác**).

Đạo đức có thể được nhìn thấy theo các góc độ sau:

***Nghĩa hẹp*:** Đạo đức của một người thể hiện nét đẹp trong phong cách sống có hiểu biết và rèn luyện ý chí của người đó theo các bậc tiền nhân về các quy tắc ứng xử, các đường lối tư duy thanh tao tốt đẹp.

***Nghĩa rộng hơn*:** Đạo đức của một cộng đồng thể hiện qua những quy tắc ứng xử được áp dụng từ việc hợp với đạo lý xưa nay và phong tục của địa phương, cộng đồng đó. Tạo thành nét đẹp truyền thống văn hóa.

***Nghĩa rộng*:** Đạo đức của cả một xã hội thường được xét đến khi xã hội đó bị hỗn loạn và thiếu chuẩn mực. Khi đó những bậc trí giả sẽ định ra những chuẩn mực cơ bản nhất để tạo dựng nên nền tảng đạo đức. Khi đã đạt đạo đức cơ bản nhất thì đó là đạo đức xã hội. Từ đó học tập đi lên thành các thành phần cao cấp hơn.

Đạo đức thể hiện ở 3 đặc điểm sau:

- Một là, đạo đức là một hình thái ý thức xã hội, nảy sinh do nhu cầu đời sống xã hội, là sản phẩm của xã hội mang tính chuẩn mực: mệnh lệnh, đánh giá rõ rệt.

- Hai là, đạo đức là một phương thức điều chỉnh hành vi của con người.

- Ba là, đạo đức là một hệ thống giá trị, như các giá trị xã hội, giá trị chính trị, giá trị nhận thức đạo đức, giá trị thẩm mỹ, giá trị tôn giáo…

Ghi chú:

1) Đạo Đức Kinh 道德經 là quyển sách do triết gia Lão Tử viết ra vào khoảng năm 600 TCN còn được gọi là sách Lão Tử. Đạo Đức Kinh gồm có 81 chương với khoảng 5000 chữ Hán, chia làm 2 phần: Thượng Kinh và Hạ Kinh.

+ Thượng Kinh gồm 37 chương, bắt đầu bằng câu: "Đạo khả Đạo phi thường Đạo". Thượng Kinh luận về chữ Đạo (chân lý) nên được gọi là Đạo Kinh.

+ Hạ Kinh gồm 44 chương, bắt đầu bằng câu: "Thượng Đức bất Đức thị dĩ hữu Đức". Hạ Kinh luận về chữ Đức (đạo đức: thuật xử thế) nên được gọi là Đức Kinh. Đức thường được hiểu là biểu hiện của Đạo.

2) Ý nghĩa về Đạo Đức của Nho giáo cũng tương tự như ở Lão giáo. Theo sách Đại Học 大學: "*Đạo học lớn cốt để phát huy Đức sáng, Đức tốt đẹp của con người, đổi mới khiến lòng dân bỏ cũ theo mới, bỏ ác theo thiện, khiến mọi người đạt đến mức độ Đạo Đức hoàn thiện nhất.*"

1.2. Cấu trúc của đạo đức.

Đạo đức là một hiện tượng xã hội có cấu trúc phức tạp, bao gồm: *ý thức đạo đức, hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức*.

1) Ý thức đạo đức: "*Là ý thức về hệ thống những nguyên tắc, chuẩn mực hành vi phù hợp với những quan hệ đạo đức đã và đang tồn tại. Mặt khác, nó còn bao hàm cả những cảm xúc, những tình cảm đạo đức của con người*".

Với tư cách là một hình thái ý thức xã hội, ý thức đạo đức là sự thể hiện thái độ nhận thức của con người trước hành vi của mình trong sự đối chiếu với hệ thống chuẩn mực hành vi và những quy tắc đạo đức xã hội đặt ra; qua đó giúp con người tự giác điều chỉnh hành vi và hoàn thành một cách tự giác, tự nguyện những nghĩa vụ đạo đức.

Về mặt cấu trúc, ý thức đạo đức gồm tình cảm đạo đức, tri thức đạo đức, lý tưởng đạo đức, ý chí đạo đức. Trong đó:

- *Tình cảm đạo đức* thể hiện cảm xúc của con người trước hiện tượng đạo đức.

- *Tri thức đạo đức* giúp con người lựa chọn cái gì nên làm và cái gì không nên làm.

- *Lý tưởng đạo đức* quyết định phương hướng, mục đích hoạt động của con người.

- *Ý chí đạo đức* là sức mạnh tinh thần giúp con người vượt qua khó khăn, trở ngại để thực hiện hành vi đạo đức.

2) Hành vi đạo đức: "*Là một hành động tự giác được thúc đẩy bởi một động cơ có ý nghĩa về mặt đạo đức*".

Cụ thể hơn, hành vi đạo đức là những cử chỉ, những việc làm của con người trong các mối quan hệ xã hội phù hợp với ý thức đạo đức, với các chuẩn mực và các giá trị đạo đức.

Để phân biệt một hành vi đạo đức hay phi đạo đức, không chỉ căn cứ vào kết quả của hành vi mà còn phải căn cứ vào động cơ của hành vi. Hành vi đạo đức phải có nguyên nhân vì lợi ích của người khác, của xã hội và mục đích cũng là mang lại lợi ích cho người khác, cho xã hội.

3) Quan hệ đạo đức: "*Là hệ thống những quan hệ xã hội, tác động qua lại giữa người với người, giữa cá nhân và xã hội xét về mặt đạo đức*".

Quan hệ đạo đức vận động, biến đổi theo quá trình phát triển của xã hội. Quan hệ đạo đức có các đặc tính là tính tự giác và tính tự nguyện:

- *Tính tự giác* thể hiện ở sự nhận thức trách nhiệm, nghĩa vụ của bản thân mỗi người trong những tình huống cụ thể khi tham gia vào quan hệ đạo đức.

- *Tính tự nguyện* thể hiện ở nhu cầu và ham muốn của bản thân mỗi người trong quan tâm, tương trợ, giúp đỡ người khác...

Ý thức đạo đức, hành vi đạo đức và quan hệ đạo đức là những yếu tố cấu tạo nên cấu trúc đạo đức, không tồn tại độc lập, mà có quan hệ biện chứng với nhau.

- ***Thứ nhất***, ý thức đạo đức không thể hình thành ngoài quan hệ đạo đức và ngược lại, quan hệ đạo đức không thể không được định hướng, điều chỉnh bởi ý thức đạo đức.

Trong quá trình phát triển của lịch sử, ý thức đạo đức hình thành trên cơ sở phản ánh các mối quan hệ giữa cá nhân với cá nhân, giữa cá nhân với xã hội. Ý thức đạo đức nảy sinh do nhu cầu của đời sống xã hội mà trước hết là nhu cầu phối hợp hoạt động trong lao động sản xuất vật chất. Sự phát triển của sản xuất dẫn đến sự phát triển của các quan hệ xã hội và kéo theo sự phát triển của quan hệ đạo đức, làm cho chúng ngày càng đa dạng, phức tạp hơn.

Các chuẩn mực của đạo đức được hình thành trong quá trình con người giao tiếp với nhau, chúng được củng cố do sự công nhận giá trị theo quan điểm lợi ích phổ biến. Quan hệ đạo đức càng đa dạng, phức tạp càng là môi trường tốt cho con người hình thành ý thức đạo đức sâu sắc và toàn diện. Ngược lại, quan hệ đạo đức hạn chế thì ý thức đạo đức cũng mắc phải những những khuyết điểm nhất định và vì vậy con người không thể phát triển toàn diện nhân cách của mình.

Ý thức đạo đức hình thành, phát triển, hoàn thiện thông qua việc phản ánh quan hệ đạo đức và khi đã hình thành, ý thức đạo đức quay trở lại chi phối, điều chỉnh quan hệ đạo đức. Quan hệ đạo đức có bền vững hay không tùy thuộc trình độ của ý thức đạo đức, vào sự lựa chọn lời nói, cử chỉ, hành vi trong mối quan hệ ở từng hoàn cảnh nhất định có phù hợp hay không. Ý thức đạo đức càng cao thì quan hệ đạo đức càng được củng cố, bền chặt hơn và ngược lại.

- ***Thứ hai***, ý thức đạo đức là điều kiện để thực hiện hành vi đạo đức, còn hành vi đạo đức là quá trình hiện thực hóa ý thức đạo đức trong cuộc sống.

Ý thức đạo đức là điều kiện để thực hiện hành vi đạo đức vì không có ý thức đạo đức thì không thể có hành vi đạo đức. Trong đó, tri thức đạo đức xác định giới hạn cho hành vi đạo đức, tình

cảm đạo đức là động cơ chủ yếu của hành vi, lý tưởng đạo đức định hướng cho hành vi, ý chí đạo đức là sức mạnh bên trong thúc đẩy con người thực hiện hành vi đạo đức. Thiếu một trong những thành tố của ý thức đạo đức con người không thể thực hiện hành vi đạo đức.

Ngược lại, ý thức đạo đức phải được thể hiện bằng hành động mới đem lại lợi ích xã hội. Con người có đạo đức hay không phải căn cứ vào những hành vi cụ thể. Thông qua quá trình thực hiện những hành vi đạo đức thường xuyên, liên tục, ý thức đạo đức của mỗi người ngày càng được bồi dưỡng, củng cố trở nên hoàn thiện hơn.

- ***Thứ ba***, hành vi đạo đức thể hiện thông qua quan hệ đạo đức, bởi hành vi đạo đức là những cử chỉ, những việc làm của con người trong các quan hệ phù hợp với ý thức đạo đức, với các chuẩn mực và các giá trị của đạo đức. Hành vi đạo đức không thể tách rời các quan hệ xã hội, quan hệ đạo đức. Ngược lại, quan hệ đạo đức là cơ sở cho hành vi đạo đức, tùy từng mối quan hệ, con người xác định và thực hiện những hành vi phù hợp.

1.3. Chức năng của đạo đức.

1) Chức năng giáo dục: Thông qua giáo dục, đạo đức góp phần hình thành những quan điểm cơ bản nhất, những nguyên tắc, quy tắc và chuẩn mực đạo đức trong từng con người cụ thể, giúp con người xác lập khả năng lựa chọn, đánh giá các hiện tượng xã hội. Trên cơ sở ấy, con người tự xem xét, đánh giá được tư cách, ý thức và hành vi của bản thân. Nói cách khác, chức năng

giáo dục của đạo đức chính là làm giàu thêm "*tính người*" cho mỗi con người, được thực hiện thông qua quá trình giáo dục của xã hội và tự giác của mỗi cá nhân.

2) Chức năng điều chỉnh hành vi: Đây là chức năng quan trọng nhất, nhưng đó không phải là đặc quyền của đạo đức, bởi trong xã hội, con người tạo ra rất nhiều phương thức điều chỉnh hành vi của mình như: pháp luật, hương ước... Mục đích điều chỉnh hành vi của đạo đức nhằm bảo đảm hài hòa quan hệ *lợi ích cộng đồng và cá nhân*.

Chức năng điều chỉnh hành vi của đạo đức được thực hiện chủ yếu bằng hai phương thức:

- Một là, sử dụng sức mạnh của dư luận để động viên, khuyến khích những chủ thể có đạo đức và hành vi tốt đẹp, đồng thời, phê phán, lên án nghiêm khắc những hành vi gây ảnh hưởng xấu đến người khác, đến cộng đồng.

- Hai là, bản thân chủ thể đạo đức phải tự nguyện, tự giác điều chỉnh hành vi của mình trên cơ sở những chuẩn mực đạo đức của xã hội.

3) Chức năng nhận thức: Chức năng nhận thức của đạo đức bao gồm nhận thức và tự nhận thức, bởi nhận thức của đạo đức là quá trình vừa hướng ngoại vừa hướng nội.

- *Nhận thức hướng ngoại* lấy chuẩn mực, giá trị, đời sống đạo đức xã hội làm đối tượng, là quá trình cá nhân đánh giá, tiếp thu hệ thống những nguyên tắc, chuẩn mực đạo đức của xã hội.

- *Tự nhận thức hướng nội* là quá trình tự đánh giá, tự thẩm định, tự đối chiếu những nhận thức, hành vi đạo đức của mình với chuẩn mực giá trị chung của cộng đồng.

Bằng hai quá trình nhận thức ấy con người đi đến sự nhận biết, phân biệt những giá trị: đúng - sai, tốt - xấu, thiện - ác... hướng tới giá trị bao quát chân, thiện, mỹ. Từ nhận thức này, chủ thể hình thành và phát triển thành các quan điểm và nguyên tắc sống của mình.

Ba chức năng của đạo đức có quan hệ chặt chẽ với nhau, sự vận hành của chức năng này là tiền đề, điều kiện của sự vận hành chức năng khác. Từ đó, con người mới có khả năng lựa chọn, đánh giá đúng đắn các hiện tượng đạo đức xã hội cũng như tự đánh giá những suy nghĩ, những hành vi của bản thân để điều chỉnh hành vi theo đúng chuẩn mực đạo đức xã hội.

1.4. Lịch sử phát triển đạo đức xã hội.

Đạo đức nảy sinh do nhu cầu đời sống xã hội, do đó đạo đức chính là sản phẩm của xã hội. Đạo đức là tổng hợp những nguyên tắc, qui định, chuẩn mực nhằm định hướng con người tới *cái chân, cái thiện, cái mỹ,* chống lại *cái giả, cái ác, cái xấu*… Đạo đức phát triển hoàn thiện dần trên cơ sở phát triển của hình thái kinh tế - xã hội nối tiếp nhau từ thấp đến cao như sau.

1) Đạo đức trong xã hội nguyên thủy.

Tài sản cá nhân của người nguyên thủy chỉ là một số công cụ và đồ tiêu dùng của mỗi người chế tạo lấy. Họ cùng nhau hái quả, đánh bắt cá, làm nhà, kỷ luật và quy tắc lao động được duy trì bằng sức mạnh của phong tục, tập quán, của dư luận xã hội, bằng uy tín và sự tôn kính đối với người tộc trưởng hay người phụ nữ. Trong xã hội không có sự phân chia giai cấp, không có hiện tượng người bóc lột người, không có đầu óc làm giàu.

Gắn liền với đời sống tinh thần là tôn giáo nguyên thủy, được sinh ra từ những hiểu biết hết sức nông cạn của con người về bản thân họ và về tự nhiên bao quanh họ. Tôn giáo nguyên thủy can thiệp vào toàn bộ hoạt động của công xã thị tộc và trở thành yếu tố cấu thành hoạt động thực tiễn và ý thức của người nguyên thủy. Trong những điều kiện đó, các dấu hiệu đạo đức xuất hiện.

Ý thức đạo đức phụ thuộc vào những điều kiện sinh hoạt vật chất, phương thức tìm kiếm và phân phối những phúc lợi cần thiết đến trình độ thỏa mãn nhu cầu sinh hoạt của con người.

Ví dụ: Các qui định trong săn bắn (do kinh nghiệm đã tích lũy được) không những có ý nghĩa đối với nhu cầu sinh sống, còn đối với các yêu cầu tương trợ, đoàn kết cộng đồng cũng như việc giữ gìn tình ruột thịt trong thị tộc.

Như vậy, đạo đức ra đời rất sớm, xuất phát từ chính các hoạt động chung của thị tộc với những chế độ tự nhiên của chúng.

Ý thức đạo đức nguyên thủy có những đặc điểm sau:

- *Tính cụ thể - cảm tính, trực quan và kinh nghiệm*: Mọi thành viên thực hiện bất kỳ một hành vi nào bao giờ cũng theo thói quen, đối với họ việc bắt chước các mẫu hoạt động đạo đức là một yêu cầu bắt buộc. Nhờ đó các tập quán, phong tục, các điều cấm kị, lễ nghi, các định kiến, dư luận xã hội đã tồn tại rất dai dẳng trong các hiện tượng cụ thể - cảm tính.

Các bộ lạc còn lại đến nay ở Châu Mỹ, Châu Phi còn giữ nguyên truyền thống không cãi cọ nhau, biết nghe lời người lớn tuổi và xem đó là cái thiện. Ngược lại bất kỳ hành vi nào không theo đúng phong tục, tập quán đều bị xem là ác.

- *Tính hợp tác, tính công bằng, thông cảm, tương trợ* của đạo đức nguyên thủy: Trong điều kiện sản xuất thấp kém, sự hợp tác là yếu tố hàng đầu tạo nên hiệu quả trong lao động tập thể. Sự hợp

tác ở đây là hợp tác giản đơn trong điều kiện kinh tế tự nhiên chưa có sự khác biệt giữa lợi ích cá nhân với cá nhân, cá nhân với cộng đồng.

Tính công bằng – bằng nhau không chỉ trong hưởng thụ mà còn trong tất cả quan hệ khác. Tất cả những gì có ích cho bộ lạc được coi là điều thiện, có hại bị coi là điều ác.

Tất cả các tính chất này tạo ra sự ổn định hợp lý và bình đẳng xã hội trong điều kiện con người hãy còn đời sống còn quá thấp, chưa sản xuất ra sản phẩm dư thừa.

2) Đạo đức trong xã hội chiếm hữu nô lệ.

Được xem là phù hợp với quan hệ sản xuất mới, tiến bộ hơn, đó là xã hội chiếm hữu nô lệ, mà cơ sở là chủ nô chiếm hữu tư liệu sản xuất và người nô lệ. Loài người đã bắt đầu hình thành một nền đạo đức mới. Cụ thể là:

- *Tính chất đối kháng đạo đức*: Đó là đạo đức của nô lệ và đạo đức của chủ nô, hai nền đạo đức này đối lập với nhau về cơ bản. Tầng lớp những người chủ nô có đặc quyền, đặc lợi cho phép mình được là người "*có đức hạnh, người thượng lưu, quí tộc*" còn những người nô lệ là những người "*không có phẩm hạnh, người thấp hèn, hạ đẳng".*

Sự nô dịch của số ít (do giàu có mà trở thành mạnh) đối với số đông (do nghèo khổ mà trở thành yếu) giờ đây được bảo đảm bởi một lực lượng xã hội mới – *nhà nước*, tình trạng bình đẳng của xã hội nguyên thủy nhường chỗ cho đẳng cấp. Nó quy định nội dung cơ bản của đạo đức, đẩy tới hai cực đối lập gay gắt: chủ - tớ, trên – dưới, mệnh lệnh – phục tùng.

Tính chất đó quy định các nội dung khác nhau của quan niệm về tốt – xấu trong giai cấp này hay giai cấp kia. Cuộc sống tôi tớ được đánh giá ngang với giá trị của các vật dụng, các con vật. Chế độ nô lệ dạy người nô lệ phải phục tùng tuyệt đối. Những đạo đức cao cả của người nô lệ như: lòng dũng cảm, chí khí, nhân phẩm … đã bị chủ nô xem như lời thách thức, sự bất kính.

- *Tính mâu thuẫn của "phẩm hạnh" trong đạo đức chiếm hữu nô lệ*: Trong xã hội chiếm hữu nô lệ, đạo đức của kẻ chiếm hữu nô lệ và đạo đức của người bị nô lệ tạo thành hai mặt của một mâu thuẫn lớn nhất, tập trung nhất đầu tiên trong văn hóa tinh thần nhân loại.

+ Chế độ chiếm hữu nô lệ với ý nghĩa nhất định vẫn là sự tiến bộ, việc phân công lao động, phát triển sản xuất và sinh ra một nền văn hóa vĩ đại của thế giới cổ đại – nền văn hóa Hy Lạp. Đứng

về phía bản thân người nô lệ là tù binh chiến tranh, họ được bảo tồn không bị giết, không bị ăn thịt như trước nữa.

+ Mặt trái của sự tiến bộ đó là đông đảo quần chúng nhân dân chưa hề biết áp bức và bóc lột giai cấp là gì, giờ họ bỗng nhiên trở nên bị áp bức. Bọn chủ nô có quyền mua bán, quyền sinh sát, đe dọa nô lệ bằng roi vọt, chúng thường xích nô lệ vào nơi làm việc hoặc công cụ lao động. Pháp luật và đạo đức của chủ nô tha hồ hành hạ, giết chóc nô lệ. Chúng gây chiến tranh để chiếm thêm đất đai, bắt tù binh để tăng thêm nô lệ, cảnh giác và thẳng tay đàn áp đối với sự phản kháng chống đối của nô lệ.

3) Đạo đức trong xã hội phong kiến.

Chế độ phong kiến dựa trên cơ sở sở hữu ruộng đất lớn. Khác với nô lệ, người nông dân có công cụ sản xuất riêng và có nền kinh tế riêng dựa vào lao động cá nhân và đem lại cho họ những điều kiện sinh sống cần thiết. Địa chủ vẫn có quyền điều nông dân ra khỏi lãnh địa của mình, nhưng không có quyền giết họ.

Đó là một bước tiến của đạo đức xã hội, thật ra địa vị người nông dân cũng chẳng hơn bao nhiêu so với nô lệ. Sự phụ thuộc về kinh tế và sự cưỡng ép trực tiếp đã buộc người nông dân phải cày cấy ruộng đất của địa chủ và làm trăm nghìn công việc có lợi cho họ.

Có 2 dạng đạo đức trong xã hội phong kiến:

- Đạo đức trong xã hội phong kiến ở phương Tây thường xuất phát từ những tín điều của tôn giáo.

- Đạo đức trong xã hội phong kiến ở phương Đông không hoàn toàn lệ thuộc vào tôn giáo mà thường xuất phát từ quan hệ giữa người và người được nhìn qua quan điểm của học thuyết Nho giáo. Yêu cầu chung của đạo đức thống trị là bầy tôi phải trung với vua, chư hầu phải trung với thiên tử, nông dân phải trung với địa chủ.

4) Đạo đức trong xã hội tư bản.

Chế độ tư bản là một bước tiến của xã hội, vì nó đập tan xiềng xích của chế độ nông nô, xóa bỏ tình trạng cát cứ của phong kiến, mở ra thị trường trong nước và thế giới, phát triển sản xuất, thúc đẩy khoa học kỹ thuật tiến lên.

Sự thay thế quan hệ sản xuất phong kiến bằng quan hệ sản xuất tư bản dẫn đến biến đổi cả hệ thống đạo đức xã hội. Chủ nghĩa cá nhân tư sản là nguyên tắc cơ bản của đạo đức tư sản. Quan hệ sở hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đã kích thích các nhà tư bản làm giàu và đã định hướng trong ý thức và hành vi đạo đức của họ. Sự hoạt động tích cực của nền kinh tế công nghiệp có tác động mạnh mẽ đến tính cách cá nhân con người. Phần lớn họ coi việc làm giàu với mọi cách và mọi giá là hoạt động chính.

Vấn đề trách nhiệm đạo đức cá nhân chỉ là sự "bắt buộc" từ phía xã hội chứ không là từ ý muốn bên trong của cá nhân, nên trách nhiệm đạo đức cũng trở thành thuần túy hình thức phô trương bên ngoài.

Tóm lại, xã hội tư bản đã làm cho lực lượng sản xuất phát triển nhanh, cùng nền sản xuất nhỏ phân tán được xã hội hóa ngày càng cao, phân công lao động phát triển, năng suất lao động có hiệu quả rõ rệt. Ngoài những mặt tích cực đó, giai cấp tư sản đã để lại cho xã hội không ít những hậu quả tiêu cực: vấn đề công lý và nền đạo đức trong xã hội không được bảo đảm bình thường, con người dễ trở nên ích kỷ và đạo lý trong xã hội bị suy giảm.

1.5. Vai trò của đạo đức đối với sự phát triển của cá nhân và xã hội.

Lịch sử xã hội loài người đã khẳng định tầm quan trọng của đạo đức trong quá trình tổ chức thiết lập, duy trì trật tự, ổn định và phát triển xã hội. Tùy theo trình độ phát triển kinh tế - xã hội mà sự

tác động của đạo đức đến cá nhân và xã hội có khác nhau. Vai trò của đạo đức được thể hiện như sau:

- Đạo đức là một trong những phương thức cơ bản để điều chỉnh hành vi con người, một sự điều chỉnh hoàn toàn tự nguyện, tự giác, không vụ lợi trong một phạm vi rộng lớn.

- Đạo đức góp phần nhân đạo hóa con người và xã hội loài người, giúp con người sống thiện, sống có ích.

- Đạo đức thể hiện bản sắc dân tộc trong quan hệ quốc tế, là cơ sở để mở rộng giao lưu giữa các giá trị văn hóa của dân tộc, quốc gia với các dân tộc, quốc gia khác.

- Đạo đức góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, qua đó thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

1.6. Mối quan hệ giữa đạo đức với một số hình thái ý thức xã hội.

1) Mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị.

Chính trị là mối quan hệ giữa con người đối với vấn đề nhà nước. Đứng về mặt lịch sử, chính trị chỉ xuất hiện khi có nhà nước, còn đạo đức xuất hiện rất sớm cùng với sự xuất hiện xã hội loài người.

Trong xã hội, đạo đức cũng như chính trị đều là sản phẩm của xã hội. Do đó, giữa đạo đức và chính trị có quan hệ chặt chẽ với nhau, dưới những hình thức khác nhau. Nhiều khi các quan hệ đạo đức thường lẫn vào chính trị, ngược lại có những quan điểm chính trị phản ánh những giá trị đạo đức.

Đối với nhà nước tiên tiến thì nó thường gắn liền với những quan điểm đạo đức tiến bộ, ngược lại nhà nước suy tàn thì gắn liền với quan điểm đạo đức lạc hậu, bảo thủ kiềm hãm sự phát triển của xã hội.

Sự thống nhất biện chứng giữa chính trị và đạo đức còn được thể hiện cụ thể trong việc xây dựng con người mới, trong đó tài và đức phải kết hợp chặt chẽ và lấy đức làm gốc.

2) Mối quan hệ giữa đạo đức và pháp luật.

Ý thức đạo đức và ý thức pháp luật có mối quan hệ biện chứng với nhau và có chức năng chung là điều chỉnh các mối quan hệ xã hội nhằm bảo toàn và phát triển xã hội. Tuy nhiên giữa chúng có những điểm khác nhau

- Đạo đức được biểu hiện do lương tâm con người và sự phê phán của dư luận xã hội. Còn pháp luật thường được thực hiện thông qua nhà nước, do nhà nước soạn thảo, phổ biến và thi hành trong toàn xã hội.

- Đạo đức có nội dung bao quát và rộng hơn pháp luật.

- Đạo đức xâm nhập vào tất cả các hoạt động xã hội, trong mọi quan hệ kể cả đối với chính bản thân mỗi người. Còn luật pháp chỉ điều chỉnh một số mặt của đời sống xã hội,

- Đạo đức căn cứ vào động cơ của hành vi. Còn pháp luật căn cứ vào kết quả hành vi còn. Do đó trong thực tế, có những hiện tượng pháp luật trừng trị nhưng đạo đức không lên án và có hiện tượng đạo đức lên án nhưng pháp luật không trừng trị.

- Đạo đức và pháp luật thường có mâu thuẫn với nhau vì đạo đức phản ánh quan hệ lợi ích của quần chúng nhân dân lao động còn pháp luật bảo vệ lợi ích của giai cấp thống trị, mà lợi ích của hai giai cấp đối kháng luôn mâu thuẫn với nhau. Đạo đức và pháp luật phù hợp với nhau khi ý chí của giai cấp thống trị phù hợp với lợi ích xã hội và cộng đồng dân cư.

Để bảo đảm cho luật pháp được chấp hành, nhà nước áp dụng chủ yếu các hình thức cưỡng bức hình phạt, còn đạo đức thì được bảo đảm bằng giáo dục, thuyết phục, ủng hộ hoặc lên án của dư luật xã hội và sự kiểm soát của lương tâm con người.

Khác nhau

Cơ sở so sánh	Đạo đức	Pháp luật
Con đường hình thành	Tự phát do nhận thức của cá nhân cộng đồng	Nhà nước xây dựng
Hình thức thể hiện	Không thành văn (văn hóa truyền miệng, phong tục tập quán…)	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
Tính xác định	Mang tính chung, định hướng	Cụ thể rõ ràng
Tính bền vững	Nguồn gốc giá trị lâu dài	Có thể không bền vững
Biện pháp thực hiện	Dư luận xã hội, lương tâm điều chỉnh.	Bộ máy cưỡng chế đặc biệt.

3) Mối quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo.

Tôn giáo thường gắn với khái niệm huyền ảo siêu tự nhiên của con người về hiện thực. Trong khái niệm đó lực lượng ngoại giới (lúc đầu là lực lượng siêu tự nhiên về sau lại thêm lực lượng xã hội) chi phối đời sống hàng ngày của con người bằng hình thức siêu trần thế.

Tôn giáo và đạo đức đều hướng con người tới những lý tưởng sống thiện, nhân đạo, tránh cái ác. Tuy nhiên chúng khác nhau về bản chất.

- Đạo đức, về mặt lịch sử, xuất hiện cùng với sự xuất hiện xã hội loài người, trước rất lâu so với sự ra đời của các tôn giáo. Như vậy, đã có một giai đoạn lịch sử rất dài, đạo đức tồn tại không có tôn giáo. Điều đó cho thấy đạo đức không thể bắt nguồn từ tôn giáo và nó tồn tại như một đời sống tinh thần khác với niềm tin tôn giáo.

- Đạo đức phản ánh chân thực những nhu cầu khách quan, hiện thực, còn tôn giáo lại phản ánh thế giới một cách hư ảo với những khát vọng trong thế giới tinh thần mà hiện thực tỏ ra hoàn toàn bất lực.

- Đạo đức và tôn giáo đều thấy được nỗi đau khổ của con người và hướng tới việc phấn đấu làm giảm nỗi đau khổ ấy để con người đi đến hạnh phúc. Nhưng đạo đức xem nỗi đau khổ của con người trong tính lịch sử hiện thực của nó và tin tưởng chắc rằng chính con người là động lực duy nhất giải thoát con người khỏi nỗi đau khổ và tự xây dựng hạnh phúc của mình trong đời sống hiện thực thông qua hoạt động lao động của mình. Còn tôn giáo tin rằng, chỉ có những lực lượng siêu nhiên, thần linh, thượng đế mới có khả năng cứu vớt con người ra khỏi nỗi đau khổ và điều đó chỉ có thể xảy ra trong thế giới khác, thế giới sau cái chết (phủ nhận vai trò của con người trong việc sáng tạo ra giá trị đạo đức của mình).

4) Mối quan hệ giữa đạo đức và nghệ thuật.

Nghệ thuật là một hình thái ý thức xã hội, nó phản ánh tồn tại xã hội. Trung tâm mà nghệ thuật phản ánh là phản ánh cái đẹp, nghệ thuật là nơi hội tụ cái đẹp. Nghệ thuật đem lại cho con người những khoái cảm thẩm mỹ, những giá trị tinh thần.

Do vậy, giữa đạo đức và nghệ thuật có mối quan hệ chặt chẽ nhau. Cái đẹp là hiện tượng của cái thiện và chỉ có cái thiện mới có thể đẹp. Thậm chí, khi nghệ thuật miêu tả cái ác, cái xấu xa cũng nhằm mục đích đạt đến cái đẹp, cái thiện.

- Nghệ thuật là phương thức tồn tại của ý thức, một hoạt động sáng tạo độc đáo, một hình thức giao tiếp đặc biệt của con người, nó có tác dụng định hướng, thay đổi, tô điểm làm đẹp cho bản thân con người, các chuẩn mực đạo đức xã hội tạo nên thị hiếu thẩm mỹ của con người.

Ví dụ: "*Tốt gỗ hơn tốt nước sơn. Xấu người, đẹp nết còn hơn đẹp người*", "*Chồng lớn, vợ bé thì xinh, chồng nhỏ vợ lớn ra tình chị em*".

- Nghệ thuật gắn liền với tâm tư, tình cảm, khơi dậy những ước mơ, khát vọng tốt đẹp, trang phục, giao tiếp.

- Nghệ thuật là hoạt động sáng tạo, tác giả không chỉ đổ mồ hôi, công sức mà còn thể hiện cả: tư tưởng tình cảm, sự nghiền ngẫm về cuộc đời, là phương tiện giao tiếp làm đẹp cho quan hệ người

- người ngày càng đẹp hơn. Nghệ thuật có tác dụng giáo dục sâu sắc và nghỉ ngơi giải trí độc đáo.

***- Đạo đức đặt ra cho nghệ thuật một nhiệm vụ*:**

Nghệ thuật có nhiệm vụ quan trọng là giáo dục và hoàn thiện nhân cách con người. Nghệ thuật sở dĩ sống được, đứng vững được là do nhiều yếu tố nhưng yếu tố quan trọng nhất là hướng thiện, đề cao cái thiện. Cái thiện là khao khát của nhân dân lao động. Do đó tác phẩm nghệ thuật nào làm tốt giáo dục đạo đức thì sẽ tồn tại mãi.

***- Nghệ thuật có tác dụng trở lại đạo đức*:**

Nghệ thuật cung cấp cho con người tình cảm đạo đức tốt đẹp. Nghệ thuật có lợi thế là phản ánh bằng hình tượng nghệ thuật, do vậy nó sẽ dễ đi vào lòng người. Đối tượng và mục đích phản ánh của nghệ thuật là con người, nên nó rất gần với đạo đức, ảnh hưởng đến đạo đức.

Đạo đức và nghệ thuật giúp cho con người tránh cái xấu, học hỏi hướng tới cái đẹp và làm theo cái đẹp, tiến tới tự giác làm điều tốt. Tương quan giữa đạo đức và nghệ thuật là mối tương quan giữa cái thiện và cái đẹp. Cái này làm tiền đề cho cái kia và bổ sung cho nhau cùng phát triển. Nghệ thuật còn làm chức năng giáo dục chân chính, giáo dục và hoàn thiện nhân cách con người, ngược lại đời sống đạo đức là nguồn chất liệu làm nền móng cho sáng tác nghệ thuật. Nghệ thuật chân chính phải lấy cuộc sống, lấy đạo đức làm điểm xuất phát vì nó là cơ sở, là nguồn cảm hứng của nghệ thuật phát triển.

- Lịch sử đã cho thấy, những tác phẩm nghệ thuật tiêu biểu, bất tử với con người cả về không gian và thời gian là những tác phẩm chứa đựng các giá trị cao cả về con người. Nó là biểu tượng kiệt xuất về con người, về lý tưởng, lòng nhân ái, về số phận, về sức mạnh tinh thần và phẩm chất của con người cùng xã hội con người của từng thời đại cụ thể.

5) Mối quan hệ giữa đạo đức với khoa học.

Vấn đề đạo đức và khoa học có mối quan hệ gắn bó nhau, không thể tách rời nhau, vì khoa học luôn là cơ sở cho nền đạo đức thực sự của con người. Mục đích của khoa học và đạo đức có sự thống nhất hài hòa. Khoa học và đạo đức là điều kiện để con người cải biến xã hội, xây dựng cuộc sống hạnh phúc.

Thực tế lịch sử đã chứng tỏ những thành quả của khoa học và công nghệ đã ngày càng giữ vai trò cơ bản, chủ đạo nâng cao cuộc sống của con người. Nhờ những thành tựu vĩ đại của khoa học mà con người đã ngày càng xây dựng được những quy luật tự nhiên, quy luật xã hội để thực hiện những ước mơ, khát vọng của mình.

Như vậy khoa học chẳng những đã chứa đựng trong bản thân nó những lý tưởng đạo đức mà còn là một phương thức mà nhờ đó con người biến những lý tưởng, ước mơ của mình thành hiện thực đời sống. Chính những lý tưởng đạo đức đã đóng vai trò không nhỏ làm thành một trong những động lực của sự phát triển khoa học.

Nhiều phát minh khoa học vĩ đại đó được sinh ra từ chính nhu cầu của cuộc sống, nhu cầu cải thiện đời sống con người, nhu cầu bảo vệ con người trước thiên nhiên khắc nghiệt, nhu cầu hạnh phúc của con người.

So với ý thức đạo đức, ý thức khoa học thường mang tính vượt trước và mang tính biến đổi, tính cách mạng mau lẹ hơn. Khoa học còn làm cho những lý tưởng, ước mơ đạo đức biến đổi ngày càng gắn với cuộc sống và góp phần loại bỏ những nhân tố lạc hậu, bảo thủ trong đạo đức, làm cho cái thiện trong đạo đức ngày càng gắn liền với cái chân lý trong khoa học.

2. Đạo đức học.

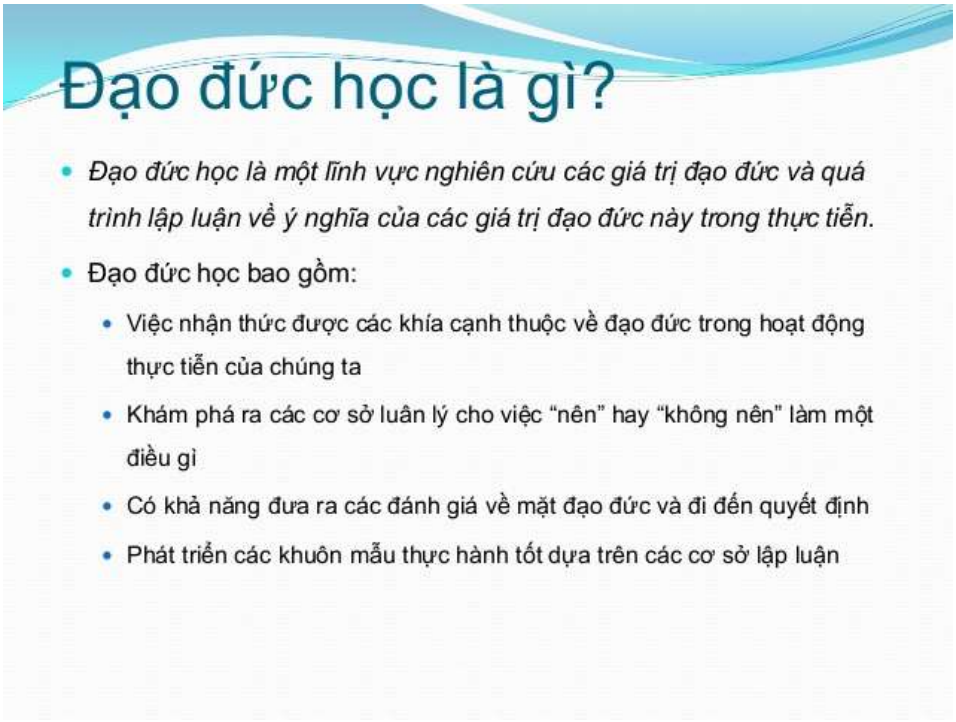

Ethics - Wikipedia

Đạo đức học – Wikipedia tiếng Việt

2.1. Tổng quan về đạo đức học.

Đạo đức học 道德學 hay **Luân lý học 倫理學** là khoa triết học nghiên cứu về đạo đức, về những quy luật phát sinh, phát triển, tồn tại của đời sống đạo đức con người và xã hội. Nó xác lập nên hệ thống những khái niệm, phạm trù, những chuẩn mực đạo đức cơ bản, làm cơ sở cho ý thức đạo đức và hành vi đạo đức của con người.

Đạo đức học là khoa học cùng với Logic học và Mĩ học tạo thành bộ ba khoa học nghiên cứu cái **Thiện**, cái **Chân** và cái **Mĩ**. Nếu Logic học nghiên cứu nhận thức *đúng* và *sai* (Chân), Mĩ học nghiên cứu cái *đẹp* và cái *xấu* (Mĩ), thì Đạo đức học nghiên cứu cái *thiện* và *cái ác* (Thiện).

Đạo đức học là một khoa học đã xuất hiện từ thời cổ đại nghiên cứu về đời sống đạo đức, về tri thức đạo đức (bao hàm cả những cái đã biết và những cái đang tìm kiếm) của con người. Nói chung, nhiệm vụ của đạo đức học là xây dựng các lí thuyết về đạo đức.

- Những nhà triết học duy vật từ thời cổ đại đến L. Feuerbach coi lĩnh vực nghiên cứu của đạo đức học là *các quan hệ của con người với con người trong cách ứng xử xã hội*.

- Những nhà triết học duy tâm chủ quan như George Berkeley, David Hume, Johann Gottlieb Fichte và Immanuel Kant coi *những mệnh lệnh tuyệt đối, ý chí tự do, linh hồn bất tử* là đối tượng nghiên cứu của đạo đức học.

- Những nhà triết học duy tâm khách quan từ Plato đến Hegel nghiên cứu *đạo đức gắn liền ý niệm với gia đình, nhà nước, công dân; gắn đạo đức với pháp luật, với trật tự thiên định của các tầng lớp xã hội*. Đạo đức học của các nhà thần học (như đạo đức học Ki-tô giáo) đã gắn chặt *đạo đức với ý niệm về Chúa*.

Một số lĩnh vực của đạo đức học:

- Đạo đức học về tự nhiên – Naturalistic ethics.

- Đạo đức học về tiến hóa – Evolutionary ethics.

- Đạo đức học về nghĩa vụ – Deontological ethics.

- Đạo đức học về giá trị – Axiological ethics.

- Đạo đức học về nữ quyền – Feminist ethics.

- Đạo đức học về sự chăm sóc – Ethics of care

- Đạo đức học về niềm tin – Ethics of belief

- Đạo đức học về sinh học – Bioethics.

- Đạo đức học về môi trường – Environmental ethics.

- Đạo đức học về y học – Medical ethics.

- Đạo đức học về kinh doanh – Business ethics.

…

Xem thêm:

- **Triết học –** Wikipedia tiếng Việt
- **Chủ nghĩa duy vật –** Wikipedia tiếng Việt
- **Chủ nghĩa duy tâm –** Wikipedia tiếng Việt
- **Duy vật biện chứng –** Wikipedia tiếng Việt
- **Chủ nghĩa duy tâm chủ quan –** Wikipedia tiếng Việt
- **Chủ nghĩa duy tâm khách quan –** Wikipedia tiếng Việt

VIDEO

- Vấn đáp: **Đạo Phật duy tâm hay duy vật** | Thích Nhật Từ
- Vấn đáp: **Triết học duy vật và Phật giáo** | Thích Nhật Từ
- **Đạo Phật Duy Tâm Hay Duy Vật** - Thầy Thích Phước Tiến

2.2. Điển hình đạo đức học nghề nghiệp.

1) Đạo đức học y học – Y đức.

Medical ethics – Wikipedia

Y đức – Wikipedia tiếng Việt

Trong ngành y, đạo đức học nghề nghiệp chính là *y đức*. "**Sáng y đức, Giỏi y thuật**" là tiêu chuẩn mà mỗi người làm nghề y cần lấy đó là mục tiêu để phấn đấu rèn luyện.

Y đức của người thầy thuốc được thể hiện qua thái độ làm việc và phục vụ, chăm sóc sức khỏe người bệnh. Một người bác sĩ tuân thủ và giữ gìn y đức sẽ không có thái độ thờ ơ, lạnh nhạt hay trục lợi đối với người bệnh.

Y đức góp phần giữ gìn hình ảnh người thầy thuốc quý trọng sức khỏe, mạng sống của người bệnh. Đồng thời, đạo đức ngành y còn giúp nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyên môn của người

thầy thuốc. Cùng với kiến thức chuyên sâu, y đức chính là cánh cửa giúp người hành nghề y dược tiến xa hơn trong ngành y.

Hippocrates và Lời thề Hippocrates

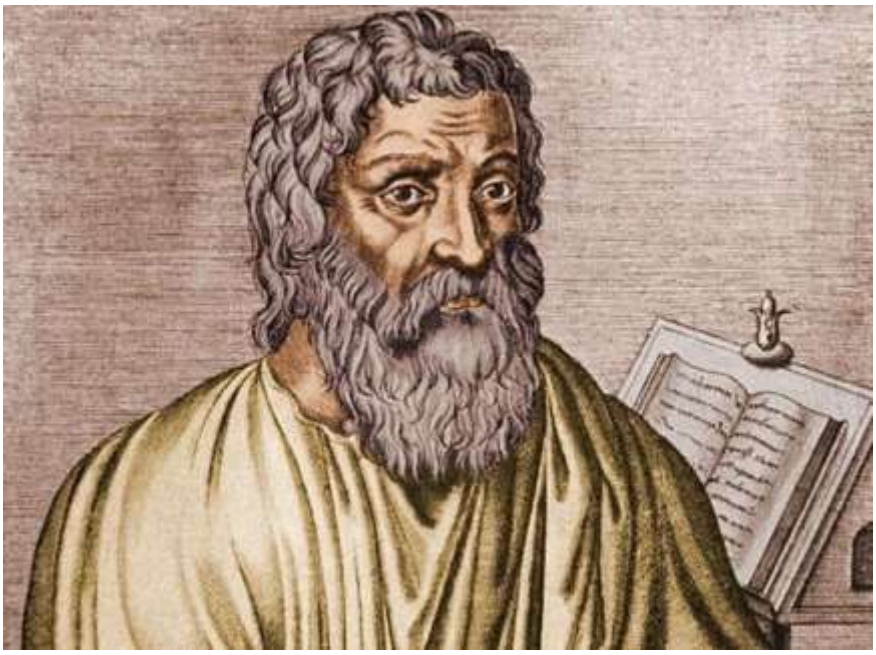

Hippocrates (khoảng 460 - 370 Trước Công nguyên) là một y sĩ Hy Lạp thời cổ đại và được xem là ông tổ của nền y khoa phương Tây. Ông là người khởi xướng nền y khoa mang tính khoa học trong hoàn cảnh hệ thống y khoa của Hy Lạp thời đó là hệ thống chữa bệnh một nửa là y học một nửa là pháp thuật phù thủy và tất nhiên không khỏi bị chống đối kịch liệt. Do đi trước thời đại, chống lại lối mòn xưa cũ gắn với cường quyền, Hippocrates lúc đó bị tù 20 năm. Ở trong tù, bộ óc thiên tài của ông không chịu phận tù đã viết nên quyển "Cơ thể phức tạp" về cơ thể con người mà rất nhiều điều trong đó vẫn đúng cho đến ngày nay.

"Lời thề Hippocrates" là lời tuyên thệ của các thầy thuốc khi vào nghề. Ở Việt Nam ta còn gọi là "Lời thề Y đức". Trải qua thời gian với một không gian hầu như khắp toàn cầu, lời thề Hippocrates có nhiều dị bản khác nhau. Tuy nhiên, bản gốc của lời thề Hippocrates được nhiều nước lưu giữ như sau:

"Tôi tuyên thệ với Apollo, thần chữa bệnh, Asclepius, Hygieia và Panacea, và tôi minh chứng với tất cả các nam thần, các nữ thần, tôi gìn giữ, tùy theo khả năng và thẩm định của tôi, lời thề sau đây:

Yêu kính, như là cha mẹ tôi, người đã dạy tôi môn học này; sống hòa nhã với thầy và nếu cần, chia sẻ tài sản với thầy; chăm sóc con cái thầy như là anh chị em tôi và dạy họ môn học này.

Tôi sẽ kê toa vì lợi ích của bệnh nhân, tùy theo khả năng và thẩm định của tôi, và không bao giờ làm hại ai.

Tôi không bao giờ đưa thuốc giết người cho bất kỳ ai hỏi tôi và sẽ không tư vấn một kế hoạch như vậy; và cũng như thế tôi sẽ không cho bất kỳ người phụ nữ nào một dụng cụ phá thai.

Nhưng tôi sẽ giữ tinh khiết cho đời tôi và cho nghề nghiệp của tôi.

Tôi sẽ không giải phẫu để lấy sạn, kể cả đối với bệnh nhân biểu lộ là mang bệnh này; tôi sẽ dành việc giải phẫu cho những y sĩ, chuyên gia về bệnh này.

Mỗi căn nhà tôi bước vào, tôi bước vào vì lợi ích của bệnh nhân của tôi, giữ gìn tôi khỏi mọi ý đồ xấu xa và mọi cám dỗ và đặc biệt là khỏi các khoái lạc tình yêu với phụ nữ hay với nam giới, dù họ là người tự do hay nô lệ.

Tất cả mọi điều tôi biết trong khi hành nghề hay trong giao tiếp với mọi người, mà không nên để lộ ra ngoài, tôi sẽ giữ bí mật và sẽ không bao giờ tiết lộ.

Nếu tôi giữ lời thề này một cách thành khẩn, tôi sẽ được an hưởng đời tôi và thực hành nghề tôi, được mọi người kính trọng mãi mãi; nhưng nếu tôi đi trái đường và vi phạm lời thề, những điều ngược lại sẽ đến với tôi".

Qui ước đạo đức ngành y của Hiệp hội Y khoa Thế giới (World Medical Association)

- Nhiệm vụ chung của người thầy thuốc:

Người thầy thuốc phải:

1. Thực hành nghề nghiệp và duy trì chuẩn mực chuyên môn ở mức độ cao nhất.

2. Tôn trọng quyền của bệnh nhân chấp nhận hay bác bỏ đề nghị của thầy thuốc.

3. Không để cho phán xét cá nhân bị chi phối bởi quyền lợi cá nhân hay phân biệt đối xử.

4. Hết lòng trong việc cung cấp dịch vụ chuyên môn cho bệnh nhân.

5. Hành xử thành thật với bệnh nhân và đồng nghiệp. Báo cáo cho giới chức có trách nhiệm biết những thầy thuốc thiếu y đức hoặc bất tài hoặc có hành vi lừa đảo.

6. Không thuyên chuyển bệnh nhân hoặc ra toa thuốc để hưởng lợi ích tài chính hay quà cáp.

7. Tôn trọng quyền và sự lựa chọn của bệnh nhân.

8. Có trách nhiệm giáo dục công chúng về những khám phá mới trong y học, nhưng cần phải cẩn thận trong việc áp dụng các phương pháp còn trong vòng thử nghiệm.

9. Cố gắng sử dụng tài nguyên y tế một cách sáng suốt nhằm đem lại lợi ích cho bệnh nhân và cộng đồng.

10. Tìm người điều trị nếu mình mắc bệnh.

11. Tôn trọng các chuẩn mực đạo đức địa phương và quốc gia.

- Nhiệm vụ chung của người thầy thuốc đối với bệnh nhân: Người thầy thuốc phải:

12. Tôn trọng sinh mạng của con người.

13. Hành động vì lợi ích của bệnh nhân.

14. Tuyệt đối trung thành với bệnh nhân. Bất cứ khi nào phương pháp điều trị hay xét nghiệm ngoài khả năng của mình, người thầy thuốc phải giới thiệu đến một chuyên gia khác.

15. Tôn trọng quyền riêng tư của bệnh nhân. Không tiết lộ bất cứ thông tin nào về bệnh nhân cho bất cứ ai, nếu không có sự đồng thuận của bệnh nhân.

16. Cung cấp dịch vụ chăm sóc trong trường hợp khẩn cấp.

17. Không quan hệ tình dục với bệnh nhân. Không lợi dụng mối quan hệ thầy thuốc – bệnh nhân.

Ngày nay, nếu người thầy thuốc vi phạm y đạo, tức kỹ năng chuyên môn, thì các cơ quan nhà nước có thẩm quyền cần xử lý nghiêm khắc. Còn khi một người thầy thuốc vi phạm y đức thì trước hết họ phải được xử lý trong hội nghề nghiệp của mình. Tự quản là một hình thức rất hữu hiệu để giữ gìn y đức trong ngành Y tế. Những việc hành nghề quá quyền hạn, quảng cáo sai sự thật, bán thuốc giả,… phải được ngăn chặn kịp thời.

Xem thêm:

- **4 Pillars Of Medical Ethics** - SYTYCDism
- **Y đức và các tiêu chuẩn y đức** - Cao Đẳng Y Tế Phú Yên
- **Y đức và vấn đề nâng cao hiệu quả giáo dục y đức** - Viện Triết học
- **Đạo đức trong nghiên cứu y sinh học** - Vien Sot ret Ky Sinh Trung ...

VIDEO

- **Đạo đức y khoa** - TT. Thích Chân Quang
- Vấn đáp: **Tinh thần đạo đức y khoa** | TT Nhật Từ

- **Nền tảng đạo đức trong Nghiên cứu y sinh học**

2) Đạo đức học kinh doanh.

Business ethics - Wikipedia

Đạo đức kinh doanh – Wikipedia tiếng Việt

Đạo đức kinh doanh là một tập hợp các nguyên tắc, chuẩn mực có tác dụng điều chỉnh, đánh giá, hướng dẫn và kiểm soát hành vi của các chủ thể kinh doanh. Thuật ngữ này xuất hiện khoảng chừng đầu thập niên 1970 từ những vụ bê bối trong doanh nghiệp.

Đạo đức kinh doanh chính là phạm trù đạo đức nghề nghiệp được vận dụng vào hoạt động kinh doanh. Đạo đức không phải mơ hồ, nó thực sự gắn liền với lợi ích kinh doanh. Song cần lưu ý rằng đạo đức kinh doanh vẫn luôn phải chịu sự chi phối bởi một hệ giá trị và chuẩn mực đạo đức xã hội chung.

Đạo đức kinh doanh được các nhà kinh tế học nhìn thấy trong hai tình huống chung như sau:

- *Loại một là phi đạo đức trong kinh doanh*:

Ví dụ:

+ Một doanh nhân Việt kiều về Việt Nam làm ăn, do không thể đứng tên công ty, đã nhờ một người bạn chí cốt đứng tên giùm và cho hùn một phần vốn vào đó. Thời gian sau, công ty ăn nên làm ra, người bạn chí cốt vì mê tiền và danh vọng nên đã tìm cách hất luôn người chủ thật sự của công ty ra khỏi doanh nghiệp.

+ Hai người góp vốn làm ăn chung. Lợi dụng sự cả tin của đối tác, một người đưa người thân vào những vị trí then chốt và lén lút rút bớt lợi nhuận của doanh nghiệp.

- *Loại hai là cạnh tranh không lành mạnh với đối thủ.*

Ví dụ:

+ Có doanh nghiệp nhờ vào thế chính trị, hay quen biết, tìm cách không cho công ty có cùng ngành nghề thành lập, hay triển khai sản phẩm mới.

+ Có doanh nhân tìm cách làm hỏng sản phẩm của đối thủ, hoặc thu gom sản phẩm rồi tung tin bất lợi về đối thủ.

+Có doanh nghiệp gài người hoặc thâm nhập vào hệ thống máy tính của đối thủ để lấy cắp thông tin.

+ Có doanh nhân lợi dụng sự quản lý lỏng lẻo của các cơ quan chức năng, sao chép, làm nhái 100% sản phẩm của người khác và dán mác của mình lên.

Các nguyên tắc của đạo đức kinh doanh:

1) Hãy trung thực trong cả giao tiếp và hành động.

2) Duy trì tính liêm khiết cá nhân.

3) Hãy trung thành khuôn khổ các nguyên tắc đạo đức.

4) Thể hiện lòng thương yêu và sự quan tâm thật sự đến hạnh phúc của những người khác.

5) Xây dựng, bảo vệ, gây dựng danh tiếng và đạo đức tốt cho bản thân cũng như cho công ty.

6) Chịu trách nhiệm với hành động và lời ăn tiếng nói chung.

Xem thêm:

- **Đạo đức kinh doanh** - VnExpress
- **Đạo đức trong kinh doanh** - ChúngTa.com
- **Quy tắc Đạo đức và Ứng xử trong Kinh doanh**
- **Bàn về đạo đức trong kinh doanh** - doanh nghiệp
- **TS. BÙI QUANG XUÂN. MÔN ĐẠO ĐỨC KINH DOANH.**

VIDEO

- **Đạo đức trong kinh doanh**
- **Đạo đức và triết lý kinh doanh** - TT. Chân Quang
- Vấn đáp: **Đạo đức trong kinh doanh...** | TT. Nhật Từ

3. Đạo đức học Nho giáo.

Khổng Tử

Bàn về tư tưởng Đạo đức trong Nho giáo, có năm đức hạnh chủ yếu được gọi là *Ngũ thường,* và năm mối liên hệ là *Ngũ luân* để phân tích.

3.1. Ngũ thường 五常.

1) Nhân 仁

Nhân có nghĩa đen là lòng thương người. Do đó, đạo Nho còn gọi là đạo Nhân. Nhân là muốn làm cho kẻ khác điều ta muốn làm cho chính ta. Mạnh Tử cho rằng lòng vị tha phải hoàn toàn vô vị lợi : *Bạn nên làm điều phải vị tự thân nó chứ không phải vì tiếng tốt và được khen ngợi.*

2) Nghĩa 義

Nghĩa có nghĩa đen là thích hợp, hành động thích hợp với Nhân, hợp với đạo lý Nho giáo, đối lập với lợi. Nghĩa tức là thể hiện Nhân bằng hành động. Do đó, Nho giáo nguyên thủy xem Nghĩa là tiêu chuẩn của mọi hành động. Nho giáo chuyên chú theo điều nghĩa, không lợi lộc, chỉ vì muốn sáng đạo mà không tiếc sức.

3) Lễ 禮

Lễ có nghĩa đen là thái độ và động tác biểu thị tôn kính tôn trọng đối với mọi người. Giữ đúng mọi lễ nghi được xem là làm nên lối sống thiện hảo của con người.

4) Trí 智

Trí có nghĩa đen là óc khôn ngoan, sáng suốt, hiểu thấu sự lý. Hiểu biết và đánh giá lẽ đúng-sai, thiện-ác đối với nguyên tắc, biết tiên liệu, tính toán để hành động hợp đạo lý.

5) Tín 信

Tín có nghĩa đen là sự thành thực, lòng thành thực. Giữ đúng hẹn, thực hiện đúng những gì mình đã hứa, xứng đáng với lòng tin tưởng của người khác.

Trong chương Cáo tử thượng, Mạnh Tử tóm kết: "*Lòng trắc ẩn, đó là Nhân; lòng hổ thẹn và biết ghét điều xấu, đó là Nghĩa; lòng cung kính, đó là Lễ; biết phân biệt phải trái đúng sai, đó là Trí. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, không phải từ bên ngoài đúc nên, ta vốn có vậy*."

3.2. Ngũ luân 五倫.

Ngũ luân tức là năm mối quan hệ trong xã hội và được khái quát cách hành xử giữa năm quan hệ đạo thường thời xưa phải noi theo như thế nào mới được gọi là hợp Lễ, gồm: *quân-thần, phụ-tử, huynh-đệ, phu-thê, bằng-hữu*.

Mạnh Tử

Ngũ luân của Mạnh Tử đề ra gồm có:

1) Phụ tử hữu thân: Có ý nghĩa cha con phải yêu thương, có tình thân, con phải tôn trọng cha.

2) Quân thần hữu nghĩa: Vua tôi phải có nghĩa vua tôi, vua hành xử đúng bổn phận của vua, bầy tôi phải làm đúng bổn phận của mình.

3) Phu thê hữu biệt: Trong đạo vợ chồng có sự phân biệt nam/nữ phân chia công việc.

4) Trưởng ấu hữu tự: Anh em phải có thứ tự trước sau.

5) Bằng hữu hữu tín: Bạn bè phải có lòng tín nhiệm.

Các mối liên hệ và quy định trên đều có tính hai chiều, ví như vua mà không làm tròn bổn phận là vua mà ăn chơi vô độ, bỏ bê việc nước, thì vua đó không còn là vua nữa, vị vua đó đã mất đi chính danh, mất đi mối liên hệ quân-thần, nên thần không có bổn phận trung nữa, lúc này giết vua đối với thần cũng như một kẻ bình thường. Như Mạnh Tử nói: *Ta chỉ biết vua Chu giết một người tên Trụ chứ không biết có Trụ vương nào cả*.

Tuy nhiên đây chính là điểm khiến cho các vua và chư hầu các nước thời Xuân Thu – Chiến Quốc không chấp nhận Nho giáo. Cho đến khi Đổng Trọng Thư, rút Ngũ luân lại thành **Tam**

Cương 三綱 (quân–thần, cha–con, vợ–chồng) và giới hạn lại tính một chiều để bảo vệ giai cấp thống trị :

- Quan hệ **quân – thần** (vua – tôi): Là quan hệ phục tùng.

- Quan hệ **cha – con**: Lấy Từ 慈 và Hiếu 孝 để duy trì mối quan hệ.

- Quan hệ **vợ – chồng**: Chồng có bổn phận – Vợ vâng lời làm thước đo đạo đức trong quan hệ vợ chồng.

Như vậy để sử dụng Nho giáo làm công cụ cai trị và quản lý đất nước, Đổng Trọng Thư đã bóp méo đi mối liên hệ trong xã hội theo hướng có lợi và tập trung bảo vệ quyền lợi của vua, tập trung quyền lợi vào vua để từ thời Hán Vũ đế, Trung Hoa từ nước Phong Kiến trở thành nước Quân Chủ chuyên chế.

Xem thêm:

- **Nho giáo và đạo đức ở Việt Nam** – Đại Phong
- **CÁC GIÁ TRỊ TÍCH CỰC TRONG TƯ TƯỞNG GIÁO DỤC CỦA NHO ...**
- **Về học thuyết luân lý và đạo đức của Nho giáo** - Viện Triết học
- **Quan niệm của Nho giáo về đạo làm người** - Tạp chí Văn hóa Nghệ An

VIDEO

- **Vấn đáp: Tư tưởng Nho giáo về Tài và Đức** | Thích Nhật Từ
- **Vấn đáp: Sự khác biệt giữa Nho giáo Lão giáo và Phật giáo** | Thích ...
- **Tam giáo : Thích - Đạo - Nho** | Tư tưởng triết học

4. Đạo đức học tôn giáo hữu thần – Ki-tô giáo.

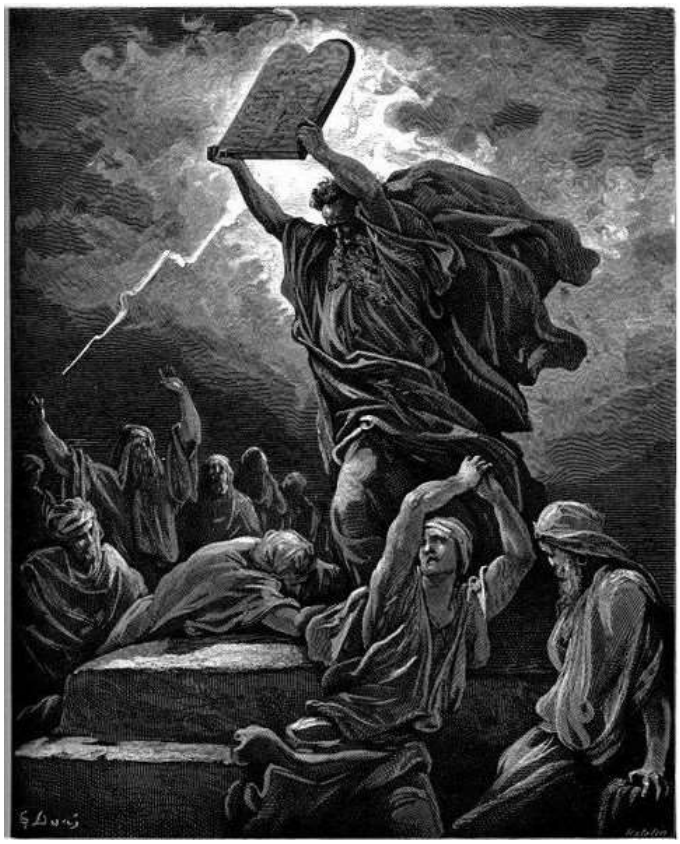

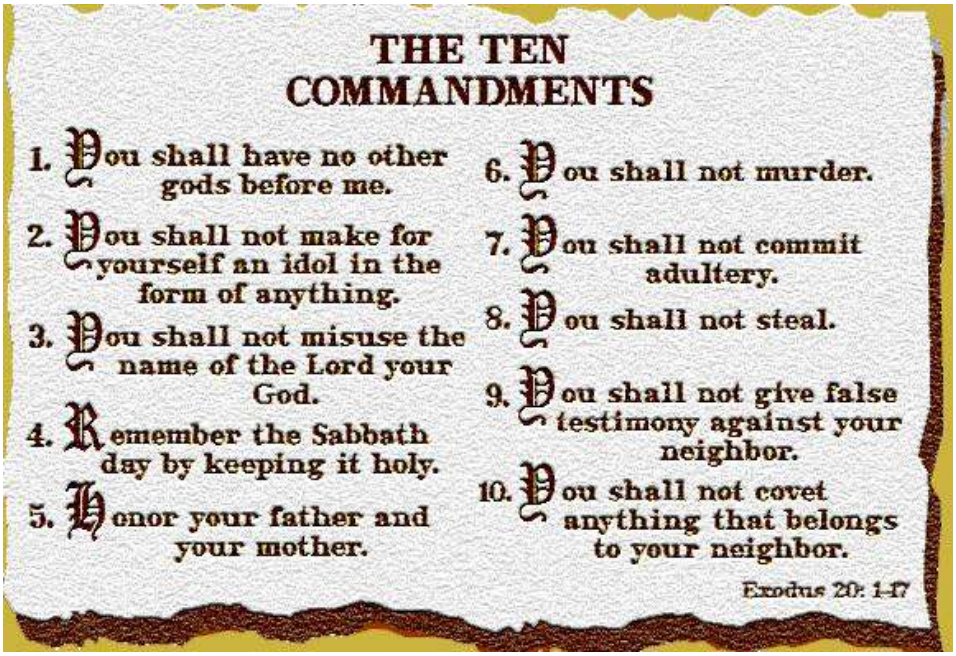

Moses - LookLex Encyclopaedia

Đạo đức trong Ki-tô giáo hay còn gọi là Đạo đức Chúa Trời có nội dung là mười điều răn sau trong sách **Cựu Ước**:

1) Chỉ thờ phượng Giê-hô-va Đ.c Chúa Trời.—Xuất Ai Cập 20:3.

2) Không được thờ thần tượng.—Xuất Ai Cập 20:4-6.

3) Không được dùng danh Đức Chúa Trời một cách thiếu suy xét.—Xuất Ai Cập 20:7.

4) Hãy giữ ngày Sa-bát (Chủ Nhật).—Xuất Ai Cập 20:8-11.

5) Hãy hiếu kính cha mẹ.—Xuất Ai Cập 20:12.

6) Không được giết người.—Xuất Ai Cập 20:13.

7) Không được phạm tội ngoại tình.—Xuất Ai Cập 20:14.

8) Không được trộm cắp.—Xuất Ai Cập 20:15.

9) Không được làm chứng dối.—Xuất Ai Cập 20:16.

10) Không được tham muốn những gì thuộc về người khác.—Xuất Ai Cập 20:17.

Mười điều răn được thấy trong sách **Tân ước**:

1) Chỉ thờ phượng Giê-hô-va Đ. Chúa Trời - Khải huyền 22:8, 9

2) Không được thờ thần tượng - 1 Cô-rinh-tô 10:14

3) Tôn vinh danh Đức Chúa Trời - Ma-thi-ơ 6:9

4) Đều đặn thờ phượng Đức Chúa Trời - Hê-bơ-rơ 10:24, 25

5) Hiếu kính cha mẹ - Ê-phê-sô 6:1, 2

6) Không được giết người - 1 Giăng 3:15

7) Không được phạm tội ngoại tình - Hê-bơ-rơ 13:4

8) Không được trộm cắp - Ê-phê-sô 4:28

9) Không được làm chứng dối - Ê-phê-sô 4:25

10) Không được tham muốn những gì thuộc về người khác - Lu-ca 12:15

Mười Điều răn được cho là giải thoát con người khỏi nô lệ tội lỗi, cho con người con đường sống và được sống đời đời (Mt 19,16-19).

Là một tôn giáo hữu thần, cho nên đạo đức học Ki-tô giáo được xem là dạng đạo đức học **thần bản 神本** (lấy thần linh là Chúa Trời làm gốc).

Đạo đức học trong Ki-tô giáo đã chú giải Đạo đức Chúa Trời nơi "***Kinh 10 Điều răn***" theo sách Giáo lý Công giáo công bố năm 1992 (số trong ngoặc là số theo sách Giáo lý) như sau:

1) Điều răn một: Thờ phượng một Đức Chúa Trời và kính mến Người trên hết mọi sự (*You shall not have other gods besides me*) (2084-2141): Nhờ điều răn này, người ta được tránh khỏi thờ cúng tà thần.

Điều răn nhất bao gồm đức Tin, đức Cậy, đức Mến, đức Tôn thờ một Đấng không thay đổi và rất công minh. (2086).

a- ***Đức Tin*** đòi ta giữ gìn đức tin cách thận trọng. Tránh những cố ý nghi ngờ những điều Giáo hội dạy phải tin, tránh chối bỏ điều phải tin, tránh bỏ đạo Công giáo.

b- ***Đức Cậy*** đòi ta chờ đợi sự chúc lành của Chúa và được hưởng phúc đời đời. Tránh tuyệt vọng về phần rỗi, hoặc tự cao tự đại nghĩ tự mình có thể đạt phần rỗi không cần ơn Chúa giúp. (2090-91)

c- ***Đức Mến*** đòi ta kính mến Thiên Chúa trên hết mọi sự, mọi loài. Tránh thái độ lãnh đạm, vô ơn, biếng nhác, nguội lạnh, thù ghét Chúa (2093-94).

d- ***Đức Tôn thờ*** đòi ta:

- Tôn thờ Chúa với niềm cung kính và suy phục tuyệt đối. (2096-97).

- Cầu nguyện, hy sinh và giữ lời khấn hứa (cách riêng bậc tu trì) (2098-2103).

- Phải Tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng của mọi người (2104-09).

- Cấm không được thờ thần linh nào khác ngoài một Thiên Chúa (2110).

- Cấm tin kiêng dị đoan, thờ đa thần, ngẫu tượng, tin bói toán, ma thuật, phù thủy, cậy nhờ Satan ma quỉ, gọi hồn người chết, đoán định tương lai, lấy số tử vi, chiêm tinh, tướng số, giải điềm, bói bài, lên đồng cốt... vì nó đi ngược lòng tôn vinh, kính sợ dành cho Thiên Chúa (2111-17).

- Cấm lời nói việc làm thách thức Thiên Chúa, phạm Thánh (nhất là phạm đến phép Mình Thánh), và mua bán thần Thánh (2118-22).

Việc tôn kính ảnh tượng Chúa Kitô, Đức Mẹ, các thiên thần, các Thánh của đạo Công Giáo không đi ngược điều Thiên Chúa cấm "tạc tượng ảnh" trong Cựu Ước, vì ngày nay việc tôn kính ảnh tượng dựa trên hình ảnh Ngôi Lời đã nhập thể (2129-33).

2) Điều răn hai: Chớ kêu tên Đức Chúa Trời vô cớ (*You shall not take the name of The Lord, your God, in vain*) (GlCg92 2142-67): Nhờ điều răn này người ta biết tôn vinh Danh Chúa cho phải đạo.

Điều răn hai đòi tôn kính, tuyên xưng Danh Chúa, vì Danh Chúa là Thánh, con người chỉ nói đến Thánh Danh Chúa để chúc tụng, ngợi khen. Không được dùng Danh Chúa cách bất kính (2143).

a/ Phải tuyên xưng Danh Chúa cách nào?

- Bằng cách tuyên xưng đức tin của mình không sợ gì hết. Khi rao giảng và dạy Giáo lý phải có tâm tình tôn kính Danh Chúa Giêsu Kitô (2145).

- Khi bắt đầu ngày sống, khi gặp cơn cám dỗ, gặp nguy khó, ta làm dấu Thánh giá kêu cầu Chúa Ba Ngôi (2157).

- Mỗi người Công Giáo có tên Thánh Bổn mạng Rửa tội, là để thánh nhân cầu bầu cho, và là gương sống thánh thiện cho ta (2156).

b/ Cấm bất kính Danh Chúa là thế nào?

- Là cấm sử dụng cách bất xứng Thánh Danh Chúa Kitô, Đức Mẹ và các Thánh.

- Không giữ lời hứa nhân Danh Chúa.

- Nói phạm thượng (nói trong lòng hay ngoài miệng những lời oán trách, thách thức, nói xấu Chúa) là trực tiếp phạm giới răn này. Nói phạm thượng, tự nó là tội trọng (2148).

- Cấm chửi thề nhắc tới Danh Chúa, và nêu Danh Ngài vào những lời phù phép (2149).

- Cấm thề gian (lấy Danh Chúa làm chứng lời thề dối trá của mình. Cấm phản lời thề (thề rồi bỏ không giữ) (2146-52).

3) Điều răn ba: Giữ ngày Chúa nhật (*Remember to keep holy the Sabbath day*) (Glcg92 2168-95): Nhờ điều răn này ta được nghỉ ngơi phần xác để hưởng ngày của Chúa, kỷ niệm Chúa Phục sinh.

Điều răn ba đòi buộc điều gì?

a/ ***Dự lễ:*** Đòi người Công giáo dự lễ Chúa nhật (chính ngày hoặc chiều áp). Cũng phải dự Thánh lễ các ngày lễ buộc (tại Hoa kỳ có 6 lễ), trừ khi được miễn vì lý do nghiêm trọng (bị bệnh, săn sóc trẻ sơ sinh) hay được vị chủ chăn mình miễn chuẩn. Ai lỗi phạm nghĩa vụ này một cách có suy nghĩ thì phạm tội trọng (2181).

b/ ***Kiêng việc xác***: Ngày Chúa nhật (Ngày của Chúa) được đặt ra để mọi người được nghỉ ngơi và rảnh rỗi để vun trồng đời sống văn hoá, nội tâm cá nhân, gia đình, từ thiện xã hội và tôn Giáo (2184-86).

- Những truyện khẩn cấp của gia đình, hoặc lợi ích của xã hội là những lý do chính đáng để miễn chuẩn việc buộc nghỉ ngơi ngày Chúa nhật. Nhưng đừng để sự miễn chuẩn thành tập quán có hại cho tôn Giáo, đời sống gia đình, cho sức khỏe (2185).

- Người có quyền, phải tránh đòi hỏi người khác làm những điều có thể ngăn cản họ giữ ngày của Chúa.

4) Điều răn bốn: Thảo kính cha mẹ (*Honor your father and mother*) (2197-2257): Nhờ Điều răn này ta thực hiện đức công bằng với những ai ta có bổn phận.

Điều răn bốn nói về điều gì?

- Điều răn này dạy phải tôn kính, yêu mến, biết ơn cha mẹ, Ông bà, Tổ tiên; học trò với thầy; công nhân với chủ nhân; cấp dưới với cấp trên; công dân với chính quyền, với quê hương, và ngược lại (2199).

- Gia đình Công Giáo phải tôn trọng vấn đề : sinh sản, giáo dục con cái, cầu nguyện, đọc lời Chúa hằng ngày củng cố đức ái trong gia đình, loan báo Tin mừng của Chúa.

- Con cái phải yêu mến, tôn kính, biết ơn, vâng lời, giúp đỡ cha mẹ khi các ngài còn sống, và cầu nguyện khi đã qua đời. (2218).

- Anh chị em trong gia đình, hãy chịu đựng lẫn nhau (2219).

- Các Kitô hữu phải biết ơn những ai đã đưa mình vào Giáo hội (bà con, ông bà, đỡ đầu, chủ chăn, Giáo lý viên, thầy dạy, bạn bè).

- Gia đình công Giáo với xã hội: Gia đình phải biết chăm sóc các em nhỏ, người lớn, người đau yếu, tật nguyền, nghèo khó (2208).

- Bổn phận cha mẹ (người Giám hộ): Sinh, dưỡng, Giáo dục luân lý, đào tạo tinh thần. Tôn trọng con cái như những "con người" và "con Chúa", làm gương sáng cho con (2221-23). Cha mẹ chọn trường cho con học, hướng dẫn con chọn nghề nghiệp và bậc sống (2229-30).

- Bổn phận các nhà cầm quyền: Phải dùng quyền bính để phục vụ, không được truyền dạy những điều trái phẩm giá con người và trái luật tự nhiên (2235). Thượng cấp phải xử sự công bằng phân phối đồng đều, khôn ngoan nhắm lợi ích công cộng (2236).

5) Điều răn năm: Chớ giết người (*You shall not kill*) (2258-2330): Nhờ điều răn này, mạng sống ta và người thân yêu được bảo vệ. Điều răn này:

a/ Cấm cố ý giết người trực tiếp. Giết trẻ thơ (phá thai), giết anh em, cha mẹ, vợ chồng, làm chết sớm... đều là những tội thật nặng nề. - Cũng không được cố ý gián tiếp gây nên cái chết của một người. Không được để chết đói, buôn bán trục lợi gây nên chết đói (2268-69)

b/ Cấm tự tử (2280), làm hại sức khoẻ: như ăn uống quá độ, hút thuốc quá đáng, say rượu, lái xe, lái tầu quá lẹ gây nguy hiểm chết người (2290), xài ma túy, buôn bán ma túy là lỗi nặng (2291).

c/ Cấm gây gương xấu. Gương xấu có thể sinh ra từ thời trang hoặc dư luận (2286).

d/ Cấm giận ghét tha nhân. Giận ghét tới mức muốn giết hoặc đả thương cách có suy nghĩ, thì phạm đức ái cách nặng (2302). Chúa dạy tha thứ, yêu thương cả kẻ thù.

6) Điều răn sáu: Chớ làm sự dâm dục (*You shall not commit adultery*) (2331-2400): Nhờ điều răn này năng lực và phái tính mỗi người được tôn trọng.

Điều răn này đòi tránh những lỗi phạm đức Khiết tịnh theo bậc sống (2349).

a/ *Những lỗi phạm đức Khiết tịnh*:

- Thủ dâm (masturbation) là tự ý kích thích bộ sinh dục mình để tìm khoái cảm xác thịt).

- Thông dâm (fornication) là quan hệ xác thịt giữa người nam và người nữ ngoài hôn nhân.

- Khiêu dâm (Pornography) qua Sách báo và tranh ảnh: chủ ý phô bày cho người khác những tác động tính dục, thực hiện qua tưởng tượng hoặc từ thân mật nam nữ.

- Mãi dâm (Prostitution): Tự hiến những lạc thú tình dục cho người khác.

- Cưỡng hiếp (Rape): Dùng bạo lực cưỡng bức người ta ân ái với mình.

- Đồng tính Luyến ái (Homosexuality): Hai nam hoặc hai nữ có những hành vi phái tính với nhau.

b/ *Những vi phạm trong đời sống vợ chồng*:

- Ngoại tình (Adultery): Người đã có vợ chồng ân ái với người khác (2308),

- Li dị (divorce): Vợ chồng muốn đứt đoạn cam kết tự do chung sống trọn đời (2382).

- Đa thê (Polygamy): Một chồng nhiều vợ, điều này không hợp kế hoạch của Thiên Chúa,

- Loạn luân (Incest): Quan hệ ái ân giữa bà con ruột thịt, bà con thông gia, ở cấp bậc họ hàng cấm không được kết hôn với nhau (2388).

- Sống chung không hôn thú (Free union): Quan hệ ân ái như vợ chồng, nhưng không chấp nhận hình thức pháp lý công khai, - Hôn nhân thử (Trial marriage): Giao hợp trước hôn phối với ý hướng lấy nhau.

Tất cả những hình thức này đều nghịch luân lý và không được rước lễ (2390).

7) Điều răn bảy: Chớ lấy của người (*You shall not steal*) (2401-2463): Nhờ điều răn này của cải của ta và người thân được tôn trọng.

a/ Điều răn 7 cấm trộm cắp (nghĩa là chiếm tài sản tha nhân trái ý họ).

b/ Cấm chiếm đoạt hoặc giữ của cải của người khác cách bất công (giữ của cho mượn, giữ của đánh mất, gian lận trong việc mua bán, trả công thiếu công bằng, nâng giá cả lừa người quẫn bách).

c/ Đầu cơ để thay đổi giá cả, hối lộ làm sai lệch quyết đoán của người thi hành pháp luật, tự chiếm cho mình tài sản công, làm ăn cẩu thả gây hại cho chủ, gian thuế, giả mạo hóa đơn, chi tiêu lãng phí, cố ý gây hại của tư, của công (2409).

d/ Không giữ lời hứa, không giữ hợp đồng đã ký kết (2401).

đ/ Cờ bạc hay cá độ, nếu người chơi bị tước hết những gì cần thiết để lo cho bản thân và gia đình. Cá độ bất công hay gian lận cờ bạc là tội nặng, trừ khi thiệt hại nhẹ hay người bị hại coi là nhẹ (21413).

e/ Thú vật: không xứng, khi tiêu xài những món tiền lớn cho chúng hơn dành cho anh em nghèo khổ. Cũng không xứng khi dành cho loài vật những trìu mến chỉ dành cho con người (2416-18).

8) Điều răn tám: Chớ làm chứng dối (*You shall not bear false witness against your neighbor*) (2464-2513): Nhờ điều răn này ta sống trong sự thật.

a/ Điều răn tám cấm điều gì?

- Cấm dối trá trong mọi giao tiếp với tha nhân:

- Nói dối, nói xấu, nói hành, nói oan, nói hay làm...hạ danh giá người ta, làm chứng gian , thề gian, lỗi lời thề.

Nói dối có thể thành nặng khi phạm công bình, bác ái cách nghiêm trọng. (2482- 86).

b/ Bồi thường thế nào cho đúng phép?

- Bất cứ tội nào phạm đến đức công bằng và chống lại sự thật đều buộc phải bồi thường, dù kẻ phạm tội đã nhận được ơn tha thứ qua bí tích giải tội. Khi không thể sửa lại thiệt hại cách công khai, thì phải làm cách kín đáo. Nếu không thể trực tiếp đền bù cho kẻ bị thiệt, thì phải đền bù theo tinh thần. Đền bù thanh danh thường có tính cách tinh thần, nhưng cũng có khi bằng vật chất, tùy thiệt hại gây cho tha nhân. Đây là nghĩa vụ buộc lương tâm.

c/ Cũng phải giữ bí mật toà giải tội và bí mật nghề nghiệp, bí mật quốc gia, trừ trường hợp ngoại lệ khi sự giữ sẽ gây thiệt hại nghiêm trọng cho người giữ hoặc nhận bí mật, cho đệ tam nhân, mà chỉ có thể tránh hại bằng sự tiết lộ bí mật đã nghe.

d/ Cả những truyện riêng tư mà không có lời thề giữ bí mật cũng không được tiết lộ, nếu có hại cho tha nhân, trừ khi có lý do nghiêm trọng tương xứng (2491).

9) Điều răn chín: Chớ muốn vợ chồng người (*You shall not covet your neighbor's wife*) (2514-2533): Nhờ điều tăn này tâm hồn ta được thanh sạch.

Điều răn chín cấm điều gì?

a/ Cấm sự thèm muốn xác thịt (2515).

b/ Sự trong sạch đòi phải có sự nết na.

Nết na từ chối phơi bày ra những gì cần phải giấu kín, nết na hướng dẫn cái nhìn và cử chỉ cho phù hợp với nhân phẩm, tránh tò mò không lành mạnh. (2521-22). Sự nết na của thân xác chống lại những khai thác của tính khoái nhìn thân thể con người, nơi một số tranh quảng cáo, cũng chống lại một số phương tiện truyền thông đại chúng đa đi quá trớn trong việc phô bày những chuyện thầm kín. Sự nết na khuyên người ta chống lại những quyến dũ của thời trang.

Dạy sự nết na cho trẻ em và cho các thiếu niên là gợi cho chúng ý thức về sự tôn trọng nhân vị con người (2521-24).

10) Điều răn mười: Chớ tham của người (*You shall not covet anything that belongs to your neighbor*) (2534-2557): Nhờ điều răn này ta tâm hồn ta thanh thản thoát khỏi tham lam.

Điều răn mười cấm không được ước muốn và tìm cách chiếm đoạt của cải tha nhân.

a/ Cũng cấm để lòng phạm những điều bất công, làm thiệt hại tài sản tha nhân (2536).

b/ Những con buôn ước ao thấy sự đói kém để họ bán hàng đắt lên, những kẻ mong ước thấy đồng bào sống cơ cực để họ kiếm lời, những y sĩ mong có nhiều bệnh nhân, những người thuộc giới luật pháp mong có nhiều vụ kiện quan trọng (2537).

c/ Cấm ghen tương tha nhân, buồn phiền khi thấy người khác có của cải, và rất ước ao chiếm cho mình dù bằng cách bất chính. Khi muốn làm thiệt hại nặng cho tha nhân, thì là tội trọng.

Xem thêm:

- **MƯỜI ĐIỀU RĂN** - Xuanha.net
- **Mười Điều Răn của Đức Chúa Trời là gì?** - JW.org
- **Đạo đức chúa trời có 10 điều răn Archives** - Sống Đạo Công Giáo
- **LUẬN BÀN VỀ 10 ĐIỀU RĂN CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI** | Thông Công ...

VIDEO

- **Mười Điều Răn Thiên Chúa**

5. Đạo đức học tôn giáo vô thần – Phật giáo.

Là một tôn giáo vô thần, cho nên đạo đức học Phật giáo được xem là dạng đạo đức học **nhân bản** 人本 (lấy con người làm gốc).

Đạo đức học Phật giáo đặt nền tảng trên chân lý **Duyên khởi-Vô ngã** mang tính tương đối, vượt lên mọi không gian và thời gian, với chuẩn mực sau:

" *Mọi hành động đem lại* **lợi mình-lợi người***, được xem là* **tốt**, *là* **thiện**, *là* **lành**.

Mọi hành động đem lại **lợi mình-hại người** *hay* **hại mình-lợi người** *hay* **hại mình-hại người**, *được xem là* **xấu**, *là* **ác**, *là* **dữ**."

Tuy nhiên, do căn tính con người có khác biệt, nên có sự phân chia theo những mực độ khác nhau theo các hành động của ***thân-khẩu-ý***. Đạo đức học Phật giáo đưa ra việc thực hành Ngũ giới như dưới đây:

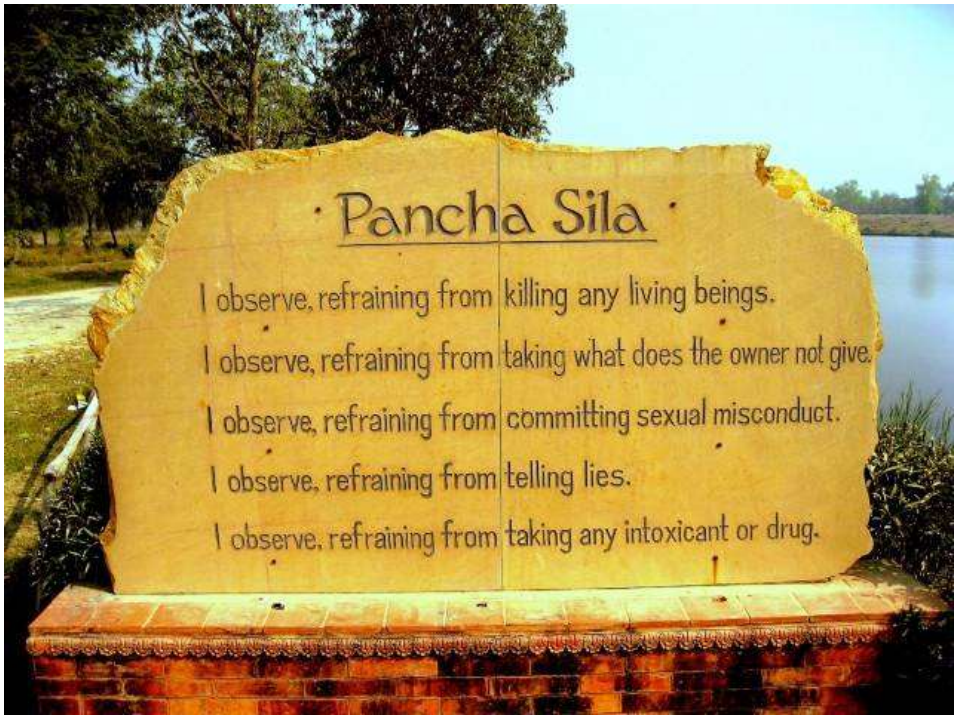

Five precepts - Wikipedia

Ngũ giới – Wikipedia tiếng Việt

Ngũ giới (五戒; P: pañcasīla; Sa: pañcaśīla; E: The five precepts) là năm điều đạo đức, khuyến khích người Phật tử tại gia gìn giữ để hưởng được quả báo tốt đẹp. Người Phật tử không thể chỉ thọ Tam quy mà không trì Ngũ giới. Người đã quy y là đã bước một nấc thang đầu tiên, nếu không giữ giới có nghĩa là dừng lại tại đó, không tiến bước tới nữa. Năm giới này không những để tiến bước trên đường giác ngộ-giải thoát, mà còn đem lại trật tự, an vui, hòa bình cho gia đình, xã hội gồm có:

1) Tránh xa sát sinh (Pànàtipàtà veramanì):

Đó là tôn trọng sự sống, bao gồm không giết hại hay làm tổn thương từ con người đến các loài vật. Giữ giới sát sinh là nuôi dưỡng lòng từ, tránh được nhân quả báo ứng.

Người giữ giới không sát sinh luôn luôn có tâm an ổn. Nếu mọi người trên thế giới đều giữ giới không sát sinh thì thế giới không còn chiến tranh giết hại nữa.

Người Phật tử ngoài *không giết hại* cũng *không bảo bày người khác giết hại*, *không vui đối với việc giết hại*, *không khen ngợi đối với việc giết hại*.

2) Tránh xa sự trộm cắp (Adinnàdàna veramanì):

Đó là tôn trọng sở hữu của người, là không cho thì không lấy, từ nhà cửa, ruộng vườn, của cải, tiền bạc cho đến các vật tư hữu nhỏ bé. Giữ giới trộm cắp còn thể hiện lòng từ, tránh được nhân quả báo ứng

Cũng gọi là trộm cắp, khi lấy của tư hay của công, của công ty hay của nhà nước, khi cưỡng ép người ta bằng vũ lực hay quyền hành hay dùng những thủ đoạn lừa gạt, mưu mẹo v.v… để đoạt chiếm sở hữu, tiền bạc như quỵt nợ, giật hụi, đầu cơ tích trữ, cân non đong thiếu, trốn sâu lậu thuế, v.v…. Tóm lại tất cả các việc gian tham, lấy của bất chính đều là trộm cắp.

Sự lợi ích của giới không trộm cắp là giữ được sự công bằng (không phải cào bằng) giữa con người với con người, tránh sự gian lận bất công. Mỗi người đều có quyền sở hữu riêng tư, xã hội không công bằng thì khó tồn tại lâu dài được. Về xã hội, nếu mọi người đều không gian tham trộm cắp, thì nhà không cần đóng cửa then cài nữa.

Người Phật tử ngoài *không trộm cắp* cũng *không bảo bày người khác* trộm cắp, *không vui đối với việc trộm cắp*, *không khen ngợi đối với việc trộm cắp*.

3) Tránh xa sự tà dâm (Kàmesu micchàcàrà veramanì):
Đó là tôn trọng hạnh phúc gia đình của người, không dụ dỗ hay dùng thủ đoạn để cướp vợ hay chồng của người khác, không ép buộc người khác phải thỏa mãn tình dục với mình, không hãm hiếp đàn bà, con gái.

Không tà dâm để bảo vệ hạnh phúc cho gia đình mình và gia đình người, đồng thời tránh được oán thù và quả báo xấu. Mặc dù cấm tà dâm, nhưng giữa vợ chồng cũng phải giữ lễ, điều độ, biết tiết dục, để cho thân được khỏe, tâm được trong sạch nhẹ nhàng. Còn với người xuất gia thì tránh hẳn dâm.

Người Phật tử ngoài *không tà dâm* cũng *không bảo bày người khác tà dâm*, *không vui đối với việc tà dâm*, *không khen ngợi đối với việc tà dâm*.

4) Tránh xa sự nói dối (Musà vàdà veramanì):
Đó là tôn trọng sự thật trong giao tiếp, nhằm đem lại lợi ích cho mọi người. Tránh xa sự nói dối bao gồm cả bốn chi tiết sau:

- *Tránh nói lời không đúng sự thật*, chuyện có nói không, chuyện không nói có làm cho người nghe hành động sai vô cùng tai hại.

- *Tránh nói lời hai lưỡi*, đòn càn (xóc) hai đầu, làm cho hai người khác ghét nhau, thù nhau.

- *Tránh nói lời thêu dệt*, thêm bớt, có ít xít ra nhiều, nói châm chọc, bóng bẩy làm cho người nghe buồn phiền và khởi tà niệm.

- *Tránh nói lời độc ác*, thô tục, cộc cằn như nguyền rủa chửi mắng thậm tệ làm cho người nghe sợ hãi đau khổ.

Người Phật tử ngoài *không nói dối* cũng *không bảo bày người khác nói dối*, *không vui đối với việc nói dối*, *không khen ngợi đối với việc nói dối*.

Trong Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân, Phật bảo Tôn Giả A Nan, Thị giả của Phật: "*Người ta sinh ra ở đời, họa từ trong miệng mà sinh ra, nên phải giữ gìn cửa miệng hơn cả lửa mạnh, vì lửa mạnh có đốt cháy cũng chỉ đốt cháy một đời này mà thôi, còn như nói ác sẽ đốt cháy trong vô số kiếp. Lửa chỉ đốt cháy nhà cửa, của cải của thế gian, còn lời nói ác đốt cháy bảy thứ của cải của Thánh nhân. Vì thế, này A Nan, chúng sanh họa từ trong miệng mà sinh ra, miệng lưỡi thực là búa sắc tự bổ vào mình, là cái họa để tự diệt mình*".

5) Tránh xa si mê do dùng chất say như rượu, thuốc nghiện (Suràmeraya majjappamàdatthàna veramanì):

Đó là giữ cho tâm trí được sáng suốt nhằm tránh phạm phải bốn giới cấm bên trên là sát sinh, trộm cướp, nói dối, tà dâm. Giới cấm dùng chất say còn bao gồm cả việc dùng các thứ ma túy, vì nó cũng làm cho tâm trí người sử dụng mê dại.

Người Phật tử ngoài *không dùng chất say* cũng *không bảo bày người khác dùng chất say*, *không vui đối với việc dùng chất say*, *không khen ngợi đối với việc dùng chất say*.

Trong Kinh Đại Phương Tiện Phật Báo Ân còn lưu ý người Phật tử tại gia giữ năm giới không nên làm các nghề như:

- Tránh làm nghề nuôi, buôn bán súc sinh, nếu có nuôi súc vật, sau khi thụ Ngũ giới được phép bán nhưng không được bán cho nhà đồ tể.

- Tránh làm nghề chế tạo, buôn bán cung tên, đao kiếm, súng đạn, mìn bom, v.v…, nghĩa là tất cả các thứ dùng vào việc giết người, khủng bố, chiến tranh.

- Tránh làm nghề sản xuất, buôn bán các loại rượu và các loại ma túy.

- Tránh làm nghề sản xuất hoặc buôn bán hàng gian, hàng giả, hàng nhái, hàng hóa có nguồn gốc không lương thiện ... do trộm, cướp, bóc lột, khai thác lao động nô lệ ... mà có.

Nơi Ngũ giới, thì các giới **1) 2) 3)** thuộc ***Thân***, giới **4)** thuộc ***Khẩu*** và giới **5)** thuộc ***Ý***. Gìn giữ Ngũ giới tốt thì *Thân-Tâm* thanh sạch, đạo đức trong sáng. Hơn nữa, Phật giáo còn chỉ ra rằng, nguyên nhân và là động cơ chính yếu phạm phải Ngũ giới là từ 3 tâm bất thiện "tâm *Tham*, tâm *Sân*, tâm *Si*". Cả ba Tham-Sân-Si là vô minh chấp thủ, chỉ có thể hóa giải bằng tuệ giác Duyên khởi-Vô ngã.

+ Trong kinh Tương Ưng Bộ IV, trang 404 nêu rõ:
"Đoạn tận **Tham**, đoạn tận **Sân**, đoạn tận **Si**, đây gọi là **Niết-bàn**".

+ Trong kinh Tạp A Hàm có ghi:

"**Niết Bàn** (**涅槃**; P: *nibbāna*; S: *nirvāṇa*) có nghĩa là dập tắt hoàn toàn ngọn lửa phiền não, là đoạn trừ nghiệp gây ra từ ba bất thiện là **Tham, Sân, Si**."

Vì thế, quán triệt **Duyên khởi-Vô ngã** là trọng tâm của sự hoàn hảo về đạo đức (đắc *giới*), và là con đường tối hậu dẫn tới Niết-bàn.

Ghi chú:

- **Khổ đau** là trạng thái của tâm *cố chấp* biểu hiện bởi Tham-Sân-Si (Khổ đế).
- **Niết-bàn** là trạng thái của tâm *xả chấp*, do đã đoạn tận Tham-Sân-Si (Diệt đế).

Do đó, Niết-bàn xác thực là trạng thái của tâm, mà không là một nơi, một cõi, một không gian nào đó!

Xem thêm:

Sách:

1- Dẫn luận về đạo đức học Phật giáo (Buddhist Ethics) – Damien Keown (Việt dịch)

2- Đạo đức học Phật giáo (Buddhist Ethics: The Path to Nirvana) – H. Saddhatissa

3- Đạo đức Phật giáo: Con đường và sự biểu hiện – Thích Phước Toàn.

4- Đạo đức học Phật giáo – Viện Nghiên Cứu Phật Học Việt nam 1995

- **Đạo đức học Phật giáo** - Học viện Phật giáo
- **ĐẠO ĐỨC, NGHIỆP VÀ SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG** - Theravada ...

VIDEO

- **Đạo Đức Học Phật Giáo**
- Dẫn Nhập THPG (2013): **Tổng quan đạo đức học Phật giáo**
- Dẫn Nhập THPG (2014): **Bản chất của đạo đức học Phật giáo**
- **Dẫn nhập đạo đức học Phật giáo** (2018) - TT. Thích Nhật Từ
- **Nền tảng lý trí và bản chất đạo đức học PG** (2018) - TT. Thích Nhật Từ
- GS.TS. Phan Thu Hiền - **ĐẠO ĐỨC HỌC PHẬT GIÁO QUA MỘT SỐ CÂU CHUYỆN NGỤ NGÔN**
- Vấn đáp: **Năm điều đạo đức với doanh nhân** | Thích Nhật Từ
- Phật Giáo Ứng Dụng 1 (2011) - **Tổng quan phật giáo ứng dụng** – T. NHẬT TỪ
- Phật Giáo Ứng Dụng 2 (2011) - **Đạo đức học phương tiện truyền thông** – T. NHẬT TỪ

- Phật Giáo Ứng Dụng 3 (2011) - **Đạo đức học chính trị** - T. NHẬT TỪ

Hoan nghênh các bạn góp ý trao đổi!

***

IV.- Cậu bé thiên tài 12 tuổi người Mỹ

*(**The huynh** huyqgthe@yahoo.com)chuyển*

Ngay khi Hawking rời khỏi thế gian, một em bé thần đồng ở Mỹ làm cho thế giới vật lý sửng sốt. Em tuyên bố lý thuyết của Hawking về vũ trụ hình thành tự phát là sai, và Chúa thực sự hiện hữu. Đó là cậu bé William Maillis, 12 tuổi, một sinh viên đại học đam mê nghiên cứu Vật lý thiên văn. Lập luận của William có nhiều khả năng đúng vì nó phù hợp với Định lý Gödel…

1. Thần đồng 12 tuổi William Maillis

William Maillis là một bé trai sinh năm 2007, sống tại Penn Township, Pennsylvania, Mỹ cùng với cha là ông Fr. Panteleimon Ilias Maillis, một mục sư chính thống giáo, mẹ là bà Presvytera Nancy. William có một chị gái và một anh trai.

William đã tốt nghiệp phổ thông trung học từ Tháng 5 năm 2016, lúc 9 tuổi. Sau đó em theo học đại học cộng đồng Community College ở Allegheny County, rồi nhập học Đại học Carnegie Mellon ở Pittsburgh từ mùa thu năm ngoái (2017).

Mặc dù mới 12 tuổi nhưng William đã có định hướng rõ ràng cho cuộc sống: **chứng minh sự hiện hữu của Chúa thông qua khoa học!**
Khó tưởng tượng được một em bé 12 tuổi nhưng đam mê nghiên cứu nguồn gốc vũ trụ, đọc và hiểu những sách vật lý cao cấp về vũ trụ, quyết tâm se lấy bằng tiến sĩ về vật lý thiên văn (Astrophysics), hăng say giải thích trong những cuộc phỏng vấn tại sao lỗ đen không phải là "siêu khối lượng" mà các nhà khoa học lão thành như Albert Einstein hay Stephen Hawking từng nói,…

Điều lạ lùng là em có những lập luận khoa học hồn nhiên phù hợp với Định lý Gödel: "Tôi muốn chứng minh với mọi người rằng Chúa thực sự tồn tại, bằng cách chỉ ra rằng **chỉ có một sức mạnh bên ngoài Vũ trụ mới có khả năng tạo ra Vũ trụ**", William nói.
Cha của William, ông Peter Maillis cho biết về cậu con trai William của ông:

- 6 tháng tuổi, bắt đầu nhận dạng được chính xác các con số.
- 7 tháng tuổi, nói được những câu hoàn chỉnh.
- 21 tháng tuổi, biết làm tính cộng.
- 2 tuổi biết làm tính nhân, đọc được sách dành cho trẻ em, và viết được một cuốn sách 9 trang của chính mình, nhan đề "Chú mèo hạnh phúc" (Happy Cat).
- 4 tuổi, học đại số, ngôn ngữ ký hiệu, đọc tiếng Hy Lạp. "Nó luôn luôn có mối quan tâm đặc biệt đến các con số", ông Peter nói.
- 5 tuổi, đọc toàn bộ một cuốn sách giáo khoa hình học dầy 209 trang chỉ trong một đêm và lúc thức dậy vào sáng hôm sau đã giải những bài toán về chu vi, bộc lộ thiên hướng toán học rõ rệt.
- Lúc 7 tuổi, là một chuyên gia về lượng giác…

Nhà tâm lý học Joanne Ruthsatz ở Đại học Tiểu bang Ohio tuyên bố cậu bé này là một THIÊN TÀI theo nghĩa đen.

Aaron Hoffman, giáo sư lịch sử của William ở đại học, nói cậu bé giống như tất cả các sinh viên khác ở đại học. Ông nói: "Chúng tôi không miễn trừ cho cậu ấy bất kỳ một chủ đề nào: từ Hitler, Mussolini, đến trại tập trung, chiến tranh… Nếu đã học ở đây, cậu ấy sẽ phải học mọi môn ở trình độ đại học".

Điều khác biệt duy nhất ông nhận thấy ở William là em **không ghi chép như các sinh viên khác, mà chỉ lắng nghe, đọc và thẩm thấu kiến thức.**

Nhưng điều làm cho ông Peter ngạc nhiên nhất là con trai mình sớm có định hướng hiến dâng cuộc đời cho Vật lý thiên văn, với ý định chứng minh sự hiện hữu của Chúa. Và không chỉ mong muốn, cậu đang thực sự tiến bộ trên con đường thực hiện mơ ước: Cậu đã có một số nghiên cứu khảo sát về một số lý thuyết ở trình độ cao.

Những nghiên cứu này bắt đầu cho thấy nhà Vật lý Stephen Hawking sai về vấn đề nguồn gốc Vũ trụ .

Thực ra ngay từ trước khi kết thúc phổ thông trung học, William đã bắt đầu tìm hiểu một số lý thuyết theo những chủ đề mà em quan tâm. Em đã đọc một số sách của Stephen Hawking, kể cả cuốn "Grand Design" (Thiết kế vĩ đại), một cuốn sách rất khó hiểu đối với ngay cả những người lớn có trình độ khoa học. Trong cuốn này, Hawking nói rằng vũ trụ có thể tự tạo ra nó từ hư không, tức là vũ trụ có thể hình thành một cách tự phát, và do đó Chúa là không cần thiết. Nhưng William có những lý lẽ để bác bỏ quan điểm của Hawking.

Một tờ báo viết: "Không có nhà khoa học lớn nào có thể an toàn với cậu bé này".

Đến nay, William đã trải qua một năm nghiên cứu Vật lý thiên văn. Một số người nói có thể trong hai năm nữa em sẽ bắt đầu viết sách về những gì em đã nghiên cứu. William tự tin nói: "Tôi đang chứng minh rằng chỉ có Chúa mới có khả năng sáng tạo ra vũ trụ này; dữ liệu của tôi là chính xác… Nghiên cứu của tôi đã tiến triển được 70% và ngay khi tôi hoàn thành tôi muốn chia sẻ nó với thế giới".

Một tờ báo khác viết:

Khát vọng của William muốn trở thành một nhà Vật lý thiên văn bắt nguồn từ đức tin mạnh mẽ của em. William không tán thành với những lý thuyết của Einstein và Hawking về lỗ đen và có quan điểm riêng của mình để chứng minh sự ra đời của Vũ trụ.

Là con trai của một linh mục Chính thống giáo Hy lạp, William muốn chứng minh rằng **một lực bên ngoài Vũ trụ là thứ duy nhất có khả năng sáng tạo ra Vũ trụ**, điều đó có nghĩa là "**Chúa thực sự tồn tại**". Điều này hoàn toàn trái với tư tưởng của Stephen Hawking. Nhà vật lý nổi tiếng này nói:

"**Trước khi chúng ta hiểu khoa học, điều tự nhiên là chúng ta tin rằng Chúa sáng tạo ra Vũ trụ, nhưng hiện nay khoa học cung cấp một sự giải thích thuyết phục hơn. Cái mà tôi ngụ ý khi nói 'chúng ta sẽ biết được ý Chúa' là chúng ta sẽ biết được mọi thứ mà Chúa có thể biết, nhưng không có Chúa. Tôi là một người vô thần**" [1] .

Cha mẹ của Williams nói họ không bao giờ thúc ép con trai mình nghiên cứu hoặc cố gắng chứng minh Chúa, mà chỉ mong con mình là một cậu bé 12 tuổi "bình thường". "Chúng tôi là những người bình thường", ông Peter giải thích. "Và William là một cậu bé bình thường. Bạn không thể phân biệt nó với những đứa trẻ 12 tuổi khác. Nó thích thể thao, các chương trình TV, computer và video games như mọi đứa trẻ khác".

Nhưng thực tế William vẫn khác với những đứa trẻ cùng tuổi khác: định hướng chủ yếu cho cuộc sống của William hoàn toàn rõ ràng... Khi hỏi "ước mơ" của em là gì, cậu bé thần đồng không do dự trả lời.

"**Em muốn trở thành một nhà Vật lý thiên văn để làm sao có thể chứng minh cho thế giới khoa học rằng Chúa thực sự tồn tại**", William nói trong một cuộc phỏng vấn mới đây tại Đại học Hellenic College Holy Cross.
Khi được hỏi tại sao cậu cảm thấy cần phải chứng minh điều đó cho các nhà khoa học, William trả lời sâu sắc hơn:

"**Vâng, bởi vì có những nhà khoa học vô thần cố nói rằng không có Chúa, trong khi trên thực tế thì để tin không có Chúa phải có nhiều đức tin hơn là tin có Chúa… Bởi vì có một cái gì đó tạo ra Vũ trụ sẽ hợp lý hơn là Vũ trụ tự tạo ra nó. Để nói rằng Vũ trụ tự tạo ra nó đòi hỏi phải có nhiều đức tin hơn là nói rằng có một cái gì đó bên ngoài Vũ trụ tạo ra Vũ trụ, bởi vì như thế sẽ logic hơn**" [2]

Điều lạ lùng là ham muốn của William về việc chứng minh sự hiện hữu của Chúa đã xuất hiện ngay từ "khi em mới khoảng 5 hoặc 6 tuổi", William bộc lộ, và mong muốn này đã dần dần tiến triển thành một lý thuyết phức tạp mà em hy vọng một ngày nào đó sẽ chứng minh được. Em nói rõ ràng là "**Khoa học và Thần học không tách biệt với nhau "… tri thức khoa học là một quà tặng từ Chúa, giống như mọi quà tặng khác. Chúng ta phải học hỏi thêm về đức tin của chúng ta và về việc chúng ta đang ở đâu trong Vũ trụ… Chúng ta cần trau dồi tài năng của chúng ta, quà tặng mà chúng ta đã nhận được từ Chúa, chứ đừng chôn vùi nó** ".
Sẽ là quá sớm để khẳng định một điều gì về tương lai của William Maillis. Nhưng trực giác và sự hiểu biết của tôi nói với tôi rằng William sẽ thành công, vì quan điểm của em phù hợp với Định lý Bất toàn của Kurt Gödel.

2. Định lý Gödel ủng hộ quan điểm của William

Trước hết, William hoàn toàn đúng khi bác bỏ quan điểm của Hawking về "**Vũ trụ có thể tự tạo ra nó từ Hư không**". Không rõ lập luận của William thế nào, nhưng theo Định lý Gödel thì quan điểm của Hawking là sai lầm, vì cái hệ thống VŨ TRỤ TỰ TẠO RA VŨ TRỤ của Hawking chính là một HỆ THỐNG TỰ QUY CHIẾU (Self-Referential System).

Theo Định lý Gödel, **mọi hệ Tự Quy chiếu đều dẫn tới mâu thuẫn**. **Chính Hawking, trong bài báo "Gödel và Sự kết thúc của Vật lý" [3] đã nói rằng các lý thuyết Vật lý về Vũ trụ đều là những hệ Tự quy chiếu, và do đó sẽ không nhất quán và không đầy đủ**. Nói cách khác, **không bao giờ có một lý thuyết nào có thể mô tả Vũ trụ một cách đầy đủ và chính xác.**
Vậy giả thuyết VŨ TRỤ TỰ TẠO RA VŨ TRỤ là giả thuyết về một hệ **Vũ trụ tự quy chiếu**, do đó giả thuyết ấy ắt sẽ dẫn tới mâu thuẫn.

William Maillis càng đúng hơn nữa khi em khẳng định rằng **chỉ có một lực bên ngoài Vũ trụ mới có thể tạo ra Vũ trụ**. Ý tưởng này cũng hoàn toàn phù hợp với Định lý Gödel.
Định lý này nói rằng một hệ A không thể tự phán xét nó một cách đầy đủ và nhất quán. Muốn phán xét một hệ A một cách đầy đủ hơn và chính xác hơn, phải đi ra ngoài A.

Vậy muốn "phán xét" Vũ trụ phải đi ra bên ngoài Vũ trụ. Hiểu rộng ra, có thể nói, muốn **TẠO TÁC VŨ TRỤ phải có một TÁC ĐỘNG TỪ BÊN NGOÀI VŨ TRỤ.**

Thuyết đa vũ trụ dường như cũng tìm cái bên ngoài Vũ trụ. Nhưng vì họ không thừa nhận Chúa nên buộc họ phải sáng tác ra các thế giới Vật chất bên ngoài Vũ trụ. Đó là cái mà họ gọi là những "Vũ trụ khác" hay "Vũ trụ song song". Đó là GIẢ THUYẾT TƯỞNG TƯỢNG 100%, KHÔNG THỂ VÀ KHÔNG BAO GIỜ CÓ THỂ KIỂM CHỨNG ĐƯỢC. Chỉ có những người mắc bệnh tôn sùng khoa học một cách mù quáng mới tin vào những giả thuyết siêu hình đó. William Maillis hoàn toàn đúng khi nói rằng để tin vào những giả thuyết hoang đường đó, phải có nhiều đức tin hơn là tin vào Chúa.

Tôi không rõ William Maillis đã biết đến Định lý Gödel hay chưa. Tôi sẽ tìm cách liên lạc với em để thông báo cho em rằng **Định lý Gödel sẽ là trợ thủ đắc lực cho em để hạ bệ các giả thuyết siêu hình của Hawking và ủng hộ lý thuyết của chính em** .

CHÚ THÍCH

[1] Before we understood science, it was natural to believe that God created the universe, but now science offers a more convincing explanation," once said the renowned physicist. "What I meant by 'we would know the mind of God' is we would know everything that God would know if there was a God, but there isn't. I'm an atheist
[2] Well because there's these atheists that try to say that there is no God, when in reality it takes more faith to believe that there's no God than it does to believe that there is a God… Because it makes more sense that something created the universe than that the universe created itself. It takes more faith to say the universe created itself than to say something other created the universe because that is more logical
[3] Đã đăng trên Khoa học & Tổ quốc Tháng 04/2012

NGUỒN TÀI LIỆU:

- http://www..culturehook.com/608-1/an-11-year-old-boy-actually-proved-that-steven-hawking-was-wrong/
- https://faithit.com/11-year-old-genius-prove-stephen-hawking-wrong-death-god-exist/
- http://people.com/human-interest/william-maillis-9-year-old-graduates-high-school-starts-college/

Tác giả: GS Phạm Việt Hưng

GS Phạm Việt Hưng. Ảnh: photobucket

Giáo sư Phạm Việt Hưng từng giảng dạy các môn Toán Kinh tế; Cơ học Lý thuyết; Sức bền Vật liệu; Toán luyện thi đại học. Hiện ông đang thỉnh giảng Toán cao cấp tại một đại học ở Việt Nam. Ông đang có nhiều hoạt động báo chí với nhiều bài viết được đăng trên nhiều báo in và báo mạng, ví như Khoa học & Đời sống của Hội Liên hiệp Khoa học & Kỹ thuật Việt Nam, Tạp chí Vật lý Ngày nay của Hội Vật lý Việt Nam, Tạp chí Tia Sáng của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Trang mạng Vietsciences.

Email: bizet09@gmail.com
Website: viethungpham.com

- **Các bài khác của tác giả Phạm Việt Hưng**

** Ngoại trừ được chú thích, ảnh trong bài lấy từ trang viethungpham.com*

Có thể bạn quan tâm:

- **Nhà vật lý khổng lồ thế kỷ 20: Nền tảng của khoa học là… Đức Tin?**
- **Sự xuất hiện của những nhân vật "thiên tài" có mang dấu ấn của thần?**
- **Giáo sư Đại học Oxford: 'Stephen Hawking đã sai! Bạn không thể giải thích vũ trụ mà không có Chúa'**
- **Đạt tới đỉnh cao thành công nhưng Stephen Hawking đã bỏ sót điều quý giá nhất, đó là gì?**
- **Thực ra… căn bệnh ALS của thiên tài vật lý Stephen Hawking không phải là vô phương cứu chữa**

Video clip: Cậu bé thiên tài 12 tuổi muốn chứng minh "Thiên Chúa thật sự tồn tại"

https://www.youtube.com/watch?v=ADFm7pfYH2k

IV.- 11-Year-Old Genius Out to Prove Stephen Hawking Wrong After His Death: "God Does Exist"

Posted on March 14, 2018

- **Faithit**

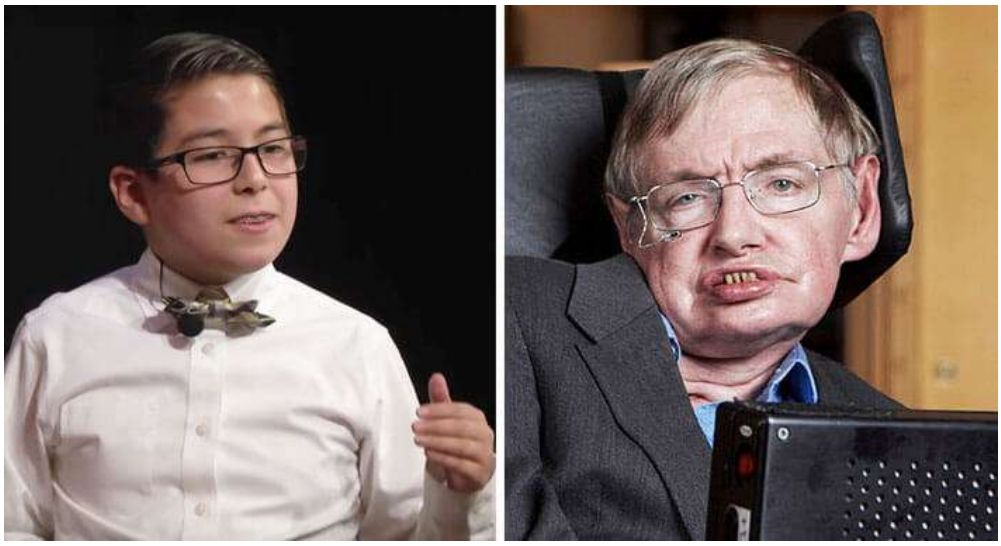

ShareTweetPinterest

William Maillis is not your typical 11-year-old.

At an age when most kids are focused on beating the next level in a video game, or working toward actually hitting the ball in their baseball game on Saturday, William is consumed with becoming an astrophysicist.

Most kids dream of becoming a firefighter, a doctor, maybe an astronaut or a teacher, but William isn't just dreaming of becoming an astrophysicist, he's already becoming one.

The boy from Pennsylvania, graduated high school in May of 2016, at the age of 9. After attending community college classes, he enrolled at Carnegie Mellon University last fall.

According to his father, Peter Maillis, William began speaking in full sentences at just seven months old. He was doing addition at 21 months, and multiplication by the age of two — a time when he was also reading children's books, and writing his own nine-page book, "Happy Cat." At four years old, he was learning algebra, sign language and how to read Greek, and when he was five, he read an entire 209-page geometry textbook in one night and woke up solving circumference problems the next morning.

This kid is literally a GENIUS, and has been declared one by Ohio State University psychologist, Joanne Ruthsatz.

William's desire to become an astrophysicist is rooted in his strong faith beliefs. He disagrees with some of Einstein and Hawking's theories on black holes and has his own ideas to prove the existence of the universe.

The son of a Greek Orthodox Priest, William wants to prove that an outside force is the only thing capable of creating the universe, which means that "God does exist."

Stephen Hawking, however, who passed away at the age of 76, held a much different assertion. "Before we understood science, it was natural to believe that God created the universe, but now science offers a more convincing explanation," once said the renowned physicist. "What I meant by 'we would know the mind of God' is we would know everything that God would know if there was a God, but there isn't. I'm an atheist."

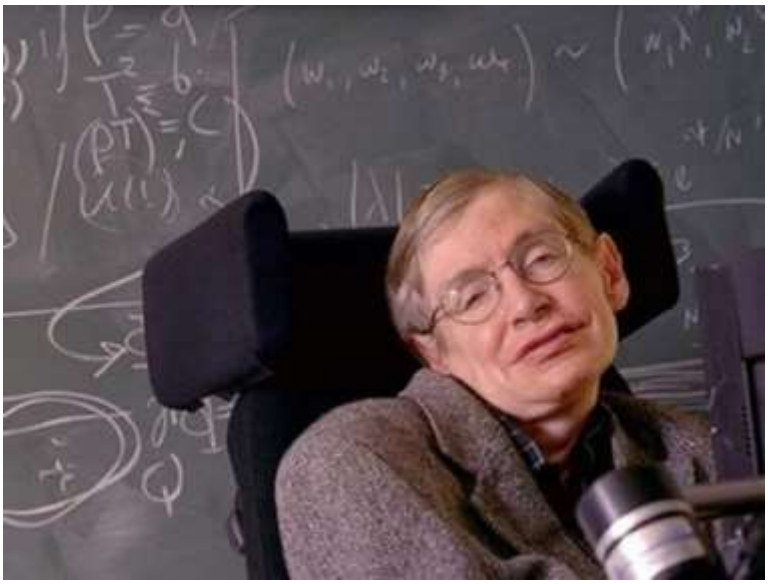

William's parents say they have never pushed him toward his studies or this God-proving endeavor, but rather that he's a pretty "normal" 11-year-old.

"We're normal people," Peter explained. "And he's a normal kid. You can't distinguish him from other 11-year-olds. He likes sports, television shows, the computer and video games like everyone else."

But still, distinct from other kids his age, William's ultimate life passion is perfectly clear. When asked what his "dream" is, the child prodigy had no hesitation in his response.

"I want to be an astrophysicist so that I can prove to the scientific world that God does exist," William said in a recent interview with Hellenic College Holy Cross.

When asked why he felt the need to prove it to scientists, his answer was even more profound:

"Well because there's these atheists that try to say that there is no God, when in reality it takes more faith to believe that there's no God than it does to believe that there is a God… Because it makes more sense that something created the universe than that the universe created itself. It takes more faith to say the universe created itself than to say something other created the universe because that is more logical."

Well I don't know about you, but I'm pretty pumped to see this "normal," God-fearing boy unravel the theory of one of the most prolific scientific minds of all time — for as stated by the great scientist Matthew Maury, *"The Bible is true and science is true, and therefore each, if truly read, but proves the truth of the other."*

V.- BÀN VỀ TRIẾT LÝ GIÁO DỤC

Posted by adminbasam on 10/12/2016

Nguyễn Đình Cống

10-12-2016

Về sự xuống cấp của nền giáo dục Việt Nam (GDVN), một số người cho nguyên nhân chủ yếu là thiếu một Triết lý giáo dục (TLGD). Trong cuộc họp Quốc hội có đại biểu đã chất vấn: " VN có hay không một TLGD ". Trong bài "Từ tình trạng bệ rạc trong hệ thống giáo dục VN, tới nội dung lá thư của một học sinh gửi thầy giáo cũ" (AnhBaSam 10865) tác giả Trần Phong Vũ nhận xét: " Tệ trạng GDVN đã tới đáy" và nguyên nhân là: " Do lỗ hổng to lớn về sự thiếu vắng một TLGD ".

Tôi không tán thành đánh giá trên về nguyên nhân xuống cấp của GD mà cho rằng không phải chúng ta không có TLGD, chỉ là đang theo một TLGD lạc hậu và sai lầm. Nếu nói thiếu thì đó là thiếu một TLGD khoa học, tiến bộ.

Trong thế kỷ 20 hình như chưa ai nói đến TLGD mà chỉ nói Phương châm, Nguyên lý ,Quan điểm về GD. Khái niệm TLGD mới được dùng rộng rãi những năm gần đây (từ 2010). Phải chăng đó là những cơ sở lý luận được dựa vào để vạch ra mục tiêu của GD, nội dung chương trình, phương pháp và tổ chức dạy học. Nếu hiểu như vậy thì Việt Nam chưa bao giờ thiếu TLGD, chẳng qua là trong các văn bản chính thức không dùng thuật ngữ TLGD mà dùng các thuật ngữ khác tương đương như Phương châm hoặc Nguyên lý GD. Vấn đề là xem triết lý đó, về bản chất và cách vận dụng đúng sai ở đâu, như thế nào.

Theo dòng lịch sử chúng ta đã có những phương châm như: Tiên học lễ hậu học văn; Dân tộc, khoa học, đại chúng, hiện đại, lấy Chủ nghĩa Mác Lê và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng; Học đi đôi với hành, giáo dục kết hợp lao động sản xuất, lý luận gắn với thực tiễn, giáo dục nhà trường gắn liền với giáo dục gia đình và xã hội. Rồi nêu cao khẩu hiệu: Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Ngoài ra còn nhấn mạnh đến: Nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài; Đào tạo con người XHCN, bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau. Rồi người ta cũng thường dẫn câu của Hồ Chí Minh: "Làm sao để nhân dân ai cũng được ăn no, mặc ấm, ai cũng được học hành". Cũng có ý kiến chỉ đạo cho rằng TLGD phải xuất phát và thể hiện được Nghị quyết của Đảng. Mà NQ luôn luôn đề cao việc "Giữ vững định hướng XHCN trong GD". Mục tiêu của GD được thể hiện trong Luật Giáo dục là: "Đào tạo con người Việt Nam phát triển toàn diện, có đạo đức, tri thức, sức khoẻ, thẩm mỹ và nghề nghiệp, trung thành với lý tưởng độc lập dân tộc và chủ

nghĩa xã hội; hình thành và bồi dưỡng nhân cách, phẩm chất và năng lực của công dân, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc".

Để phân tích xem một TLGD là khoa học, tiến bộ hay sai lầm, lạc hậu, trước hết cần bàn đến nhận thức về đào tạo con người, vai trò và định hướng của GD.

VỀ ĐÀO TẠO CON NGƯỜI– Ở phương diện này có thể chia con người thành 2 loại: con người tự do và con người lệ thuộc. Đi kèm với TỰ DO là các tính chất như sáng tạo, khai phóng, tự chủ, tự trọng, năng động, độc lập suy nghĩ v.v.. Đi kèm với LỆ THUỘC là các tính chất như trung thành, kỷ luật, tin tưởng, phục tùng, sùng bái cá nhân v.v…Vậy chúng ta định đào tạo ra loại người nào.

Trong các phương châm, mục tiêu của GD theo đường lối CS mặc dầu cũng đề cập đến con người phát triển toàn diện, nhưng luôn luôn đề cao lòng trung thành với CNXH, tuyệt đối tin tưởng vào CNML, không thấy đề cập đến Con người tự do. Như vậy phải chăng là muốn đào tạo ra Con người lệ thuộc. Vậy những tính chất như trung thành, tuyệt đối tin tưởng… có cần không? Rất cần cho quân đội, cho các tổ chức hoạt động bí mật v.v… còn trong GD, trong khoa học thì nó thường là kẻ thù của tự do tư tưởng và sáng tạo.

Tại sao lãnh đạo CS không muốn đào tạo Con người tự do mà chỉ muốn đào tạo Con người lệ thuộc. Điều này chắc nhiều người đã biết, nếu chưa biết cũng có thể đoán được.

VỀ VAI TRÒ CỦA GD. Một số người thấy được tầm quan trọng của GD để phát triển đất nước nên đã vận động Đảng, Quốc hội thông qua phương châm: Giáo dục là quốc sách hàng đầu. Rồi trước sự xuống cấp tệ hại của GD Đảng vội ra NQ về đổi mới căn bản và toàn diện nền GD. Tuy vậy phương châm ấy chỉ tồn tại như một khẩu hiệu trống rỗng, nghị quyết ấy được viết ra một cách hời hợt và ôm đồm, thiếu sức sống. Vì sao vậy ? Vì trong sâu thẳm của tâm hồn các vị lãnh đạo ĐCS không cảm nhận được sự quan trọng của GD, họ chưa và không thể biến phương châm ấy, nghị quyết ấy thành nhận thức và tình cảm, họ chỉ bị bắt buộc nói đến một cách qua chuyện. Đối với họ công việc quan trọng và cấp thiết hàng đầu là bảo vệ Đảng và chế độ. Họ cho rằng làm GD là dễ, GD không quan trọng bằng Công an, Quân đội, Kinh tế, Ngoại giao v.v… Nhận thức này dẫn đến cẩu thả và sai lầm trong việc chọn một số người bất tài, dễ sai khiến đứng đầu ngành GD. Họ coi thường đội ngũ thầy cô giáo nói riêng và trí thức nói chung, họ thù ghét, tìm cách hạn chế đến triệt hạ thành phần tinh hoa của dân tộc. Họ cho rằng chỉ cần có Kim chỉ nam CNML là có thể làm được mọi việc trên đời. Dựa vào câu của Hồ Chí Minh, họ xem GD như một phúc lợi xã hội chứ không phải là động lực để phát triển.

VỀ ĐỊNH HƯỚNG TRONG GD- Đó là việc GD hướng tới cái gì: phát triển con người (nhân bản) hay bảo vệ chế độ chính trị. Thời gian qua TLGD VN theo định hướng XHCN, buộc GD phải phục vụ chính trị, nhằm đào tạo ra những con người có giác ngộ giai cấp, theo ĐCS , trở thành những chiến sĩ CM, phấn đấu, hy sinh cho lý tưởng CS. Thực tế chứng tỏ rằng CM vô sản

dựa trên những hành động đấu tranh tàn bạo và tuyên truyền dối trá. Như vậy định hướng ấy có phần đi ngược với tiêu chí Chân, Thiện, Mỹ của GD. Hơn nữa Đảng bắt buộc mọi hoạt động về GD phải đặt dưới sự chỉ đạo và giám sát của Tuyên giáo. Đó là một vòng kim cô chặn hết mọi con đường khai phóng. Không những thế, đúng ra trong nhà trường chỉ được truyền bá sự thật, phải đề lên rất cao đức tính trung thực thì định hướng XHCN, những phong trào thi đua để tạo thành tích dỏm đã làm cho nhà trường thành nơi huấn luyện kỹ năng dối trá, thầy trò lừa dối lẫn nhau và cùng nhau lừa dối xã hội. Thế là biến nhà trường thành nơi phản lại GD.

HỆ QUẢ. Từ ba nguồn trên đây dẫn đến TLGD sai lầm và rồi từ đó làm phát sinh nhiều sai lầm khác trong những công việc cụ thể của GD hoặc liên quan đến GD. Chỉ xin kể ra một số sai lầm cơ bản :

+Nhà nước xem bằng cấp là 1 tiêu chuẩn để tuyển chọn, đề bạt, trả lương cho cán bộ. Việc này dẫn đến nhiều người dùng bằng giả hoặc bằng thật nhưng kiến thức giả, làm loạn nền GD.

+Phát triển quá nhanh, quá nóng số lượng cơ sở GD bậc cao, làm mất cân đối giữa năng lực của nền kinh tế và phát triển GD, làm hạ thấp chất lượng và hiệu quả GD. Điều này dẫn đến một mặt là sự lãng phí lớn, mặt khác là trong một thời gian dài làm bần cùng hóa đội ngũ thầy cô giáo so với mặt bằng chung của xã hội, làm hạ thấp vai trò, đạo đức, trình độ của đội ngũ thầy cô giáo.

+Hiểu sai về quyền lợi và sự công bằng trong GD, làm phát sinh nhu cầu giả tạo được học lên những bậc cao quá lớn.

+Mục tiêu chính của dạy học là nhằm hoàn thiện nhân cách, phát triển trí tuệ, nhưng nhiều người đã quá quan tâm đến việc nhồi nhét thật nhiều kiến thức để đi thi, biến việc học, đúng ra là nguồn hạnh phúc thành nhiệm vụ nặng nề đặt trên đầu, trên vai tuổi trẻ, làm lệch lạc sự phát triển của tuổi trẻ.

+Để phát triển GD thì một trong những điều quan trọng hàng đầu là xây dựng được đội ngũ thầy cô giáo có chất lượng cao. Muốn trò giỏi cần có thầy giỏi. Muốn đào tạo những con người tự do không thể dùng những thầy cô mang nặng đầu óc lệ thuộc. Trong đội ngũ thầy cô hiện tại may mắn có được một số ít có lương tâm và trình độ xứng đáng, còn số đông thuộc loại « chuột chạy cùng sào… », họ là sản phẩm của đường lối sai lầm của một số người lãnh đạo, coi thường việc và người dạy học.

+ Nhận định không đúng về nguyên nhân làm GD xuống cấp. Nghị quyết 29 về đổi mới căn bản, toàn diện GD và đào tạo viết :

Những hạn chế, yếu kém nói trên (của nền GD) do các nguyên nhân chủ yếu sau: (tóm lược)

– Việc thể chế hóa các quan điểm, chủ trương của Đảng và Nhà nước … còn chậm và lúng túng.

– Mục tiêu giáo dục toàn diện chưa được hiểu và thực hiện đúng. Bệnh hình thức, hư danh, chạy theo bằng cấp… chậm được khắc phục….

– Việc phân định giữa quản lý nhà nước với hoạt động quản trị trong các cơ sở giáo dục, đào tạo chưa rõ. Công tác quản lý chất lượng, thanh tra, kiểm tra, giám sát chưa được coi trọng đúng mức….

Tôi cho rằng những nguyên nhân vừa nêu không sai nhưng chưa đúng, chỉ mới là hiện tượng bên ngoài chứ chưa phải bản chất, chưa thấy được hoặc cố tình che giấu nguyên nhân từ gốc.

BÌNH LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ – Trong thời gian qua TLGD của VN tuy cũng có những nội dung khoa học và tiến bộ như: Tính dân tộc, tính khoa học, học đi đôi với hành, gắn lý thuyết với thực tiễn, đào tạo con người phát triển toàn diện v.v…, nhưng CNML và định hướng XHCN đã làm lệch lạc nhận thức của lãnh đạo về vai trò và mục tiêu của GD. Họ đã áp đặt thô bạo các tham vọng chính trị vào GD mà làm cho một số tiêu chí có tính khoa học và tiến bộ chỉ còn là ngôn từ trống rỗng, còn thực chất họ đã đẩy sự phát triển GD đi chệch phương hướng.

Mọi người kêu gọi đổi mới GD. Tôi nghĩ dùng thuật ngữ CHẤN HƯNG GD có lẽ thích hợp hơn. Trước hiện trạng xuống cấp của GD, lãnh đạo Đảng không thể làm ngơ mà buộc phải ra Nghị quyết 29 (năm 2013) về đổi mới căn bản, toàn diện GD. Tuy vậy, như trên tôi đã nhận xét, nghị quyết ấy được viết ra một cách hời hợt, ôm đồm, thiếu sức sống. Trong tình trạng xã hội VN hiện nay với sự độc tài toàn trị theo định hướng XHCN, với nạn tham nhũng và mua quan bán chức tràn lan thì chưa thể nào đổi mới căn bản, toàn diện GD theo hướng tiến bộ, đào tạo con người tự do được. Nếu cứ cố mà làm thì có nhiều khả năng tiêu tốn một số lớn tiền của và sức lực để thay một số sai lầm này bằng các sai lầm khác mà thôi. Theo tôi trước mắt chỉ nên làm một số việc cấp thiết để ngăn chặn sự hủy hoại, sự sụp đổ.

Về TLGD, để thực sự chấn hưng GD, điều quan trọng đầu tiên là cởi bỏ được vòng kim cô trói buộc nó, đó là ý thức hệ, là sự áp đặt của chính trị. Về việc này tác giả Nguyễn Trần Bạt đã có một số kiến giải « Phi chính trị hóa nền GD » trong những bài viết xoay quanh chủ đề Cải cách GD. Điều này trước mắt chỉ mới là mơ ước của những người thật sự quan tâm đến GD, nó chỉ có thể thành hiện thực sau khi có những thay đổi cần thiết về thể chế chính trị theo hướng dân chủ hóa.

Lạm Bàn

*Chủ nghĩa CS có nguồn gốc từ nền **Văn hoá Du mục Bạo động** luôn gây Chiến tranh, Cướp bóc và Bành trướng, Chủ nghĩa CS là con đẻ của Chế độ Nô lệ và Đế quốc thực dân của Tây* ph*ương, cả ba không liên quan gì đến Văn hóa Dân tộc Việt Nam.*

Con Người CS được Định nghĩa là <u>con vật Kinh tế,</u> *nên chủ nghĩa CS không cần đến nền Giáo dục* ***Vi nhân,*** *mà họ chỉ cần* ***Vi Vật****. Đã Vi Vật thì không cần đến Giáo dục, họ cứ theo Bản năng cầm thú mà sống kiểu* ***Mạnh được Yếu thua*** *như thú rừng.*

Vì vậy việc bàn đến Giáo dục của CHXHVN cho Dân tộc Việt Nam chỉ là việc lấy Râu Ác qủy cắm vào Cằm Rồng Tiên mà thôi.

Kính mời đọc thêm những biên khảo khác của tác giả tại:

http://www.vietnamvanhien.org/vietnhan.html [<=bấm vào]

www.vietnamvanhien.org